

GABRIEL GARCIA
MARQUEZ

TRĂM
NĂM
CỜ
ĐÓN



VIỆN NGHIÊN CỨU VĂN HỌC



Trăm năm cô đơn

tập 1

Gabriel García Márquez



Paris * 07.2025

Bìa : *NXB Văn Học*
Nguồn : *VNthuquan*

Trăm năm cô đơn

**GABRIEL GARCÍA
MÁRQUEZ**

VĂN HỌC
Xuất bản 2003



Nhà văn Gabriel García Márquez
và
Tiểu thuyết đạt giải
Nobel văn học năm 1982

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	11
1. Chương 1	53
2. Chương 2	101
3. Chương 3	150
4. Chương 4	212
5. Chương 5	269
6. Chương 6	333
7. Chương 7	383
8. Chương 8	441
9. Chương 9	495
10. Chương 10	553

LỜI GIỚI THIỆU

Cho đến nay Trăm năm cô đơn vẫn là cuốn tiểu thuyết lớn nhất của Gabriel García Márquez (1928), nhà văn Colombia, người được giải Nobel về văn học năm 1982. Trăm năm cô đơn ra đời (1967) đã gây dư luận sôi nổi trên văn đàn Mỹ Latinh và lập tức được cả thế giới hâm mộ. Theo số liệu của tác giả đến năm 1970, Trăm năm cô đơn đã được in bằng tiếng Tây Ban Nha hơn nửa triệu bản, chưa kể lần in ở Cuba xã hội chủ nghĩa (một lần hai vạn bản, lần sau tám

vạn bản) và mười bảy hợp đồng xin phép tác giả được dịch tác phẩm này ra các thứ tiếng khác. Sau gần hai mươi năm, Trăm năm cô đơn đã có mặt ở khắp nơi trên hành tinh chúng ta để đến với mọi người và mọi nhà. Rõ ràng Trăm năm cô đơn là một cuốn sách ăn khách mặc dù tác giả của nó không viết với mục đích câu khách.

Cốt truyện và đề tài

Trăm năm cô đơn là câu chuyện về dòng họ Buendía tồn tại bảy thế hệ, người đầu tiên bị trói vào gốc cây và người cuối cùng đang bị kiến ăn, một dòng họ tự lưu đầy vào cối cô đơn để chạy trốn tội loạn luân. Cái tội loạn luân này khởi sự từ việc tên cướp biển Francis Drake tấn công Riohacha khiến các cụ tổ của Úrsula Iguarán phải chuyển đến lập nghiệp ở một làng hẻo lánh. Tại đây các cụ tổ

của José Arcadio Buendía đã lập nghiệp bằng nghề trồng thuốc lá. Qua ba thế kỷ, hai dòng họ này đã có quan hệ thâm giao, cháu chắt họ lấy lẫn nhau dẫn tới thảm họa đẻ ra một người đàn ông có đuôi lợn. Chính cái gương tàn liếp này đã khiến cha mẹ José Arcadio Buendía và Úrsula Iguarán tìm mọi cách ngăn cản nhưng họ vẫn cứ lấy nhau. Khi đã là vợ chồng rồi và dẫu José Arcadio Buendía tuyên bố “dù có đẻ ra kỳ đà anh cũng cóc cần”. Úrsula Iguarán vẫn sợ đẻ ra đứa con có đuôi lợn, nên khi đi ngủ bao giờ cô cũng mặc chiếc quần trinh tiết do mẹ may cho. Sự việc kéo dài hơn một năm khiến dân làng ngạc nhiên và đồn rằng anh chồng là kẻ bất lực. Một hôm, bị thua José Arcadio Buendía trong một cuộc chơi gà, Prudencio Aguilar không kìm được lòng đã lỡm bặt: “Tao mừng cho mày và để xem cái con gà này có làm phúc cho vợ

mày không”. Vì lời nói lỡm ẩy anh ta phải trả cả tính mạng. Nhưng không vì thế, người chiến thắng được sống thanh thản, trái lại lúc nào cũng bị lương tâm dằn vặt đến mức phải bỏ làng tìm đến một miền đất không được hứa trước để lập ra làng Macondo, để tự lưu đầy trong cõi cô đơn trăm năm. Rồi trong cõi cô đơn ấy, những José Arcadio và những Aureliano, những Remedios và những Amaranta đã ra đời, sống cuộc đời với số phận bi đát dường như đã được định trước: lay lắt trong nỗi cô đơn và hoài nhớ, thấp thỏm lo phạm tội loạn luân.

Nhưng lo cũng chẳng được. Lúc còn đang thời sinh nở, sau mỗi lần đẻ Úrsula Iguarán đều cặn kẽ xem con mình có mang bộ phận nào của con vật không. Về già, cụ luôn luôn nhắc nhở đám cháu con hãy mở to mắt để nhận mặt họ hàng,

đừng chung đụng xác thịt mà sinh con có đuôi lợn. Nhưng cụ không thể sống đến hết chuyện để khuyên giải Amaranta Úrsula và Aureliano Babilonia. Vì không biết rõ gốc gác, không nắm được quan hệ ruột thịt, Amaranta Úrsula và Aureliano Babilonia đã yêu nhau mãnh liệt, ăn nằm với nhau và lấy nhau với hy vọng tình yêu sẽ cải tạo nòi giống mình. Nhưng họ đã đẻ ra đứa con quái thai có đuôi lợn và con vật huyền thoại này đã kết liễu dòng họ Buendía tồn tại bảy thế hệ. Rõ ràng trong thế giới cô đơn và hoài nhớ ấy, những người trong dòng họ Buendía đã phạm tội loạn luân dù cho họ cố ý chạy trốn tội loạn luân. Như vậy chúng ta thấy trong Trăm năm cô đơn, loạn luân là một đề tài đã mở và đóng lại một thiên truyện. Nhưng sự ra đời và tồn tại của dòng họ Buendía lại gắn rất chặt với số phận của làng Macondo. Lúc

đầu Macondo là một làng quê hiền hòa. Tại đây chưa một ai đã ngoài ba mươi tuổi. Macondo chưa có nghĩa địa, dân trí Macondo chưa được khai sáng. Đứng đầu làng là José Arcadio Buendía, một tộc trưởng. Ông chặn dắt dân Macondo theo lễ thói của công xã nông thôn. Dân Macondo sống hiền lành, không phạm tội giết người nên không cần có quan cai trị (phần đời) và cha cố (phần hồn). Mặc dù sống biệt lập với thế giới bên ngoài, dân Macondo đã biết làm cho làng mình trở thành một làng quê trù mật và yên vui. Người Digan, theo tiếng chim hót và tiếng nhạc đồng hồ, đã tìm được đường đến với Macondo. Họ mang tới đây biết bao thứ mới lạ mà dân Macondo chưa hề biết tới. Họ mang tới làng nghề thủ công và nghề buôn bán. Họ lập ra phố Thổ Nhĩ Kỳ. Macondo từ một làng quê trở thành một thị trấn. Chính phủ trung ương phái

tới làng một Quan thanh tra. Đó là ông Apolinar Moscote. Sự có mặt của Quan thanh tra đã làm cho cuộc sống vốn thanh bình của Macondo bỗng trở nên bị xáo trộn. Cuộc nội chiến triền miên và khốc liệt giữa hai phái Bảo hoàng và Tự do đã nhiều phen tàn phá Macondo, làm cho dân chúng phải nhiều phen điêu đứng. Tương ứng với thời kỳ này của Macondo là sự trưởng thành của thế hệ thứ hai dòng họ Buendía mà người tiêu biểu là đại tá Aureliano Buendía. Ngài đã phát động ba mươi hai cuộc chiến và ngài phải chịu thất bại hoàn toàn, buộc phải kí hiệp định đình chiến Neerlandia mà thực chất của bản hiệp định này là sự đầu hàng của lực lượng Tự do trước lực lượng Bảo hoàng.

Nhờ có đường xe lửa, Macondo thực sự giao lưu với thế giới bên ngoài. Phim

ảnh, máy phát điện, máy hát, gái điếm, khách du lịch đã tràn ngập Macondo. Công ty chuối (thực chất là Công ty hoa quả Mỹ) cũng đến đây và lập đồn điền chuối. Dân tứ xứ đổ về Macondo. Cuộc sống Macondo sầm uất lên. Giai đoạn này của Macondo tương ứng với thế hệ thứ tư dòng họ Buendía mà người tiêu biểu là hai anh em sinh đôi: Aureliano Segundo và José Arcadio Segundo. Aureliano Segundo to khỏe đầy sinh lực, sôi nổi sống hết mình trong cõi đời thế tục. Ngược lại José Arcadio Segundo vóc người mảnh khảnh nhưng rất thông minh, đã tham gia lãnh đạo cuộc đấu tranh của công nhân chuối đòi cải thiện sinh hoạt và tăng lương. Người Mỹ, ở đây là ngài Trao, rất xảo quyệt và tráo trở tìm mọi cách thoái thác những yêu cầu chính đáng của công nhân. Khi cuộc đấu tranh lên đến cao trào, người Mỹ đã

thẳng tay tắm máu công nhân bằng một vụ thảm sát tất cả những ai có mặt ở sân ga và sau đó dùng đoàn tàu dài hơn hai trăm toa chở xác chết ném xuống biển như Công ty chuối vắn đồ chuối thối. Công ty chuối

rút khỏi Macondo. Bằng phép màu, Công ty chuối đã dìm chết Macondo trong một trận mưa lụt kéo dài bốn năm mười một tháng hai ngày và sau đó lại rang khô nó trong nạn hạn hán kéo dài mười một năm. Macondo tiêu điều xơ xác. Cỏ dại, sâu bọ sinh sôi nảy nở nhanh chóng và hung hãn tiến công con người ngày một quyết liệt hơn để đến một ngày kia một trận cuồng phong nổi lên xóa Macondo khỏi mặt đất này.

Kết cấu và thời gian nghệ thuật

Khi đọc đến Aureliano Babilonia

giải được mã của Melquíades viết trên những tấm da thuộc, chúng ta nhận thấy Trăm năm cô đơn là chuyện về dòng họ Buendía được viết tỉ mỉ đến từng chi tiết theo phương thức thời gian đồng hiện với một kết cấu phức tạp và chặt chẽ. Viết được như vậy chính là vì García Márquez đã khởi công viết cuốn sách này từ năm 1950. Khi ấy, ông mới mười bảy tuổi làm một nhà báo tập sự, từng có một ít truyện ngắn đăng trên các báo chí địa phương. Sống trên gác xép một tòa nhà bốn tầng, nhiều bữa phải ăn cơm của các cô gái điểm nghèo cùng trọ trong ngôi nhà ấy, García Márquez viết cuốn tiểu thuyết nhan đề Ngôi nhà (La Casa) bao gồm những chuyện về ngôi nhà có ma, ngôi nhà của chính ông bà ngoại mình. Đây là câu chuyện ông biết được qua miệng người bà ngoại có biệt tài kể chuyện. Và đây cũng là cuộc nội chiến

giữa phái Bảo hoàng và phái Tự do qua miệng người ông ngoại, một cựu chiến binh của phái Tự do. Những chuyện này gắn bó với tuổi ấu thơ của nhà văn. Ông phải bỏ dở cuốn sách, có lẽ vì ông còn quá trẻ. Sau đó chúng ta thấy ông lần lượt cho ra mắt bạn đọc những tác phẩm như. Đôi mắt chó xanh (tập truyện, 1955), Lá rụng (tiểu thuyết, 1955), Ngài đại tá chờ thư (truyện, 1957), Giờ xấu (tiểu thuyết, 1962) và Đám tang của bà Mẹ vĩ đại (tập truyện, 1962). Chúng ta thấy những nhân vật này có mặt nhiều lần trong các tác phẩm trên và chúng có liên quan với nhau vì chúng đều ở làng Macondo hoặc có dịp qua lại làng Macondo. Hơn thế nữa, chúng ta thấy nhiều nhân vật đó lại có mặt trong Trăm năm cô đơn. Như vậy, ta có thể nói rằng qua các trang này, García Márquez đã rèn luyện, thử thách ngòi bút mình, đã tìm ra được cái

giọng điệu độc đáo của mình trước khi bước vào viết cuốn sách ông từng ấp ủ nhiều năm, đó là Trăm năm cô đơn. Ông thuộc lòng câu chuyện đến mức có thể kể ngược rồi kể xuôi cho các bạn mình nghe. Vào một ngày tốt lành năm 1965, ông bảo Mercedes Barcha, vợ ông, rằng: “Từ nay em lo chuyện nhà cửa để anh chuyên viết sách”. Ông dành mười tám tháng, ngày nào cũng như ngày nào, sáng bắt đầu từ tám giờ, chiều kết thúc vào lúc ba giờ, cặm cụi viết. Khi viết được hai trăm trang, ông đọc tiểu thuyết Thế kỷ ánh sáng của nhà văn Alejo Carpentier. Vì nhận thấy lời văn cuốn sách mình đang viết na ná giống lời văn của Thế kỷ ánh sáng, ông xé bỏ bản thảo, bắt đầu viết lại từ đầu. Cuốn sách được phát hành, đã gây dư luận sôi nổi trên văn đàn Mỹ Latinh. Thành công ấy hoàn toàn không bất ngờ đối với García Márquez vì khi

rời ghế nhà trường ông mang hai niềm tin lớn: chủ nghĩa xã hội và những cuốn tiểu thuyết hay, vì trách nhiệm của người cầm bút là phải viết cho thật hay. Trăm năm cô đơn là một trong những cuốn tiểu thuyết ông mơ ước và đã phấn đấu để có được.

Khi đọc xong Trăm năm cô đơn chúng ta thấy ở cuốn sách này có hai văn bản. Văn bản một là cái văn bản chúng ta đọc hết dòng này sang dòng khác chạy suốt từ đầu đến cuối sách. Văn bản hai là văn bản được Melquíades viết trên những tấm da thuộc. Văn bản hai làm nền cho văn bản một. Tương ứng với hai văn bản trên có hai người kể chuyện. Một là người kể chuyện ở văn bản một, chúng tôi gọi là người kể chuyện thứ nhất, và người kia là Melquíades kể chuyện ở văn bản hai, chúng tôi gọi là người kể chuyện

thứ hai. Sau khi đã thuộc lòng câu chuyện về dòng họ Buendía do người kể chuyện thứ hai ghi trên những tấm da thuộc, người kể chuyện thứ nhất, với tư cách nhà thông thái, người hiểu biết tất cả, theo sở thích của mình kể lại cho chúng ta nghe chính những câu chuyện ấy. Rồi trong khi kể cho chúng ta nghe, người kể chuyện thứ nhất đã vận dụng kết cấu sự kiện để làm nổi bật tính cách một nhân vật hoặc bản chất một sự kiện bằng cách hội tụ các sự kiện, các tình tiết theo thứ tự biên niên sử.

Tương ứng với hai người kể chuyện, trong tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* có hai thời gian sau đây:

Thời gian của người kể chuyện thứ nhất tương ứng với văn bản một, bắt đầu

với việc giới thiệu một nhân vật, rồi đến thế kỷ, sau đó lại tiếp nối cùng với việc kể tiếp về nhân vật ấy. Thời gian của người kể chuyện thứ nhất dường như lấp kín mọi khoảng không gian trong đó nhân vật tồn tại và nó cho ta cảm quan về toàn bộ cuộc đời nhân vật ấy. Ví dụ: kể về cuộc đời đại tá Aureliano Buendía, cuốn sách mở đầu: “Rất nhiều năm sau này, trước đội hành hình, đại tá Aureliano Buendía đã nhớ lại buổi chiều xa xưa ấy, cái buổi chiều cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá”. Trong sách cái thời điểm Aureliano Buendía sắp bị hành quyết nằm ở chương thứ bảy. Sự kiện cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá lại được kể ngay từ chương thứ nhất. Như vậy là trong suốt bảy chương đầu cuốn sách, tác giả nói về cuộc đời niên thiếu, trưởng thành cho đến khi đi trận của đại tá Aureliano. Tiếp đó thời gian của người kể chuyện thứ

nhất mới vận động tiếp để kể cho chúng ta biết về những hành động, những thất bại chua cay sau này của đại tá Aureliano. Cuộc đời các nhân vật khác như Aureliano Segundo và Aureliano Babilonia cũng được trình bày tương tự. Như vậy, thời gian của người kể chuyện thứ nhất là thời gian tâm lý gắn với quá trình nhớ lại, quá trình hồi tưởng.

Thời gian của người kể chuyện thứ hai gắn với văn bản hai. Thời gian này là thời gian dòng họ Buendía ra đời, thịnh đạt và tuyệt diệt. Nhưng vì dòng họ này là một dòng họ đã được khẳng định, không phát triển tới một tương lai nào nên thời gian của người kể chuyện thứ hai chuyển động vòng tròn. Thời gian của người kể chuyện thứ hai là thời gian cốt truyện mang tính biên niên sử, nó là thời gian thực tại, tồn tại độc lập với ý

thức của người kể chuyện thứ nhất.

Trong *Trăm năm cô đơn* chúng ta thấy hai loại thời gian này đan bện lấy nhau, hòa quyện vào nhau, trong đó thời gian của người kể chuyện thứ hai, thời gian thực tại, giữ vai trò then chốt, tạo thành thời gian nghệ thuật của tác phẩm, phản ánh được đặc trưng trì động, chậm phát triển của Mỹ Latinh: “Xét về mặt hình thức mà nói thời gian của sự chậm phát triển thường vận động theo chu kỳ khép kín và về mặt kỹ thuật mà nói nó thường bị chia vụn thành các khoảnh khắc. Nó có tính chất vận động theo chu kỳ khép kín, là vì cái quá trình lịch sử không bao giờ được kết thúc. Khởi ng- hĩa không bao giờ có tác động đẩy sự ng- hiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc đi tới nền độc lập thật sự. Đất nước không

bao giờ đi tới độc lập thực sự. Cá nhân không bao giờ đi tới sự tự ý thức hoàn toàn. Tất cả đều thay đổi đều chuyển hóa nhưng tất cả đều giẫm chân tại chỗ¹. Thời gian đa chiều, thời gian nghệ thuật của Trăm năm cô đơn là một thành tựu của García Márquez. Nhưng thời gian nghệ thuật của tác phẩm chỉ đạt hiệu quả nghệ thuật cao khi García Márquez tạo ra được một Macondo, sản phẩm tuyệt vời của hư cấu nghệ thuật. Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra Aracataca là nguyên mẫu của Macondo vì trong tác phẩm, nhất là phần cuối, chúng ta có thể nhận ra những người thật việc thật của Aracataca, quê hương của tác giả. Ví dụ theo Germán Vargas, nhà phê bình văn học Colombia, bạn thân của García Márquez, thì cụ già bán sách cổ người

1 Phát biểu của G. García Márquez trong buổi trao giải thưởng Nobel được tổ chức tại Phòng Khán tiết Viện Hàn lâm Thụy Điển.

Catalunya chính là cụ Ramón Jiménez. Bốn người bạn trẻ chơi thân với nhau chính là tác giả (vai Gabriel) và các bạn của ông như Álvaro chính là nhà văn Álvaro Cepeda Samudio, Vargas chính là nhà phê bình văn học Germán Vargas và Alfonso chính là họa sĩ Alfonso Fuenmayor. Dù có thể đi nữa Macondo vẫn không phải là Aracataca mà ngược lại Macondo là bất kì một thành phố nào của Colombia nói riêng, của Mỹ Latinh nói chung. Macondo là một địa danh hư cấu đủ sức dung nạp mọi chuyện, từ chuyện có thực đến chuyện tưởng tượng – dù tưởng tượng theo nguyên tắc hư cấu nghệ thuật hay tưởng tượng theo nguyên tắc huyền thoại. Nhờ vậy, thực tại đời sống ứa vào tác phẩm một cách phong phú, đa dạng, không chỉ cái có thực mà còn có cả cái không có thực theo những cấp độ sau đây:

Cái có thực vốn là những sự kiện lịch sử từng xảy ra ở Colombia và Mỹ Latinh được tác giả tái hiện chính xác tới từng chi tiết. Đó là cuộc nội chiến triền miên và khốc liệt giữa phái Bảo hoàng và phái Tự do. Sĩ quan hai phái ban ngày đánh nhau kịch liệt, ban đêm làm bạn cờ bạc. Trong Trăm năm cô đơn, điều đó được phản ánh trong quan hệ bạn bè giữa đại tá Aureliano và tướng Raquel Moncada.

Cái có thực vốn là cái lạc hậu, cổ hủ của Mỹ Latinh được tác giả tái hiện trong tác phẩm theo phương pháp phóng dụ. Chính nhờ thế, giọng điệu hài hước đã nổi đậm trong Trăm năm cô đơn. Ví dụ: đá nam châm, kính lúp, thước đo góc, la bàn, nước đá (ở phần đầu), máy hát, máy nổ, phim ảnh, xe lửa (ở phần cuối). Đó là những công cụ từng được sáng chế và sử dụng phổ biến trên thế giới nhưng vẫn

là những thứ tân kì đối với dân chúng Macondo.

Cái có thực mang tính chất kì diệu được tác giả đưa vào tác phẩm. Đó là khả năng ngoại cảm tuyệt vời của đại tá Aureliano Buendía. Đó là sự đồng cảm tuyệt đối giữa hai chú bé sinh đôi khi người này uống nước chanh thì người kia, mặc dù không uống, vẫn cứ nói đúng trăm phần trăm là nước chanh không pha đường.

Cái có thực được nhà văn tưởng tượng theo nguyên tắc huyền thoại hóa đẩy nó tới mức phi thường hoặc quái dị. Đó là trường hợp Remedios – Người đẹp là một cô hầu người Anh–điêng. Cô ta vốn không đẹp. Cô ta vô cớ bỏ nhà chủ và chủ nhà không hay biết cô ta bỏ đi lúc nào và đi đâu. Trong Trăm năm cô đơn, cái cô người ở ấy đã trở thành người trong gia đình, người đẹp và cô ta

đã bay lên trời vì cô ta là hiện thực là cái đẹp không thuộc cõi thế tục này. Ngược lại với trường hợp cô gái là vụ thảm sát hơn ba ngàn người là chuyện có thực từng xảy ra ở Colombia vào cuối những năm hai mươi thế kỉ này, nhưng đã được García Márquez huyền thoại hóa theo hướng quái dị để bộc lộ bản chất xấu xa, đê tiện, tàn nhẫn của tư bản Mỹ.

Cái không có thực do nhà văn căn cứ vào cảm quan của mình trước thực tại xã hội mà tưởng tượng ra rồi đưa vào tác phẩm theo nguyên tắc huyền thoại hóa. Mưa hoa trong đám tang của José Arcadio Buendía là cảm quan xót thương của tác giả trước một con người đầy nghị lực, đầy thông minh, luôn đam mê hiểu biết. Trận mưa lụt là cảm quan của tác giả trước thực tại trì động đã đến ngày tận thế của xã hội Mỹ Latinh. Cái đuôi con

lợn của thằng bé cuối cùng trong dòng họ Buendía là cảm quan của tác giả về loại người chưa thành người hoặc đã bị hạ cấp dưới mức người.

Nhân vật và thông điệp

Thành công của García Márquez trong việc tạo ra một không gian và thời gian nghệ thuật như trên đã mở ra một khả năng to lớn trong việc xây dựng các nhân vật có cá tính. Chúng ta dễ dàng nhận ra những nhân vật trong Trăm năm cô đơn là những nhân vật siêu mẫu, tức là những con người phi thường, dị hợm và quái dị. Nhờ tính chất siêu mẫu này, các nhân vật trong Trăm năm cô đơn đã gây hào hứng cho độc giả để rồi mãi mãi đọng lại trong tâm trí bạn đọc. Quả vậy, trong Trăm năm cô đơn có khoảng sáu mươi nhân vật, kể cả chính lẫn phụ. Nhân vật nào cũng có cá tính

rất sống động trước mắt chúng ta. Thành công này có được là nhờ García Márquez đã vận dụng và nâng cao thủ pháp xây dựng nhân vật của truyện kể dân gian: chỉ chấm phá đôi nét còn nhường chỗ cho trí tưởng tượng của người đọc người nghe. Tùy từng nhân vật cụ thể, ông thấy cần nhấn mạnh nét cá tính nào thì ông tập trung miêu tả những biểu hiện của cá tính ấy. Cần phải làm nổi bật tư chất thị dân của Pietro Crespi thì ông miêu tả và chỉ miêu tả cái bàn tay có nước da mai mái xanh của anh ta. Cần làm nổi bật trái tim yêu rạo rực của Pilar Ternera, García Márquez luôn nhấn mạnh đến cái mùi khen khét phả ra từ nách ả, đến cái tiếng cười khanh khách của ông như tiếng gù cù cù rục của con bồ câu. Cần làm nổi bật tư chất râu rĩ của đại tá Aureliano Buendía ông nhấn mạnh tiếng khóc từ trong bụng mẹ của đại tá. Cần làm nổi

bật tư chất trác táng, đam mê rượu chè và hội hè của Aureliano Segundo ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần cái câu nói đầy khẩu khí của anh ta: “Hỡi những con bò cái hãy dạn háng ra kéo cuộc đời ngăn ngủi lắm” v.v... và v.v...

Như vậy chúng ta thấy mỗi nhân vật được khu biệt hóa với các nhân vật khác bởi chỉ một hoặc vài ba điểm. Trong nhiều trường hợp, những đặc điểm này được phóng đại đến mức quái dị như những chiếc mặt nạ. Và do đó nhân vật trở thành siêu mẫu gây ấn tượng sâu sắc trong người đọc. Chúng ta không thể quên được Babilonia, anh thợ cơ khí của Công ty chuối với đàn bướm vàng, không thể quên được Remedios Người đẹp với luồng khí độc có hiệu quả trong việc làm chết những kẻ đam mê cô do không biết cách chứng tỏ tình yêu của

mình không thể quên được Melquíades với chiếc mũ cánh quạ không thể quên được Petra Cotes mà tình dục của cô ta có ảnh hưởng quyết định đến tính mắn đẻ của gia súc không thể quên được Rebecca, cô gái nặng hoài nhờ ăn đất, v.v... và v.v... Nhờ thủ pháp này García Márquez giúp chúng ta phân biệt những nhân vật cùng tên trong gia đình Buendía vốn có thói quen lấy tên cha mẹ đặt cho con². Chúng ta dễ dàng nhớ và phân biệt José Arcadio Buendía, người sáng lập ra làng Macondo với José Arcadio kẻ đi vòng quanh thế giới, với Arcadio José tên bạo ngược, với José Arcadio Segundo kẻ trầm tư lánh đời và José Arcadio kẻ đi tu không đắc đạo. Chúng ta nhớ và phân biệt ngài đại tá Aureliano Buendía, người phát động ba mươi hai cuộc chiến,

2 Dẫn theo Manuel Maldonado Denis: Tính chất hung bạo của sự chậm phát triển và tính chất chậm phát triển của sự hung bạo, tạp chí Casa số ra tháng 9 năm 1976, trang 24.

với Aureliano Segundo kẻ trác táng, với Aureliano Babilonia người thông minh chịu học đã đọc được văn bản tiếng Phạn do Melquíades viết trên những tấm da thuộc và với Aureliano kẻ bị kiến tha. Dĩ nhiên ngoài những đặc điểm bên ngoài làm nổi bật tính cách nhân vật, những José Arcadio và những Aureliano còn được định vị bởi chức vụ nghề nghiệp và thế hệ. Nhưng nếu chúng không được đặc điểm hóa bằng những cá tính khác thường và dị thường, chúng ta sẽ dễ dàng nhầm lẫn bởi chúng giống nhau. Khi còn bé bao giờ họ cũng ngoan ngoãn, đôi khi nhút nhát, hay nghịch ngợm. Điển hình cho sự giống nhau này là trường hợp hai cậu bé sinh đôi Nhưng càng lớn họ càng khác nhau. Những Aureliano có trí thông minh tuyệt vời nhưng lại mắc chứng trầm tư, ủ dột và chán đời. Trong khi đó những José Arcadio bao giờ cũng

khỏe mạnh, táo gan và sống chan hòa. Hai tuyến nhân vật này có lúc hoán vị tư chất cho nhau. Đó là trường hợp hai anh em sinh đôi: José Arcadio và Aureliano Segundo. Những đặc tính giống nhau này là yếu tố di truyền của ông tổ José Arcadio Buendía. Ở ông tổ này, chúng ta thấy vừa có sức mạnh cơ bắp vừa có sức mạnh trí tuệ vừa mạnh động táo bạo, bốc đồng vừa có ý chí mạnh mẽ và kiên quyết. những đức tính ấy được di truyền lại cho đám cháu con theo hai nhánh: những José Arcadio và những Aureliano. Cái ông tổ này còn di truyền lại cho đám cháu con cả nỗi cô đơn hoài nhớ do lương tri bị dằn vặt trước cái chết của Anxiô Agliđa³.

Tuy là những người khỏe mạnh,

3 Magadanet: vịnh biển ở Chilê, mang tên nhà thám hiểm Phecnamđô đề Magadanê đã phát hiện ra nó vào năm 1520.

thông minh, có ý chí và nghị lực phi thường, nhưng những José và những Aureliano bao giờ cũng thất bại, cũng phải sống trong cảnh cô đơn. Chính sự giống nhau này đã gây cho Úrsula Iguarán luôn luôn có cảm giác thời gian quay tròn vì bà lão cứ nhận thấy các thế hệ sau giống hết thế hệ trước. Khi về già, bà lão luôn luôn nhầm lẫn José Arcadio Segundo và Aureliano Babilonia mà với ngài đại tá Aureliano Buendía, con trai bà. Pilar Ternera cũng nêu ra những nét tương đồng giữa các thế hệ trong dòng họ Buendía. Hiển nhiên, chúng ta thấy rằng cái sự lặp lại ấy có được là do thời gian của người kể chuyện thứ hai chuyển động theo một đường tròn khép kín. Cái vòng tròn lớn nhất là cái vòng tròn dòng họ Buendía chạy trốn tội loạn luân – đi lập làng mới – phạm tội loạn luân và bị tuyệt diệt. Trong cái dòng tròn lớn này

có các vòng tròn nhỏ, những mảnh vụn của thời gian, trong đó bảy thế hệ dòng họ Buendía tồn tại. Mỗi vòng tròn là một cuộc đời nhân vật. Tiêu biểu cho những vòng tròn ấy là vòng tròn – cuộc đời của đại tá Aureliano Buendía khi còn trẻ sản xuất những con cá vàng đi chiến trận về già lại sản xuất những con cá vàng, là vòng tròn – cuộc đời của hai anh em sinh đôi Aureliano Segundo và José Arcadio Segundo: lúc thiếu thời giống nhau như hình với bóng lớn lên, một người béo phì, sôi nổi dấn thân vào cuộc đời thế tục, người kia gầy cao, trầm tư và lánh đời – đến khi chết lại giống nhau như đúc. Những vòng tròn nhỏ này, những mảnh vụn thời gian này, đánh dấu những cố gắng của các thế hệ trong dòng họ Buendía muốn thoát khỏi cái cô đơn. Nhưng những cố gắng ấy thấy đều vô ích, thấy đều thất bại. Nguyên nhân

tự đâu? Trước hết chúng ta thấy trong Trăm năm cô đơn những nhân vật trong dòng họ Buendía ngày càng tách mình khỏi cộng đồng xã hội và trong quá trình hiện hữu, họ ngày một trở thành những người sống trái tính trái nết. Và cái thói sống trái tính trái nết này đến lượt nó lại đào sâu thêm cái hố ngăn cách họ với cộng đồng xã hội. Bản thân hành động bỏ làng cũ đi lập làng mới (Macondo) của José Arcadio Buendía là bước đầu tiên dòng họ này tự tách mình khỏi cộng đồng xã hội, khỏi lịch sử và truyền thống văn hóa. Rồi ở làng Macondo, vì thèm khát những tiến bộ khoa học ở bên ngoài, José Arcadio Buendía say sưa và bồng bột lao vào những tìm kiếm khoa học. Ông tự giam mình trong phòng thí nghiệm, và công việc tìm kiếm những phát kiến đã ngày càng đưa ông tới bờ vực của sự thất bại. Ông trở thành một

kẻ điên dại và bị trói vào gốc cây dẻ. Đến người chặt José Arcadio Segundo, cái chân lý duy nhất mà anh ta muốn chứng minh cho mọi người biết: vụ thảm sát rừng rợn những người lao động ở sân ga thành phố là có thật, đã không thể nào đến với quần chúng. Nguyên nhân của thất bại trên là do anh ta quá hoảng sợ nên chạy trốn vào phòng Melquíades, tự giam mình trong đó, không chịu tiếp xúc, không chịu đối thoại với bất kì ai ngoại trừ người anh em sinh đôi và thằng cháu họ. Tự tách mình khỏi cộng đồng xã hội, sống cuộc sống dị thường còn là nguy cơ dẫn cá nhân đến cuộc sống độc đoán chuyên quyền. Khi cá nhân đã có quyền hành trong tay sẽ trở thành tên độc tài, tên bạo chúa khát máu hơn cả bạo chúa thời Trung cổ. Từ khi nhỏ đến khi đi trận, bị bắt làm tù binh, bị án tử hình, Aureliano Buendía là một nhân vật đáng

yêu, thậm chí rất đáng yêu. Ấy là lúc anh ta còn gắn với đời thường, còn biết xuất phát từ thực tiễn mà hành động và suy nghĩ. Anh ta là một chàng thanh niên vừa thông minh, vừa dũng cảm. Nhưng khi trở thành một tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang vùng duyên hải, anh ta đã tự tách cá nhân mình khỏi đồng đội khỏi cộng đồng xã hội thậm chí còn đối lập với đồng đội, với xã hội bằng chính đội quân cấm vệ đông đúc, và cái vòng phẫn trắng mà anh ta ngồi ở chính giữa để ban phát các mệnh lệnh và lễ luật, để chơi trò chơi chiến tranh. Anh ta chiến đấu không vì một lý tưởng nào, ngay cả đảng Tự do của mình. Anh ta chiến đấu cho bản thân mình, cho niềm kiêu hãnh của cá nhân mình. Với phương châm xử thế. “Người bạn tốt nhất là người bạn vừa chết”, anh ta sẵn sàng cho tay chân hoặc nhân danh cách mạng giết những

người bạn tốt của mình một khi người bạn ấy đe dọa vị trí của anh ta ví dụ việc giết thủ lĩnh những người da đỏ Teófilo Vargas. Bất kể tình bạn keo sơn với đại tá Gerineldo Márquez, anh ta sẵn sàng kết tội tử hình người bạn mình. Anh ta không bạn. Anh ta cô đơn và càng cô đơn hơn nữa khi mà những người bạn cùng chiến hào tư tưởng những người thuộc đảng Tự do, quay lưng lại với anh ta, không chịu ra thông cáo bác bỏ những luận điệu của phái Bảo hoàng vu anh ta là một tên cướp: Rồi cũng vì niềm kiêu hãnh của cá nhân mình, vì danh tiếng của con người mình anh ta ký hiệp định đình chiến Neerlandia mà thực chất của nó là sự đầu hàng, là cú mua bán cuối cùng nhằm đem lại vinh quang cho bản thân anh ta và chính cái vinh quang này, tức là cái huân chương công huân mà Tổng thống nước Cộng hòa tặng, anh ta

cũng phải đổi bằng biết bao sinh mạng của những chiến sĩ tự do, những con người cách mạng không tuân theo mệnh lệnh của anh ta, vẫn tiếp tục chiến đấu. Chính cái nổi nhục của một kẻ đầu hàng quay lại đi bắn giết những người cùng chí hướng với mình đã buộc anh ta phải từ chối tấm huân chương công huân. Anh ta trở về đoàn tụ với gia đình, sống trong tình thương bao la của Úrsula Iguarán. Anh ta lại sản xuất những con cá vàng không nhằm mục đích kiếm lời mà nhằm mục đích được yên thân, đời sống không cần phải bận tâm, phải suy nghĩ. Nghĩa là bằng cách sống này anh ta vẫn sống cho bản thân anh ta. Anh ta không yêu ai ngoài bản thân mình. Đó chính là bi kịch của đại tá Aureliano Buendía...

Người duy nhất hiểu được tư chất cá nhân ích kỷ của đại tá Aureliano Bu-

endía là cụ Úrsula Iguarán, người mẹ của đại tá. Với trí minh mẫn của cụ già sống ngoài trăm tuổi, Úrsula Iguarán đã nhận ra cái tiếng khóc của đại tá ngay từ lúc còn trong bụng mẹ không phải là dấu hiệu của người có tài nói giọng bụng hay có tài tiên tri mà chỉ đơn thuần là dấu hiệu không thể nhầm lẫn được của sự bất lực trước tình yêu. Nó là dấu hiệu của cái cô đơn. Cũng nhờ sống lâu, nhờ trí minh mẫn, cụ điểm duyệt lại những cháu con của mình và cụ thấy ra tất cả bọn họ, người nhiều người ít đều sống ích kỷ, đều sống trái thói trái nết, đều không thể hòa đồng với gia đình, với làng xóm, với xã hội. Cụ cũng nhận ra cái lối sống ích kỷ, cái lối sống trái thói trái nết ấy cũng đáng kinh tởm như cái đuôi con lợn từng ám ảnh suốt cả cuộc đời cụ. Và cái đuôi lợn của người cuối cùng dòng họ Buendía là sự vật chất hóa, là sự

bản thể hóa của tác giả về thói sống ích kỷ của loại người đã đánh mất bản chất người – tổng hòa các mối quan hệ xã hội, của loại người thú vật. Bà cụ nhận thấy những người trong dòng họ không thiếu sức mạnh cơ bắp và trí tuệ, không thiếu lòng dũng cảm và ý chí kiên cường. Cái thiếu duy nhất của những José Arcadio và Aureliano là tình yêu, là trái tim yêu thương sôi nổi và mãnh liệt của Rebeca, người không hề bú dòng sữa của cụ. Tình yêu là cái cần cho dòng họ mình. Bởi chỉ có tình yêu thực sự và chân thành mới là động lực chính khiến cá nhân hòa đồng với gia đình, với làng xóm và cộng đồng xã hội. Tình yêu mới là cái cần thiết để thoát ra khỏi hoàn cảnh cô đơn. Chúng ta nhận ra tư tưởng triết mỹ này vào những lúc các nhân vật sắp đi sang cõi khác đã suy nghĩ về cuộc đời của mình. Chỉ khi đứng trước hòng súng đội hành

hình, Arcadio José mới thấy yêu thật sự Rebeca, Remedios (vợ đại tá Aureliano). Chỉ đến khi chết, Amaranta, cô gái già, mới thật sự cởi mở lòng mình, thật sự sống cho người khác bằng chính cái việc chuyển thư và lời nhắn của người sống cho các vong hồn dưới âm ty. Chúng ta thấy rõ tư tưởng triết mỹ ấy ở linh động yêu cuồng say của Amaranta Úrsula và Aureliano Babilonia và nguyện vọng sinh ra một Aureliano chiến thắng cả ba mươi hai cuộc chiến, nghĩa là họ mong muốn bằng tình yêu sẽ cải tạo nòi giống mình. Nhưng cái tình yêu ấy diễn ra trong thế giới cô đơn đến cùng cực đã chỉ đẩy thêm dòng họ Buendía mau đến ngày tuyệt diệt mà thôi. Chúng ta thấy tư tưởng triết mỹ ấy còn được bộc lộ ở nhân vật Remedios – Người đẹp. Biết bao chàng trai si mê Remedios – Người đẹp và đã chết oan vì nàng. Kẻ chết gục ngoài

chấn song cửa sổ. Kẻ lao đầu từ mái nhà xuống chết tươi. Kẻ bị ngựa đá giập ngực mà chết. Có kẻ vì quá si mê nàng mà hóa rồ. Có phải vì Remedios đẹp mang theo mình mùi của tử thần như người ta vẫn đồn đại không không hẳn là như vậy. Bởi vì cái mà trái tim những người đàn ông cảm thấy mỗi bận nàng đi qua chính là tình yêu chân thành và da diết do nàng kêu gọi và đánh thức trong trái tim họ. Nhưng những người đàn ông này không biết chọn chiếc chìa khóa tốt nhất để mở khóa tâm hồn nàng. Họ chỉ biết tỏ tình hoặc vụng dại ngây ngô như cái cách của viên sĩ quan, hoặc thô bạo như cái cách của anh chàng xem trộm nàng tắm, hoặc đểu cáng như cái cách của kẻ bị ngựa đá giập ngực, hoặc quá ư kiêu cách như cái cách của chàng công tử từ xa tới. Qua những cách tỏ tình này chúng ta thấy dù ít dù nhiều những trang nam nhi kia

đều coi sắc đẹp của Remedios – người đẹp là một thứ cần phải hưởng thụ ngay trên thế gian này. Nhưng vì Người đẹp không thuộc cõi tục này. Vì thế nàng tỏ ra ngây thơ, hơn thế nữa, ngây ngô, nàng dừng dừng với mọi thứ trên đời, nàng tỏ ra là người không biết yêu, là người thấy cuộc sống thế tục này không phù hợp với chính mình. Vì vậy, có thể nói cái chìa khóa tốt nhất để mở cửa tâm hồn nàng là tình yêu. “Có lẽ chỉ cần một thứ tình cảm nguyên thủy và giản dị như tình yêu là đủ để không chỉ chinh phục nàng mà còn tránh được mọi nguy hiểm. Từ đó chúng ta thấy thông điệp của Trăm năm cô đơn là lời kêu gọi mọi người hãy sống đúng bản chất người – tổng hòa các mối quan hệ xã hội của mình, hãy vượt qua mọi định kiến, thành kiến cá nhân, hãy lấp bằng mọi hố ngăn cách cá nhân để cá nhân mình tự hòa đồng với gia đình,

với cộng đồng xã hội. Vì lẽ đó García Márquez từng tuyên bố cuốn sách mà ông để cả đời sáng tác là cuốn sách về cái cô đơn và thông qua cái cô đơn ông kêu gọi mọi người đoàn kết, đoàn kết để đấu tranh, đoàn kết để chiến thắng tình trạng chậm phát triển của Mỹ Latinh, đoàn kết để “sáng tạo ra một thiên huyền thoại khác hẳn. Một huyền thoại mới, hấp dẫn của cuộc sống, nơi không ai bị kẻ khác định đoạt số phận mình ngay cả cái cách thức chết, nơi tình yêu có lối thoát và hạnh phúc là cái có khả năng thực sự, và nơi những dòng họ bị kết án.

Trăm năm cô đơn cuối cùng và mãi mãi sẽ có vận may lần thứ hai để tái sinh trên mặt đất này”.

NGUYỄN TRUNG ĐỨC

CHƯƠNG 1

 ất nhiều năm sau này, trước đội hành hình, đại tá Aureliano Buendía đã nhớ lại buổi chiều xa xưa ấy, cái buổi chiều cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá. Thời ấy Macondo là một làng gồm vài chục nóc nhà tranh vách đất dựng bên bờ con sông nước trong như pha lê, ào ào chảy qua những tảng đá nhẵn thín, trắng bong, to như những quả trứng thời tiền sử. Thế giới lúc ấy còn ở buổi hồng hoang, chưa có tên gọi

các đồ vật và để gọi chúng cần phải dùng ngón tay chỉ đích vào từng cái một. Cứ vào tháng ba hàng năm, một gia đình digan rách rưới dựng một túp lều bạt ngay cạnh làng, rồi với tiếng kèn trống om xòm quảng cáo những phát minh mới. Đầu tiên, họ mang tới đá nam châm. Một người digan lực lưỡng, hàm râu lởm chởm, bàn tay lông lá, tự giới thiệu mình tên là Melquíades, làm ngay một thí nghiệm kinh rợn trước công chúng về cái mà chính ông ta gọi là kỳ quan thứ tám của các thuật sĩ luyện đá giả kim uyên bác xứ Macedonia. Từ nhà này sang nhà khác ông ta kéo hai thỏi kim loại đã nhiễm từ, và thế gian kinh ngạc khi nhìn thấy xanh, chảo, vạc, kìm, bếp lò rơi đổ ngổn ngang, đồ gỗ kêu cọt kẹt bởi đinh, ốc vít đang như muốn tuột ra khỏi chúng, và hơn nữa, những vật bằng sắt bị mất từ lâu bỗng lại lộ ra ở ngay nơi

chủ nó từng mất công tìm kiếm. Rồi sau đó, mọi người bị lôi cuốn đổ ra đường, lũ lượt, ồn ã theo sau những trò ảo thuật đầy thích thú của Melquíades. “Mỗi một vật đều có cuộc sống”, người digan quảng cáo với giọng lạnh lạnh, “vấn đề là ở chỗ biết đánh thức tâm hồn nó”. José Arcadio Buendía, người có trí tưởng tượng thường đi xa hơn cả bản thể của giới tự nhiên và còn vượt quá rất xa những phép màu và trò huyền ảo, nghĩ rằng có thể sử dụng phát minh vô bổ ấy vào việc moi vàng từ trong lòng đất. Melquíades, vốn là người cao thượng, nói trước cho ông biết: “Đồ này không dùng vào việc ấy được” Nhưng José Arcadio Buendía lúc ấy vẫn không tin đức tính cao thượng của người dân digan, vì vậy đã đổi ngay một con lừa và một cặp dê đực để lấy hai thanh nam châm. Úrsula Iguarán, vợ ông, từng nghĩ tới việc dùng những gia

súc này vào việc mở rộng ngôi nhà ở của họ vốn dĩ tồi tàn, đã không thuyết phục được ông. “Ôi dào, rồi chúng ta sẽ có ối vàng để xây nhà, lo gì mình ơi”, ông cãi lại. Trong vài tháng liền, ông trần lưng làm việc để biến những dự đoán của mình thành hiện thực. Ông đào bởi cặn kẽ khắp vùng, kể cả dưới lòng sông, rồi kéo rê hai thanh nam châm, khấn rở to lời cầu nguyện của Melquíades. Vật duy nhất mà ông đào bởi được là một bộ giáp trụ từ thế kỷ XV, bị lớp han rỉ phủ kín, bên trong như một quả bí khổng lồ chứa đầy đá. Khi José Arcadio Buendía và bốn người đàn ông trong đội khai quật của mình tháo rời được bộ giáp trụ này, họ thấy một bộ xương người đã hóa vôi, cổ còn lủng lẳng đeo một hộp thánh tích bằng đồng đựng mớ tóc phụ nữ.

Những người digan trở lại làng vào

tháng ba. Lần này họ mang theo một kính viễn vọng và một kính lúp có mặt gương to bằng mặt trống, họ trưng bày chúng như thể trưng bày phát kiến mới nhất của những người Do Thái ở Amsterdam. Họ cho một cô digan ngồi ở đầu làng và đặt cái kính viễn vọng ở ngay cửa vào của túp lều bạt. Sau khi trả năm đồng real, dân chúng ghé mắt vào kính viễn vọng và họ nhìn thấy cô digan ở ngay trong tầm tay mình. “Khoa học đã rút ngắn khoảng cách”, Melquíades quảng cáo: “Chẳng bao lâu, không cần phải ra khỏi nhà mình, con người đã có thể biết được bất kỳ điều gì xảy ra trên trái đất”. Một buổi trưa nóng bỏng, bọn họ làm một thử nghiệm khủng khiếp bằng chiếc kính lúp khổng lồ: chống một đồng cỏ khô ở giữa đường rồi lấy kính lúp chiếu tia mặt trời vào, thế là cả đồng cỏ bùng cháy. José Arcadio Buendía, người vẫn chưa

người buồn về sự thất bại của việc dùng nam châm tìm vàng, lại nảy ra ý định sử dụng phát minh ấy như một thứ vũ khí. Một lần nữa, Melquíades lại khuyên can ông. Nhưng rồi chính Melquíades phải nhận lại hai thanh nam châm và nhận thêm ba đồng tiền thời thuộc địa để đổi cho José Arcadio Buendía chiếc kính lúp. Úrsula khóc lóc thảm thiết. Số tiền ấy là một phần của túi tiền vàng mà cha bà đã tích góp trong suốt cuộc đời ăn đói mặc rách và bà đã chôn chúng dưới gầm giường chờ dịp cần thiết mới tiêu đến. José Arcadio Buendía, ngay đến an ủi vợ cũng không có ý định, đã vội dốc toàn lực vào những việc thí nghiệm với đam mê của một nhà khoa học và hơn thế nữa còn dấn thân vào những nguy hiểm chết người. Để làm rõ hiệu quả của kính lúp đối với quân địch, chính ông đã tự mình đứng ngay vào vùng ánh sáng là

nơi kính lúp đã hội tụ tia nhiệt mặt trời, và ông bị bỏng, những vết bỏng này trở thành ung nhọt phải mất nhiều thời gian mới chữa lành. Suýt nữa ông đốt nhà vì không thể chịu nổi những lời rửa rối của bà vợ, người từng cảnh giác trước nỗi nguy hiểm của phát minh này. Ông ở lì trong phòng mình nhiều giờ liền, tính toán về những khả năng chiến lược của thứ vũ khí mới sáng chế, cho đến khi ông viết được một bản chỉ dẫn mạch lạc có tính sử phạm và đầy sức thuyết phục. Ông gửi nó cho nhà chức trách, có kèm nhiều bằng chứng của kinh nghiệm bản thân và vài bản vẽ thuyết trình. Ông giao nó cho một sứ giả mang đi. Người này đi xuyên rừng, bị lạc trong đầm lầy đáng sợ, vượt qua những con sông cuộn sóng, suýt nữa thì mất mạng vì thú dữ, vì thất vọng và dịch bệnh, trước khi tìm thấy con đường mà những con lừa của người

đưa thư vẫn qua lại. Mặc dù đường đi đến thủ đô thời ấy là rất khó khăn, José Arcadio Buendía đã dự định sẽ chế tạo rất nhanh thứ vũ khí này nếu như chính phủ ra lệnh thử nó ngay trước mặt các nhà quân sự và ông sẽ đích thân hướng dẫn cho họ về nghệ thuật phức tạp của chiến tranh sử dụng năng lượng mặt trời. Trong nhiều năm liền ông chờ đợi thư phúc đáp của chính phủ. Cuối cùng, chán chường vì chờ đợi, ông đành phải than phiền với Melquíades về sự thất bại của công việc vừa ở bước khởi đầu. Vậy là người digan lại có dịp bày tỏ tư chất cao thượng của mình: trả lại ông những đồng tiền Doblón để lấy lại chiếc kính lúp ngoài ra còn để lại một số tấm bản đồ của người Bồ Đào Nha, và một vài dụng cụ đi biển. Tự tay mình, Melquíades còn viết một bản tổng kết chặt chẽ về những nghiên cứu của thầy tu Hermann, rồi đặt

vào vị trí của nó để ông có thể sử dụng kính thiên văn, la bàn và thước đo góc 60 độ. Trong những năm tháng mưa dài lê thê, José Arcadio Buendía ở lì trong cái phòng nhỏ làm ở cuối nhà để không một ai quấy rầy mình trong lúc làm thí nghiệm. Nhờ hoàn toàn bỏ thói quen ăn, ngủ đúng giờ, ông ở ngoài sân suốt đêm để theo dõi đường đi của các vì sao và suýt nữa mắc bệnh đau đầu vì ý muốn xây dựng một phương pháp chính xác để tìm phương Nam. Khi đã thành thạo sử dụng và điều khiển các dụng cụ, ông có ý niệm về một khoảng không gian mệnh mông cho phép ông đi thuyền trên những biển xa lạ, đến những miền đất hoang vu không bóng người và kết bạn với những người hiền hách mà không cần phải ra khỏi bàn làm việc của mình. Đây là thời kỳ ông mắc tật nói một mình, đi dạo khắp nhà chẳng để ý tới ai trong lúc Úrsula và

bọn nhóc nhỏ cỏ trong vườn, chăm bón chuối và khoai sọ sẵn và củ từ, bí ngô và cà dái dê. Không một dấu hiệu báo trước nào, bỗng nhiên ông ngừng mọi hoạt động sôi nổi để chìm đắm trong suy tưởng. Vài ngày liền, ông cứ như người bị bỏ bùa mê, giọng thì thầm nhắc đi nhắc lại cho chính mình nghe hàng loạt những phỏng đoán đầy kinh ngạc mà ông không cần tin vào sự hiểu biết của chính mình. Cuối cùng, vào giờ ăn trưa, một ngày thứ ba tháng chạp, ông xổ tung tất cả nỗi căng thẳng trong tâm tưởng mình. Bọn trẻ cả đời sẽ nhớ mãi vẻ trang trọng của cha chúng khi ông ngồi vào đầu bàn, người run rẩy lên cơn sốt, gầy rộc đi vì công việc quan sát kéo dài và vì lòng chua xót bởi trí tưởng tượng. Ông đã công bố cho chúng biết phát kiến của mình: “Trái đất tròn như thể quả cam ấy?” Bà Úrsula không chịu được nữa. “Nếu ông

có điên thì một mình ông điên thôi”, bà gào, “nhưng xin ông chớ có nhồi sọ bọn trẻ những ý nghĩ bông lông của mình nhét. José Arcadio Buendía lặng thinh, không để cho mình sợ hãi trước cơn thất vọng của bà vợ mà trong lúc bực mình bà đã quẳng kính thiên văn xuống sàn nhà làm nó vỡ toang. Ông làm cái khác và tụ tập những người đàn ông trong làng ở ngay trong phòng nhỏ rồi bằng thứ lý thuyết khó hiểu đối với bọn người này ông đã chứng minh cho họ thấy khả năng trở lại điểm xuất phát ban đầu nếu cứ nhằm hướng đông cho tàu thuyền chạy. Cả làng đều nhất loạt đồng ý với nhau rằng José Arcadio Buendía đã mất trí. Giữa lúc ấy, Melquíades trở lại để dàn xếp mọi việc. Ông công khai biểu dương trí thông minh của con người bằng việc đơn thuần nghiên cứu thiên văn, đã xây dựng được một lý thuyết từng được công

nhận trong thực tiễn mặc dù cho đến lúc ấy ở làng Macondo vẫn chưa ai biết tới, và để bày tỏ lòng ngưỡng mộ của mình ông đã tặng lại José Arcadio Buendía một phòng thí nghiệm giả kim, một kỷ vật sẽ gây ảnh hưởng quyết định đối với tương lai của làng này.

Vào thời ấy, Melquíades già đi nhanh đến mức ai cũng phải ngạc nhiên. Trong những chuyến đầu tiên đến làng này hầu như ông cùng trạc tuổi với José Arcadio Buendía. Nhưng trong lúc ông này vẫn giữ được sức khỏe vạm váp của mình, cái sức chỉ cầm hai tai con ngựa có thể quật ngã nó, thì người digan dường như đã bị suy nhược bởi những đau đớn khủng khiếp. Thực ra đó là hậu quả của rất nhiều thứ bệnh lạ lùng do ông nhiễm phải trong những chuyến du lịch vòng quanh thế giới. Theo như chính lời ông kể với

José Arcadio Buendía trong lúc giúp ông này dựng phòng thí nghiệm thì thần chết đuổi theo ông khắp miền, nó cứ đánh hơi ống quần ông mà theo riết nhưng vẫn không tóm được ông. Cuộc đời ông là cả một cuộc trốn chạy trước không biết bao nhiêu thứ tai ương và hoạn nạn đã giống xuống đầu cái giống người. Ông qua khỏi bệnh phong ở Ba Tư, bệnh hoại huyết ở quần đảo Mã Lai, bệnh hủi ở Alexandria, bệnh phù thũng ở Nhật Bản, bệnh dịch hạch ở đảo Madagascar, nạn động đất ở Sicily và nạn đắm tàu xảy ra thường ngày ở eo biển Magallanes⁴. Cái con người kỳ vĩ đó, người từng nói rằng mình nắm được các bí quyết của Nostradamus⁵, là một người mang vẻ buồn

4 Magallanes: vịnh biển ở Chile, mang tên nhà thám hiểm Fernando de Magallanes đã phát hiện ra nó vào năm 1520.

5 Nostradamus, còn gọi Michel de Nostredame (1503–1566) nhà chiêm tinh và thầy thuốc người Pháp, tác giả của những lời sấm truyền nổi tiếng.

rầu, bởi mặt trời buồn bao quanh ông, với con mắt Á châu dường như đã biết được mặt trái của sự vật. Ông dùng một chiếc mũ rộng vành màu đen nom như cánh quạ xòe và một chiếc áo nỉ khoác ngoài bị rêu xanh hàng thế kỷ phủ lên. Nhưng dù có sức hiểu biết quảng bác là thế và có môi trường hoạt động bí hiểm là thế, ông vẫn có một tư chất người, một tư chất thế tục, là cái làm cho ông gắn bó với những vấn đề nhỏ nhất của cuộc sống thường ngày: ông than vãn về những mệt mỏi của tuổi già, do phải chịu đựng hoàn cảnh kinh tế túng thiếu, và từ lâu ông không mỉm cười vì bệnh hoại huyết đã nhổ hết răng. José Arcadio Buendía hiểu rõ rằng cái buổi trưa ngọt ngào Melquíades đã bộc bạch những chuyện riêng tư của đời mình mãi mãi sẽ là ngọn nguồn của một tình bạn vĩ đại. Bọn trẻ đây thán phục trước những câu chuyện

huyền thoại của ông. Aureliano, lúc ấy chưa quá năm tuổi, sẽ phải nhớ suốt đời hình ảnh Melquíades mà cậu đã được nhìn thấy: ông ngồi để cho ánh sáng chói chang trắng bạc từ cửa sổ chiếu vào mặt, trong lúc mồ hôi ròng ròng chảy trên hai thái dương và với giọng nói trầm vang của cây đại phong cầm ông đã rọi ánh sáng vào những miền tối tăm nhất của trí tưởng tượng. José Arcadio, ông anh cậu có lẽ sẽ di lại cho con cháu mình cái hình ảnh kỳ diệu ấy như di lại một kỷ vật truyền đời. Trái lại, Úrsula lại giữ mãi kỷ niệm xấu về chuyến thăm viếng ấy, bởi vì bà bước vào phòng đúng lúc Melquíades do đãng trí đã làm vỡ một chai thủy ngân.

– Đó là mùi của quỷ dữ phải không?
– bà hỏi. – Hoàn toàn không phải, – Melquíades bào chữa. – Người ta xác minh rằng quỷ dữ có mìn diêm sinh còn

thứ này chẳng qua chỉ có mùi thủy ngân thôi, bà ạ!

Lúc nào cũng với tác phong sử phạm, ông làm một cuộc trưng bày về những đặc tính quái đản của chất ngân sa, nhưng Úrsula chẳng hề để ý mà trái lại mang bọn trẻ đi cầu kinh. Cái mùi tử thần ấy, gắn rất chặt với kỷ niệm về Melquíades, sẽ mãi mãi lưu lại trong trí óc bà. Phòng thí nghiệm thô sơ – chưa kể tới hàng lô chiếc phễu, bình thí nghiệm, bình lọc và những chiếc rây – bao gồm một bình cơ bản vốn là những bình thủy tinh cổ dài và hẹp mô phỏng theo hình chiếc bình giả kim và một nồi cất được người digan làm theo đúng mẫu miêu tả hiện đại của chiếc nồi cất có 3 cánh tay của bà Maria, người Do Thái. Ngoài những thứ này Melquíades còn để lại bảy thứ kim loại tượng trưng cho bảy hành tinh, những

hình mẫu về Moses và Zosimus; một cục vàng giả và một cuốn sổ trong đó có những lời chỉ dẫn và hình vẽ miêu tả các quá trình của thuật giả kim vĩ đại, những thứ này cho phép người nào biết giảng

giải chúng sẽ có ý định hành nghề chế tạo đá giả kim⁶. Bị cách thức làm vàng giả tưởng như quá giản đơn này quyến rũ, trong vài tuần liền, José Arcadio Buendía tán Úrsula cho mình đào số tiền vàng để nhân số vàng này lên gấp bội. Trước tính gàn của ông, Úrsula phải nhượng bộ chồng như trước đây vẫn nhượng bộ. Thế là José Arcadio Buendía đổ ba mươi đồng Doblón vào chảo trộn lẫn chúng với bột đồng, bột diêm sinh và bột chì. Rồi ông để chúng trong một

6 Nguyên văn: Piedra filosofal (tiếng Pháp là Pierre Philosophale) có học giả dịch là “điểm kim thạch”, một hợp kim mà theo quan niệm của các nhà giả kim thuật có phép màu biến các kim loại thành vàng.

chảo sâu và đun cách thủy trên bếp lửa, cho tới khi chúng chảy ra biến thành một thứ nước xi-rô đặc quánh, nồng nặc mùi khét, giống kẹo cháy hơn là thứ vàng quý. Trong quá trình chưng cất vất vả đầy thất vọng, thất hợp kim này cùng với bảy thứ kim loại tượng trưng cho bảy hành tinh được ngâm trong dung dịch thủy ngân đặc và muối sun-phát, sau đó chúng lại được ngâm trong chảo mỡ lợn (vì không có dầu củ cải nên phải thay bằng mỡ lợn) để đun cách thủy trên bếp lửa. Cuối cùng, số vàng quý giá của Úrsula sau quá trình đun nấu công phu đã hóa thành một thứ giống như thứ cháo đặc sệt, cháy thành than, bột chặt lấy đáy chảo không tài nào gỡ ra được.

Khi những người digan trở lại làng này, Úrsula đã cố ngăn dân làng không đi xem họ. Nhưng tính hiếu kỳ bao giờ

cũng thẳng nỗi sợ sệt, bởi vì hôm ấy, những người digan chạy đi khắp làng thối kèn, khua trống inh ỏi, trong lúc người quảng cáo loan báo tin sẽ trưng bày thành tựu kỳ ảo nhất của những người Nacianceno⁷. Thế là cả làng đổ xô nhau đến lễ của người digan. Trả một xu vào cửa, bọn họ nhìn thấy một Melquíades trẻ trung, khỏe mạnh, da dẻ căng bóng, với hàm răng mới trắng bong. Những ai nhớ hàm răng móm mém vì bệnh hoại huyết, đôi mắt tóp và đôi môi thâm xít của ông sẽ phải rùng mình kinh ngạc trước thí nghiệm đầy sức thuyết phục về những khả năng siêu việt của người digan. Dân chúng chuyển từ trạng thái kinh ngạc đến trạng thái sợ hãi khi nhìn thấy Melquíades moi hàm răng ra, mới nguyên, được cắm trên hai lợi, rồi chìa cho mọi người xem trong một lát – trong

7 Nacianceno: dân thành Naciano thuộc Tiểu Á. (???)

giây lát thoáng qua ấy, Melquíades lại trở thành chính cái con người già lụ khụ của những năm trước đây – sau đó ông cắm chúng vào lọ rồi mỉm cười với tất cả sức trẻ trung vừa được khôi phục lại. Ngay đến cả José Arcadio Buendía cũng phải thừa nhận rằng hiểu biết của Melquíades đã đạt tới những đỉnh cao quá sức tưởng tượng, nhưng rồi ông cảm thấy một niềm vui lành mạnh hơn khi người digan giải thích riêng cho ông về cách thức trồng răng giả. Điều đó khiến ông thấy vừa đơn giản vừa kỳ diệu, khiến cho ông, chỉ từ đêm đến sáng, mất ngay hứng thú trong việc nghiên cứu thuật giả kim; ông trở nên lầm lỳ khó tính và lại ăn uống thất thường, lại suốt ngày chỉ đi lại trong nhà.

“Ngoài đường xảy ra biết bao điều kỳ lạ không thể tưởng được”, ông nói với Úrsula. “Ở bên kia sông, vâng, chính ở đó,

có đủ loại máy móc kỳ diệu, trong khi đó chúng ta vẫn sống như những con lừa”. Hết thấy những ai quen biết ông từ thuở mới lập làng Macondo, đều ngạc nhiên thấy dưới ảnh hưởng của Melquíades ông đã thay đổi biết nhường nào.

Lúc đầu, José Arcadio Buendía là một vị trưởng giả trẻ tuổi người vẫn thường dạy dân việc trồng cấy, khuyên nhủ cách nuôi dạy trẻ nhỏ và gia súc, cộng tác với mọi người, ngay cả trong công việc dùng đến sức mạnh cơ bắp, để đưa cuộc sống chung của làng đi lên, ngày một nhăm khá và yên bình hơn. Bởi vì ngôi nhà của ông ngay từ thuở ban đầu đã là ngôi nhà đẹp nhất làng còn những ngôi nhà khác đều được làm theo hình mẫu của nó: ngôi nhà có cửa ra vào rộng và sáng sủa, có một nhà ăn, làm theo kiểu hành lang vây xung quanh trồng hoa màu sắc sặc

sở, có hai phòng ngủ, một cái sân rộng với cây dẻ khổng lồ, một vườn cây thẳng hàng và một vườn cỏ rộng mà ở đấy nào dê, nào lợn, nào gà sống thành bầy vui vẻ. Những con vật duy nhất bị cấm nuôi không chỉ ở trong nhà này mà ngay cả trong làng là những chú gà chọi. Đức cần mẫn của Úrsula sánh ngang với đức cần mẫn của chồng mình. Bà năng nổ, mạnh mẽ, kiên nghị. Người đàn bà run rẩy mà chẳng một ai nghe thấy cất tiếng hát trong suốt cả cuộc đời mình, là người có mặt ở khắp chốn kể từ lúc trời vừa bùng sáng cho đến khi tối mịt, lúc nào cũng bận bịu với đàn gà kêu chíp chíp. Nhờ có bà, nền nhà đất nện không chút bụi, tường đất không vấy bẩn, bàn ghế giường tủ do chính bàn tay vợ chồng bà làm nên lúc nào cũng sạch sẽ, và những rương hòm cũ đựng quần áo lúc nào cũng dịu thơm mùi húng dỗi.

José Arcadio Buendía, vốn là người tháo vát chưa từng có trong làng, đã bố trí các nhà theo hình thức sao cho từ mọi nhà đều có thể đi ra sông và không một nhà nào phải gánh nước vất vả hơn nhà nào, đánh những con đường chạy thật khéo để mọi nhà đều chịu nắng như nhau vào mùa nóng. Chỉ trong ít năm, Macondo là một làng ngăn nắp gọn gàng và chuyên cần hơn bất kỳ làng nào trong số những làng được ba trăm cư dân ở đây biết tới cho đến lúc bấy giờ. Thực tế, đó là một làng hạnh phúc, là nơi chưa một ai ngoài ba mươi tuổi, và chưa hề có người chết.

Kể từ những ngày lập làng, José Arcadio Buendía đã làm bẫy và làm lồng chim. Chẳng bao lâu, không chỉ trong nhà ông mà trong tất cả các nhà của làng này đều đầy chim: nào chim tổ treo, chim hoàng

yến, chim cổ đỏ, chim a-xu-lê-hô. Tiếng chim tổ treo inh ỏi khiến Úrsula phải lấy sáp ong bịt lỗ tai lại để khỏi mất cảm giác thực. Khi những người digan thuộc bộ tộc của Melquíades đến đây lần đầu tiên để bán những viên thuốc đau đầu, thì mọi người lấy làm kinh ngạc nhận thấy bọn người này làm sao có thể tìm đến làng mình, một cái làng chìm trong hơi mù của đồng lầy, và những người digan thú nhận rằng họ đến được là nhờ tiếng chim hót dẫn đường.

Những tập tục tốt đẹp nhưng còn sơ đẳng ấy, trong thời gian ngắn bị cuốn tuột đi bởi cơn đam mê đá nam châm, bởi những tính toán thiên văn, bởi những mơ mộng biến chì thành vàng và bởi những thèm khát được biết những kỳ quan thế giới của José Arcadio Buendía. Vốn là người hoạt bát và sạch sẽ, José Ar-

cadio Buendía đã trở thành một người lười nhác, ăn mặc thì lôi thôi lệch thếch, râu ria thì xồm xoàm đến mức Úrsula phải dùng con dao thái thịt cạo cho nó gọn lại. Không thiếu người cho rằng ông là nạn nhân của một thứ bùa yểm quái quỷ nào đó. Nhưng những người tâm đầu ý hợp với cơn điên của ông đã bỏ công việc và gia đình để theo ông, khi ông đặt lên vai mình bộ đồ nghề thợ mộc và yêu cầu mọi người cùng giúp tay mở một con đường để làng Macondo có thể giao tiếp với những phát minh lớn của loài người. José Arcadio Buendía hoàn toàn không hiểu địa lý của vùng này. Ông biết rằng về hướng đông là dãy núi không thể vượt qua được và ở phía bên kia dãy núi là thành phố cổ Riohacha, nơi trong những thời đã qua – theo như lời ông nội Aureliano Buendía thú nhất kể với ông – tên cướp biển Francis Drake rất

ham mê môn thể thao dùng đại bác săn cá sấu sau đó lột da, nhồi rơm rồi đem chúng tiến dâng nữ hoàng Elizabeth. Trong thời trai trẻ của mình, ông cùng với những người bạn đã mang vợ, con cái, gia súc cùng nổi niêu bát ba vượt qua dãy núi này để tìm đường ra biển, nhưng sau hai mươi sáu tháng ròng rã, bọn họ đã phải bỏ cuộc và đành phải lập ra làng Macondo để khỏi phải trở về chốn cũ. Đó là con đường ông không thích vì nó chỉ có thể dẫn ông trở lại thời quá vãng. Ở phía nam là những hồ nước phủ kín thứ rong bèo lâu đời và cả một thế giới đầm lầy rộng mênh mông mà theo như lời chứng của những người digan thì nó không có bờ bến. Đầm lầy mênh mông ấy biến mất về phía tây với một mặt nước trắng xóa trải đến nơi sắc nước lẫn vào màu trời, là nơi có bộ cá kình gồm những con vật có nước da mềm mại, có

đầu và cổ của người phụ nữ. Với ma lực của bộ vú khổng lồ, chúng vẫn thường làm cho những người đi biển mất mạng. Những người đi gan phải mất sáu tháng trời đi thuyền trên con đường thủy ấy để cuối cùng gặp được một doi đất liền là nơi những con lừa của người đưa thư qua lại. Theo tính toán của José Arcadio Buendía thì khả năng duy nhất để giao lưu với nền văn minh bên ngoài là con đường hướng bắc. Vậy là ông phân phát đồ nghề thợ mộc và khí giới sẵn thú cho chính những người từng đi với ông trong chuyến đi tìm và thành lập làng Macondo; rồi tự tay nhét la bàn, bản đồ vào ba lô và bắt đầu cú thám hiểm quá táo bạo này.

Trong những ngày đầu họ không gặp một trở ngại đáng kể nào. Họ men theo bờ đá lổn nhổn, đi ngược dòng sông cho

tới nơi mấy năm trước từng đào được bộ giáp trụ thế kỷ XV, rồi từ đó họ theo con đường mòn len lỏi qua những cây cam dại đi sâu vào rừng rậm. Cuối tuần thứ nhất, họ giết và quay thịt một con nai, nhưng họ bảo nhau chỉ ăn một nửa, phần còn lại ướp muối dành cho những ngày sắp tới. Với tính toán thận trọng ấy, để duy trì cuộc thám hiểm, bọn họ ăn thịt vệt đuôi dài, một thứ thịt xanh lè có vị hạc của xạ hương. Sau đó, khoảng hơn mười ngày liền, họ không được nhìn thấy mặt trời. Đất dưới chân họ lại ẩm thấp và nhão nhoét giống như tro tàn của núi lửa, và cây cối ngày một rậm rạp, hiểm hóc hơn, tiếng chim kêu vượn hú ngày một xa dần và quang cảnh lại trở nên mãi mãi buồn tẻ. Những người trong đoàn thám hiểm cảm thấy buồn phiền vì những ký xe cổ xưa nhất của mình trôi dạt trong cái thiên đường ẩm ướt và quạnh hiu

này, cái thiên đường còn xa xưa hơn cả cái thiên đường ở đó giống người đã phạm tội tổ tông, là nơi ủng ngập sâu trong thứ nước bùn giống như dầu bốc hơi và những con dao rửa phải hạ xuống chém ngang thân những cây hoa loa kèn trắng và những chú kỳ nhông vàng ươm. Trong suốt cả một tuần, hầu như không ai mở miệng nói lấy một lời, với bộ ngực tức thở bởi thứ không khí khô nóng tanh mùi máu, bọn họ đi như những kẻ mắc chứng mộng du trong một thế giới âm đạm, hầu như chỉ được soi sáng nhờ lửa đom đóm lập lờ. Họ không thể quay lui được vì con đường được mở ra theo dấu chân họ chẳng bao lâu đã bị thứ cây cỏ mới, lớn nhanh tưởng như nhìn thấy được, lấp mất lối. “Đừng sợ”, José Arcadio Buendía nói: “Cắt nhất đừng để mất phương hướng”. Không lúc nào rời mắt khỏi la bàn, ông hướng đạo mọi người

trong đoàn đi về phương bắc, cho tới khi họ ra tới một vùng đất thú vị. Đó là một đêm tối mịt mùng, không một vì sao, nhưng lại là một đêm thoáng đặng nhờ không khí mới mẻ và trong trẻo. Qua chuyến xuyên rừng dài ngày, mọi người đều mệt phờ vội đi mắc võng và lần đầu tiên trong hai tuần liền họ say sưa ngủ. Khi thức dậy, mặt trời đã lên cao. Họ đều hào hứng. Trước họ là một chiếc tàu Tây Ban Nha khổng lồ, màu trắng và bụi bặm, nổi lên giữa những cây dương xỉ và chà là trong ánh sáng ban mai dịu dàng. Nó nằm nghiêng về mạn phải. Những mảnh buồm rách còn treo trên những cột buồm nguyên vẹn, nằm giữa những thừng chèo có kết hoa nguyệt quế. Thân tàu, được lớp vẩy cá ép đã hóa đá và lớp rêu xanh phủ kín, hoàn toàn bị gắn chặt xuống nền đá. Toàn bộ cấu trúc của nó dường như chiếm cứ cả một khung cảnh

riêng, cái khung cảnh cô đơn và lãng quên, cái khung cảnh được bảo vệ trước sự phá phách của thời gian và chim chóc. Ở bên trong tàu mà những người thám hiểm đã khéo léo mở được cửa, không có gì khác hơn là một rừng hoa chen kín.

Việc bắt gặp con tàu này, dấu hiệu tỏ rằng biển đã gần kề, như một gáo nước lạnh dội vào ngọn lửa nhiệt tình của José Arcadio Buendía. Ông cho rằng việc này như một lời nhạo báng cái số phận trớ trêu của mình: khi đi tìm biển, dù phải trả giá đắt với biết bao hi sinh và khó nhọc, thì không thấy, còn giờ đây không đi tìm thì lại thấy nó lù lù hiện ra trên con đường của mình như một trở ngại không thể nào vượt nổi. Rất nhiều năm sau, đại tá Aureliano Buendía có dịp trở lại vùng này khi nó đã có một đường bưu điện bình thường, vật duy nhất của

chiếc tàu ấy mà chàng bắt gặp là một mạn tàu cháy nham nhở nằm giữa cánh đồng hoa mỹ nhân thảo, chỉ đến lúc này, chàng nhận ra rằng cái câu chuyện ấy chẳng qua chỉ là một sản phẩm của trí tưởng tượng của cha mình. Chàng tự hỏi làm sao con tàu ấy đã có thể tiến sâu vào cái địa điểm nằm ngay trên đất liền này. Nhưng José Arcadio Buendía không cần phải bận tâm như vậy khi mà sau bốn ngày đi bộ, ông đã gặp được biển cách chỗ con tàu khoảng mười hai kilômét. Những mơ ước của ông tan biến trước cái biển màu xám tro, ngầu bọt và bắn tóe, thật không bõ cái công ông đã khó nhọc trong chuyến mạo hiểm của mình.

– Buồi rồi! – Ông gào –, Macondo đã bị nước vây quanh rồi. Cái ý niệm về một bán đảo Macondo cứ lớn lên trong thời gian dài, được thể hiện trên tấm bản đồ nhiều sai lầm mà José Arcadio Buendía

đã vẽ nó vào lúc đoàn thám hiểm của ông trở về ông vẽ nó mà lòng đầy giận dữ, do đó đã quá cường điệu những khó khăn giao lưu với bên ngoài. Ông làm thế như là để trừng phạt ngay chính mình vì tội thiếu cân nhắc cặn kẽ khi chọn địa điểm này để lập làng. “Sẽ chẳng bao giờ chúng ta đi tới đâu được”, ông thở than trước mặt Úrsula. “Chúng ta đến mục xác trong khi còn sống ở đây mà chẳng thể nào được hưởng những lợi ích của khoa học đem lại”. Cái ý nghĩ sáng tỏ ấy, được nung nấu vài tháng trong phòng thí nghiệm đã dẫn ông tới việc thai nghén một kế hoạch chuyển Macondo đến một địa điểm thích hợp hơn. Nhưng lần này Úrsula phản đối những kế hoạch vội vàng của ông. Trong quá trình vận động thăm lặn và khéo léo của một người đàn bà cần mẫn, bà chuẩn bị cho các bà phụ nữ trong làng chống lại mọi sự hời hợt của

những ông chồng đã bắt đầu chuẩn bị để di chuyển. José Arcadio Buendía không biết từ bao giờ và vì sức mạnh chống đối nào mà các kế hoạch của ông cứ lộn nhào trong mớ bòng bong những nguyên có và mâu thuẫn để rốt cục chúng chỉ còn là một ảo tưởng đơn thuần. Úrsula chăm chú theo dõi ông, theo dõi ông cho đến khi bà mũi lòng thương. Ấy là buổi sáng bà gặp ông trong căn phòng ở cuối nhà. Trong lúc sắp xếp dụng cụ của phòng thí nghiệm vào các hòm, ông lải nhải dự tính những mơ ước khi di chuyển được làng. Bà để cho ông làm xong. Bà để cho ông đóng đinh các hòm lại và dùng cành bài hương chấm mực viết tắt tên họ mình lên trên mà không hề than với ông một lời, nhưng bà hiểu rằng ông thừa biết (vì bà nghe thấy ông nói ra trong các cuộc độc thoại) rằng những người đàn ông trong làng sẽ không tham gia kế hoạch

di chuyển. Chỉ đến khi ông gỡ cánh cửa phòng ra, lúc ấy bà mới dám hỏi vì sao ông làm thế, và ông chưa xót trả lời bà:

– Bởi vì không ai đi thì chúng mình cứ đi.

Úrsula vẫn bình tĩnh:

– Chúng mình cũng không đi đâu hết, – bà nói. – Chúng mình ở tại đây bởi vì ở đây chúng mình đã sinh hạ được một đứa con.

– Một khi chúng ta chưa có người thân chết để chôn dưới đất thì chúng ta vẫn cứ là những kẻ không quê hương bản quán.

Với lòng kiên nhẫn, bà nhẹ nhàng cãi lại:

– Nếu cần thiết tôi phải chết để các

người ở lại đây, tôi sẽ chết.

José Arcadio Buendía không tin rằng quyết tâm của vợ mình lại nghiêm túc đến thế. Ông cố thuyết phục bà bằng phép mầu nhiệm của mình, bằng lời hứa về một thế giới huyền ảo nơi chỉ cần rỏ mấy giọt nước thần xuống đất là đủ để cây đơm trái theo ý nguyện của con người, nơi mọi thuốc men và phương tiện chữa bệnh cho con người được bán với giá rẻ. Nhưng Úrsula vẫn điềm nhiên trước những lời đường mật có sức thôi miên của ông:

– Thôi đi, xin ông hãy bỏ những ý nghĩ viển vông ấy đi và hãy lo cho các con, – bà nói. – Hãy nhìn chúng kìa, có thảm không! Ôi những đứa trẻ không được chăm sóc theo đúng ý lành của Thượng đế. Chúng chẳng khác gì những con lừa.

Lần nữa, José Arcadio Buendía chăm chú nghe từng lời của vợ mình. Ông nhìn qua cửa sổ và thấy hai đứa trẻ đi chân đất ở ngoài vườn nắng và ông có cảm giác rằng chỉ đến lúc ấy chúng mới bắt đầu tồn tại. Ông để ý tới chúng nhờ lời khẩn cầu của Úrsula. Vậy là có một cái gì đó đã xảy ra trong tâm trạng ông, cái gì đó thiêng liêng và có thực đôi ông ra khỏi thời hiện tại của mình và đưa ông trôi dạt vào cõi nguyên sơ của dòng ký ức. Trong lúc Úrsula quét nhà, ngôi nhà mà giờ đây chắc chắn bà sẽ gắn cả đời mình với nó, ông ngồi đăm đúi nhìn những đứa trẻ cho đến khi mắt ông đăm lẹ. Ông lấy mu bàn tay chùi đi, thở phào một cách nhẹ nhõm rồi đĩnh đạc nói:

– Thôi được, nào bà hãy bảo chúng nó đến giúp tôi lôi các thú trong hòm ra?

José Arcadio, đứa lớn, đã lên mười

bốn tuổi. Cậu có cái đầu vuông vức, tóc rẽ tre và có đức tính làm theo sở thích riêng y hệt tính cha. Mặc dù cậu to lớn và có sức mạnh cơ bắp nhưng rõ ràng ở tuổi này cậu đã để mất trí tưởng tượng. Cậu được hoài thai và sinh ra trong lúc mọi người đang khó nhọc vượt núi, ấy là lúc trước khi thành lập làng Macondo. Cha mẹ cậu cảm tạ thượng đế khi xem khắp người cậu không thấy có bộ phận nào là bộ phận của con vật. Aureliano, người đầu tiên sinh ra ở Macondo, sẽ lên sáu tuổi vào tháng ba tới. Cậu bé lặng lẽ và cô đơn. Cậu đã khóc trong bụng mẹ và lọt lòng với đôi mắt mở thao láo. Trong lúc người ta cắt rốn cho cậu thì cậu ngo nguậy cái đầu từ bên này sang bên kia để làm quen với các vật bày trong phòng và với tính tò mò không sợ hãi, dò xét khuôn mặt của đám đông. Sau đó, mặc kệ những ai đến gần để xem mình, cậu bé

cứ chăm chăm nhìn lên mái nhà ọp ẹp xuýt sập xuống dưới sức ép khủng khiếp của cơn mưa. Một ngày nọ, cậu bé Aureliano, mới lên ba tuổi, bước vào nhà bếp giữa lúc Úrsula lắc nồi canh ra khỏi bếp và đặt nó lên bàn, chính trong ngày ấy, bà mới nhớ lại sức nặng của cái nhìn ấy. Cậu bé thập thò ở hoài cửa, nói: “Nó sẽ đổ đấy”... Cái nồi đã được đặt che chắn trên bàn, nhưng bỗng nhiên, đúng như lời cậu báo trước, nó bắt đầu rung lên bần bật rồi lăn ra mép bàn như có sức đẩy từ bên trong, và nó vỡ toang từng mảnh trên sàn nhà. Úrsula hoảng sợ, kể lại câu chuyện với chồng mình, nhưng ông giải thích cái hiện tượng ấy như một hiện tượng tự nhiên. Ông vẫn thường như thế, luôn luôn không để ý đến sự có mặt của các con mình, phần vì coi tuổi thơ như một giai đoạn thiếu trí tuệ và phần vì lúc nào ông cũng quá đam mê

trong những lý thuyết hư vô. Nhưng kể từ buổi sáng gọi bọn trẻ đến giúp mình tháo dỡ các dụng cụ của phòng thí nghiệm ra khỏi thùng, ông đã dành cho chúng những giờ quý nhất của mình. Trong căn phòng biệt lập mà trên các tường của nó ngày một dày đặc các bản đồ khó hiểu và các bức họa huyền thoại, ông dạy chúng đọc, viết, làm toán và ông nói với chúng về những điều kỳ diệu của thế giới không chỉ dừng lại trong khuôn khổ những hiểu biết mà nhiều khi còn vượt xa trí tưởng tượng của ông. Đây là điều mà bọn trẻ vừa học được: ở một miền đất tận cùng Nam châu Phi, có những người rất đổi thông tuệ và hiền lành đến mức niềm vui duy nhất của họ là được ngồi suy tư; và rằng người ta có thể lội qua biển Aegean⁸ bằng cách nhảy

⁸ Biển Aegean là một phần của Địa Trung Hải, nằm giữa bán đảo Balkan và Anatolia.

từ đảo này sang đảo khác cho đến tận cảng Thessaloniki⁹.

Những buổi học kỳ thú ấy đọng lại như khắc vào ký ức những đứa trẻ, đến mức nhiều năm sau này, một phút trước khi viên sĩ quan của quân đội Bảo hoàng ra lệnh cho đội hành hình nổ súng, đại tá Aureliano Buendía đã sống lại buổi chiều tháng ba êm đềm, cái buổi chiều cha chàng bỏ dở bài học vật lý, đầy hào hứng với một tay giơ lên không và đôi mắt lim dim để đón nghe từ xa vọng đến tiếng kèn, tiếng trống, tiếng lục lạc của người digan đã nhiều lần tới làng đang rùm beng quảng cáo phát minh mới nhất đây kình ngạc của các nhà thông thái sứ Memphis¹⁰. Đó là những người

9 Cảng Thessaloniki thuộc Hy Lạp trong vịnh cùng tên được biển Aegean tạo nên, là một trung tâm công nghiệp quan trọng.

10 Memphis, thuộc Hoa Kỳ, một trung tâm công nghiệp nằm trên bờ sông Mississippi.

digan mới. Những người đàn ông và đàn bà trẻ, chỉ biết chính thú tiếng mẹ đẻ của mình. Họ là những vật mẫu khả ái về nước da bóng mịn và bàn tay thông minh, mà những điệu nhảy và âm nhạc của họ gieo niềm vui ồn ào trên mọi nẻo đường làng. Họ mang theo những chú vẹt lông nhuộm đủ màu có thể ngâm những bài dân ca Ý; con gà mái đẻ trăm quả trứng vàng theo nhịp trống pan-đê-rê-ta; con khỉ đã được dạy dỗ đoán điều anh đang suy nghĩ; cỗ máy vạn năng vừa đơm cúc vừa làm hạ cơn sốt; chiếc máy để quên đi những ký ức buồn, dữ; lá cao để quên thời gian và hàng nghìn những phát minh khác, tất cả đều rất khéo léo và kỳ thú đến mức José Arcadio Buendía cũng muốn chế ra cái máy nhớ để có thể nhớ tất cả. Chỉ trong chốc lát, người digan làm cho làng thay đổi. Những người dân Macondo bỗng chốc cũng bị lạc

đường ở ngay chính quê hương mình, vì họ đang ngậy ngất trước hội chợ phong phú này. Dắt tay từng đứa trẻ để chúng khỏi bị lạc trong đám đông hỗn độn, đựng hoài phải những người làm trò ảo thuật có hàm răng mạ vàng và những người múa rối có sáu cánh tay, ngọt ngào trong mùi dầu hôi và mùi bạc hà do đám đông phả ra, José Arcadio Buendía đi tìm Melquíades khắp nơi để ông ta giảng giải cho mình nghe những bí mật không lường hết được của nỗi trần trở huyền hoặc ấy. Đi mãi, đi mãi, rồi cuối cùng ông cũng đến nơi Melquíades vẫn thường dừng lều, nhưng ông lại gặp một người Armenia lầm lỳ nói tiếng Tây Ban Nha đang quảng cáo một thứ nước xi-rô có phép tàng hình. Ông ta uống đánh ực một cốc nước pha hổ phách trong lúc José Arcadio Buendía rẽ đám đông đang trở mắt xem trò ảo thuật và ông đã đến

tận nơi để hỏi thăm Melquíades. Người digan ngạc nhiên nhìn ông, trước khi tàng hình vào một vũng nước hắc ín đặc sánh và nóng hổi, từ đó vọng lên câu trả lời: “Melquíades đã chết rồi ị. Hoảng hốt trước cái tin dữ này, José Arcadio Buendía chết lặng người, cố vượt qua nỗi thống khổ, cho đến khi đám người xem bỏ đi theo lời mời chào của các trò ảo thuật khác, và vũng nước của người Ac-mêni hoàn toàn bay hơi. Sau đó những người digan khác cũng khẳng định với ông rằng quả đúng thế. Melquíades đã chết vì sốt rét tại những cồn cát ở Singapore và thi hài của ông ta đã được ném xuống vùng nước sâu nhất của biển Java. Bọn trẻ không để ý đến tin này. Chúng đang nũng nịu đòi cha dẫn đi xem phát minh mới lạ của các nhà thông thái xứ Memphis, được quảng cáo ở ngay cửa ra vào của quán hàng, theo như lời đồn, nó

thuộc về hoàng đế Salomon. Chúng đòi da diết đến mức José Arcadio Buendía phải trả ba mươi đồng real vào cửa để dẫn các con mình vào ngay giữa quán hàng là nơi có một người khổng lồ thân thể lông lá có cái đầu cạo nhẵn, mũi đeo một chiếc khuyên đồng, cổ chân đeo một chiếc xiềng sắt nặng trĩu, đang canh giữ một chiếc hòm bí mật. Khi người khổng lồ mở nắp, từ trong hòm phả ra một luồng hơi lạnh buốt. Trong hòm chỉ có một khối trong suốt với những lỗ nhỏ li ti mà khi ánh hoàng hôn chiếu vào bỗng lấp lánh đủ sắc màu như các vì sao. Lòng đầy hoang mang vì biết rằng bọn trẻ nhà ông đang đợi một lời giải thích ngay tức thì, José Arcadio Buendía chỉ dám thăm thì nói: – Đó là một viên kim cương lớn nhất thế giới. – Không phải, – người di-gan chữa lại, – đó là nước đá. Không hiểu gì, José Arcadio Buendía giơ tay định sờ

vào tảng nước đá, nhưng gã khổng lồ gạt phắt tay ông đi. “Muốn sờ nó, phải đưa thêm năm đồng real nữa!”, gã nói. José Arcadio Buendía đưa năm đồng real rồi đặt bàn tay lên tảng nước đá. Ông để nguyên tay vài phút trong lúc tìm ông đập dồn dập đẩy về vừa lo sợ vừa thích thú khi được tiếp xúc với vật diệu kỳ này. Không biết nói gì hơn, ông móc túi trả thêm mười đồng real nữa để cho các con ông cũng được sống cái cảm giác diệu huyền này. Cậu bé José Arcadio không dám sờ tảng nước đá. Trái lại, Aureliano tiến lên phía trước một bước, đặt bàn tay vào tảng nước đá nhưng rút ngay ra. “Eo ơi, bỏng kinh”, cậu hốt hoảng thốt lên. Nhưng cha cậu không để ý đến lời cậu. Lòng đầy cảm kích thước sự hiển nhiên của vật kỳ ảo, lúc này ông quên đi sự thất bại của những công việc viễn vông của mình, quên đi cái tử thi Melquíades bị

ném xuống biển làm mồi cho cá mực. Ông trả thêm năm đồng real nữa, rồi với bàn tay đặt trên tảng nước đá, như để trình bày một lời chứng trên Kinh Thánh, ông thốt lên: – Đây là một phát minh lớn nhất của thời đại chúng ta.

CHƯƠNG 2

Khi tên cướp biển Francis Drake tấn công Riohacha ở thế kỷ XVI, bà tổ của Úrsula Iguarán đã quá kinh ngạc trước tiếng chuông nhà thờ inh ỏi đổ hồi và tiếng đại bác chát chúa nổ rền, đến mức quần trí ngồi vào một bếp than hồng. Những vết sẹo cháy đã làm cho cụ trở thành một người vợ ăn bám suốt đời. Cụ chỉ có thể ngồi nghiêng một phía dựa lưng trên những chiếc gối đệm và đi đứng kỳ dị, bởi thế chẳng bao

giờ cụ đi ra ngoài trước con mắt mọi người. Cụ từ bỏ mọi sinh hoạt xã hội vì bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ người mình phả ra mùi khét khó chịu. Ánh bình minh bắt gặp cụ ở ngoài sân. Cụ không dám ngủ bởi nằm mộng thấy bọn người Anh cùng với những con chó dữ tợn đã trèo qua cửa sổ phòng ngủ và làm cụ chết khiếp vì những cục hình ghê rợn bằng những thanh sắt nung đỏ. Chồng cụ, một thương nhân người vùng Aragon¹¹, đã có hai con với cụ, tiêu tốn một nửa cửa hàng để thuốc thang và mua vui cho vợ, ngõ hầu làm giảm bớt nỗi sợ hãi. Cuối cùng, ông cụ bỏ nghề buôn, mang gia đình đi sống ở một miền xa biển, trong một xóm những người dân Anh–điêng hiền lành ở sâu trong núi. Tại đây cụ ông đã làm cho vợ một phòng ngủ không cửa sổ để bọn ướp biển, trong những cơn ác mộng

11 Một vùng phía Tây Bắc nước Tây Ban Nha.

kia, không có lối nhảy vào. Tại xóm vắng này, trước đó rất lâu có một nhà trồng thuốc lá người Âu, sinh ra trên châu Mỹ. Đó là Don¹² José Arcadio Buendía người mà cụ tổ Úrsula cùng thành lập một tổ hợp sản xuất chỉ trong một thương ngấn đã có vốn to. Vài thế kỷ sau, người cháu của ông tổ kết hôn với cô cháu gái của ông tổ Aragon. Vì thế mà mỗi bận Úrsula ra khỏi nhà theo tiếng gọi cuồng nhiệt của chồng mình, đã nhớ lại những ngẫu nhiên xảy ra cách đây ba trăm năm, và nguyên rủa cái giờ mà tên cướp biển Francis Drake tấn công Riohacha. Đó là cách đơn giản để giải phiền, bởi trên thực tế họ đã gắn bó với nhau cho tới khi chết bởi mối liên hệ còn bền chặt hơn cả tình yêu: đó là nỗi dằn vặt lương tâm chung cả hai người. Là anh em với nhau, họ cùng lớn lên trong một xóm cũ

12 Don: Tiếng tôn xưng: ngài, ông...

mà các bậc tiền bối của mình, bằng lao động và thuần phong mỹ tục, đã biến nó thành một cái làng tốt đẹp nhất trong số các làng thuộc tỉnh này. Mặc dù cuộc hôn nhân của họ đã thấy trước một cách hiển nhiên ngay khi trào đời, nhưng khi họ bộc lộ ý nguyện được lấy nhau thì cha mẹ hai bên đã định ngăn cản. Các cụ sợ rằng hai con người khỏe mạnh đó thuộc hai dòng họ hàng thế kỷ đã có tình thâm giao sẽ phải sống trong tủi hổ vì sinh ra những con kỳ đà. Trước họ đã có tấm gương tày liếp. Bà cô của Úrsula lấy ông chú của José Arcadio Buendía sinh ra một đứa con suốt đời mặc quần rộng thùng thình và chết vì bệnh chảy máu sau khi đã sống một cuộc đời bốn mươi hai tuổi luôn luôn trai tân, bởi vì y sinh ra và lớn lên với cái đuôi xoắn hình chiếc mở nút chai ở cuối có một túm lông. Đó là một cái đuôi lợn mà y không bao giờ

để cho bất kỳ người đàn bà nào nom thấy. Và y đã phải trả giá bằng cả cuộc đời mình khi một người làm nghề đồ tể dùng con dao phay chặt phắt luôn cái đuôi lợn ấy đi. José Arcadio Buendía với sự thanh thản của tuổi mười tám đã giải quyết vấn đề này bằng một câu gọn lỏn: “Có đẻ ra lợn anh cũng cóc cần, miễn là biết nói”. Thế là họ cưới nhau với tiệc tùng kéo dài ba ngày liền có pháo nổ và các ban nhạc giúp vui. Từ đó trở đi, bọn họ sẽ hạnh phúc biết bao nếu như bà mẹ Úrsula không đe dọa cô bằng tất cả những dị dạng đáng sợ của những đứa con sẽ sinh ra đến mức cô không dám cho động phòng. Vì sợ người chồng vâm vấp và ngang ngược sẽ cưỡng dâm trong lúc mình ngủ, Úrsula, trước khi đi nằm, đã mặc một chiếc quần do bà mẹ may cho. Đó là một chiếc quần vải gai được một hệ thống dây da chằng khéo làm cho bền

hơn với một chiếc khóa sắt to sụ đóng kín lại. Bọn họ sống như vậy trong mấy tháng liền. Ban ngày, chàng đi chăn dắt những chú gà chọi của mình, còn nàng cùng với mẹ ngồi thêu bên khung thêu. Ban đêm cô phải chống cự trong vài giờ trước khát vọng cuồng nhiệt của chồng mà việc ấy dường như được làm là để thay thế cho sự chung đụng xác thịt, cho tới khi linh cảm của dân chúng đánh hơi thấy có một cái gì không bình thường đang xảy ra và họ liền tung tin đồn rằng Úrsula sau một năm cưới chồng vẫn tiếp tục trinh tiết là do chồng cô bất lực. José Arcadio Buendía là người biết tin đồn sau cùng.

– Úrsula này, mình thấy đấy, người ta đang đồn âm lên, – anh bình tĩnh nói với vợ. – Thầy kệ họ nói, – cô nói, – chỉ

cần chúng ta biết với nhau rằng liều đó là không đúng sự thực.

Vậy là vợ chồng họ cứ sống trong tình cảnh ấy trong khoảng sáu tháng nữa, cho đến một ngày chủ nhật bi thương là ngày José Arcadio Buendía đã thắng Prudencio Aguilar một trận chọi gà. Giận dữ, điên tiết vì thấy máu con gà của mình, kẻ bị thua liền tách ra xa José Arcadio Buendía để mọi người trong sới chọi gà có thể nghe được lời mình sẽ nói:

– Tao mừng cho mày, – anh ta gào,
– để xem xem cuối cùng con gà ấy nó có làm ơn cho vợ mày không nào.

José Arcadio Buendía nín thính, ôm lấy gà mình. “Tôi sẽ trở lại ngay”, anh nói với mọi người, sau đó anh nói với Prudencio Aguilar:

– Còn mày, liệu xác đấy, hãy trở về nhà và cầm lấy vũ khí đi, kéo tao sẽ giết mày. Mười phút sau anh trở lại với cây giáo sắc nhọn của ông nội mình. Ngay ở lối ra vào sới chơi gà, nơi có đến nửa làng đã tụ tập, Prudencio Aguilar đang đứng chờ. Anh ta không có thời gian để tự vệ. Cây giáo của José Arcadio Buendía được phóng đi với sức mạnh của con bò tót và với đường bay chính xác của chính cây giáo do cụ Aureliano Buendía Thứ nhất phóng đi từng kết liễu những con hổ trong vùng, đã xuyên qua cổ họng Prudencio Aguilar. Đêm ấy, trong lúc mọi người đang viếng tử thi ở ngoài sới chơi gà thì José Arcadio Buendía bước vào phòng ngủ giữa lúc vợ anh đang mặc chiếc quần trinh tiết. Hương cây giáo trước mặt cô, anh ra lệnh: “Hãy cởi thứ đó ra”. Úrsula không nghi ngờ quyết định của chồng. “Mình sẽ phải chịu

trách nhiệm về điều vừa xảy ra”, anh rên rỉ nói. José Arcadio Buendía cảm phập ngọn giáo xuống nền nhà. – Nếu mình đẻ ra kỳ đà thì chúng mình sẽ nuôi kỳ đà, – anh nói – Nhưng trong cái làng này sẽ không có thêm những người chết vì tội lỗi của mình.

Đó là một đêm tháng bảy đẹp trời, trăng thanh gió mát và bọn họ thức suốt đêm vằn nhau trên giường cho đến lúc rạng đông, không để ý tới gió lùa vào phòng mang theo tiếng than khóc của gia quyến Prudencio Aguilar. Đám tang này được liệt hạng đám tang danh dự, nhưng hai người dẫn vật lương tâm. Có một đêm mất ngủ, Úrsula ra sân ống nước, đã nhìn thấy Prudencio Aguilar đứng ngay bên cạnh chum. Anh ta đứng đấy, xanh tái, vẻ rầu rĩ, đang muốn dùng ấm rơm cọ bát để nhét vào lỗ thủng nơi cổ họng.

Cô không hãi nhưng mũi lòng thay. Cô trở vào phòng kể lại cho chồng nghe điều mắt mình nhìn thấy nhưng anh không tin. “Những người chết không đi ra khỏi phần mộ của mình”, anh nói. “Chẳng qua là chúng mình không chịu nữa sự giày vò của lương tâm mình thôi”. Hai đêm sau, Úrsula lại nhìn thấy Prudencio Aguilar ở trong nhà tắm đang dùng bã lau vết máu đọng lại ở cổ. Đêm khác cô lại thấy anh ta đang đi lại dưới trời mưa. Giận dữ trước việc vợ mình nhìn thấy ma, José Arcadio Buendía cầm giáo bước ra sân. Quả nhiên bóng ma rầu rĩ đang đứng ở đấy.

– Cút con mẹ mày đi! – José Arcadio Buendía gào lên. – Mày mà cứ lảng vảng ở đây ông sẽ giết?

Prudencio Aguilar không đi, mà José Arcadio Buendía cũng không dám

phóng cây giáo. Từ đấy trở đi anh không thể ngủ ngon giấc. Anh bị dẫn vật bởi chính nỗi buồn mênh mang của người chết từ trong mưa nhìn anh, bởi chính nỗi thương cảm sâu sắc của người chết đối với những người sống, bởi chính cơn khát của người chết lục khắp nhà để tìm nước dập bã lau. “Có lẽ anh ta đau khổ lắm”, Úrsula nói với chồng: “Anh ta quá lẻ loi”. Cô càng cảm động hơn khi lần gần đây nhìn thấy bóng ma đang mở vung nồi bếp thì cô hiểu cái mà nó đang tìm và kể từ lần ấy, cô đặt những tô nước ở khắp nhà cho nó. Một đêm nọ, bắt gặp bóng ma đang rửa vết thương ở ngay trong phòng mình, José Arcadio Buendía không thể chịu được thêm nữa, đã nói:

– Được rồi, Prudencio ạ, – anh nói với bóng ma, – chúng tôi sẽ đi khỏi làng

mày, đi đến nơi xa nhất mà chúng tôi có thể đi, và chúng tôi sẽ không bao giờ trở lại nữa. Bây giờ cậu hãy đi đi, hãy thanh thản mà đi đi.

Đó là nguyên nhân bọn họ vượt núi. Vài anh bạn của José Arcadio Buendía, tất cả đều trai trẻ như anh, náo nức với chuyến đi mạo hiểm này, đã thu dọn đồ đạc rồi mang chúng cùng với vợ con để đi tới miền đất chẳng một ai đã hứa hẹn cho họ. Trước lúc khởi hành, José Arcadio Buendía đã chôn cây giáo ở ngay ngoài sân và lần lượt chặt cổ những con gà chọi tuyệt vời của mình mà lòng anh đinh ninh tin rằng làm như thế sẽ an ủi phần nào vong linh Prudencio Aguilar. Vật duy nhất mà Úrsula mang theo là một chiếc rương trong đó đựng quần áo cưới một ít đồ ăn và một túi nhỏ đựng những đồng tiền vàng của cha cô để lại.

Đoàn người ra đi không đi theo một lộ trình nhất định. Họ chỉ mãi đi theo hướng ngược lại con đường dẫn tới Riohacha để không bỏ lại một dấu vết nào và để tránh chạm mặt người quen. Đó là một chuyến đi kì dị. Khi đoàn người đi được mười bốn tháng trời, với cái bụng quặn đau vì thịt khỉ và canh rắn, Úrsula đẻ ra một chú bé với tất cả các bộ phận người của chú. Cô đẻ rơi giữa đường ngay lúc nằm trên một chiếc võng hai người khiêng, bởi vì hai chân cô xuống máu sưng vù lên mất cả hình thù, và các tĩnh mạch cứ phồng lên như những vấp rộp. Những đứa trẻ thật đáng thương hại với cái bụng lép và đôi mắt quầng thâm. Tuy vậy chúng lại tỏ ra dẻo dai hơn cha mẹ chúng trong chuyến đi gian truân này, và trong phần lớn thời gian còn thích thú là khác. Một buổi sáng nọ, sau gần hai năm ròng rã leo núi, họ

là những người đầu tiên nhìn thấy sườn phía tây của dãy núi. Từ trên đỉnh núi mù mây phủ họ nhìn thấy mặt nước bằng bao la của một đầm lầy menh mông trải tới tận bờ bên kia thế giới. Song chẳng bao giờ họ gặp biển. Có một đêm, sau vài tháng lạc lối giữa những đầm nước, những đả cách rất xa nơi cuối cùng họ gặp những người Anh-điêng trên con đường mình đi, họ nghỉ lại bên bờ một con sông nhiều đá, nước trong như một dải pha lê đông lạnh. Nhiều năm sau này, đại tá Arcadio Buendía định theo con đường ấy để đánh úp Riohacha và sau sáu ngày đi chàng hiểu rằng đó là một cơn điên. Tuy nhiên, cái đêm họ nghỉ lại bên cạnh sông ấy, những người đồng hành của cha chàng đều hoảng hốt như những người chết đuối không nơi bám víu, nhưng con số của họ đã tăng thêm trong cả quá trình vượt núi và tất cả bọn

họ quyết sống (dĩ nhiên họ đã tìm cách) cho đến lúc đầu bạc răng long. Đêm ấy José Arcadio Buendía nằm mộng thấy ở ngay nơi đó một thành phố đông vui với những ngôi nhà có tường kính đã mọc lên. Ông hỏi đó là thành phố gì và ông được trả lời bằng một cái tên chưa bao giờ nghe thấy, một cái tên chẳng có ý nghĩa gì nhưng nó cứ vang động trong giấc mơ: Macondo. Ngay ngày hôm sau, ông thuyết phục các bạn mình rằng sẽ chẳng bao giờ bọn họ tìm thấy biển. Ông hạ lệnh cho họ phát quang một vùng bên cạnh sông, nơi thoáng mát hơn và tại đó họ lập làng. Trước hôm được biết nước đá, José Arcadio Buendía vẫn chưa hiểu được ý nghĩa của giấc mộng về những ngôi nhà có tường kính. Sau hôm đó, ông những tưởng mình đã hiểu được ý nghĩa sâu xa của nó. Ông nghĩ rằng trong một tương lai không xa người ta có thể sản

xuất hàng loạt các khối nước đá bằng vật liệu hết sức thông thường như nước lã, và dùng chúng để xây dựng những ngôi nhà mới cho làng. Lúc đó Macondo sẽ không còn là một nơi nóng bức đến mức bản lề và chốt cửa bằng sắt cũng phải quăn lại vì hơi nóng, và trở thành một thành phố quanh năm là mùa đông. Nếu như ông không nôn nóng tiến hành xây dựng một nhà máy nước đá ngay là vì lúc ấy ông đang hào hứng với việc dạy dỗ các con mình, trước hết là Aureliano, cậu bé ngay từ đầu đã bộc lộ một năng khiếu đặc biệt về thuật làm vàng giả. Phòng thí nghiệm lúc nào cũng sạch bong không một vết bụi. Giờ đây, rất bình tâm, không nao nức trước điều kỳ ảo bằng việc xem lại những chỉ dân của Melquíades, ông cố tách vàng của Úrsula ra khỏi thứ hợp chất đóng chóc lại ở đáy chảo. Cậu thanh niên José Arcadio hầu như không tham

gia công việc ấy. Trong khi cha cậu dốc toàn tâm toàn sức vào công việc trong ống nghiệm thì cậu cả, vốn là người thực làm theo ý mình, là người lớn trước tuổi, đã trở thành một chàng thanh niên lực lưỡng. Cậu võ giọng. Mép cậu đã lún phún mọc đầy lông tơ. Một đêm nọ, Úrsula bước vào phòng khi cậu đã cởi hết quần áo để đi ngủ. Bà thảng thốt cảm thấy vừa then vừa thương. Đó là người đàn ông, sau chồng mình, bà thấy khỏa thân, và y đã được chuẩn bị chu đáo để vào đời và điều đó bà thấy không được bình thường. Lần thứ ba, Úrsula hoài thai, và lại sống lại những nỗi lo âu thuở mới lấy chồng.

Vào thời ấy, có một người đàn bà vui tính, ăn thô nói tục hay khơi chuyện, thường đến nhà, là người vẫn hay làm giúp các việc vặt trong nhà và biết bói bài.

Úrsula đem chuyện con trai mình thổ lộ với thị. Bà nghĩ rằng cái cơ thể quá cỡ của con trai mình là một sự không bình thường như cái đuôi lợn của người chú họ. Người đàn bà bật một tràng cười ha hả vang vọng khắp nhà giống như một dòng thủy tinh ào chảy. Trái lại, thị nói, “cậu cả sẽ là người hạnh phúc đấy, bà ạ”. Để khẳng định lời đoán số, vài ngày sau thị mang tới nhà một cỗ bài, rồi sau đó, một mình lên vào kho ngô ở gần nhà bếp với José Arcadio và đóng chặt cửa lại. Thị điềm nhiên đặt cỗ bài lên chiếc bàn thợ mộc cũ, rồi liền thoảng nói rất những chuyện không đâu, trong lúc đó chàng trẻ tuổi buồn chán hơn là thích thú ngồi bên cạnh thị chờ đợi. Bỗng nhiên thị giơ tay lên ôm choàng lấy anh. “Ôi tuyệt quá, thị nói một cách thẳng thốt về chân thành, và đó là điều duy nhất thị có thể nói được. José Arcadio cảm thấy gân

cốt bủn rủn, sợ hãi và muốn khóc thét lên. Người đàn bà không hề dặn bảo anh điều gì. Nhưng suốt đêm ấy José Arcadio cứ lục tìm thị trong thứ mùi khói phả ra từ vách thị, và cái mùi ấy cứ bám lấy da thịt anh. Anh muốn lúc nào cũng được ở bên cạnh thị, muốn thị là mẹ mình. muốn rằng bọn họ, anh và thị không bao giờ sẽ ra khỏi kho ngô, muốn thị nói với mình ôi tuyệt quá, muốn thị lại ôm lấy mình rồi nói ôi tuyệt quá. Một ngày nọ, anh không thể chịu đựng thêm nữa và đã đến nhà thị để tìm thị. Anh đến chơi nhà không được tự nhiên lắm, ngồi đợi ở phòng khách, không nói không rằng. Trong thời khắc ấy anh không thêm khát thị. Anh thấy thị hoàn toàn khác với hình ảnh mà cái mùi của thị kêu gọi; lúc này thị như một người đàn bà khát. Anh uống cà phê rồi từ biệt ngôi nhà ọp ẹp. Đêm ấy, trong nỗi sợ hãi do

mất ngủ, anh lại da diết khát khao thị, nhưng lúc ấy anh không yêu thị như lúc ở trong kho ngô mà trái lại như trống cái buổi chiều ấy. Mấy ngày sau, người đàn bà đột ngột gọi anh đến nhà mình vào lúc thị đang ở nhà với bà mẹ. Thị lôi anh vào buồng ngủ với cái cớ dạy anh chơi bài. Thế là thị tha hồ ôm anh, đến mức anh mất cả khoái cảm sau cú ngây ngất ban đầu, rồi anh cảm thấy sợ nhiều hơn là thích thú. Thị nũng nịu đòi anh phải đến tìm mình vào ngay đêm ấy. Anh đã trót đồng ý nhưng khi đi ra anh mới hiểu rằng không thể đi được. Song đêm ấy, trên cái giường nóng bỏng như than lửa, anh hiểu rằng cần phải đi tìm thị dù biết việc đó là không thể làm được. Anh sờ soạng mặc quần áo, tai lắng nghe trong bóng tối tiếng thở đều đều của cậu em, tiếng ho khan của cha mình ở phòng bên, tiếng hen khò khè của đàn gà

mái ở ngoài sân, tiếng muỗi vo ve, tiếng thình thình của con tim mình đập và tiếng ồn ào của trời đất chưa bao giờ anh được nghe, rồi anh bước ra con đường đang im lìm ngủ. Anh thành tâm mong muốn cửa đã được cài then hẳn hoi chứ không chỉ khép lại như lời thị hứa với anh. Nhưng cửa vẫn chưa cài then. Anh lấy ngón tay khẽ đẩy cánh cửa và thế là các bản lề rít lên cọt kẹt nghe vừa buồn vừa âm vang khiến anh lạnh cả gáy. Kể từ lúc anh bước vào, bằng cách lách vai nhẹ nhàng để không gây tiếng động, anh vẫn cảm thấy cái mùi ấy. Anh vẫn còn ở trong phòng khách là nơi ba người em trai thị mắc võng ở những vị trí mà cho đến lúc này anh không biết và trong bóng tối không thể xác định được, vậy là anh chỉ còn thiếu sờ soạng mà bước vào, mà đẩy cánh cửa phòng và đi đến nơi ấy làm sao không bị nhăm giường thì nằm. Anh

tìm nó. Anh vấp phải dây võng mắc ở tầm thấp hơn là anh tưởng, và cái người đàn ông đang ngáy khò khò cho đến lúc ấy vẫn đang mộng mị, nói về tỉnh khô: “Đó là ngày thứ tư”. Khi đẩy cánh cửa buồng ngủ anh đã không thể tránh được cú vấp phải mép sàn nhà nhô cao. Trong bóng đêm tối đen như mực, bỗng nhiên, với một nỗi nhớ nhưng không thể dừng được, anh hiểu rằng mình đã hoàn toàn mất phương hướng. Trong phòng chật hẹp này có bà mẹ, cô em, người chồng và ba đứa con của cô ta đang ngủ, và cả người đàn bà nữa, mà có lẽ thị không đợi anh, cũng đã ngủ rồi. Có lẽ anh sẽ không lần theo cái mùi ấy nếu như nó không nồng nặc khắp nhà. Cái mùi đàn bà ấy vừa có vẻ hư hư lại vừa có vẻ thực thực như thể lúc nào nó cũng ở ngay trên làn da anh. Anh đứng im như thẳng phỗng trong một lúc lâu mà ngạc nhiên tự hỏi

lòng mình đã làm thế nào để đi tới cái vực thăm thẳm trái này. Giữa lúc ấy có một bàn tay xòe rộng các ngón cũng đang sờ soạng trong bóng tối, đã đụng phải mặt anh. Cái bàn tay ấy không ngạc nhiên, vì dù không biết đích xác là anh, nó đang đợi anh. Thế là anh tin cái bàn tay ấy và trong trạng thái mệt mỏi đến kinh khủng, anh đã để cho nó lôi tuột mình đến một chỗ không được tiện nghi lắm, là nơi nó lột truồng anh ra, nó mân mê anh như mân mê củ khoai, nó vắn anh sang bên trái lại xoay anh sang phải, là nơi anh không ngửi thấy mùi đàn bà nữa mà chỉ thấy mùi nước đái quỷ, và là nơi anh định nhớ lại gương mặt thị thì anh lại hình dung ra gương mặt bà Úrsula; rồi anh hoang mang mà nhận ra rằng mình đang làm một việc mà từ lâu hằng mong muốn nhưng chưa bao giờ nghĩ rằng trên thực tế sẽ có thể được

làm, không hề biết đang là nó như thế nào bởi không biết đâu là chân, đâu là đầu và cũng chẳng biết chân ấy là của ai, đầu ấy là của ai và anh cảm thấy mình không thể chịu đựng được hơn nữa trước cơn nhói biết nơi thận mình, trước cơn đau quặn nơi bụng mình, anh đâm phát hoảng và cảm thấy nổi khao khát chệnh choáng vừa muốn được chạy trốn đồng thời vừa muốn được ở lại mãi mãi trong cái im lặng đầy thất vọng và cái cô đơn đáng sợ hãi này.

Người đàn bà ấy tên là Pilar Ternera. Thị là một thành viên của đoàn người di cư đã lập nên làng Macondo, bị gia đình lôi đi leo để tách thị ra khỏi gã đàn ông từng cưỡng hiếp thị vào lúc thị mới mười bốn tuổi, và theo đuổi thị đến năm thị hai mươi một tuổi, nhưng không bao giờ quyết định công khai quan hệ

cửa hai người trước công chúng vì gã là con người sở khanh. Gã hứa sẽ theo thị đến cùng trời cuối đất, nhưng ngay sau đó, khi vấn đề đã êm đẹp đầu vào đó, thị cứ mòn mắt chờ trông, bằng cách đánh đồng gã với những người đàn ông cao lớn và cả với những người nhỏ bé thấp lùn, với những người đàn ông tóc hung và cả những người tóc đen, đó là những người mà quân bài hứa hẹn với thị rằng họ sẽ đến từ đường biển và từ đường bộ trong ba ngày, ba tháng hoặc ba năm. Trong lúc chờ đợi, thị đã đánh mất độ săn chắc của các bắp vế, độ căng phồng của bộ ngực, vẻ duyên dáng yếu điệu, nhưng lúc nào thị cũng giữ được con tim luôn bốc lửa tình. Cuồng nhiệt trước trò mê say ấy, đêm nào cũng vậy, José Arcadio đi tìm hơi thị bằng cách vượt qua cái mê cung ấy. Có những khi gặp cửa đóng then cài, anh đã gõ cửa vài

lần, vì biết rằng đã có gan gõ lần thứ nhất ắt phải gõ tới lần chót, và sau khi đã dai dẳng chờ đợi, anh được thị mở cửa. Ban ngày, thiếp đi vì buồn ngủ, anh thâm ngậm nhấm khoái cảm đêm trước. Song khi thị bước vào nhà, vui vẻ, hồn nhiên, vẻ bông lơn, thì anh chẳng phải mệt sức để che giấu nỗi mệt mỏi của mình, bởi vì cái người đàn bà có tiếng cười giòn từng làm kinh động những con bồ câu ấy rất mãn nguyện đã dạy cho anh biết thở thật sâu, biết giữ cho tim không đập quá dồn dập và đã cho phép anh biết vì sao những người đàn ông lại sợ chết đến thế. Anh quá mải mê suy tư đến nỗi không hiểu niềm vui tràn trề của tất cả mọi người trước việc cha và em trai anh làm náo loạn cả nhà bằng cách loan tin đã nung chảy được chất hợp kim và đã tách được vàng của Úrsula. Quả nhiên, sau những ngày làm việc cần cù đầy

hứng thú, cha con José Arcadio Buendía đã giành được kết quả. Úrsula rất sung sướng, đến mức bà phải cảm ơn Thượng đế về phát minh của thuật giả kim, trong lúc đó dân làng tụ tập trong phòng thí nghiệm và gia đình mời họ xơi mứt ôi với bánh qui để mừng kỳ tích, José Arcadio Buendía cho họ xem cái nồi nấu kim loại với số vàng đã được lấy lại, làm như thể ông vừa chế được. Sau khi cho mọi người xem khắp lượt, cuối cùng ông mang nó đến trước mặt đứa con trai đầu lòng của mình, người trong thời gian gần đây hầu như không bước chân vào phòng thí nghiệm. Đặt trước mắt anh thứ kim loại khô khốc và vàng óng, rồi ông hỏi: “Con thấy thế nào?”. José Arcadio chân thành trả lời cha: – Cái đồ cút chó ấy mà! Cha anh liền vả một cái tát trái vào miệng anh đến là đau, làm cho anh phải chảy máu và ứa nước mắt. Đêm

ấy Pilar Ternera dán thuốc cao lên chỗ sưng, mò mẫm trong bóng tối tìm chai rượu và bông và làm tất cả những gì thị muốn nhưng không làm anh khó chịu, để yêu anh mà không làm anh đau đớn. Bọn họ trở nên thân thiết, chỉ ít phút sau, không ai bảo ai, đã thăm thì to nhỏ nói chuyện với nhau:

– Anh muốn chỉ một mình em bên anh, – anh nói, – một ngày gần đây, anh sẽ kể hết chuyện chúng mình cho mọi người biết để kết thúc những trò vụng trộm luôn một thể.

Thị không định ngăn cản anh. – Thế thì rất hay, – thị nói, – nếu chỉ có mình chúng mình với nhau thôi, chúng mình sẽ thắp đèn sáng để nhìn nhau cho sướng và em có thể gào to tất cả những gì em thích không còn lo một ai quấy rối, và anh sẽ thì thào bên tai em tất cả những

lời tục tĩu anh nghĩ ra được.

Buổi trao đổi này, nổi cảm tức cha mình, và khả năng khẩn cấp của mối tình quá trớn, đã làm cho anh thêm bạo dạn rồi đột ngột, anh kể tất cả cho em trai mình nghe.

Thoạt đầu, Aureliano chỉ hiểu được nỗi nguy hiểm và những tai họa sẽ xảy ra do các cú liều mạng của anh trai mình gây nên, nhưng cậu vẫn chưa cảm nhận được cái khoái cảm đến đê mê của câu chuyện. Rồi niềm khao khát dần dần xâm chiếm cậu. Cậu bắt người anh kể tỉ mỉ những tình tiết li kì, đồng cảm với nỗi đau đớn ê chề và mềm lác thú của ông anh, cậu cũng thấy bồi hồi lo âu và sung sướng. Cậu thức đợi ông anh mình cho đến gần sáng, cứ trần trọc bồi hồi trên cái giường như có ai bỏ than đỏ vào, và khi ông anh trở về, cả hai người đều

tĩnh như sáo nói chuyện cho đến lúc dậy, vì vậy mà chẳng bao lâu cả hai anh em đều lủ đủ lủ đủ, chán ngấy thuật giả kim và kiến thức uyên bác của cha mình và cả hai đều trốn vào cõi cô đơn.

“Bọn trẻ nhà này cứ như những thằng điên, lúc nào cũng thần thờ”, Úrsula nói. “Có lẽ chúng bị giun quấy đấy”. Bà chuẩn bị cho họ một tô nước thuốc lá pai-cô [Pai-cô: một thứ cây thuộc họ rau muối sản ở châu Mỹ, lá có vị chát có thể tẩy được giun.] và cả hai người điềm nhiên uống, rồi chỉ trong một ngày họ đã mười một lần ngồi vào bô, thải ra một vài con giun màu hồng hồng. Hai anh em thích thú chìa cho mọi người xem vì chúng cho phép họ đánh lạc hướng Úrsula về căn nguyên cái bệnh buồn phiền của họ.

Lúc đó Aureliano không chỉ hiểu mà còn có thể cảm nhận những kinh ng-

hiệm tình dục của ông anh như chính mình đã trải qua, bởi vì có một lần khi người anh kể rất tỉ mỉ về cách thức làm tình như thế nào, thì cậu đã ngắt lời hỏi:

– Anh cảm thấy như thế nào?...

Không ngần ngại, José Arcadio trả lời ngay:

– Như thể trời rung đất chuyển ấy.

Vào lúc hai giờ sáng một ngày thứ năm trong tháng Giêng, Amaranta đã ra đời. Trước lúc chưa có ai vào phòng, Úrsula xem xét khắp người đứa hài nhi. Nó nhẹ tênh và căng mọng như một con thằn lằn non, nhưng tất cả các bộ phận trên người nó đều thuộc giống người. Aureliano chỉ biết tin vui khi thấy mọi người kéo đến nhà mình rất đông. Để trốn tránh sự ồn ã này, cậu ra khỏi nhà đi

tìm ông anh, người đã bỏ trống giường từ lúc mười một giờ, và đó là một quyết định đột ngột đến mức cậu không kịp tự hỏi làm thế nào để lôi được anh mình ra khỏi phòng Pilar Ternera. Cậu đi quanh nhà thị vài giờ liền, cứ huyết sáo làm hiệu liên tục cho đến khi buổi bình minh buộc cậu phải trở về. Trong phòng của bà mẹ, cậu bắt gặp José Arcadio với bộ mặt tỉnh bơ, đang chơi với cô em gái mới sinh.

Úrsula hầu như vừa kết thúc kì nghỉ để bốn mươi ngày thì những người digan cũng vừa tới làng. Đó chính là những người làm xiếc và những người múa rối từng mang nước đá đến đây. Khác với nhóm người của Melquíades, chẳng bao lâu bọn họ đã trưng bày các thứ hàng hóa tiêu xài chứ không như trước đây chỉ có những thành tựu của tiến bộ khoa học. Khi mang nước đá đến, họ đã không

quảng cáo mặt ích lợi phục vụ cho đời sống con người mà chỉ quảng cáo nó như một trò ảo thuật đơn thuần. Lần này, bên cạnh các trò tiêu khiển khác, họ mang đến một cái thảm bay. Họ không giới thiệu nó như một đóng góp cơ bản cho sự phát triển giao thông mà giới thiệu nó như một thứ đồ chơi. Dĩ nhiên dân chúng moi nốt những mẩu vàng cuối cùng để thưởng thức cú bay vù vù trên các nóc nhà trong làng. Lợi dụng sự tha thứ đầy thú vị của công chúng đang ồn ào, José Arcadio và Pilar Ternera đã sống những giờ tự do. Họ là hai người tình ngây ngất hạnh phúc giữa đám đông đến mức tưởng rằng tình yêu còn sâu sắc và lắng đọng hơn cả cái khoái lạc tột đỉnh và tức thời của họ trong những đêm vụng trộm. Tuy vậy Pilar Ternera lại phá tan cái niềm vui ấy. Phấn chấn hẳn lên trước đam mê của José Arcadio lúc đang

tận hưởng hạnh phúc đôi lứa, thị nhầm lẫn cách thức nói và lúc cần nói, đã bỗng nhiên chụp lên đầu anh một trách nhiệm nặng nề bằng cả quả địa cầu.

– Giờ đây, anh đã là một người đàn ông rồi đấy, thị nói với anh.

Và vì anh không hiểu điều thị vừa nói, thị thông thả giải thích cặn kẽ:

– Nghĩa là anh sẽ có một đứa con trai.

Trong vài ngày liền, José Arcadio không dám ra khỏi nhà. Chỉ cần nghe thấy tiếng cười khanh khách của Pilar Ternera là đã đủ để anh trốn vào phòng thí nghiệm, là nơi những thứ đồ thủ công mỹ nghệ, thành quả của thuật giả kim, đang sống lại nhờ lòng từ thiện của Úrsula. José Arcadio Buendía vốn vẫ

đón đứa con lầm lạc và hướng dẫn anh tập sự trong công việc máy mò của thuật giả kim đã được ông hiểu cặn kẽ. Một chiều nọ, hai anh em rất phấn khởi trước tấm thảm bay ngang tầm cửa sổ phòng thí nghiệm mang theo người digan lái và vài em nhỏ trong làng đang vui vẻ vẫy tay chào, và José Arcadio Buendía không thèm nhìn tấm thảm bay. “Cứ để họ mơ mộng”, ông nói, “chúng ta sẽ bay cao hơn bọn họ với phương tiện khoa học hơn cái thảm bay thảm hại này”. Dầu đang phải giả vờ làm ra vẻ hứng thú với công việc, José Arcadio không bao giờ có thể hiểu được những khả năng kỳ vĩ của lò luyện đá giả kim mà đối với anh nó chỉ đơn giản là một bình thủy tinh làm tồi quá. Anh biếng ăn, mất ngủ, cúi kính, giống hệt cha mình lúc ông phải đối mặt với những thất bại trong một số công việc và trạng thái thất thường ấy của anh đã buộc ông

phải thay anh làm mọi công việc trong lò luyện đá giả kim vì nghĩ rằng công việc này làm anh quá lao lực. Aureliano dĩ nhiên hiểu rằng nỗi đau khổ ấy của ông anh mình không liên quan gì đến lò luyện đá giả kim, nhưng cậu không tài nào làm cho anh thổ lộ với mình điều sâu kín kia. José Arcadio không còn hiểu động như trước. Từ một người hóm hỉnh và cởi mở anh trở thành một kẻ kín đáo và khó tính. Quá ưa thích nôi cô đơn, lúc nào cũng giận hờn xung quanh, một đêm nọ, như mọi bữa anh lại để trống giường bỏ đi ra ngoài, nhưng không đến nhà Pilar Ternera mà đi thẳng một mạch đến hội chợ. Sau khi dạo khắp các trò vui, không thích thú trước bất kỳ trò chơi nào, anh để ý đến một người không diễn trò, một cô gái digan rất trẻ, hầu như còn đang ở tuổi thơ, đeo đầy cổ những hạt pha lê giả ngọc. Đó là một người đàn bà đẹp nhất

cho đến lúc ấy anh được biết. Anh đang ở giữa đám người mãi mê xem trò diễn một người đàn ông biến thành con rắn vì không nghe lời bố mẹ. José Arcadio không để ý xem. Trong lúc diễn ra cuộc tra hỏi người đàn ông – con rắn, anh len lỏi giữa đám đông để đi tới nàng người đầu tiên là nơi anh gặp cô gái digan, dừng lại phía sau cô ta. Từ phía sau, anh ôm lấy thắt lưng cô ta. Cô ta cố vùng ra nhưng José Arcadio càng ôm chặt hơn. Vậy là cô đã rung động, đứng im nhưng vẫn quay lưng lại anh, run rẩy vì ngạc nhiên và sợ hãi mà không thể tin điều đó là sự thực, cuối cùng cô ngoảnh mặt lại, với nụ cười run rẩy cô nhìn anh. Trong lúc ấy hai người đàn ông digan lừa người đàn ông con rắn vào túi và mang vào bên trong quán hàng. Một người digan trưởng trò quay ra phía công chúng nói: – Thưa quý ông quý bà, bây giờ chúng

tôi xin trình diễn tiết mục kinh rợn về một người đàn bà, đêm nào cũng như đêm này, đều bị chặt đầu vào đúng giờ này trong suốt một trăm năm mươi năm vì tội đã dám nhìn cái không nên nhìn.

José Arcadio và cô gái không xem tiết mục chặt đầu người đàn bà. Họ đi về quán của cô, là nơi với nỗi thèm khát tuyệt vọng họ thỏa sức hôn nhau trong lúc cởi quần áo. Cô gái digan cởi hết những chiếc áo ngoài, những chiếc váy lót, chiếc coóc-xê đệm nhiều lần vải, chuỗi hạt pha lê giả ngọc thì bộ ngực căng và đôi mông nở trước đây bỗng biến đi mất. Thực ra cơ thể cô giống như một cành khô, ngực lép, vế teo không bằng cánh tay của José Arcadio, nhưng lại có được cái vẻ dạn dĩ và cái hơi nồng ấm kéo lại. Tuy nhiên, José Arcadio không thể đáp ứng ngay cơn cuồng nhiệt của cô, bởi

họ đang nằm trong một cái quán công, là nơi những người digan qua lại luôn, lúc thì mang các dụng cụ làm xiếc, lúc thì hóa trang, có lúc họ tụ tập bên cạnh giường chơi một ván xúc xắc. Ngọn đèn treo trên một cây cột ở giữa bãi soi sáng xung quanh. Lúc họ thôi không mân mê nhau, José Arcadio trần truồng nằm duỗi thẳng cẳng trên giường, không biết làm gì thêm, thì cô gái cố làm trò khêu gợi anh. Sau đó, có lúc có một ả digan da dẻ bóng mượt bước vào, theo sau là một người đàn ông, vốn không phải là người cùng gánh xiếc cũng không phải là người làng này. Và rồi cả hai cùng cởi quần áo ngay trước giường José Arcadio đang nằm. Không có ý định trêu người anh, người đàn bà nhìn José Arcadio, với lòng đầy thèm khát, háo hức ngắm nghía con vật trứ tuyệt của anh đang nghỉ ngơi.

– Ôi, anh bạn? – Ầ reo lên. – Cầu Thượng đế sẽ che chở cô em cho anh bạn nhé.

Người bạn gái của José Arcadio yêu cầu để cho họ được yên và cái đôi ấy nằm xuống nền nhà ngay cạnh giường. Nỗi đam mê của những người khác đánh thức cơn hăng của José Arcadio. Ngay từ phút đầu, các xương hóc cô gái dường như long ra kêu ràn roạt như những quân domino chạm vào nhau, trên da cô nhộp nhúa thứ mồ hôi nhờ nhờ vàng, đôi mắt cô giàn giụa lệ cả người cô phát ra tiếng kêu ư ử và phát ra thứ mùi bùn cứ lẫn vẩn đây đó. Nhưng cô gái dai sức đã vượt qua cú chung đụng với một tính cách kiên cường và một sự dũng cảm đáng khâm phục. Lúc ấy José Arcadio cảm thấy mình bị nâng bổng lên đến

trạng thái khó thở là nơi trái tim anh tan ra trong một cái giếng nhục dục êm dịu đang chảy vào cô gái theo các lỗ tai và chui ra qua lỗ miệng biến thành những lời được dịch sang ngôn ngữ của cô. Đó là thứ năm.

Đêm thứ bảy, đầu đội một chiếc khăn đỏ, José Arcadio bỏ nhà ra đi cùng với những người digan. Khi Úrsula thấy anh vắng mặt vội đi khắp làng tìm anh. Tại khu lán tan hoang, không có gì hơn là một dòng nước bắn giữa những đám tro còn nóng trong các bếp đã dập lửa. Một người đang tìm những hạt pha lê giả ngọc trong đồng rác, nói với Úrsula rằng đêm qua họ đã nhìn thấy con trai bà lẩn trong đám người digan ồn ào, tay đẩy chiếc xe cũi trong nhất người-rắn.

– Thế là nó theo bạn digan rồi, bà gào lên bên tai ông, người không tỏ một dấu hiệu lo lắng nào trước tin con trai mất tích.

– Cầu Chúa đúng như thế, – José Arcadio Buendía nói và vẫn nghiền cái chất liệu đã được nghiền ngàn lần trong cối, đã được nung rồi lại nghiền. – Như vậy nó sẽ học để làm người.

Úrsula hỏi mọi người bọn digan đi về hướng nào. Trên đường đi bà lại hỏi, người ta lại chỉ cho, bà tiếp tục đi vì nghĩ rằng vẫn còn thời gian để đuổi kịp con trai. Cứ như thế bà đi ngày một xa làng hơn cho đến khi nhận ra mình đã ở cách làng quá xa đến mức không nghĩ sẽ trở về. José Arcadio Buendía chỉ phát hiện ra sự vắng mặt của vợ mình vào lúc tám giờ tối, khi ông đặt chất hợp kim được

nấu lại trên một lớp mùn và đi xem vì sao bé Amaranta khóc đến khản tiếng. Ít giờ sau, ông tập hợp một nhóm đàn ông nai nịt gọn gàng, đặt bé Amaranta vào tay một bà nhận cho bú chực, rồi đi tìm Úrsula. Aureliano cũng cùng đi với họ. Những ngư dân người Anh-điêng, bằng điệu bộ, đã ra hiệu cho họ biết rằng không thấy ai đi qua kể từ sáng sớm đến giờ. Sau ba ngày tìm kiếm vô ích, những người đi tin trở về làng.

Trong vài tuần, José Arcadio Buendía hoàn toàn chịu thất vọng. Ông chăm nom bé Amaranta như một người mẹ. Ông tắm, thay quần áo cho bé rồi ban ngày, bốn lần mang bé đi xin bú, và ban đêm ông hát ru bé ngủ, vốn là việc Úrsula chưa từng làm. Có lần Pilar Ternera tự nguyện đến xin đỡ dần công việc nội trợ cho đến khi nào Úrsula trở về.

Aureliano, mà linh cảm kỳ lạ của cậu vốn đã cảm thấy thị là kẻ thủ phạm gây ra nỗi bất hạnh này, quắc mắt nhìn thị khi thị bước vào. Vậy là cậu biết rằng dù dưới hình thức nào đi nữa thị cũng là kẻ có tội trong việc ông anh trai bỏ đi và tiếp đó, bà mẹ cậu mất tích, rồi bằng cách đó cậu đã thâm lặng và kiên quyết kết tội thị khiến cho người đàn bà này không dám bén mảng tới nhà nữa. Với thời gian trôi đi mọi việc lại đầu vào đấy. José Arcadio Buendía và con trai ông không hay biết vào lúc nào họ lại làm việc trong phòng thí nghiệm, nào lau bụi, nào đốt lửa cho ống nghiệm, rồi lại mãi mê tiến hành công việc bào chế các chất hợp kim đã vài tháng nay ngủ yên trên lớp mùn. Ngay đến bé Amaranta, nằm gọn trong chiếc nôi mây, cũng tò mò quan sát công việc lặng lẽ của cha và anh mình trong căn phòng lạ kì hẳn đi vì hơi thủy ngân.

Sau mấy tháng Úrsula biệt tích, có một lần đã xảy ra những sự việc lạ lẫm. Một bình thủy tinh rỗng nằm trên tủ từ lâu từng bị người ta bỏ quên, bỗng nặng đến mức không thể xê dịch được. Một nồi đựng nước lọc đặt trên bàn làm việc, không hề có lửa đun ở dưới, cũng tự nhiên sôi sùng sục và chỉ trong nửa giờ đã cạn sạch nước. José Arcadio Buendía và con trai ông thảng thốt nhìn những hiện tượng đó mà không thể giải thích được, nhưng rồi họ cứ khẳng khẳng cho chúng là điềm báo trước của chất hợp kim sẽ ra đời.

Một ngày nọ, chiếc nôi của bé Amaranta tự nó quay tròn rồi đi xung quanh căn phòng trước nỗi hoảng hốt của Aureliano, người đã vội vàng chạy đến giữ lại. Nhưng cha cậu vẫn cứ điềm nhiên như không. Ông đặt chiếc nôi trở lại chỗ

cũ rồi cột nó vào một chân bàn, lòng tin rằng cái sự kiện hằng mong đợi hẳn sẽ phải xảy ra nay mai. Đúng lúc ấy Aureliano nghe thấy cha mình nói:

– Nếu không sợ Thượng đế thì hãy sợ kim loại vậy!

Bỗng nhiên Úrsula trở về sau gần năm tháng mất tích. Bà trở về với vẻ hơn hờ, trẻ trung, mặc bộ váy áo lạ kiểu đối với người làng. José Arcadio Buendía mừng mừng tủi tủi hầu như không thể cưỡng lại cú ôm hôn bà.

– Chao ôi, ra thế cơ đấy! ông nói như gào: Tôi biết sẽ xảy ra mà.

Và thực tình ông tin, bởi vì trong những buổi ở lì trong phòng khi bào chế hợp chất, từ trái tim mình ông đã cầu cho sự kiện đang háo hức chờ đợi sẽ

không phải là kết quả mỹ mãn của thuật giả kim, cũng không phải là sự giải thoát khỏi bể lò đang thổi lửa nung chảy kim loại, cũng không phải phép biến bản lề, khóa cửa ở nhà này thành vàng, mà là cái sự kiện vừa xảy ra: Cuộc trở về của Úrsula. Nhưng bà không chia sẻ niềm vui ồn ã của chồng mình. Bà hôn ông theo lệ như thể bà vắng nhà chưa quá một giờ đồng hồ, rồi bảo ông:

– Mình hãy ra ngoài đi!

Khi ra đường và nhìn ngắm đám đông, José Arcadio Buendía mãi mới định thần được. Họ không phải là bọn digan. Họ là những người đàn ông và đàn bà y hệt dân làng này, cũng có mái tóc mềm và nước da nâu, cũng là những người nói chính tiếng nói của ông và cũng thở than về cạnh những nỗi đau khổ ấy. Họ mang theo những chú lừa thổ thức

ăn, những chiếc xe bò chở bàn ghế và dụng cụ nấu ăn, vốn là những thứ hàng giản dị và thiết cốt được những người bán hàng bày bán không phải quảng cáo. Họ tới đây từ bờ bên kia của đầm lầy, cách Macondo khoảng hai ngày đường, là nơi các làng hàng tháng đều đặn nhận thư từ bưu điện và đã làm quen với các máy móc sản sinh nhiều lợi ích. Úrsula không đuổi kịp bọn digan, nhưng bà gặp được con đường mà chồng mình không thể phát hiện ra trong chuyến tìm kiếm những phát minh vĩ đại đã thất bại.

CHƯƠNG 3

Đứa con trai của Pilar Ternera được mang về nhà ông bà nó sau hai tuần cất tiếng chào đời. Úrsula miễn cưỡng thừa nhận nó, bởi lại một lần nữa bà phải nhượng bộ tính gàn của chồng mình, người kiên trì giữ ý nghĩ rằng không thể để cho con cháu ông cù bơ cù bất trong cuộc đời, nhưng bà đã đặt điều kiện là không bao giờ cho đứa trẻ biết rõ gốc gác của nó. Mặc dù đứa trẻ mang tên José Arcadio, nhưng ông bà quyết định

để tránh nhằm lẫn sẽ chỉ gọi chộc lớn là Arcadio. Vào thời ấy ngoài làng có nhiều hoạt động xã hội và trong nhà có lắm công nhiều việc, cho nên việc chăm sóc trẻ lui xuống hàng thứ yếu. Những đứa trẻ được giao phó cho Visitación, một cô thôn nữ người Anh-điêng, vì phải chạy trốn bệnh dịch mất ngủ từ vài năm nay đang hoành hành ở bộ tộc mình đã đến làng này cùng với em trai. Cả hai chị em đều hiền lành, ngoan nết và chịu thương chịu khó, vì vậy bà Úrsula đã tin cậy giao cho họ giúp mình công việc trong nhà. Bởi thế mà Arcadio và Amaranta đã nói tiếng của người thổ dân trước khi biết nói tiếng Tây Ban Nha, tập húp nước súp thịt thằn lằn và ăn trứng nhện mà Úrsula không hay biết, bởi vì bà đang mải công việc kinh doanh kéo nặn hình con giống, một nghề nhiều triển vọng. Macondo đã thay đổi hẳn. Những người cùng đến với

Úrsula đã biết cách khai thác đất đai màu mỡ và vị trí địa lý nhiều ưu thế của Macondo so với vùng đầm lầy, do đó chẳng bao lâu cái làng xác xơ nhanh chóng trở thành một làng nhộn nhịp có các cửa hiệu và xưởng thủ công và một phố buôn bán thường xuyên ở nơi những người Ả-rập đi giày păng-tup và tai đeo khuyên đầu tiên đến đây để đổi những chuỗi hạt pha lê giả ngọc lấy những con vẹt đuôi dài. José Arcadio Buendía không có lấy một lúc nghỉ ngơi. Hào hứng trước một thực tế mà lúc này đối với ông còn huyền ảo hơn cả cái thế giới bao la trong trí tưởng tượng của mình, ông mất luôn hứng thú với công việc ở phòng thí nghiệm giả kim, bỏ mặc cái chất kim loại đã được nung đi nấu lại trong nhiều tháng liền để trở lại con người năng nổ như trước đây từng quyết định vạch những con đường và xây cất các ngôi nhà sao cho không

một ai được hưởng nhiều thuận lợi hơn những người khác. Ông có uy tín cao đối với những người mới tới làng, đến mức những người này muốn đào móng xây nhà hoặc muốn rào vườn đều phải đến xin ý kiến ông trước, và ông được mọi người bầu là người đầu tiên quyết định chia lại đất đai của làng.

Khi những người digan làm trò ảo thuật trở lại, lần này quầy hàng di động của họ đã trở thành một cửa hàng khổng lồ có các trò chơi may rủi, thì bọn họ đã được đón tiếp nồng nhiệt vì người ta nghĩ rằng José Arcadio sẽ cùng trở về. Nhưng José Arcadio đã không trở về, và bọn người digan này cũng không mang theo người-rắn, mà theo như Úrsula nghĩ thì cái gã người-rắn ấy sẽ là kẻ duy nhất có thể cho bà biết được sự thực về con mình, thế là bà đã không cho phép

những người digan dừng lại mở cửa hàng và trong tương lai cũng sẽ không được đặt chân lên đất làng này bởi vì bọn họ đã bị lên án là những sứ giả của trò dâm dục và đồi bại. Nhưng José Arcadio Buendía lại tỏ ra rất sáng suốt trong ý nghĩ rằng bộ tộc của Melquíades, cái bộ tộc bằng những hiểu biết lâu đời và những phát minh kỳ diệu từng đóng góp rất nhiều vào sự trưởng thành của làng Macondo, lúc nào cũng được mở rộng cửa đón tiếp. Nhưng bộ tộc Melquíades, theo như lời những kẻ giang hồ, đã bị xóa khỏi lật đất này bởi tội dám cả gan vượt qua những giới hạn hiểu biết mà Thượng đế đã phán quyết cho con người. Thoát khỏi sự dằn vặt của những ham muốn huyền hoặc, ít ra là trong thời gian này, José Arcadio Buendía đã ổn định được nếp sống của làng trong kỷ cương và lao động, và cho phép thả những chú chim từ thời thành

lập làng đã làm vui nhộn bầu không khí với tiếng hát của chúng, thay vào đó ông cho lắp đồng hồ nhạc ở các nhà. Đó là những chiếc đồng hồ quý giá làm bằng gỗ được bào nhẵn mà những người Ả-rập đổi cho dân làng để lấy những chú vẹt đuôi dài, và José Arcadio Buendía đã điều khiển cho không cùng chạy một cách chính xác đến mức cứ nửa giờ một, dân làng vui vẻ hẳn lên trong tiếng nhạc hòa đồng dường như phát ra từ một chiếc đồng hồ duy nhất. José Arcadio Buendía là người trong những năm ấy quyết định trồng những cây hạnh đào thay cho những cây keo dọc khắp các con đường và ông cung chính là người phát hiện ra nhưng không bao giờ tiết lộ các biện pháp khiến chúng trường tồn. Rất nhiều năm sau này, khi làng Macondo trở thành một trại tập trung gồm những ngôi nhà tường gỗ mái lợp tôn,

thì trên những con đường cổ kính vẫn còn những cây hạnh đào già cỗi phủ đầy bụi đường mặc dù lúc ấy không một ai biết người nào đã trồng chúng. Trong lúc cha lo sắp đặt công việc chung của làng và mẹ lo làm những chiếc kẹo hình con gà và con em cắm trên những chiếc que được mang ra chợ bán một ngày hai lần để tăng thu nhập gia đình, thì Aureliano say đắm ở lý trong phòng thí nghiệm bỏ không để nghiên cứu nghề mỹ nghệ vàng bạc. Cậu làm chỉ đơn thuần vì hứng thú riêng. Trong một thời gian ngắn Aureliano lớn ngồng lên, đến mức đã không mặc vừa quần áo cũ của anh trai và phải mặc quần áo của cha, nhưng Visitación lại phải chít nách áo và may hẹp ống quần lại vì cậu vẫn chưa có được thân hình vạm vạp của cha và anh mình. Tuổi thanh niên đã lấy đi mất của Aureliano giọng nói ngọt ngào và đã khiến cho cậu

trở nên lảm lỳ ít nói và cô đơn, nhưng trái lại nó cũng trả cho cậu sức biểu cảm mãnh liệt vốn có từ thuở lọt lòng mẹ trong đôi mắt. Aureliano tập trung quá sức vào những việc thực nghiệm kim hoàn đến mức hầu như không ra khỏi phòng thí nghiệm để đi ăn cơm. Lo lắng trước sự tập trung trí tuệ đến cao độ của con trai, José Arcadio Buendía liền đưa cho cậu chìa khóa cửa và một ít tiền, vì ông nghĩ rằng có thể con trai mình thiếu gái ở bên cạnh. Nhưng Aureliano dùng khoản tiền đó mua axit clohydric để tạo ra dung dịch axit clohydric rồi cậu làm cho những chiếc chìa khóa bóng lộn nhờ một lớp vàng mạ bên ngoài. Những tính nết khác thường ấy của Aureliano cũng phù hợp với Arcadio và Amaranta mà lúc này tuy đã thay răng nhưng đi đâu cũng bám lấy gấu quần những người Anh-điêng và rất ương bướng không chịu bỏ

thổ ngữ để nói tiếng Tây Ban Nha.

– Mình chẳng còn phải kêu ca gì nữa nhé, Úrsula nói với chồng mình: “Con cái thừa kế tính điên khùng của cha mẹ chúng”.

Trong lúc bà than vãn về số phận hẩm hiu của mình mà lòng tự thấy rằng những sự trái thối trái tính của các con trai mình quả thật cũng đáng kinh sợ như cái đuôi con lợn, thì Aureliano mơ màng nhìn bà: – Có người sẽ đến nhà mình đấy! – cậu bảo mẹ. Vì lâu nay cậu vẫn thường nói về những điềm báo, nên Úrsula, với thứ lý lẽ thông thường của mình, định làm cậu cụt hứng. Người đến nhà là chuyện bình thường. Hàng chục người lạ mặt vãng lai qua làng Macondo mà chẳng khiến ai ngạc nhiên cũng chẳng thông báo điều gì bí mật. Tuy nhiên, bất chấp những lý lẽ thông thường ấy, Au-

reliano vẫn khẳng định điều mình tiên đoán:

– Con không biết là ai? – cậu nói,
– nhưng người đến đây hiện đang trên đường đi.

Quả nhiên, Rebeca đã đến vào một ngày chủ nhật. Cô bé chưa đến tuổi mười một. Cô bé đã phải vất vả đi từ Manaure đến đây cùng với những người buôn da là những người có nhiệm vụ giao lại cô bé và bức thư tại nhà José Arcadio Buendía, nhưng cũng chính những người này không thể giải thích rõ ràng ai là người đã nhờ cậy họ. Tất cả hành trang của cô bé gồm một cái hòm nhỏ đựng quần áo, một chiếc ghế xích đu gỗ và một bao tải gai trong đó đựng hài cốt của bố mẹ nó, những thứ vẫn thường kêu lộc cộc, lộc cộc, lộc cộc khi va chạm vào nhau. Bức thư gửi cho José Arcadio Buendía được

viết bằng những từ ngữ âu yếm thổ lộ tình cảm của người dù xa cách lâu ngày vẫn yêu thương ông và bởi một tình cảm rất thân ái, người đó tự thấy mình phải nhờ vả gia đình ông trông nom cô bé mồ côi không nơi nương tựa này và kể rằng cô bé là một người họ hàng tất gần với Úrsula và do đó cũng là chỗ thân tình của José Arcadio Buendía tuy có xa hơn chút ít, bởi vì cô bé là con gái của một người bạn không thể nào quên được tên là Nicanor Ulloa và người vợ cao quý của ông ta tên là Rebeca Montiel. Đó và những người đang được Thượng đế che chở trên thiên đường của Người, và hài cốt của họ đã được thu lại để gia đình ông mai táng dưới phần mộ những con chiên của chúa Ki-tô.

Những tên tuổi được dẫn ra cũng như chữ ký trong lá thư đều hoàn toàn

rõ ràng, nhưng cả José Arcadio Buendía lẫn Úrsula đều nhớ rằng mình không có ai thân quen có những tên ấy, kể cả tên người gửi thư và ở làng Manaure xa xưa ấy càng không thể có ai mang những tên ấy. Qua cô bé họ cũng không thể tìm được những tin tức đầy đủ hơn. Kể từ lúc đến, cô bé ngồi trên ghế xích đu, mút tay và với đôi mắt to sợ sệt quan sát tất cả mọi người, không hề tỏ vẻ rằng mình có hiểu hay không hiểu những điều người ta hỏi. Cô bé mặc quần áo vải diagonal dệt sọc đen đã sờn rách và đôi ủng màu véc-ni đã thủng, tóc vén qua mang tai buộc bằng những chiếc nơ đen. Cô bé còn mặc một chiếc áo choàng thêu không tay bị mồ hôi làm phai bạc đi, và trên cổ tay phải đeo một chiếc răng thú dữ cắm trên đế đồng, nó tựa như một chiếc bùa hộ mạng. Nước da cô bé xanh tái, cái bụng tròn vo và căng phồng giống

như mặt trống, tất cả đều chứng tỏ cô bé rất bệnh hoạn và đói ăn lâu ngày. Nhưng khi được người ta cho ăn thì cô bé ngồi yên, đặt bát thức ăn trên đùi mà không hề nếm thử. Mọi người cứ đinh ninh rằng cô bé bị bệnh câm điếc cho tới khi những người Anh-điêng dùng thổ ngữ hỏi cô bé có muốn uống nước không thì đôi mắt cô bé chơm chớp làm ra vẻ hiểu họ và gật đầu xin nước. Không còn cách nào khác là gia đình buộc phải nhận nuôi cô bé. Mọi người quyết định gọi cô bé là Rebeca cho hợp với tên mẹ vì Aureliano đã đủ kiên nhẫn ngồi trước mặt nó đọc hết các tên thánh nhưng cậu không nhìn thấy một phản ứng nào, dù rất nhỏ, trên gương mặt cô bé. Trong thời gian ấy, ở làng Macondo chưa có nghĩa địa, vì cho đến lúc này vẫn chưa có ai chết và thế là gia đình buộc phải cất giữ chiếc bao tải đựng hài cốt cho tới khi nào có địa điểm

xúng đáng để mai táng. Trong thời gian khá lâu chúng vương vãi khắp nơi, bị bắt gặp ở những nơi ít ngờ nhất thường kèm với tiếng kêu quang quác của chú gà hay bói. Phải mất một thời gian dài, Rebeca mới làm quen với cuộc sống ở nhà này. Cô bé ngồi trên ghế xích đu, mút tay chùn chụt ở trong xó nhà vắng vẻ nhất. Chỉ có tiếng nhạc phát ra từ đồng hồ là cái duy nhất khiến cô bé chú ý. Cứ nửa giờ một, với đôi mắt thẳng thốt, cô đón nghe như thể đang chờ đợi âm nhạc ấy ở một nơi trăng gió nào đó. Trong vài ngày liền, gia đình không làm sao mời cô ăn cơm được. Không một ai hiểu nổi làm sao cô bé không chết đói, cho đến khi những người Anh-điêng, những người biết tất cả vì họ nhẹ nhàng chạy đi chạy lại khắp nhà, đã phát hiện ra rằng Rebeca không thích ăn cơm mà trái lại chỉ thích ăn đất ẩm ngoài sân và đất vách do cô ta

dùng ngón tay cậy ra từ các bức tường. Rõ ràng là cha mẹ cô hoặc bất kì người nào nuôi dưỡng cô bé từng quở mắng nó vì cái tật xấu ấy bởi thế cô bé đã ăn vụng với ý thức rõ ràng đó là một tội lỗi. Cô bé cứ lén lấy những mảnh đất vách giấu đi để ăn khi không có ai nhìn thấy. Từ đó trở đi người ta càng để ý cô bé kỹ hơn. Người ta đổ mật bò cái xuống nền sân và tắm nước ớt cay lên các bức tường, định ninh tin rằng bằng những phương pháp này có thể trị được cái tật xấu nguy kịch. Nhưng cô gái lại tinh khôn và khéo léo tìm cách giấu đất để ăn, do đó buộc Úrsula phải sử dụng các biện pháp hữu hiệu hơn nữa. Bà lấy nước cam hòa lẫn với bột đại hoàng cho vào một cái mếu rồi phơi sương thâu đêm và sáng hôm sau vào lúc ăn sáng, bà cho cô bé uống một cốc nước ấy. Dù cho không ai bảo với bà rằng cái thứ này là một phương

thuốc đặc hiệu dùng để trị bệnh ăn đất, bà nghĩ rằng bất kỳ thứ nước đắng nào vào bụng lúc dạ dày đói meo có tác dụng đến buồng gan. Mặc dù mắc bệnh còi xương, Rebeca rất dữ tợn và rất khỏe đến mức phải vật ngửa cô bé như vật ngửa con bê để cho uống thuốc và hầu như người ta không thể ghìم được chân nó giãy đạp và không thể bưng miệng nó lại để khỏi buột ra những âm thanh khó hiểu kèm với những cú cào cấu và nhổ nước bọt mà theo như những người Anh-điêng thì đó là những lời tục tằn nhất có thể nhận ra trong ngôn ngữ thổ dân. Khi biết điều đó, Úrsula phải dùng đến cả đòn roi trong lúc cho cô bé uống thuốc. Sẽ chẳng bao giờ xác định được bột đại hoàng hay những chiếc roi da, hoặc cả hai thứ cùng phối hợp là cái phương thuốc đưa đến hiệu nghiệm, nhưng thực tế cho thấy rằng trong ít tuần, Rebeca

đã bắt đầu có những dấu hiệu chứng tỏ cô bé đang khỏi bệnh. Rebeca tham gia các trò chơi của Arcadio và Amaranta là những đứa trẻ đón nhận cô như đón nhận một người chị cả, và cô ăn rất ngon miệng bởi biết sử dụng thành thạo các đồ dùng ăn uống. Cô bé cũng nhanh chóng chứng tỏ rằng mình nói tiếng Tây Ban Nha cũng lưu loát như nói tiếng của những người Anh-điêng, rằng cô có khả năng thích hợp với công việc chân tay. Cô bé hát theo nhạc valse do đồng hồ phát ra với lời ca rất hay do chính cô ứng khẩu. Chẳng bao lâu cô được nhận là một thành viên nữa của gia đình. Úrsula yêu mến cô hơn cả chính các con mình và cô bé gọi Amaranta và Arcadio là các em, gọi Aureliano là chú, gọi José Arcadio Buendía là ông. Vậy là cuối cùng cô bé rất xứng đáng mang tên Rebeca Buendía, một cái tên duy nhất của cô và cô

kiêu hãnh mang nó trong suốt cuộc đời mình cho đến hơi thở cuối cùng.

Có một đêm, ấy là vào thời kỳ Rebeca chữa khỏi tật ăn đất và được đưa vào ngủ cùng phòng với những đứa trẻ khác, cô gái Anh-điêng vẫn thường ngủ chung phòng với chúng bỗng nhiên thức giấc và nghe thấy có tiếng động khác thường. Cô gái thảng thốt ngồi dậy cứ nghĩ rằng có con vật nào đó đã chui vào phòng và lúc ấy cô ta nhìn thấy Rebeca ngồi trên ghế xích đu đang mút ngón tay với đôi mắt sáng như mắt mèo trong đêm đen. Hoảng hốt trước căn bệnh nguy hiểm, lo lắng cho nỗi bất hạnh của số phận mình, Visitación nhận ra trong đôi mắt ấy những triệu chứng của một thứ bệnh mà sự đe dọa của nó đã buộc họ, cô và em trai cô, mãi mãi phải vĩnh biệt cái vương quốc lâu đời, nơi họ từng là công chúa

và hoàng tử. Đó là bệnh dịch mất ngủ. Cataure, em trai của Visitación, đêm ấy đã bỏ trốn khỏi nhà. Bà chị anh ở lại bởi vì trái tim định mệnh của chị đã chỉ cho chị biết rằng thứ bệnh nguy hiểm chết người ấy sẽ bằng mọi cách theo riết chị đến tận cùng trời cuối đất. Không một ai hiểu được nỗi lo lắng của Visitación. “Nếu chúng ta không ngủ được thì càng tốt”, José Arcadio Buendía vui vẻ nói, “như thế cuộc sống sẽ càng có ích đối với chúng ta hơn”. Nhưng cô gái Anh-điêng đã giải thích cho họ rằng điều đáng sợ nhất của bệnh mất ngủ không phải là khả năng không thể ngủ được, bởi vì cơ thể ta không cảm thấy mệt mỏi, mà là vì nếu không chạy chữa kịp thời, nhất định sẽ dẫn tới bệnh còn nguy kịch hơn, đó là bệnh mất trí nhớ. Nghĩa là khi bệnh nhân đã quen với trạng thái mất ngủ thì những ký ức tuổi thơ sẽ bị xóa khỏi

trí nhớ của anh ta, sau đó đến tên và ý nghĩa của các sự vật, rồi cuối cùng đến lượt bản thể của con người và hơn nữa ngay cả ý thức về chính bản thân mình, đều bị xóa khỏi trí nhớ của anh ta để rồi tất cả đều chìm đắm trong trạng thái đần độn chưa từng có trong quá khứ. José Arcadio Buendía cảm thấy chết cười được, đã nhận xét rằng cô gái đang nói về một trong những thứ bệnh do thói mê tín của những người Anh-điêng phía ra. Song, Úrsula, để đề phòng, đã cẩn thận cách ly Rebeca khỏi đám trẻ. Một tuần sau đó khi nỗi lo lắng của Visitación lắng dịu xuống thì José Arcadio Buendía trải qua một đêm trằn trọc trên giường không tài nào ngủ được. Úrsula, lúc ấy cũng đã thức giấc, hỏi ông làm sao vậy và ông đã trả lời bà: “Lại một lần nữa tôi nghĩ đến Prudencio Aguilar, bà ạ”. Cả hai vợ chồng đều không ngủ lấy một phút

nhưng ngày hôm sau họ đều thấy khỏe mạnh đến mức quên luôn cái đêm mất ngủ. Vào giờ ăn cơm trưa, Aureliano thảng thốt kể rằng cậu vẫn thấy khỏe mạnh mặc dù đêm qua thức suốt để mạ vàng chiếc cặp tóc, một tặng phẩm cậu nghĩ sẽ tặng mẹ nhân ngày sinh của bà. Không một ai trong gia đình tỏ ra lo lắng cho mãi tới ngày thứ ba, vào giờ đi ngủ họ vẫn không cảm thấy buồn ngủ, và chỉ đến lúc ấy mọi người mới vỡ nhẽ rằng đã hơn năm mươi giờ liền họ không hề chợp mắt. – Bọn trẻ con cũng tỉnh như sáo, – cô gái Anh-điêng nói với niềm tin chắc vào định mệnh không sao tránh khỏi. – Một khi bệnh dịch lây đến thì chẳng một ai thoát được cả. Quả nhiên bệnh mất ngủ đã lan tràn tới đây. Úrsula nhờ học mẹ mình mà biết được một số cây có tác dụng chữa lành bệnh, đã vò lá cây phụ tử lấy nước cho tất cả mọi người

uống nhưng không công hiệu, không một ai ngủ được mà trái lại cả ngày hôm đó mọi người đều mơ trong khi thức. Trong trạng thái tỉnh táo mà mơ màng ấy, không những người ta chỉ nhìn thấy những bóng hình trong chính giấc mơ của mình mà còn nhìn thấy cả những bóng hình trong giấc mơ của người khác. Cứ như thể nhà này đông nghịt khách khứa. Ngồi trên chiếc ghế xích đu đặt ở trong xó bếp, Rebeca mơ thấy một người đàn ông rất giống nó, mặc bộ đồ lạnh trắng, nơi cổ gài một chiếc cúc vàng, mang đến cho nó một cành hoa hồng. Một người phụ nữ có đôi bàn tay nuột nà đi bên ông đã ngắt một bông hồng, rồi cài lên mái tóc cô bé. Úrsula hiểu rằng đó là cha mẹ của Rebeca, nhưng dẫu rằng đã cố sức để nhận mặt bà vẫn phải thừa nhận rằng chưa bao giờ nhìn thấy họ. Trong khi đó, do một sơ suất đáng tiếc mà José Arca-

dio Buendía sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho mình: những chiếc kẹo nặn hình con giống sản xuất trong nhà này vẫn tiếp tục được mang ra chợ bán. Trẻ con và người lớn thích thú mút những chiếc kẹo hình con gà béo màu xanh đã nhiễm bệnh mất ngủ, những con cá màu hồng đã nhiễm bệnh mất ngủ, những chú ngựa con màu vàng đã nhiễm bệnh mất ngủ, do đó buổi bình minh ngày thứ hai đã bắt gặp cả làng đang thức. Đầu tiên không một ai hốt hoảng. Trái lại, tất cả đều vui sướng vì không ngủ được, bởi lúc đó có rất nhiều việc cần phải làm đến mức hầu như họ không có đủ thời gian. Họ làm lụng quá nhiều do đó lập tức chẳng còn gì để làm và vào lúc ba giờ sáng tất cả đều khoanh tay ngồi đếm từng nốt nhạc valse vang lên từ những chiếc đồng hồ. Những người muốn ngủ, không vì họ cảm thấy mệt mỏi mà chỉ vì nhớ giấc

ngủ thường ngày thôi, đã phải vận dụng hết các phương thức cần thiết để gọi giấc ngủ đến với mình, nhưng thấy đều vô hiệu. Họ tụ tập lại để chuyện phiếm không hề ngừng nghỉ, để lặp đi lặp lại chỉ một câu chuyện gây cười trong hàng giờ và hàng giờ liền, để làm cho mọi người tức phát điên lên với câu chuyện về con gà Capon vốn là một trò chơi không bao giờ kết thúc, trong đó người kể chuyện hỏi các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capon không và khi người nghe trả lời rằng. có thì người kể chuyện nói rằng ông ta không yêu cầu bảo rằng có mà rằng các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capon không và khi người nghe trả lời rằng không thì người kể chuyện nói ông ta không yêu cầu trả lời rằng không mà rằng các vị có muốn tôi kể chuyện con gà Capon chẳng và khi người nghe im lặng thì ông ta nói ông ta không yêu cầu

im lặng mà rằng có phải các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capon và không một ai có thể bỏ đi được bởi người kể chuyện sẽ nói rằng ông ta không yêu cầu bỏ đi mà rằng phải chẳng các vị muốn tôi kể chuyện con gà Capon, rồi cứ như thế lặp đi lặp lại trong cái vòng luẩn quẩn kéo suốt những đêm dài.

Khi José Arcadio Buendía nhận ra bệnh dịch đã lây lan khắp làng, ông liền họp các chủ hộ lại để giải thích về bệnh mất ngủ theo đúng như hiểu biết của mình. Các chủ hộ đều thống nhất sử dụng biện pháp cần thiết để ngăn chặn tai ương này khỏi tràn lan sang các cư dân khác ở vùng đầm lầy. Thế là người ta tháo khỏi cổ dê những quả chuông nhỏ mà những người Ả-rập mang đến đây đổi lấy những chú vẹt đuôi dài rồi để chúng ở ngay cổng làng chuẩn bị cho

những ai không thềm để ý tới những lời khuyên, những lời van xin tha thiết của người gác cổng mà cứ một mực xin vào thăm làng Macondo. Tất cả những người lạ mặt đi lại trên các nẻo đường Macondo trong thời gian ấy đều phải rung chuông để báo cho những người bệnh biết họ là người khỏe mạnh. Trong thời gian ở lại đây, bọn họ không được ăn uống bất cứ thứ gì vì không còn nghi ngờ gì nữa dịch bệnh lây lan qua đường miệng, và hơn nữa đồ ăn thức uống đều đã nhiễm bệnh mất ngủ. Bằng hình thức này bệnh dịch đã bị thu hẹp lại trong phạm vi của làng. Biện pháp kiên quyết ấy chính là biện pháp dùng trong thời kỳ kiểm dịch, và nó được duy trì cho đến ngày tình trạng mất ngủ được xem như là một hiện tượng bình thường và cuộc sống được tổ chức sao cho công việc làm ăn lấy lại nhịp điệu vốn có của nó và không một ai phải bận

tâm tới việc đi ngủ, coi đó như một thói quen vô tích sự. Aureliano là người đầu tiên tìm ra biện pháp chống lại bệnh giảm trí nhớ. Ngẫu nhiên mà cậu tìm ra thôi. Vì là người mất ngủ lâu ngày nhất trong làng, cậu đã học tập để có được trình độ tinh xảo trong nghề kim hoàn. Có một hôm cậu đang tìm chiếc đe nhỏ để dát mỏng kim loại và bỗng nhiên cậu quên nó. Cha cậu bảo cậu nó gọi là tas. Aureliano liền lấy giấy viết chữ tas rồi đem tờ giấy ấy dán lên bệ đe. Như vậy cậu tin rằng trong tương lai mình sẽ không quên tên nó nữa. Cậu cũng không ngờ rằng việc quên tên này là biểu hiện đầu tiên của bệnh đãng trí mà chỉ cho rằng chẳng qua đó là vì cái dụng cụ ấy có tên rất khó nhớ. Nhưng sau đó mấy hôm, cậu phát hiện ra rằng bản thân mình không thể nhớ nổi tên các dụng cụ trong phòng thí nghiệm. Thế là cậu viết tên chúng lên

từng đồ vật một, do đó chỉ cần đọc tên là đã có thể nhận biết được chúng rồi. Khi cha cậu đem nỗi lo lắng về việc ông quên hết những kỷ niệm sâu sắc từ thời ấu thơ kể cho cậu nghe thì Aureliano đã giải thích phương pháp của mình cho cha hiểu, và José Arcadio Buendía liền áp dụng phương pháp này cho mọi người trong nhà, sau đó cho tất cả dân làng. Lấy cành bài hương đã chấm mực, ông viết lên từng vật thể tên của nó: bàn, ghế, đồng hồ, cửa, tường, giường, chảo rán. Rồi ông ra vườn viết lên từng con vật và từng cây một: bò cái, dê đực, lợn đực, gà mái, sắn, khoai sọ, chuối mắt. Do tìm hiểu những khả năng vô hạn của bệnh lãng trí, dần dần ông nhận thấy rằng có thể đến một ngày nào đó qua con chữ người ta sẽ nhận ra các sự vật nhưng sẽ không nhớ được công dụng của chúng trong đời sống. Vậy là cần phải viết cho

rõ ràng hơn. Tấm bảng viết treo trên cổ con bò cái là một bằng chứng tiêu biểu cho hình thức dân chúng Macondo đã sử dụng để chống lại bệnh lãng trí. Đây là con bò cái, tất cả các buổi sáng cần phải vắt sữa và đối với sữa cần phải đun sôi lên để pha với cà phê và làm cà phê sữa. Như vậy dân làng cứ sống trong một thực tại trơn chuôi chuội không thể khắc vào trí nhớ, được nhận bắt thoáng qua bởi những từ ghi trên giấy nhưng nó sẽ biến đi khi người ta quên mất ý nghĩa của các từ. Ngay ở cổng vào làng Macondo, một tấm biển được dựng lên viết: Macondo và trên con đường trung tâm của làng cũng dựng lên một tấm biển còn to hơn nữa đề “Thượng đế tồn tại”. Để ghi nhớ các đồ vật cũng như các loại tình cảm của con người, trong các nhà cũng có treo các bảng đề tên từng đồ vật và từng loại tình cảm một. Nhưng hệ

thống nhớ ấy đòi hỏi quá nhiều sự quan sát và quá nhiều sự nỗ lực của bộ óc đến mức rất nhiều người đã phải đầu hàng trước niềm vui của một thế giới tưởng tượng, được chính họ bịa ra mà đối với họ nó là một thế giới dễ an ủi hơn là một thế giới để hành động. Pilar Ternera là người đóng góp nhiều công sức hơn vào việc phổ biến trò phỉnh phờ này khi thị cảm nhận được cách đọc quá khứ trong những lá bài cũng như trước đây qua chúng thị đọc tương lai. Bằng thủ thuật này những người mất ngủ bắt đầu sống trong một thế giới được xây dựng bởi những hình ảnh mơ hồ không xác tín trong những lá bài, là nơi ông bố nhớ lại hầu như mình là một người đàn ông rậm nắng vừa đến đây vào đầu tháng tư và bà mẹ nhớ lại mình gần như một người đàn bà trẻ tóc đen tuyền, còn đeo nhẫn vàng trên bàn tay trái, và là nơi một ngày sinh

nhích gần lại dường như mới vừa hôm thứ ba còn vắng vắng tiếng chim chiến chiến hót trên cây nguyệt quế.

Bị thất bại trước những thủ thuật có tính chất an ủi ấy, José Arcadio Buendía đã quyết chí làm một cái máy nhớ ông từng ao ước để nhớ những phát minh kì diệu của những người digan. Vào tất cả các buổi sáng cái máy ấy phải có khả năng duyệt lại toàn bộ những hiểu biết thu được trong cuộc sống kể từ đầu cho đến cuối. Ông tưởng tượng nó giống như một cuốn từ điển tự quay tròn mà một người ngồi ở trục, nhờ một chiếc tay quay, có thể khiến cho những tri thức về đời sống sẽ lần lượt hiện ra ngay trước mắt họ chỉ trong ít giờ đồng hồ. Ông đã viết được một vạn bốn nghìn cái phích. Cũng chính lúc ấy trên đường từ đầm lầy vào làng, xuất hiện một cụ già quái

dị tay cầm một quả chuông nhỏ rung lên những âm thanh buồn buồn của kẻ ngái ngủ, vai vác một va li căng phồng có đai thùng chẳng buộc cẩn thận, đẩy một chiếc xe nhỏ phủ kín những mụn vảy thâm. Cụ đi thẳng đến nhà José Arcadio Buendía. Khi mở cửa cho cụ, Visitación không nhận ra cụ và cô nghĩ rằng cụ già đến đây định bán thứ gì mà không biết rằng không thể bán được bất cứ thứ gì ở cái làng đang ghim trong bệnh đang trí khùng khiếp vô phương cứu chữa này. Đó là một cụ già cao tuổi lắm. Mặc dù tiếng nói của cụ thều thào đứt quãng, bàn tay cụ run lẩy bẩy như không thừa nhận sự tồn tại của các vật thể nhưng rõ ràng cụ là người đến từ miền đất người ta vẫn có thể ngủ được và nhớ được. José Arcadio Buendía bắt gặp cụ ngồi trong phòng khách; tay quạt chiếc mũ rách đã vá lại, mắt đang mãi đọc những tờ giấy viết chữ

dán trên các bức tường. Ông cung kính chào cụ để khỏi thất lễ vì sợ rằng đó là một người quen lâu ngày không gặp lại và hiện giờ ông chưa nhận ra. Nhưng vị khách đã nhận ra ông không thành tâm. Cụ cảm thấy mình bị chủ nhà quên nhưng đó không phải là sự lãng quên do vô tâm mà là một sự lãng quên quái ác và vô phương cứu chữa do không thể tập trung trí nhớ được, một sự lãng quên cụ từng biết rất rõ bởi vì đó chính là sự lãng quên của cái chết. Cụ mở chiếc va li chặt ních những thứ không thiếu được, rồi cụ lấy ra một chiếc túi đựng các chai lọ. Cụ cho José Arcadio Buendía uống tuột thứ nước có mùi dễ chịu và lập tức trong trí nhớ của ông bừng sáng. Mắt ông nhòa đi vì lệ trước khi ông kịp nhìn ra mình đang ở trong căn phòng bữa bãi những đồ vật bị viết tên, trước khi ông kịp cảm thấy hổ thẹn vì những điều ngu ngốc được

viết trên tường với tất cả lòng thành kính và hơn thế nữa, trước khi ông nhận ra người mới đến trong ánh sáng tươi hừng của niềm vui. Người đó là Melquíades. Trong lúc Macondo mở hội ăn mừng trí nhớ bình phục thì José Arcadio Buendía và Melquíades đánh bóng tình bạn cũ của họ lâu nay bị thời gian phủ bụi. Người digan quyết định ở lại làng này. Đúng là cụ ở trong cũi chết và đã chạy trốn về đây vì không chịu nổi nỗi cô đơn. Bị bộ tộc mình ruồng bỏ, bị tước mất năng lực siêu phàm, tất cả những thứ đó như một sự trừng phạt đối với lòng trung thành của cụ trước cuộc đời, cụ đã quyết chí chạy trốn đến đây, một xó xỉnh của thế giới mà thần chết chưa phát hiện ra và cụ hiến thân cho nghề chụp ảnh Daguerre¹³.

13 Jacques Daguerre (1787-1851): nhà vật lý người Pháp đã phát minh ra thấu kính và buồng tối. Có công hoàn thiện nghề chụp ảnh. Bởi thế người ta lấy tên ông để đặt cho nghề chụp ảnh (Daguerretype).

José Arcadio Buendía chưa bao giờ nghe nói về phát minh này. Nhưng khi ông nhìn thấy chính mình và gia đình mình với giây phút đời đời hiện hình trên một tấm kim loại óng ánh, thì ông đứng thẩn người ra. Vẫn còn lại một bức ảnh trên tấm kim loại đã hoen rỉ thuộc thời kỳ ấy cho thấy José Arcadio Buendía xuất hiện với mái tóc xoắn điểm sương, một chiếc cúc đồng đóng kín cổ cồn áo sơ mi, và với vẻ nghiêm trang đầy sợ sệt khiến cho Úrsula cười ngặt nghẽo mà miêu tả ông như “một tướng quân đang hải hùng”. Quả nhiên là José Arcadio Buendía đang hoảng hốt trong buổi sáng tháng chạp khi người ta chụp ảnh, bởi vì lúc ấy ông nghĩ rằng dân chúng sẽ mất dần đi theo giây phút hình ông hiện trên tấm kim loại. Bởi một sự đảo lộn kì dị của thói quen, Úrsula là người đã khiến ông nảy sinh ý nghĩ ấy cũng như bà là

người quên đi những mặc cảm khó chịu trước đây, đã đồng ý để cho Melquíades ở lại trong nhà mình mặc dù chẳng bao giờ cho phép ông chụp ảnh bà bởi (theo đúng như lời bà) bà không muốn cử tồn tại như thế để giễu các cháu mình.

Buổi sáng ấy bà mặc đẹp đến thăm đám trẻ, thoa phấn cho chúng rồi cho mỗi đứa uống một thìa cháo tủy để chúng có thể đứng yên không nhúc nhích trong hai phút đồng hồ trước máy chụp ảnh của Melquíades. Trong bức ảnh Daguerre chụp toàn gia đình đã mất từ lâu, Aureliano mặc đồ dạ đen đứng giữa) Amaran-ta và Rebeca. Cậu mang vẻ buồn buồn và đôi mắt nhìn sắc sảo mà nhiều năm sau này khi đứng trước đội hành hình chúng vẫn nguyên vẹn, những lúc đó cậu vẫn chưa có được dự cảm về số phận mình. Cậu đã là một thợ kim hoàn lành nghề

được cả vùng ngưỡng mộ. Trong xưởng thủ công được đặt cùng với phòng thí nghiệm ồn ã của Melquíades, dường như cậu đã chạy trốn vào một thời đại khác để làm việc đến mức không còn nghe thấy tiếng cậu thở; trong khi đó cha cậu và Melquíades lớn tiếng tranh luận với nhau về những lời tiên tri của Nostradamus. Những lời ấy vang lên giữa những tiếng va chạm của bình và cốc đựng các dung dịch, và nỗi bất hạnh của axit đổ và muối bạc bị rơi vãi từng lúc từng lúc do những cú động cùi tay và trượt chân gây nên. Sự toàn tâm toàn sức hiến dâng cho công việc, cái quan niệm đúng đắn hướng dẫn mọi hứng thú của cậu, đã cho phép cậu trong một thời gian ngắn thu được khoản tiền lớn hơn khoản tiền của Úrsula thu được nhờ những chiếc kẹo nặn hình con giống rất ngon lành, nhưng cả bàn dân thiên hạ ai ai cũng lấy

làm lạ rằng tuy cậu đã là một người đàn ông thực thụ thế mà vẫn chưa biết đến đàn bà. Thực tình cậu vẫn chưa hề cùng ai. Một tháng sau đó, cụ Francisco – Con Người, một khách giang hồ gần hai trăm tuổi vẫn thường qua lại Macondo để phổ biến các bài hát do chính cụ đặt ra, đã trở lại làng. Trong các bài hát này, cụ Francisco – Con Người kể lại tường tận những điều xảy ra ở các làng trong hành trình của mình, kể từ làng Manaure đến các hang cùng ngõ hẻm thuộc vùng đầm lầy, vậy là nếu ai muốn nhắn gửi điều gì hoặc muốn loan báo một sự kiện nào đó thì cứ việc trả cụ hai xu để cụ đưa nó vào chương trình của mình. Nhờ vậy mà một đêm nọ Úrsula nghe các bài hát của cụ với hy vọng chúng sẽ nói về José Arcadio, đã biết tin mẹ mình quá cố một cách ngẫu nhiên thôi. Cụ được gọi là Francisco – Con Người là vì trong một cuộc thi

hát đối đáp cụ đã đánh bại con quỉ, và lại cũng không một ai biết tên thật của cụ. Trong lúc dịch mất ngủ hoành hành ở làng Macondo, cụ lặng lẽ biến mất và bây giờ không một lời báo trước cụ lại có mặt ở đây trong cửa hàng của bác Catarino. Cả làng đều kéo đến nghe cụ để xem có gì mới xảy ra trên thế giới này. Trong dịp này, cùng đến với cụ còn có một người đàn bà béo mập ngồi trên ghế xích đu được bốn phu Anh–điêng khiêng và được một cô gái da lai vẻ cô đơn cầm ô che nắng cho. Đêm ấy Aureliano đến cửa hàng bác Catarino. Cậu thấy cụ Francisco – Con Người, như một con kỳ nhông hóa đá, ngồi giữa đám người tò mò đang nghe cụ kể tích... Với giọng hát thều thào được cây đàn phong cầm cũ kỹ đệm, cây đàn này cụ được ngài Walter Raleigh¹⁴ tặng cho ở đảo Guiana. Cụ hát

14 Sir Walter Raleigh (1552-1618): nhà hàng hải và chính

để kể lể các tin tức, trong khi đó đôi bàn chân to, thô, nứt nẻ bởi phải cuốc bộ qua các mỏ diêm sinh, cùng giậm liên hồi để đánh nhịp. Mụ Tú bà ngồi trên ghế xích đu, tay phe phẩy quạt ở trước cửa phía cuối phòng nơi có một số người đàn ông vào ra. Với bông hồng nỉ giắt trên mang tai, bác Catarino bán những cốc nước Guarapo¹⁵ – gần từng người một đặt tay mình lên người họ vào đúng cái chỗ không nên. Đêm về khuya, nóng bức không thể chịu được. Aureliano ngồi nghe tin tức cho đến hết chương trình mà vẫn không thấy điều gì bổ ích đối với gia đình mình. Đang lúc cậu sửa soạn để về nhà thì mụ Tú bà chỉ tay ra hiệu, bảo cậu:

khách người Anh, được Nữ hoàng Elizabeth Đệ Nhất ủng hộ, đã chinh phục Guayasca năm 1616.

15 Một thứ nước uống làm từ nước mía và men rượu.

– Cậu cũng vào đi, – mẹ nói, – chỉ tốn kém có hai hào thôi!

Aureliano bỏ đồng hai hào vào cái đĩa mẹ kẹp nơi bẹn rồi bước vào phòng mà không biết để làm gì. Cô bé da lai đang trần truồng nằm trên giường với đôi vú hết như vú chó. Đêm ấy trước lúc Aureliano vào đã có sáu mươi ba người đàn ông qua phòng này rồi. Không khí trong phòng, vì đã có quá nhiều người qua lại và bị ngào trong mồ hôi và hơi thở, bắt đầu đông đặc lại nhuyễn thành bùn. Cô bé lột chiếc ga trải giường ướt sũng và nhờ Aureliano cầm hộ một đầu. Nó nặng chình chịch. Hai người vắn hai đầu vắt tẩm vải trải giường cho đến khi kiệt nước. Hai người lật nghiêng chiếc giường, mồ hôi dòng dòng chảy về phía nghiêng để rơi xuống sàn nhà. Aureliano khao khát mong mọi công việc này sẽ

không bao giờ kết thúc. Về mặt lý thuyết cậu đã biết nghệ thuật làm tình, nhưng vì gối đã mỏi nên không thể đứng thẳng được, và mặc dù da mình đã nổi gai gà và nóng hầm hập cậu vẫn không thể kìm được những cú trung tiện đang đòi hỏi mau chóng được thoát ra ngoài. Khi sửa sang xong giường đệm, cô bé lệnh cho cậu cởi quần áo, thì cậu ngỡ ngàng giải thích:

– Người ta bảo tôi vào. Người ta bảo tôi hãy bỏ hai hào vào đĩa đựng tiền và không được chậm trễ.

Cô gái hiểu được nỗi lo lắng của cậu.

– Nếu như anh bỏ thêm hai hào nữa ở cửa ra, anh có thể ở lại thêm ít phút nữa, cô dịu dàng nói.

Aureliano cởi quần áo, về khổ sở vì

xấu hổ, không tài nào rũ bỏ được ý nghĩ cho rằng cái thân xác lỏa lồ của mình sẽ không địch nổi cái thân xác cường tráng của ông anh mình. Mặc cho cô gái cố gắng kêu gọi, cậu vẫn cảm thấy đơn độc, đơn độc đến khủng khiếp. “Tôi sẽ bỏ thêm hai hào nữa” với giọng chán nản cậu nói thế. Cô bé lặng lẽ cảm ơn cậu. Lưng cô bé đỏ lừng lừng. Da cô bọc lấy xương để lộ từng cái xương sườn một và hơi thở của cô gấp gáp rối loạn đầy vẻ mệt mỏi. Hai năm trước đây, ở một làng xa tí mù, cô bé ngủ quên không tắt ngọn đèn nến và khi choàng tỉnh dậy cô đã ở ngay cạnh lửa cháy. Cái ngôi nhà nơi cô sống với bà nội, vốn là người nuôi cô từ tấm bé, đã biến thành tro tàn. Từ đó trở đi, người bà mang cô bé đi hết làng này sang làng khác, bắt cô phải ngủ với đàn ông với giá hai hào một lần để có một số vốn ngô hầu bù lại toàn bộ giá trị ngôi

nhà bị cháy. Theo những tính toán của cô gái, thì cô còn thiếu hơn mười năm mà đêm nào cũng phải hiến thân cho đủ số bảy mươi thằng đàn ông, bởi vì ngoài số tiền phải trả cho bà nội, cô còn phải kiếm đủ tiền để trang trải cho việc đi lại, cho việc ăn uống của hai bà cháu, và tiền công cho những người Anh-điêng khiêng chiếc ghế xích đu. Khi mục Tú bà gõ cửa lần thứ hai, Aureliano ra khỏi phòng mà vẫn chưa kịp hành sự, đau đớn đến muốn khóc lên được. Đêm ấy, cậu không ngủ, chỉ nghĩ đến cô gái trong tình cảm vừa yêu vừa thương hại. Cậu cảm thấy vừa yêu thương lại vừa muốn che chở cô gái. Đó là thứ tình cảm da diết không thể dùng được. Vào lúc trời rạng sáng, người mệt rũ rời vì mất ngủ và vì sốt, cậu quyết định một quyết định lạnh mạnh, sẽ cưới cô gái để giải phóng cô khỏi sự cai quản của người bà và để

cùng cô hưởng trọn những đêm hoan lạc mà cô vẫn thường phải chia sẻ cho bảy mươi thằng đàn ông. Nhưng, vào lúc mười giờ sáng, khi cậu đến cửa hàng bác Catarino thì cô gái đã đi khỏi làng. Thời gian xoa dịu dần ý định ngây thơ của Aureliano nhưng nó lại khắc sâu thêm mặc cảm về sự thất bại của mình. Cậu trốn vào công việc. Cậu quyết chí ở vậy một đời để chôn vùi ý nghĩ hổ thẹn tự cho mình là đồ vô tích sự. Trong khi đó Melquíades đã làm xong công việc ghi lên các tấm phim của mình tất cả những gì có thể ghi hình ở làng Macondo và cậu đã bỏ mặc buồn tối cho những say mê của José Arcadio Buendía, người đã quyết định sử dụng nó để giành lấy một thí nghiệm khoa học về sự tồn tại của Thượng đế. Bằng một quá trình phức tạp trình bày những bức ảnh chụp được ở những địa điểm khác nhau trong nhà, ông tin

chắc rằng sớm hay muộn sẽ có một tấm ảnh Thượng đế, nếu quả thật Thượng đế tồn tại, rồi cùng một lúc sẽ kết liễu tất cả những phỏng đoán về sự hiện hữu của Người. Melquíades ngày một nghiên cứu sâu những lời thuyết giảng của Nostradamus. Cụ làm việc cho đến chiều tối, phát ngột trong chiếc áo nỉ khoác ngoài đã bạc màu, với đôi bàn tay chim sẻ nhỏ xíu của mình mà những chiếc nhẫn đeo trên các ngón tay đã mất vẻ sáng bóng của các thời trước đây, cụ vẽ nguệch ngoạc lên những tờ giấy. Có một đêm cụ tưởng rằng mình đã bắt gặp được một lời tiên tri về tương lai của làng Macondo. Nó có thể sẽ là một thành phố sáng rực rỡ, với những tòa nhà pha lê đồ sộ, là nơi sẽ không còn một dấu tích nào của dòng dõi nhà Buendía. “Đó là một sự nhầm lẫn”, José Arcadio Buendía nổi giận nói. “Đó không phải là những tòa nhà pha lê, mà

là những tòa nhà làm bằng nước đá, như chính tôi đã thấy trong mộng, và cho dù hàng bao nhiêu thế kỷ sau, luôn luôn và lúc nào cũng vẫn có một Buendía”. Trong ngôi nhà quái gở ấy, Úrsula là người cố gắng duy trì không khí bình thường nhờ việc khuếch trương nghề buôn bán những chiếc kẹo nặn hình con giống, với một lò nướng bánh trong một đêm đã sản xuất ra hàng sọt, hàng sọt bánh mì, và hàng lô những chiếc bánh pudding, bánh trứng, bánh bích qui mà chỉ trong vòng vài giờ đồng hồ chúng đã tản mác đi khắp các nẻo đường mòn thuộc miền đầm lầy. Dù tới tuổi được quyền nghỉ ngơi, nhưng bà lại hoạt bát hơn. Quá bận rộn trong các công việc sinh nhiều lợi ấy, đến mức trong một buổi chiều nọ khi cô gái Anh – diêng giúp bà ngào mật vào bột, bà đã nhìn ra sân và bắt gặp hai thiếu nữ lạ, xinh đẹp đang ngồi thêu bên

khung thêu dưới ánh hoàng hôn. Đó là Rebeca và Amaranta. Họ vừa đoạn tang bà ngoại, một cái tang được họ kiên trì để trở trong ba năm ròng và giờ đây bộ quần áo màu sắc sỡ dường như đã đặt họ vào một vị trí mới trong cuộc đời. Hoàn toàn trái với những gì có thể chờ đợi cô trong tương lai, Rebeca là cô gái đẹp nhất. Cô có nước da trắng như ngó cần, đôi mắt to và sâu thẳm, đôi bàn tay khéo léo dường như đang dệt những sợi chỉ vô hình trên một bức thảm thêu. Amaranta, cô gái bé hơn, tuy có kém phần duyên dáng tí chút, nhưng lại có vẻ cao nhã tự nhiên, một sự thanh thản nội tâm của bà ngoại đã quá cố. Bên cạnh hai cô gái là Arcadio. Mặc dù đã có được sức vóc của cha mình, Arcadio vẫn là một chú nhóc con. Cậu quyết định học nghề kim hoàn dưới sự hướng dẫn của Aureliano, người ngoài việc dạy nghề còn dạy

chú bé học đọc và viết. Ngay lập tức Úrsula nhận ra rằng nhà bà rồi sẽ chật chội, rằng con cái của bà đã đến tuổi dựng vợ gả chồng và sẽ có con, do thiếu chỗ ở chúng sẽ buộc phải ly tán. Vậy là bà móc sổ tiền dành dụm được trong nhiều năm làm ăn vất vả, giao kèo hợp đồng với các khách hàng của mình, và khởi công mở rộng ngôi nhà. Bà quyết định sẽ xây hai phòng khách trong đó có một phòng đầy đủ tiện nghi và thoáng mát hơn để dùng vào công việc hàng ngày, một phòng ăn đủ rộng kê chiếc bàn ăn to với mười hai chỗ ngồi để gia đình và khách khứa cùng ăn một thể, chín phòng ngủ đều mở cửa sổ thông ra sân và một hành lang dài có bao lơn đặt các chậu cây dương xỉ và chậu cây thu hải đường, bên ngoài là một vườn hồng che ánh nắng gay gắt buổi ban trưa. Bà cũng quyết định phá nhà bếp cũ để xây dựng hai lò bánh; phế

kho ngô cũ nơi Pilar Ternera đã xem hậu vận cho José Arcadio qua những lá bài để xây một nhà kho lớn gấp hai lần đủ dự trữ lương ăn cho rất nhiều năm. Bà quyết định dựng một nhà tắm nam và một nhà tắm nữ và ở cuối sân, một tàu ngựa lớn, một chuồng gà thung lười thép, một chuồng vắt sữa bò, và một chuồng chim mở rộng cửa đón những chú chim không đường kiếm ăn có thể tùy thích đến ở. Được hàng chục thợ mộc và thợ nề theo sau, như thể bà nhiễm phải cơn sốt vàng của chồng mình, Úrsula sắp xếp vị trí cho ánh sáng và đường thông gió, phân chia các khoảng không mà vẫn không quên các ranh giới của chúng. Ngôi nhà khởi thủy của các bậc sáng nghiệp bỗng chật ních cửa đục và vật liệu xây dựng, và những người công nhân mệt mỏi vã mồ hôi đang yêu cầu tất cả những người khác đừng làm đảo lộn các

đồ vật mà không hay biết rằng chính họ mới là những người đang làm đảo lộn hết thảy. Bọn họ phát điên lên vì chiếc tải đựng xương người với tiếng kêu lộc cộc, lộc cộc lộc cộc cứ theo riết họ đi khắp nơi. Trong quang cảnh khó chịu cứ phải thở hít mùi vôi nồng nặc và mùi nhựa đường, không một ai hiểu được vì sao từ trong lòng đất lại nổi lên một ngôi nhà không chỉ lớn chưa từng thấy trong làng, mà còn là ngôi nhà hiếu khách và mát mẻ chưa từng có trong khắp vùng đầm lầy này. José Arcadio Buendía những tưởng sẽ làm cho Thượng đế chí tôn phải giật mình trước khung cảnh nhiều thay đổi to lớn ấy, lại là người hiểu được điều đó ít nhất. Khi ngôi nhà sắp sửa hoàn thành thì Úrsula đã lôi ông ra khỏi thế giới mơ mộng để báo cho ông hay rằng đã có lệnh buộc bức tường mặt tiền của mọi nhà đều phải quét vôi xanh chứ không

được quét vôi trắng như dân làng vốn ưa thích. Bà chìa cho ông xem mảnh giấy ghi cái mệnh lệnh chính thức ấy. José Arcadio Buendía, vẫn chưa hiểu điều bà vợ mình nói, đang cố đọc chữ ký:

– Người này là ai vậy? – Ông hỏi.

– Quan thanh tra đấy, – Úrsula buồn bã trả lời. – Người ta đồn rằng ông ấy là một nhà chức trách mới do chính phủ phái tới.

Don Apolinar Moscote, Quan thanh tra, đã lặng lẽ đến làng Macondo. Ngài xuống xe và ở trong khách sạn Jacob do một trong những người Ả-rập đầu tiên đến đây đổi đồ vật lấy vệt đuôi dài dựng nên. Ngày hôm sau ngài thuê luôn một phòng mở cửa ra đường chỉ cách nhà của Buendía hai ô phố. Ngài bày biện một chiếc bàn và một chiếc ghế mua

của Jacob, treo tấm quốc huy do ngài mang theo lên tường và trên cửa một chiếc biển đề: Quan thanh tra. Công việc đầu tiên của ngài là ra lệnh cho các nhà trong làng phải quét vôi xanh để mừng ngày độc lập. José Arcadio Buendía, tay cầm bản sao tờ lệnh, bắt gặp ngài ngủ trưa trên chiếc võng mắc trong một căn phòng bày biện và trang trí sơ sài.

– Ngài là người đã viết tờ giấy này?
Ông hỏi.

Don Apolinar Moscote, một người đàn ông chín chắn, vẻ hút nhát, mặt đỏ nhừ, đã trả lời rằng đúng thế.

– Nhân danh cái gì mà ông viết nào?
José Arcadio Buendía lại hỏi tiếp.

Don Apolinar Moscote tìm một tờ giấy cất trong ngăn kéo bàn chìa cho ông xem:

– Tôi vừa được phong chức Quan thanh tra của làng này.

José Arcadio Buendía không thèm nhìn tờ sắc phong, nói:

– Ở làng này, chúng tôi không ra lệnh bằng giấy tờ – ông nói với vẻ bình thản, – và để ngài biết luôn một thể, chúng tôi không cần bất kỳ một Quan thanh tra nào, bởi vì ở đây chẳng có gì để mà phải thanh tra cả.

Trước thái độ cứng rắn của Don Apolinar Moscote, người không lúc nào to tiếng, José Arcadio Buendía kể lại tường tận câu chuyện họ đã xây dựng làng như thế nào, chia ruộng đất như thế nào, rồi mở đường như thế nào, mở mang các nghề cần cho đời sống và sinh lợi như thế nào, không hề làm phiền lòng chính phủ và cũng chưa một ai đã làm phiền

dân làng này.

– Chúng tôi sống rất hiền lành đến mức làng chúng tôi chưa hề có người chết vì bệnh tật hay vì tuổi già, ông nói: Ngài thấy đấy làng chúng tôi vẫn chưa có nghĩa địa mà!.

Ông không hề đau khổ vì chính phủ đã không giúp đỡ dân làng. Trái lại, ông lấy làm vui lòng nhận thấy cho đến lúc này chính phủ vẫn để cho dân làng tiếp tục sống như vậy, bởi vì bọn họ không tốn công hoài sức lập làng để cho kẻ khác đến lên mặt dạy họ phải làm thế này thế nọ. Don Apolinar Moscote mặc chiếc áo khoác vải chéo go, màu trắng như màu quần, không lúc nào để mất cử chỉ bình tĩnh của mình. – Vậy là nếu như ngài muốn ở lại đây, như những cư dân bình thường khác, ngài sẽ được đón tiếp nồng hậu, – José Arcadio Buendía kết

thúc, – bằng không, nếu như ngài đến để gây rối buộc dân làng phải quét vôi xanh lên tường nhà thì ngài có thể thu xếp hành lý và cút về nơi ngài khởi hành. Bởi vì, nhà tôi phải trắng như một con bồ câu. Don Apolinar Moscote tái người đi. Ngài giật lùi một bước, nghiêng răng lại với vẻ sượng sùng, nói:

– Tôi báo cho ông biết rằng tôi có vũ khí.

José Arcadio Buendía không biết tự lúc nào cái sức trai tráng bẻ gãy sừng trâu đã dồn lên hết đôi tay mình. Túm lấy ve áo bông Apolinar Moscote, ông xách ngài lên ngang tầm mắt mình, nói:

– Cái này thì ta làm, – Ông nói, – bởi vì ta muốn xách sống nó và để khỏi phải ân hận suốt đời vì phải xách một xác chết.

Cứ thế xách ngài đi giữa đường cái cho đến khi tay mỏi để tuột mất ve áo, ông mới đặt ngài đứng xuống. Lúc đó Quan thanh tra đã ở trên con đường ngoài đầm lầy.

Một tuần sau, ngài trở lại mang theo sáu người lính chân đất, ăn mặc rách rưới, tất cả đều mang súng hỏa mai, và một chiếc xe bò chở vợ cùng bảy cô con gái của ngài. Sau đó hai xe bò chở giường ghế bàn tủ, rương hòm và các dụng cụ nấu bếp cũng đến theo. Ngài để gia đình trọ tại khách sạn Jacob trong khi tìm mua một ngôi nhà và tiếp tục mở lại công sở có lính gác bên ngoài. Các bậc sáng nghiệp của làng Macondo sẵn sàng tổng khởi bốn người xâm lược đi. Cùng với các con trai lớn của mình họ đã kéo đến để tiếp sức cho quyết tâm của José Arcadio Buendía. Nhưng ông phản đối bởi vì theo

như lời ông giải thích thì Don Apolinar Moscote đã trở lại đây cùng với vợ và các con gái ngài và đã là đàn ông thì không nên làm sượng mặt kẻ khác trước mặt gia quyến họ. Vậy là ông quyết định sẽ giải quyết công việc theo những thể thức êm đẹp hơn. Aureliano đi cùng ông. Lúc này cậu đã để bộ ria đen vểnh lên ở hai bên mép và đã có giọng nói sang sảng mà sau này chúng là những đặc điểm khiến cậu nổi bật lên trong chiến tranh. Không mang theo vũ khí cũng không tuân lệnh bọn lính gác, cha con họ bước thẳng vào công sở của Quan thanh tra. Don Apolinar Moscote vẫn điềm tĩnh. Ngài giới thiệu với họ hai cô con gái ngẫu nhiên có mặt tại đó. Amparo, mười sáu tuổi, nước da rám nắng như nước da mẹ cô, và Remedios xấp xỉ chín tuổi, một cô bé kháu khỉnh với nước da trắng ngà và đôi mắt xanh. Cả hai đều duyên dáng và có nền

nếp. Cũng chớp nhoáng như cha con họ bước vào, trước khi được cha giới thiệu, các cô đã mang ghế cho khách ngồi. Song cả hai cha con đều đứng.

– Tốt lắm? – José Arcadio Buendía nói. – Ngài sẽ ở lại đây, nhưng không phải vì ngài đã có bọn lính canh mang súng hỏa mai ấy mà vì lòng kính trọng của dân làng đối với bà nhà và các cô gái đây.

Don Apolinar Moscote hoang mang, nhưng José Arcadio Buendía không cho ngài có thời gian để đối đáp:

– Chúng tôi chỉ yêu cầu ngài hai điều thôi, ông nói: Trước tiên hãy để cho mỗi người được theo sở thích mình mà quét vôi nhà. Thứ hai là hãy để cho những người lính đi khỏi làng ngay lập tức. Chúng tôi sẽ đảm bảo an ninh cho ngài.

Quan thanh tra xòe rộng bàn tay phải, giơ lên:

– Lời hứa danh dự chứ?

– Lời nói của kẻ thù đấy, – José Arcadio Buendía nói. Nhưng với giọng cay đắng ông nói rõ: Bởi tôi muốn nói rõ để ngài biết: Ngài và tôi sẽ tiếp tục là kẻ thù của nhau.

Ngay buổi chiều ấy, bọn lính đã phải bán xới đi. Mấy ngày sau, José Arcadio Buendía đã tìm cho gia đình Quan thanh tra một ngôi nhà. Tất cả đều sống thanh thản trong hòa bình, trừ Aureliano. Hình ảnh Remedios, cô gái út của Quan thanh tra, mà cứ theo tuổi tác để xét thì cô bé chỉ đáng tuổi con cậu, đã đọng lại trong tâm khảm làm nhức nhối thân xác cậu. Đó là một cảm giác có tính

chất cơ học giống như một viên sỏi lẫn
trong giày làm nhói đau chân mỗi khi đi.

CHƯƠNG 4

Một buổi khiêu vũ được tổ chức để ăn mừng ngôi nhà mới trắng như một con bồ câu. Úrsula từng ấp ủ ý nghĩ ấy ngay từ buổi chiều bà thấy Rebecca và Amaranta đã trở thành những thiếu nữ và hầu như có thể nói rằng cái lý do chủ yếu của việc xây cất nhà mới là niềm khao khát mong muốn cho các cô gái có một chỗ tiếp khách xứng đáng. Trong khi tiến hành công việc xây dựng lại ngôi nhà, Úrsula vất vả làm lụng như

một tên tù khổ sai để không một trở lực nào có thể dim tắt cái mục đích rực rỡ ánh hào quang ấy. Do đó trước khi các công việc này hoàn thành, bà đã gửi mua sắm các đồ trang trí và đồ ăn thức uống, toàn là những thứ đắt tiền. Trong số đó có một vật kỳ diệu từng khiến cho cả làng ngạc nhiên và khiến cho tuổi trẻ phải sung sướng thích thú, đó là cây đàn dương cầm tự động. Người ta chở từng bộ phận của nó đến. Những bộ phận này được để trong mấy chiếc thùng và chúng được moi ra khỏi thùng cùng với bàn ghế giường tủ sản xuất tại Wien, gương kính sản xuất ở xứ Bohemia, bát đĩa do Công ty Tây Ấn sản xuất, khăn phủ bàn của Hà Lan và hàng loạt đèn dầu và đèn nến, bình hoa, màn lụa in hoa treo tường và thảm trải nhà. Công ty nhập khẩu đã phái một chuyên gia người Ý giàu kinh nghiệm, tên là Pietro Crespi, đến nhà để

lắp và chỉnh cây đàn dương cầm tự động, để dạy cách sử dụng cho những người mua nó và nhất là dạy họ khiêu vũ theo âm nhạc hợp một thời đại được in trên sáu cuộn băng.

Pietro Crespi là một thanh niên trẻ, tóc hung, một người đẹp trai nhất và có học vấn nhất ở Macondo, là một người tự trọng trong cách ăn mặc đến mức mặc cho không khí nóng hầm hập anh vẫn mặc bộ quần áo bằng lụa bó sát người và một chiếc áo khoác ngoài bằng dạ thâm dày cộp. Người xâm xấp mồ hôi, cố giữ một khoảng cách rõ ràng giữa mình với các chủ nhân, anh đã ở lì vài tuần liền trong phòng đóng kín cửa, với sự say mê giống hệt sự say mê của Aureliano trong xưởng làm đồ kim hoàn. Có một buổi sáng nọ, không hề mở cửa, không cần cầu cứu một nhân chứng thần thánh nào,

anh đặt một băng nhạc lên cây đàn dương cầm tự động, và thế là âm nhạc trong treo và du dương vang lên khiến cho những tiếng búa chát chúa và những tiếng va chạm thường xuyên của các tấm gỗ bồng ngừng bật trong cái thanh vắng đến thảng thốt. Tất cả mọi người vội đổ xô tới phòng khách. José Arcadio Buendía hào hứng hẳn lên không phải do vẻ đẹp hấp dẫn của âm nhạc mà là do cây đàn dương cầm tự động gõ lấy phím đàn và ông đã đặt chiếc máy ảnh của Melquíades ở trong phòng khách với hy vọng sẽ chụp được bức ảnh người chơi nhạc vô hình. Ngày hôm ấy nhạc sư người Ý ăn trưa với gia đình. Rebeca và Amaranta giữ nhiệm vụ hầu bàn, đều có cảm tình trước cử chỉ nhẹ nhàng khoan thai của con người thanh tao ấy trong lúc đôi bàn tay da mái xanh không đeo nhẫn của anh sử dụng thìa mạ trên bàn

ăn. Trong phòng chờ ăn thông với phòng khách, Pietro Crespi dạy hai cô gái khiêu vũ. Đánh nhịp bằng chiếc máy đo tiết điệu, anh dạy họ đưa chân mà tay không chạm vào thân thể họ trong sự canh chừng rất đáng yêu của Úrsula, người không lúc nào bỏ đi ra ngoài phòng khách trong lúc các con gái bà học nhảy. Trong những ngày đó, Pietro Crespi mặc những chiếc quần đặc biệt, mềm mại bó sát lấy cơ thể và đi một đôi giày múa. “Bà không tội gì mà cứ phải lo lắng thế”, José Arcadio Buendía nói với vợ. “Cái anh chàng này là một gã ái nam ái nữ thôi”. Song bà vẫn không thôi việc canh chừng một khi việc học khiêu vũ của các con gái chưa xong và anh chàng người Ý chưa đi khỏi Macondo. Vậy là bà bắt tay vào công việc chuẩn bị ngày vui. Úrsula lên danh sách những người được mời tới dự tiệc, trong đó những người duy nhất

được chọn mời là con cháu của các bậc sáng nghiệp làng Macondo, trừ gia đình Pilar Ternera mà lúc ấy đã có thêm hai đứa con hoang. Thực ra đó là một sự lựa chọn độc đáo được quyết định bởi những tình cảm bạn bè, vì những người tước chọn không chỉ là những người bạn chí cốt đối với nhà José Arcadio Buendía kể từ trước khi tiến hành cuộc di cư đưa tới sự ra đời của làng Macondo, mà còn vì những con cháu của họ vốn là bạn nối khố từ thuở ấu thơ của Aureliano và Arcadio. Các con gái họ vốn là những cô gái duy nhất thường đến chơi thà để cùng thù thù với Rebeca và Amaranta. Don Apolinar Moscote, một quan chức tốt bụng mà hoạt động của ngài đã thu hẹp ở việc giữ lại hai viên cảnh sát chỉ vũ trang bằng dùi cui và nuôi họ trong điều kiện kinh tế eo hẹp của mình, chỉ là nhà chức trách trên danh nghĩa. Để đảm bảo

chi tiêu hàng ngày, các cô gái của ngài đã phải mở một hiệu may vừa nhận làm thuê những bông hoa nỉ, vừa nhận làm cả mút ổi lẫn viết thuê những bức thư tình cho các chàng trai cô gái trong làng. Mặc dù có đức khiêm tốn và ngoan nết, con gái ngài – những cô gái đẹp và nháy các điệu vũ mới uyển chuyển nhất làng này – đã không tìm nổi cách nào để người ta mời mình đến dự ngày vui. Trong lúc Úrsula và các cô gái mở hộp lấy ra các đồ dùng, lánh bóng bát đĩa cốc tách và treo lên tường những bức tranh các bà quý phái đứng trên những chiếc thuyền chở đầy hoa hồng, và bằng những công việc ấy mẹ con bà đã truyền hơi thở cuộc đời mới cho các phòng nhẵn bóng do những người thợ nề cây nên thì José Arcadio Buendía từ bỏ việc truy tìm hình ảnh thượng đế, ông buộc phải thừa nhận sự không tồn tại của người, và đã bỏ cây

đàn dương cầm tự động ra để tìm hiểu cái huyền bí của nó. Sau bao ngày lúng túng trước mớ bong bong những sợi dây duỗi ra ở một đầu để rồi lại cuộn lại ở đầu kia và một đồng những chốt và cần đàn thừa ra, José Arcadio Buendía cũng lắp lại được cây đàn dương cầm tự động nhưng lắp rất tồi. Ông làm xong việc này hai ngày trước khi có cuộc vui. Chưa bao giờ ở nhà này có nhiều lo lắng với tất tả chạy vạy như những ngày ấy. Song những cây đèn mới thắp nhựa đường vẫn cứ bùng sáng vào đúng ngày và giờ qui định. Nhà mở rộng toang cửa, vẫn còn thơm mùi nhựa thông và mùi vôi ẩm. Con cháu của các bậc sáng nghiệp làng Macondo làm quen với hành lang những chậu cảnh trồng cây dương xỉ và cây thu hải đường, những căn phòng thanh vắng, vườn hoa ngào ngạt mùi hoa hồng, rồi bọn họ họp mặt nhau trong phòng khách

trước cỗ máy chưa từng biết đã được phủ một tấm vải trắng. Những ai từng biết đàn dương cầm thường dùng, rất phổ biến ở các làng quanh vùng đầm lầy đều cảm thấy chút ít thắc thỏm. Nhưng cay cú hơn cả vẫn là nỗi thất vọng của Úrsula khi người ta đặt một băng nhạc lên cây đàn dương cầm tự động để Rebeca và Amaranta mở đầu buổi khiêu vũ, nhưng máy móc đã không hề chuyển động. Melquíades, mà lúc này hầu như đã lòa mắt, cố nhớ lại các ngón nghề trong kho trí thức bác cổ của mình để vận dụng vào việc sửa chữa cây đàn dương cầm tự động. Cuối cùng, hoàn toàn ngẫu nhiên thôi, José Arcadio Buendía đã khiến cho một bộ máy chết bỗng quay được và do đó âm nhạc phát ra lúc đầu nghe rầu rĩ sau nghe tuôn chảy như dòng suối âm thanh gồm những nốt nhạc khó hiểu. Các cần đàn gõ loạn xạ. Chúng cứ đập

hoài vào các dây cây đàn được bố trí bừa bãi, không theo một trật tự nào và do đó những dây đàn này rung lên run rẩy đầy vẻ sợ hãi. Nhưng những cháu con ương bướng của hai mươi một người bạo phổi từng đi xuyên rừng theo hướng tây để tìm biển, đã biết vượt qua những chỗ khó nhay do sự thay đổi của âm nhạc gây nên, và do đó buổi khiêu vũ đã kéo dài cho đến sáng. Pietro Crespi đã trở lại để sửa chữa cây đàn dương cầm tự động. Rebeca và Amaranta giúp anh sắp đặt thứ tự các dây đàn và họ cùng phụ họa cười với anh vào những chỗ khó nhay của các điệu van. Anh tỏ thái độ rất đáng kính trọng và có tư chất cao thượng đến mức khiến cho Úrsula không thấy cần thiết phải canh chừng các buổi học khiêu vũ của các con gái mình. Đêm trước ngày anh lên đường, một buổi khiêu vũ với cây đàn dương cầm tự động đã sửa sang

tất được tổ chức gấp để tiễn anh. Anh đã cùng với Rebeca biểu diễn tuyệt hay các điệu vũ hiện đại. Arcadio và Amaranta cũng không kém họ trong những động tác duyên dáng và hoạt bát. Nhưng buổi biểu diễn buộc phải ngừng lại bởi vì Pilar Ternera, mà lúc ấy đang ở ngoài cửa cùng với những kẻ tò mò, đã ẩu đả với một người đàn bà dám bình luận rằng Arcadio có bộ môn đàn bà. Đến nửa đêm, Pietro Crespi đã chia tay gia đình bằng một bài phát biểu chan chứa tình cảm lưu luyến và hứa không lâu sẽ trở lại. Rebeca đưa tiễn anh đến tận cửa chính, và sau khi đã đóng kín các cửa và đã tắt đèn nhà thì cô vào phòng mình để khóc. Đó là một tiếng khóc nào nề kéo dài vài ngày mà về nguyên nhân của nó thì không ai biết kể cả Amaranta. Cô vốn là người khó hiểu và điều đó không có gì là lạ. Dù có cái vẻ bề ngoài dường như cởi mở và lễ mạo,

nhưng thực ra cô vốn là người cô đơn và có trái tim thâm kín khôn lường. Cô là một cô gái đang tuổi dậy thì lộng lẫy, dáng người son sẻ và lại thích ngồi trên chiếc ghế xích đu gỗ cô đã mang theo đến nhà, từng được sửa chữa nhiều lần và đã thiếu tay ngai. Không một ai phát hiện ra rằng vào tuổi ấy cô vẫn giữ thói mút ngón tay. Bởi thế cô không bao giờ bỏ lỡ dịp ở một mình trong buồng tắm và duy trì thói quen ngủ quay mặt vào tường. Trong những buổi chiều mưa, đang lúc ngồi thêu với một nhóm bạn gái ở hành lang đặt những chậu cây thu hải đường, bỗng dưng cô không chú tâm theo dõi mạch chuyện đang sôi nổi, để một giọt nước mắt nhớ nhung lăn trên gò má làm mẩn cuống lưỡi mình khi nhìn thấy những vĩa đất ứt và những viên sét mà giun đùn lên từng đồng nhỏ trong vườn hoa. Khi cô bắt đầu khóc thì

những thích thú vụng trộm ấy, từng bị nước cam hòa với bột đại hoàng đánh bại trong những năm trước đây lại trỗi dậy trong nỗi khao khát không thể kiềm chế được. Cô lại ăn đất như trước đây. Lúc đầu cô ăn hầu như chỉ vì tính tò mò bởi tin rằng mùi khó chịu của đất sẽ là phương thuốc hữu hiệu để cưỡng lại ý muốn của mình. Và quả nhiên là cô không thể chịu được đất ở trong mồm. Nhưng do cơn thèm khát đang ngày một lớn thêm khuất phục, cô đã cố gắng chịu đựng. Đó là cơn thèm khát trước đây, là sở thích ăn quặng mỏ, là niềm vui háo hức được ăn món ăn nguyên thủy. Cô nhét các mẫu đất vào túi rồi lén ăn từng mẫu một mà không bị ai nhìn thấy. Cô ăn chúng mà tự cảm thấy vừa sung sướng mãn nguyện vừa giận hờn ai oán trong lúc dạy các bạn gái học những mũi khâu học hiểm nhất và nói chuyện về những

người đàn ông không xứng đáng với sự hy sinh mà vì họ cô phải ăn vôi tường. Những mẫu đất này ngày một ít xa xưa hơn và ngày một rõ nét hơn đối với người đàn ông duy nhất xứng đáng với sự tự hủy hoại ấy, cứ như thể mặt đất mà anh ta với đôi ủng véc-ni thanh nhã của mình giẫm lên ở một nơi khác nơi trần gian này sẽ truyền cho cô gái sức nặng và độ ấm nóng của máu anh ta trong mùi vị của quặng mỏ từng để lại một cảm giác chua chát ở miệng cô và một lớp cặn của sự bình yên đọng lại mãi mãi ở trái tim cô.

Một chiều nọ, không một duyên cớ gì, bỗng nhiên Amparo Moscote xin được đến thăm nhà. Amaranta và Rebecca bối rối trước chuyến đến chơi nhà không hẹn trước, đã phải miễn cưỡng đón tiếp. Họ dẫn cô đi xem ngôi nhà

mới làm lại, cho cô nghe những băng nhạc phát ra từ cây đàn dương cầm tự động, mời cô ăn cam với bánh bích quy. Amparo tự thể hiện là cô gái danh giá vui vẻ và nền nếp khiến cho Úrsula cảm động trong những giây lát bà cùng ngồi tiếp khách. Sau hai giờ, khi buổi nói chuyện đã bắt đầu tàn, Amparo lợi dụng lúc Amaranta lơ đãng đã đưa cho Rebeca một bức thư. Cô gái chỉ kịp nhìn dòng chữ: gửi cô Rebeca Buendía trác việt được viết với một lối chữ ngay ngắn, một thứ mực xanh và lối để cách chữ vừa thoáng vừa đẹp mắt mà chúng vẫn được dùng để viết những lời chỉ dẫn cách thức sử dụng cây đàn dương cầm tự động, rồi bèn lấy ngón tay cẩn thận gấp và viết bức thư rồi cất vào trong yếm ngực. Cô đưa mắt nhìn Amparo Moscote hàm ý vừa cảm ơn khôn xiết, vừa thầm hứa thực hiện điều ước nguyện cho tới khi chết.

Tình bạn bỗng nhiên có giữa Amparo và Rebeca đã thức dậy những hy vọng của Aureliano. Nỗi nhớ nhung cô bé Remedios không ngừng giày vò nhưng anh không có dịp gặp lại cô bé. Khi cùng với những người bạn cố tri của mình như Magnífico Visbal và Gerineldo Márquez – những đứa con của những bậc sáng nghiệp cùng tên như vậy – đi dạo chơi quanh làng, bằng đôi mắt háo hức anh dò tìm cô bé ở trong hiệu may nhưng anh chỉ thấy các bà chị cô. Việc Amparo Moscote có mặt ở nhà mình giống như một điểm báo. “Em sẽ đến cùng với chị”, Aureliano tự nhủ thầm. “Cô em sẽ đến”. Anh nhắc đi nhắc lại nhiều lần với tất cả niềm tin. Do đó một buổi chiều nọ khi đang làm con cá vàng trong xưởng kim hoàn, anh có niềm tin chắc chắn rằng cô bé đã đáp lại tiếng gọi của trái tim mình. Quả nhiên, sau đó ít lâu, anh nghe thấy

tiếng nói trong treo ngậy thơ và vào lúc ngẩng mặt lên với trái tim giật thót anh nhìn thấy cô bé mặc bộ váy áo bằng sa mỏng màu hồng, đi ủng trắng đứng ngay trước cửa. – Remedios ơi, em đừng vào đây nhé! – Amparo Moscote đứng ở hành lang gọi. – Người ta đang làm việc mà! Nhưng Aureliano đã không để cho cô bé kịp nghe lời chị mình: Anh chìa con cá vàng miệng ngậm một cái vòng nhỏ rồi nói với cô bé:

– Vào đây! Vào đây!

Cô bé bước lại gần và hỏi anh một vài câu hỏi mà Aureliano không thể trả lời nổi, bởi vì cơn hen bất thành lình đến đã ngăn cản anh. Anh muốn mãi mãi ở bên cô bé, gần kề với nước da trắng ngà, gần kề với đôi mắt xanh màu ngọc bích, gần kề với tiếng nói mà mỗi câu hỏi cô bé cứ gọi anh là “ngài” với tất cả lòng kính

trọng cô vẫn dành cho cha. Melquíades ngồi ở xó phòng bên cạnh bàn viết, đang ghi lại những ký hiệu không thể nào đọc được. Aureliano cảm tức cụt. Anh không làm gì được ngoại trừ việc anh bảo Remedios là sẽ tặng cô một con cá vàng và cô bé hoảng hốt trước tặng vật đã vội vàng ù té chạy ra khỏi xưởng kim hoàn. Chiều ấy, Aureliano mất bình tĩnh, cái bình tĩnh thâm trầm anh vẫn thường có để chờ đón dịp được nhìn cô bé. Anh sao lãng công việc. Trong những cố gắng tuyệt vọng để tập trung tư tưởng, đã nhiều lần anh gọi tên cô bé nhưng Remedios đã không đáp lời. Anh tìm cô bé ở hiệu may của các chị cô, trong các buổi đến chơi nhà cô, trong văn phòng cha cô, nhưng anh chỉ thấy cô trong hình ảnh thắm đậm nổi cô đơn khủng khiếp của chính mình. Hàng giờ và hàng giờ cùng với Rebeca anh ngồi trong phòng khách

để nghe nhạc valse phát ra từ cây đàn dương cầm tự động. Rebeca nghe những bản nhạc valse là vì Pietro Crespi đã dạy cô nhảy với thứ nhạc đó. Còn Aureliano nghe những bản nhạc valse là vì, chỉ đơn giản thôi, chính thứ âm nhạc ấy gợi anh nhớ Remedios. Ngôi nhà đầy ứ tình yêu, Aureliano biểu hiện tình yêu của mình trong thơ, những vần thơ không đầu không cuối. Anh viết chúng trên những tấm da thuộc do cụ Melquíades tặng, trên tường nhà tắm, trên làn da hai cánh tay mình, và trong những vần thơ đó biểu hiện một Remedios méo mó: Remedios trong cơn gió vật vờ lúc hai giờ chiều, Remedios trong hơi thở trầm mặc của những bông hồng, Remedios trong hơi bánh nghi ngút khói mới ra lò lúc ban mai, Remedios ở khắp mọi nơi và Remedios mãi mãi và mãi mãi. Đứng threshold cửa sổ, Rebeca ngóng mong tình yêu

đến vào lúc bốn giờ chiều. Cô biết rằng con lừa của người đưa thư chỉ đến làng này nửa tháng một lần, nhưng lúc nào cô cũng mong ngóng mà lòng nhủ rằng do nhầm lẫn nó có thể đến bất cứ ngày nào. Nhưng đã xảy ra một việc trái lại hoàn toàn: có một lần con lừa không đến đúng cái ngày quy định. Thế là cô gái phát điên vì thất vọng. Đang lúc nửa đêm, cô thức dậy ăn những vốc đất bốc ở ngoài vườn hoa. Trong nỗi khao khát muốn tự tử, cô khóc lóc thảm thiết vừa đau khổ vừa giận hờn, mà nhai những con giun mềm mại, mà nghiền sụn những chú ốc sên. Cô nôn mửa cho tới sáng. Cô lả đi vì kiệt sức. Cô mất trí khôn và trái tim cô bồi hồi đập không còn biết xấu hổ. Úrsula hoảng hốt mở khóa ruộng và bắt gặp ở dưới đáy mười sáu lá thư thơm lừng được buộc cẩn thận bằng những dải nơ hồng, cùng với những bộ xương lá và đài hoa ướp

khô giầu trong các cuốn sách cổ và xác khô những con bướm, mà nếu khê chạm phải chúng sẽ biến ngay thành bụi. Aureliano là người duy nhất hiểu được nỗi thống khổ vô bờ. Buổi chiều ấy, trong lúc Úrsula cố gắng điều trị cho Rebeca khỏi cơn mê mẩn thì anh cùng với Magnífico Visbal và Gerineldo Márquez đến tiệm ăn của bác Catarino. Tiệm ăn đã được mở rộng với một dãy phòng gỗ, phòng của những người đàn bà son phấn sống độc thân. Một ban nhạc gồm trống và đàn phong cầm chơi các bài hát của cụ Francisco – Con Người đã biến mất tìm khỏi làng Macondo từ mấy năm nay. Ba người bạn uống rượu goa-ra-pô. Magnífico và Márquez là những người cùng thời với Aureliano, nhưng lại thạo đời hơn anh về ngón ăn chơi. Cả hai đều xả láng uống rượu với các cô gái ngồi trên đùi mình. Một trong số những cô ấy, cái

cô héo hon và cảm rằng vàng ấy đã chủ động chài Aureliano. Nhưng anh không thích cô này. Anh nhận thấy rằng mình càng uống rượu càng nhớ Remedios da diết, nhưng nổi nhớ nhung dần vặt lại dễ chịu hơn. Anh không biết từ lúc nào người mình lâng lâng bay bổng. Anh nhìn thấy các bạn mình cùng những người đàn bà trôi nổi bồng bềnh đang bơi trong ánh sáng phản chiếu rục rịch, mà nói những lời dường như không phát ra từ miệng họ, mà làm những cử động thần bí dường như không ăn nhập với cử chỉ. Bác Catarino đặt tay lên ngang lưng anh, bảo: “Sắp mười một giờ rồi”. Aureliano quay mặt lại, nhìn thấy một gương mặt to bự, méo mó trên tai gài một bông hoa nỉ, và thế là anh mất luôn trí nhớ như trước đây anh từng mắc bệnh đãng trí, rồi sau đó anh lại nhớ được rằng: vào một buổi sáng sớm xa vời và ở trong một

căn buồng hoàn toàn khác lạ đối với anh là nơi đang có mặt Pilar Ternera mặc đồ lót, chân không đi tất, đầu tóc bù xù, cầm cây đèn dầu soi tỏ mặt anh và thị sững sốt nửa tin nửa ngờ: – Ôi trời, Aureliano đấy à! Aureliano đứng vững trên hai chân, ngẩng đầu lên. Anh quên mất không biết làm thế nào mà mình đi đến đây nhưng vẫn nhận rõ mình đến với mục đích gì rồi, bởi vì từ thuở còn thơ anh đã mang theo mình cái mục đích ấy và giấu kỹ nó trong cội sâu kín nhất của trái tim mình. – Tôi đến để ngủ với chị đây! Anh mặc bộ quần áo vấy bẩn bùn đất và thức ăn nôn ra. Pilar Ternera, mà lúc ấy sống một mình với hai đứa con nhỏ nhất của thị, không hỏi anh một lời. Thị đưa anh tới giường nằm. Lấy giẻ lau ướt, thị chùi mặt cho anh, cởi quần áo cho anh, rồi sau đó thị tự mình lỏa lồ, buông màn để đám trẻ nhỏ nhỡ ra thức

dậy khỏi nhìn thấy. Thị mệt mỏi đợi một người đàn ông ở lại, rồi trông chờ những người đàn ông đã bỏ đi, rồi mong tất cả đều nhầm lẫn do sự không chính xác của những quân bài. Trong lúc chờ đợi, da thị nhăn nheo, ngực thị mềm nhẽo, và trái tim thị không còn bốc lửa tình nồng say như xưa nữa. Thị mò tìm Aureliano trong bóng tối rồi hôn lên cổ anh với tình cảm âu yếm của người mẹ: “Ôi chú nhóc đáng thương của ta”. Aureliano bủn rủn rùng mình với ngón chơi thông thả, không gây tiếng động, anh để lại phía sau mình những bến bờ của nỗi đau và anh gặp Remedios đã biến thành một hồ nước rộng mênh mông không thấy đường chân trời, sức nức mùi con vật non và mùi quần áo vừa mới là. Khi thấy mình băng khuâng trôi nổi trên hồ nước ấy anh khóc lóc. Lúc đầu là những tiết nắc ăm ức, tức tưởi. Rồi sau anh lúng

túng bơi trong một nguồn nước không bờ mà cảm thấy cái gì đó vừa đau nhói nhói vừa tức anh ách vỡ tung trong bụng mình. Bằng cách lấy ngón tay quất đầu anh, thị đợi chờ cho tới khi cơ thể anh thải ra một chất xám xám khiến cho anh mệt lử. Lúc đó Pilar Ternera hỏi anh: “Ai thế vậy?”. Aureliano nói cho thị biết tên người ấy. Thị bật một tiếng cười, cái tiếng cười từng làm giật thót những chú chim bồ câu mà lúc này vẫn không hề làm đám trẻ thức giấc. “Thế thì anh phải nuôi con bé mất”. Thị giễu cợt anh. Nhưng trong sự giễu cợt ấy, Aureliano bắt gặp nơi yên tĩnh của dòng thông cảm. Khi ra khỏi phòng, anh đã lưu lại ở đó không chỉ sự không rõ ràng về sức cường tráng của mình mà còn cả sức nặng cay đắng từng bóp nghẹt trái tim mình nhiều tháng ròng rã. Pilar Ternera bỗng hứa với anh: – Ta hứa là sẽ đến nói

chuyện với con bé, – thị nói, – và anh sẽ thấy là ta đưa nó đến cho anh chẳng khó khăn gì. Thị đã thực hiện lời hứa trong một thời điểm bất lợi vì ngôi nhà của Buendía đã mất đi không khí êm đềm của những ngày trước đây. Khi phát hiện ra nỗi đam mê của Rebeca, vốn không thể giữ kín được vì cô bé cử gào thét hoài, Amaranta cũng phát sốt. Cô gái cũng cảm thấy cái gai nhức nhối của tình yêu cô đơn. Tự giam mình trong nhà tắm, cô gái làm dịu nhẹ đi cơn giông tố của một nỗi đam mê không hy vọng để viết những lá thư nóng bỏng mà cô tự bằng lòng giấu kín dưới đáy rương. Úrsula hầu như không đủ sức để chăm sóc hai cô con gái ốm. Trong những lúc vắng an dài dòng và tẻ nhạt, bà vẫn không hiểu được nguyên nhân nào đã dẫn Amaranta đến tình trạng suy nhược. Cuối cùng, trong một thoáng bừng sáng trí thông minh,

bà phá khóa rương và bắt gặp những bức thư được sợi nơ hồng buộc chặt, căng phồng những bông huệ tươi, vẫn còn nhòe nước mắt, để gửi nhưng sẽ không bao giờ gửi cho Pietro Crespi. Uất ức mà khóc, bà nguyên rủa cái giờ mình nảy ra ý định mua cây đàn dương cầm tự động, cấm ngặt các buổi học thêu và tuyên bố để tang, một thứ tang không có người chết trong một thời kỳ dài cho đến khi các con gái bà vỡ mộng.

José Arcadio Buendía, mà lúc này đã dính chính được cảm nhận đầu tiên của ông về Pietro Crespi và thần phục nghệ thuật khéo léo sử dụng các máy âm nhạc của anh, đã can thiệp vào câu chuyện, nhưng mọi cố gắng của ông đều trở nên vô ích. Vậy là khi Pilar Ternera báo cho Aureliano biết rằng Remedios đã sẵn sàng lấy chồng thì anh hiểu rằng

cái tin này sẽ kết thúc mọi day dứt cho cha mẹ mình. Nhưng chính tin ấy lại đặt anh đối mặt với hoàn cảnh thực tế. Được mời lên phòng khám tham dự một buổi tọa đàm thường lệ José Arcadio Buendía và Úrsula bình tĩnh nghe những lời bày tỏ của con trai. Khi biết tên người yêu của con trai, José Arcadio Buendía đỏ bừng mặt vì hổ thẹn. “Ái tình là một thứ dịch hạch”, ông nổi cáu giáng đòn sấm sét. “Có biết bao cô gái xinh đẹp và danh giá cho mày, thế mà mày lại đi lấy con gái kẻ thù của tao”. Song Úrsula lại tán thành sự lựa chọn của con trai. Bà bày tỏ cảm tình yêu quý của mình đối với bảy chị em nhà Moscote, tất cả đều xinh đẹp và chịu thương chịu khó, đều nền nếp và được giáo dục tốt. Và bà chúc mừng sự sáng suốt của con trai mình trong việc lựa chọn người bạn trăm năm. Bị nhiệt tình của vợ thuyết phục, José Arcadio

Buendía đặt một điều kiện: Rebeca, vốn là người thích hợp, sẽ lấy Pietro Crespi.

Trong một chuyến du lịch khi có thời gian, Úrsula sẽ mang Amaranta ra tỉnh để cho việc giao du với một công chúng khác hẳn sẽ làm cho cô khuây khỏa dần dần, rồi cô sẽ tỉnh mộng. Rebeca bình phục rất nhanh chóng khi được biết ý kiến thống nhất của gia đình và lập tức viết một bức thư vui báo tin cho người yêu biết quyết định chính thức của bố mẹ mình, rồi cô bỏ vào thùng thư mà không cần tới người trung gian nữa. Amaranta giả vờ tuân theo quyết định của cha mẹ và dần dần cũng khỏi sốt nhưng lòng vẫn nhủ rằng Rebeca muốn lấy được Pietro Crespi thì phải bước qua xác chết của mình. Ngày thứ bảy sau đó, José Arcadio Buendía mặc bộ dạ sẫm màu, áo sơ mi cổ cồn, đi đôi ủng da sơn

dương từng được trưng diện trong đêm ăn mừng nhà mới đến hỏi Remedios Moscote cho con trai mình. Quan thanh tra và phu nhân ngài vừa mừng vừa lo đón tiếp ông, bởi vì họ chưa biết ngụ ý của chuyến đến thăm đường đột này, rồi sau đó họ lại nghĩ rằng ông nhằm lẫn tên người con gái được lựa chọn. Để tránh hiểu lầm, bà mẹ đánh thức Remedios và bế cô trên tay ra phòng khách. Cô bé vẫn còn đang ngái ngủ. Người ta hỏi cô bé rằng nếu quả thật là cô đã muốn lấy chồng và cô bé vừa khóc vừa trả lời rằng cô chỉ muốn được mọi người để yên cho mình ngủ. José Arcadio Buendía do đã hiểu được sự lúng túng của vợ chồng Moscote bèn về nhà nói rõ mọi chuyện cho Aureliano nghe. Khi ông trở lại nhà Quan thanh tra, vợ chồng Moscote đã ăn mặc theo đúng lễ tân, sắp xếp lại bàn ghế và thay hoa mới vào bình. Một mỗi bởi

phải làm chuyện miễn cưỡng và bởi cái cổ cồn cài cúc chặt cứ riết lấy cổ đến khó chịu, José Arcadio Buendía đã khẳng định rằng quả thật Remedios là người được Aureliano chọn làm vợ. “Chẳng ra làm sao cả”, Don Apolinar Moscote buồn rầu nói. “Chúng tôi còn có sáu cô con gái nữa, tất cả đều chưa có nơi có chốn và đang ở tuổi lấy chồng, và đều lấy làm vui thích nếu được làm vợ chính chuyên của các chàng trẻ tuổi đứng đắn và chăm làm như cậu ấy bên nhà, nhưng tiếc thay Aureliano lại duy nhất ưng con bé hãy còn đái dầm”. Phu nhân ngài, một người phụ nữ vẫn giữ được vẻ son sẻ duyên dáng, có đôi mắt và điệu bộ hơi ủ rũ đã phản đối những lời nói hồ đồ của ngài. Khi mọi người uống xong nước hoa quả, vợ chồng Moscote đã vui vẻ nhận lời cầu hôn của Aureliano. Chỉ có điều bà Moscote yêu cầu được nói chuyện riêng

với bà Úrsula. Phần vì tò mò, phần vì tự than phiền rằng mình đã bị người ta làm rắc rối trong các vấn đề đàn ông, nhưng thực ra bà rất lo sợ và cảm động, Úrsula đã đến thăm phu nhân Moscote vào ngày hôm sau. Nửa giờ sau, bà trở về báo tin rằng Remedios chưa đến tuổi thành niên. Aureliano không coi đó là một trở ngại lớn. Anh đã đợi lâu rồi nên có thể đợi bao lâu nữa cũng được, cho tới khi cô gái đến tuổi dậy thì. Ngôi nhà lấy lại không khí yên vui đầm ấm và nó chỉ bị đảo lộn khi Melquíades qua đời. Mặc dù cái chết của cụ đã là một sự kiện hiển nhiên, song thời điểm xảy ra thì không ai đoán trước được.

Sau khi trở lại được mấy tháng, trong cơ thể cụ diễn ra quá trình già lão rất nhanh và rất mạnh, đến mức lập tức cụ bị coi như những cụ cổ già lụ khụ, đi lại

vất vưởng như những chiếc bóng ở trong phòng, nặng nề kéo lê đôi chân, mồm lắm nhảm nói to những ký ức thuở oanh liệt của đời mình và trên thực tế các cụ già là những người không được mọi người quan tâm chăm sóc và nhớ đến cho tới một ngày kia, sáng ra các cụ đã chết còng queo trên giường nằm. Lúc đầu José Arcadio Buendía giúp đỡ cụ, thích thú cái tân kỳ của nghề ảnh, và những lời tiên tri của Nostradamus. Nhưng rồi dần dần ông bỏ mặc cụ trong thế giới cô đơn của riêng cụ, bởi vì sự giao tiếp giữa hai người ngày một khó khăn hơn. Cụ cứ ngày một loà và điếc hơn, dường như cụ nhằm lẫn những người hỏi chuyện mình với những người cụ quen trong các thời xa xưa của loài người và cụ trả lời những câu hỏi của họ bằng những câu nói rườm rà lẫn lộn các thứ tiếng với nhau. Như thể được linh

cảm trực tiếp hướng dẫn, cụ sờ soạng không khí mà đi. Dù rằng phải len lỏi giữa các đồ vật vẫn không hề làm chúng rơi đổ. Một ngày nọ cụ quên lấp hàm răng giả, vẫn được ngâm trong ca nước để ở ngăn cạnh đầu giường. và cụ không dùng đến nó nữa. Khi Úrsula quyết định mở rộng ngôi nhà ở, bà đã làm cho cụ một căn buồng riêng ngay bên cạnh xưởng kim hoàn của Aureliano. Căn buồng này cách xa những tiếng ồn ào và công việc bếp núc, có một cửa sổ ánh sáng chan hòa rọi vào phòng và một giá sách gồm các cuốn sách hầu như đã rách nát bởi bụi bặm và gián nhấm, những mẫu giấy vụn chi chít ghi những con chữ không thể đọc được và ca nước đựng hàm răng giả đã có những cây bèo tro hoa vàng nhỏ li ti, tất cả đều do Úrsula tự tay sắp đặt. Căn phòng mới dường như khiến cụ Melquíades hài lòng vì không

bao giờ thấy cụ ra khỏi phòng mình, ngay cả những lúc ăn cơm cũng không thấy cụ có mặt trong phòng ăn. Cụ chỉ đi sang xưởng kim hoàn của Aureliano và cụ vẫn ở lại đây hàng giờ, và hàng giờ để viết thứ văn chương khó hiểu trên những tấm da thuộc. Hình như những tấm da này cứ rạn nứt ra bởi chúng được làm từ chất liệu khô khốc như bột làm bánh phồng. Tại đó, cụ xơi cơm do Visitación mang đến một ngày hai lần, mặc dù trông những ngày cuối đời cụ không thích ăn và chỉ ăn rau thôi. Ít lâu sau, cụ mang về cô đơn buồn tủi của những người ăn chay. Một lớp rêu non giống hạt lớp rêu rậm rì phong trên chiếc áo khoác ngoài từ thời không bao giờ chịu cởi ra, đã phủ lên lớp da cụ, và hơi thở của cụ nồng nặc mùi rấm của con vật đang ngủ. Aureliano cũng quên cụ, vì anh mê mải viết những vần thơ của mình. Nhưng cũng

có những lúc anh tưởng mình hiểu được đôi điều cụ nói trong lúc cụ độc thoại bằng quơ và anh đã chú tâm nghe. Thực ra, điều duy nhất anh có thể phân biệt được trong ngôn từ khó hiểu của cụ là sự lặp đi lặp lại không cùng của từ Equinoccio¹⁶ và tên Alexander von Humboldt¹⁷. Arcadio gần gũi cụ hơn khi cậu bé giúp việc cho Aureliano ở trong xưởng kim hoàn. Melquíades đã đáp ứng lại sự cố gắng giao tiếp ấy bằng cách đôi lúc xỏ ra hàng tràng tiếng Tây Ban Nha rất ít liên quan đến thực tế cuộc sống. Tuy nhiên, cũng có một buổi chiều nọ, cụ bỗng bừng vui lên một lúc. Những năm sau này, đứng trước những hòng súng của đội hành hình, Arcadio nhớ lại nỗi kinh

16 Chỉ thời điểm ngày và đêm bằng nhau, và một năm chỉ có hai lần, đó là ngày xuân phân và thu phân.

17 Alexander von Humboldt (1769-1859): nhà địa lý người Đức, tác giả cuốn sách nổi tiếng Cuộc du lịch đến những miền ngày và đêm như nhau của châu lục mới.

hoàng của mình khi nghe cụ Melquíades đọc vài trang bản thảo. Dĩ nhiên cậu không hiểu ý nghĩa của chúng, nhưng khi nghe cụ đọc to thành lời cậu có cảm tưởng chúng giống như lời ngâm chỉ dụ của Giáo hoàng. Sau đó lần đầu tiên trong nhiều năm, cụ mỉm cười và nói bằng tiếng Tây Ban Nha: “Khi ta chết, hãy thiêu ta trên ngọn lửa thủy ngân ba ngày ở ngay trong phòng này”. Arcadio kể lại cho José Arcadio Buendía nghe điều ấy, và thế là ông cố gắng tìm mọi cách để có thể được Melquíades giảng giải rõ ràng hơn, nhưng ông chỉ nhận được một câu trả lời gọn lỏn: “Ta đã đạt tới trình độ bất diệt”. Khi hơi thở của Melquíades đã nặng mùi, Arcadio đưa cụ ra sông tắm vào buổi sáng ngày thứ năm hàng tuần. Dường như cụ khỏe lại. Cụ cởi quần áo và cụ lội xuống sông tắm cùng với lũ trẻ, và linh giác thần bí có

khả năng dắt dẫn cụ đã giúp cụ tránh được những quãng sông nguy hiểm nhiều đá tảng. “Chúng mình thấy đều sinh ra từ nước”, có lần cụ nói vậy. Cụ sống như thế khá lâu mặc dù không ai nhìn thấy cụ ở trong nhà trừ cái độ cụ cố gắng hết sức để sửa lại cây đàn dương cầm tự động. Khi cùng Arcadio đi ra sông tắm, cụ mang theo gáo múc nước làm bằng vỏ quả bí, và một cục xà phòng gói trong khăn tắm kẹp dưới nách. Có một ngày thứ năm, trước khi người ta gọi cụ đi ra sông, Aureliano nghe thấy cụ nói: “Ta đã chết vì sốt rét ở những cồn cát xứ Singapore”. Ngày hôm ấy, cụ lội xuống sông theo một lối đi nguy hiểm và người ta không tìm thấy cụ cho đến sáng hôm sau là lúc thi hài cụ giạt vào một cù lao rục rờ ánh nắng nằm ở phía hạ lưu khoảng vài kilômét, có một con diều hâu lẻ đàn đậu ngay trên bụng cụ. Cưỡng lại

những lời phản đối om xòm của Úrsula, người khóc cụ còn thảm thiết hơn cả khóc chính cha mình, José Arcadio Buendía chống lại việc dân làng định mai táng cụ ngay. “Cụ là đấng bất diệt, – ông nói – và chính cụ đã làm sáng tỏ cái cách thức hồi sinh”. Ông làm sống lại ống dẫn nước bị lãng quên, và đun sôi một chảo thủy ngân ở bên cạnh tử thi ngày một dày đặc những mụn phỏng xanh lè nước. Don Apolinar Moscote bạo dạn nhắc ông rằng người chết trôi không chôn ngay sẽ nguy hại cho sức khỏe chung của dân làng. “Không phải thế, vì cụ vẫn sống mà”. Đó là câu trả lời của José Arcadio Buendía, người đã thực hiện đầy đủ sáu mươi hai giờ đốt lửa thủy ngân bên tử thi và khi những mụn phỏng xanh lè nước của cái tử thi ấy bắt đầu bung ra như ngô nổ với tiếng nổ lép bép đã làm cho căn nhà nồng nặc mùi khó chịu. Chỉ

đến lúc ấy ông mới cho phép người ta chôn cụ, nhưng không phải dưới bất kỳ hình thức nào, mà phải với những lễ nghi trọng thể đối với vị ân nhân vĩ đại nhất của làng Macondo. Đó là đám tang đầu tiên và xúc động hơn cả mà người ta thấy trong làng này, và nó chỉ bị đám tang của Bà Mẹ vĩ đại sau gần một thế kỷ lấn át thôi. Người ta chôn cất cụ trong một nắm mồ nổi lên ở chính giữa bãi đất mà làng đã dành làm nghĩa địa, với một bia mộ khác nổi điều duy nhất người ta đã được biết về cụ: MELQUÍADES. Người ta cử hành chín đêm tang lễ cho cụ. Trong đám đông tụ tập ở ngoài sân để uống cà phê, tán gẫu và đánh bài, Amaranta đã tìm được dịp để tự thổ lộ tình yêu với Pietro Crespi, người cách đây mấy tuần đã chính thức xin cầu hôn với Rebeca và đã dựng cửa hàng nhạc cụ và đồ chơi bằng dây da ở ngay địa điểm trước đây

những người Ả-rập đến ở để đổi các thứ hàng vật vĩnh lấy những chú vẹt đuôi dài, và dân làng vẫn quen gọi nó là đường Thổ Nhĩ Kỳ. Anh chàng người Ý, với mái tóc xoăn vàng óng trên đầu từng khiến cho các bà phụ nữ phải thở dài thèm muốn, không cần phải nghĩ ngợi nhiều đã đối xử với Amaranta như với một cô bé nghịch ngợm. – Tôi còn có một người em trai nữa, – anh bảo cô gái, – cậu ấy sẽ đến để giúp tôi trông nom cửa hàng mà. Amaranta cảm thấy tủi thân, và cô nổi cơn giận dữ nói với Pietro Crespi rằng cô đã quyết chí ngăn cản đám cưới của chị mình, cho dù người ta phải lôi xác chết của mình ra khỏi nhà. Anh chàng người Ý cảm động trước sự đe dọa bi thương đó đến mức không dám nói lại với Rebecca. Chuyến du chơi của Amaranta, lúc nào cũng bị Úrsula thúc giục, đã được chuẩn bị trong vòng một tuần. Amaran-

ta không cưỡng lại, nhưng khi hôn tạm biệt Rebeca, cô đã rí tai chị mình: – Đừng vội mừng nhé. Dù cho người ta mang em đến tận gầm trời cuối đất em sẽ tìm được cách để ngăn cản chị lấy chồng, như vậy thì em phải giết chị thôi. Ngôi nhà dường như to ra và trống trải hơn khi không có Úrsula ở nhà và khi cụ Melquíades đã qua đời nhưng hình như hình bóng cụ vẫn thấp thoáng đi lại trong các phòng. Rebeca trông nom công việc nội trợ, còn cô gái Anh–điêng trông nom cửa hiệu kẹo bánh. Vào lúc chập tối, khi Pietro Crespi, mặc quần áo dịu thơm mùi oải hương đến, luôn luôn mang theo một thứ đồ chơi làm tặng vật, thì cô người yêu tiếp anh ngay trong phòng khách mở toang các cửa để tránh mọi ngờ vực. Đó là một sự cẩn thận không cần thiết bởi vì chàng thanh niên người Ý đã từng thể hiện mình là con người

cao thượng đến mức không dám cầm tay người con gái sẽ là vợ mình trước khi cưới một năm. Những buổi đến chơi đó khiến cho ngôi nhà ngày một chật ních các đồ chơi. Những vũ nữ khiêu vũ nhờ lên dây cót, những hộp nhạc, những con khỉ làm xiếc trên dây, những con chiến mã đang tung vó phi, những thằng hề đánh trống, đó là cả một bộ sưu tập đồ chơi bán cơ khí phong phú và kỳ diệu và nó đã an ủi được José Arcadio Buendía đang âu sầu đau đớn trước cái chết của Melquíades và chúng lại đưa ông trở về với thời kỳ ông háo hức trước thuật giả kim. Vậy là ông sống trong một thế giới những con vật bị mổ bụng, những cỗ máy bị bỏ ra để nghiên cứu nhằm hoàn thiện hệ thống chuyển động liên tục dựa trên những nguyên tắc của quả lắc đồng hồ. Về phần mình, Aureliano đã bỏ mặc công việc trong xưởng kim hoàn để dạy

cô bé Remedios học đọc và học viết. Lúc đầu cô bé vùi ông khách vẫn thường đến chơi vào các buổi chiều mang cho mình những cán bút bê, và cô bé sẽ là đứa trẻ đáng trách nếu người ta dẹp ngổ trong phòng cùng tiếp khách. Nhưng với đức tính kiên trì và tận tình, Aureliano đã cảm dỗ được cô bé đến mức nó ngồi với anh hàng giờ đồng hồ để lĩnh hội các bài học và dùng bút chì màu vẽ trên một tấm bảng con bức tranh những ngôi nhà nhỏ với đàn bò cái đang gặm cỏ ngoài vườn và ông mặt trời tròn gác trên đỉnh núi tỏa chiếu những tia nắng vàng. Chỉ riêng mình Rebeca đau khổ trước lời đe dọa của Amaranta. Cô hiểu rất rõ tính cách, thói ương bướng và lòng căm thù sâu sắc của cô em. Những thứ ấy đang làm cô lo sợ. Hàng giờ ngồi trong buồng tắm, cô mút ngón tay tự kiềm chế cơn thèm để khỏi ăn đất. Cô gọi Pilar Ternera đến nhà

xem bói cho mình để dẹp bớt nỗi lo lắng trong lòng. Sau khi chương bài rồi sắp xếp các quân bài đầy hào hứng, Pilar Ternera xuất thân bói: – Em chưa được sung sướng khi mà cha mẹ em chưa được chôn cất tử tế! Rebeca rùng mình. Như một giấc mơ cô nhớ lại thấy mình còn bé bỏng lắm, bước vào nhà mang theo một cái rương nhỏ, một chiếc ghế xích đu gỗ và một bao tải chưa bao giờ biết trong đó đựng cái gì. Cô nhớ một công tử hái dâu, mặc vải lanh và trên cổ áo sơ mi đơm một chiếc cúc vàng, người ấy chẳng có liên quan gì với người đàn ông trong lá bài. Cô nhớ một thiếu phụ lộng lẫy rất trẻ, có đôi bàn tay mềm mại và thơm phức mùi nước hoa không hề giống với những bàn tay mắc chứng phong thấp của người đàn bà trong lá bài, thiếu phụ ấy đã cài hoa lên tóc cô và dẫn cô đi dạo chơi quanh làng có những con đường

xanh trong buổi chiều vàng. – Em không hiểu, – cô nói. Pilar Ternera bối rối: – Chị cũng thế, nhưng những quân bài đã nói vậy đấy. Rebeca hoảng hốt, ngày đêm không lúc nào yên khi nghĩ tới lời tiên đoán ấy, đã phải nói lại cho José Arcadio Buendía nghe và ông này lập tức mắng át đi, không chịu chứng thực lời đoán của cái lá bài. Nhưng trên thực tế, ông lại trầm lặng lục tìm cái túi tải đựng xương người ở khắp nhà: hết lục tủ rương hòm lại xoay chuyển bàn ghế, lật giường mà vẫn chẳng thấy. Ông nhớ ra từ ngày xây lại nhà mình không nhìn thấy nó nữa. Ông bí mật gọi những người thợ nề đến nhà và một người trong số họ khẳng định rằng anh ta đã đặt túi tải xương người ấy vào một cái hốc tường rồi trát vữa lại vì nó cứ quấy rầy, làm anh rối trí không làm được việc, nhưng lúc này anh không nhớ rõ bức tường ấy thuộc phòng

nào. Sau vài ngày dò tìm, với lỗ tai áp sát vào tường, họ đã tìm thấy tiếng kêu lộc cộc, lộc cộc, lộc cộc thâm thì chìm trong tường. Họ đục bức tường và thấy những xương người trong túi tải còn mới nguyên. Ngay ngày hôm đó, người ta mai táng hai bộ xương người trong một nấm mồ không bia mộ ở ngay cạnh mộ cụ Melquíades.

José Arcadio Buendía trở về nhà lòng thanh thản như vừa trút bỏ gánh nặng y hệt như ký ức về Prudencio Aguilar trước đây từng đè nặng lên lương tri ông. Khi đi qua nhà bếp, ông hôn lên trán Rebeca rồi bảo: – Hãy rũ sạch những ý nghĩ tội nghiệp ấy đi, con ạ! – Ông nói – Từ đây trở đi con sẽ được hạnh phúc. Tình bạn của Rebeca đã mở cửa cho Pilar Ternera đến nhà. Thị đã bị Úrsula cấm cửa kể từ ngày đẻ Arcadio. Như sự chạy nhảy ồn

ào của bấy dề cái thị đến nhà vào bất cứ giờ nào và thị hằng hái làm mọi việc nặng nhọc. Đôi lúc thị có mặt trong xưởng kim hoàn và bằng cử chỉ hoạt bát giúp đỡ Arcadio thoa mìn giấy ảnh trong tình cảm âu yếm. Cuối cùng thị đã làm cho cậu lúng túng. Người đàn bà ấy đã làm cậu hoang mang. Nước da rám nắng, mùi khét, tiếng cười khúc khích trong phòng tối của thị khiến cậu thở rộ rã hồi hải, khiến cậu lúng túng hoài, cứ va vấp phải các đồ vật ở xung quanh. Cũng có những lúc Aureliano có mặt trong phòng, mãi làm việc và Pilar Ternera dựa người vào bàn mà thán phục anh làm việc cần mẫn và tỉ mỉ. Bỗng nhiên thị xuất thần. Aureliano nhận rõ rằng Arcadio đang ở trong phòng. Trước khi ngước mắt lên và bắt gặp đôi mắt của Pilar Ternera, để lộ ý nghĩ rất sáng rõ như thể chúng lộ ra

mồn một ngay ở dưới ánh mặt trời lúc đang trưa, anh hỏi:

– Được! Chị hãy nói cho tôi biết cái gì vậy? Pilar Ternera liếm môi rồi nở một nụ cười buồn: – Anh thích hợp với chiến tranh, – thị nói, – anh đặt mắt ở đâu thì ở đó viên đạn do anh bắn sẽ tới. Aureliano nâng tay tán thành lời tiên đoán ấy. Anh tập trung tư tưởng trở lại với công việc như thể chẳng có chuyện gì vừa xảy ra và anh nói với một giọng bình thản mà rần rỏi: – Biết rồi, – anh nói, – cuộc chiến tranh ấy sẽ mang tên tuổi của tôi mà. Cuối cùng José Arcadio Buendía thực hiện được cái mà ông muốn làm. Ông đã nổi được vũ nữ nhảy múa nhờ dây cót vào bộ máy đồng hồ và nó khiêu vũ theo nhạc suốt ba ngày liền. Chiến tích ấy khiến ông vui sướng hơn bất kỳ một công việc hao tâm tổn sức nào của ông trước

đây. Ông không ăn. Ông không ngủ. Vì thiếu Úrsula ở bên cạnh để chăm nom và săn sóc, ông tự để cho mình bơi trong thế giới tưởng tượng do đó dẫn ông đến tình dạng hưng phấn thường xuyên. Ông sống những đêm dài trăm trở mà đi đi lại lại trong phòng, mà lảm nhảm tính suy mà tìm cách áp dụng những nguyên tắc của quả lắc đồng hồ cho những chiếc xe bò, cho những lưỡi cày, nghĩa là cho tất cả những gì hữu hiệu được đặt trong chuyển động. Cơn sốt vì mất ngủ làm cho ông mệt mỏi quá tới mức một buổi đêm về sáng nọ ông không thể nhận ra một ông già tóc bạc phơ có cử chỉ ngỡ ngàng bỗng bước vào phòng ngủ. Đó là Prudencio Aguilar. Khi nhận ra Prudencio Aguilar, ông ngạc nhiên thấy rằng người chết cũng già theo năm tháng. José Arcadio Buendía cảm thấy rùng mình vì nỗi nhớ nhung. “A, Prudencio, – ông reo

lên, – xa xôi thế mà bác cũng tìm đến đây được sao”. Sau rất nhiều năm ở trong cõi chết, nỗi nhớ nhung người sống mới da diết làm sao, sự cần thiết phải có bạn mới bức bối làm sao, sự gần kề một cái chết khác vốn đã tồn tại ngay trong lòng cõi chết mà chính Prudencio Aguilar vừa rồi mong cho kẻ thù tệ nhất của mình mới đáng sợ làm sao. Prudencio Aguilar đã tốn nhiều thời gian đi tìm ông. Prudencio Aguilar hỏi thăm ông qua những linh hồn chết ở Riohacha, qua những linh hồn chết ở thung lũng Uga, qua những linh hồn chết từ vùng đầm lầy tới, nhưng không một linh hồn chết nào đã trả lời đúng điều ông muốn hỏi, bởi vì Macondo thời ấy còn là một làng chưa được các linh hồn chết biết tới. Mãi cho tới khi cụ Melquíades đến và cụ chỉ cho ông biết một chấm đen trên những tấm bản đồ nhiều màu của thần

chết. José Arcadio Buendía nói chuyện với Prudencio cho đến tận sáng. Sau đó ít giờ, người phờ phạc vì mất ngủ, José Arcadio Buendía bước vào xưởng kim hoàn của Aureliano và hỏi anh: “Hôm nay là thứ mấy?”. Aureliano trả lời cha là ngày thứ ba. “Ta cũng nghĩ như vậy”, José Arcadio Buendía nói. “Nhưng ngay lập tức ta hiểu rằng hôm nay vẫn cứ là ngày thứ hai như ngày hôm qua ấy mà. Con hãy nhìn bầu trời kia, hãy nhìn các bức tượng kia, hãy nhìn những chậu thu hải đường kia. Hôm nay cũng vẫn là ngày thứ hai”. Đã quen với những lời lẩn thẩn ấy, Aureliano không nghe lời ông. Vào ngày hôm sau, tức sáng ngày thứ tư, José Arcadio Buendía lại bước vào xưởng. “Đây là một thảm họa” – ông nói, “Con hãy nhìn gió kia, hãy nghe tiếng kêu vo vo của ông mặt trời kia, y hệt như hôm qua, hôm kia”. Đêm ấy Pietro Crespi gặp

ông ở ngoài hành lang bang khóc lóc với tiếng khóc khô khốc của người già, khóc cho Prudencio Aguilar, khóc cho cụ Melquíades, khóc cho cha mẹ của Rebecca, khóc cho cha mẹ ông, khóc cho tất cả những ai ông nhớ được và lúc ấy họ đang cô đơn trong cõi chết. Pietro Crespi tặng ông một con gấu cử động nhờ dây cót đi hai chân trên một dây sắt, nhưng với quà tặng này anh vẫn không làm ông vui lên được. Ông hỏi anh kế hoạch mà ông đặt ra cho anh từ những hôm trước như thế nào rồi, tức là công việc nói về khả năng xây dựng một cái máy dựa trên nguyên tắc quả lắc đồng hồ có thể nâng bổng bất cứ vật gì trong không trung, có thể giúp con người bay lên. Và anh đã trả lời ông rằng: không thể được, vì là quả lắc đồng hồ có thể nâng bổng bất kỳ một vật nào lên không trung nhưng nó lại không thể tự nâng mình lên được. Ngày

thứ trăm ông lại có mặt trong xưởng kim hoàn với bộ dạng đau khổ của mặt đất bị chà sát. “Bộ máy thời gian đã hỏng rồi, – ông khóc nức nở, – còn Úrsula và Amaranta lại ở rất xa”. Aureliano mắng mỏ cha như mắng một đứa trẻ và ông lại ngoan ngoãn nghe theo. Sáu giờ liên tục ông kiểm tra các đồ vật cố tìm gặp một sự khác biệt về một phương diện nào đó mà ngày hôm qua chúng đã có nhằm phát hiện trong chúng một sự thay đổi chứng tỏ rằng thời gian vẫn trôi chảy tuần tự. Cả đêm ông nằm trên giường, mắt mở thao láo, mà gọi Prudencio Aguilar, gọi Melquíades, gọi tất cả những người đã chết để họ tới cùng chia sẻ với ông nỗi chán chường. Nhưng không một ai tới. Ngày thứ sáu, ngay trước lúc mọi người thức dậy, ông lại quan sát mọi biểu hiện bên ngoài của thiên nhiên, ông quan sát mãi cho tới khi ông không nghi ngờ

rằng hôm ấy vẫn cứ là ngày thứ hai. Thế là ông vớ lấy thanh gỗ chèn cửa và với sức mạnh tàn bạo vốn có của mình ông đập phá tan tành các dụng cụ phòng thí nghiệm giả kim, xưởng kim hoàn, cỗ máy ảnh. Rồi như một con ác quỷ ông gào thét bằng một thứ ngôn ngữ có âm thanh sang sảng đồng thời lại thao thao bất tuyệt mà thực tế không thể nào hiểu được. Ông sẵn sàng đập phá nốt cả ngôi nhà cũng vừa hay Aureliano đã nhờ hàng xóm đến giúp mình. Phải nhờ tới mười người đàn ông lực lưỡng mới vật đổ được ông, mười bốn người trói ông, hai mươi người lôi ông tới cây dẻ ở giữa sân là nơi người ta bỏ mặc ông bị trói, tha hồ sửa những lời quái dị, thả sức nhõ phì phì thứ đờm xanh lè. Khi Úrsula và Amanranta trở về, ông vẫn bị trói chặt tay chân vào gốc cây, người ướt, đầm nước và hoàn toàn ngây dại. Hai mẹ con nói

chuyện với ông, nhưng ông không nhận ra người ruột thịt của mình. Ông nói với họ về một cái gì đó không thể hiểu được. Úrsula cởi dây trói nơi cổ tay và cổ chân cho ông, đó là những chỗ thịt đã thành chai do dây thừng thít chặt quá và chỉ để ông bị trói ngang thắt lưng thôi. Sau đó người ta dựng tạm một túp lều lá cọ để che mưa che nắng cho ông.

CHƯƠNG 5

Một ngày chủ nhật tháng Ba, Aureliano Buendía và Remedios Moscote làm lễ thành hôn trước bàn thờ Chúa do cha Nicanor Reyna sai dựng ngay trong phòng khách nhà Buendía. Đó là cả một thời kỳ rộn rã đến cao độ kéo dài bốn tuần liền trong nhà Moscote, là vì cô bé Remedios đến nổi dậy thì trước khi từ bỏ những thói quen của tuổi thơ. Đã được mẹ chỉ bảo cho những thay đổi đột biến của tuổi dậy thì, thế mà vào

một buổi chiều tháng hai cô bỗng hoảng hốt kêu oang lên chìa cho đám chị em mình đang ngồi thêu xem chiếc líp vậy bản một thứ nước nhờn nhớt màu sô-cô-la. Ngày cưới được ấn định sau đó một tháng. Hầu như người ta không có đủ thời gian để dạy cô bé tự rửa ráy, tự mặc lấy quần áo, tự hiểu lấy những công việc thiết yếu của cuộc sống gia đình. Người ta cho cô đái vào những hòn gạch nung nóng để trị bệnh đái dầm. Vất vả lắm mới thuyết phục nổi để cô hiểu tính bất khả xâm phạm của buồng kín, bởi vì Remedios vừa rất hoảng sợ đồng thời lại rất hào hứng trước những lời chỉ dẫn đến mức cô cứ muốn mọi người nói về đêm tân hôn với tất cả tình tiết của nó. Đó là một cố gắng hết sức, song trong ngày được chọn làm ngày cưới, cô bé tỏ ra thạo đời y hệt như bất cứ bà chị nào của mình. Ông Apolinar Moscote khoác

tay con gái dẫn đi trên những con đường làng trang hoàng hoa lá, dậy vang tiếng pháo nổ và tiếng hạc mừng vui. Cô bé vẫy tay chào và nhoẻn miệng cười cảm ơn những ai từ cửa sổ nhà mình chúc cô may mắn và hạnh phúc.

Aureliano, mặc bộ comple dạ màu đen, đi đôi ủng màu cánh dán có đính cựa thúc ngựa, đôi ủng mà ít năm sau này đứng trước đội hành hình chàng vẫn mang, da nhợt nhạt xanh tái và cổ họng như nghẹn lại khi đón cô dâu ngay ở cửa và đưa nàng đến trước bàn thờ Chúa. Cô bé cư xử hết sức tự nhiên, hết sức đúng mực đến độ không để mất sự hài hòa ngay cả khi Aureliano, vào lúc đeo nhẫn cho vợ, đã để rơi chiếc nhẫn. Trong không khí ồn ào những tiếng thì thầm bàn tán và trong phút đầu tiên khi các vị khách mời còn lơ đãng, cô dâu vẫn

giường cao bàn tay mang chiếc tất để hở ngón và vẫn chìa nguyên ngón đeo nhẫn đợi cho tới khi chú rể lấy chân đi ủng chặn đứng chiếc nhẫn khỏi lăn ra cửa và nhặt lấy nó, mặt đỏ bừng trở về trước bàn thờ. Mẹ và các chị cô khổ sở lo lắng chỉ sợ con bé thất thố, dù chỉ là một cử chỉ nhỏ thôi trong lúc tiến hành lễ cưới, và đến khi buổi lễ kết thúc, chính họ là người đã chạy đến, bất chấp quan khách đông đủ, bế cô lên tặng cho những chiếc hôn nồng nàn. Kể từ ngày đó, cô đã tỏ rõ là người có ý thức phục tùng, ý nhị, điềm tĩnh trước những tình huống mâu thuẫn trong gia đình. Chính cô là người mở đầu tiệc cưới và là người xắn lấy miếng bánh cưới ngon nhất, đặt nó vào cái đĩa có để sẵn chiếc nĩa, mang đến cho José Arcadio Buendía. Bị trói vào thân cây dẻ, ngồi khom lưng trên chiếc ghế gỗ trong túp lều lá cọ, ông già to béo, da bệch bạc

vì mưa nắng mím một nụ cười lơ đãng mang vẻ biết ơn và tay cầm lấy miếng bánh ăn, miệng ngâm nga một bài nhĩa ca khó hiểu. Người duy nhất không hạnh phúc trong đám cưới linh đình kéo dài tới sáng sớm ngày thứ hai là Rebeca Buendía. Ngày vui của cô đã không thành. Theo sự thỏa thuận của Úrsula, hôn lễ của cô cũng sẽ được tổ chức cùng ngày với hôn lễ của Aureliano, nhưng ngày thứ sáu Pietro Crespi đã nhận được lá thư báo tin mẹ anh sắp chết. Đám cưới của họ bị đình lại. Sau một giờ nhận thư, Pietro Crespi đi ra tỉnh ngay và trên đường đi anh không gặp mẹ mình, người cũng đang trên đường đến làng Macondo cho kịp đêm thứ bảy và trong đám cưới của Aureliano đã hát một bài hát buồn do chính bà sáng tác với mục đích dành riêng cho đám cưới của con trai mình.

Pietro Crespi trở lại vào lúc nửa đêm ngày chủ nhật để quét dọn mẩu tàn thuốc lá của tiệc vui sau khi anh đã phi như gió làm cho năm chú ngựa phải ngã gục ở dọc đường, cố về cho kịp giờ làm đám cưới của mình. Kẻ viết thư ấy sẽ không bao giờ bị phát giác. Bị Úrsula ràyla, Amaranta khóc lóc thảm thiết thể sống thể chết trước bàn thờ Chúa vẫn chưa được những người thợ mộc dọn đi.

Cha xứ Nicanor Reyna – người được Don Apolinar Moscote đưa về đây để làm lễ cưới – là một người nhẵn nại trong công việc quá ư tẻ nhạt và nhàm chán của mình. Cha có nước da đến là buồn thảm cứ dán chặt lấy xương, có cái bụng ỏng tròn vo, mang dáng vẻ hiền quá hỏa đần của một vị thần già. Cha định sẽ trở về giáo khu của mình ngay sau khi làm xong lễ cưới nhưng cha lấy làm ngạc

nhiên trước vẻ thô kệch quá ư quê mùa của dân chúng Macondo vốn sinh sôi nảy nở đến là đông đúc, sống mù quáng tuân theo luật tự nhiên, không chịu làm lễ rửa tội cho con cái cũng như không đặt tên thánh cho các ngày lễ. Vì nghĩ rằng mảnh đất này cần hạt giống của Thượng đế hơn bất kỳ nơi nào, cha bèn quyết định ở lại thêm một tuần lễ nữa để giáo hóa làng này thành một làng của Chúa, để làm lễ cưới cho những đôi trai gái chung sống theo sở thích và làm lễ rửa tội cho những người ốm sắp tắt thở. Nhưng không một ai nghe cha. Họ trả lời đúc cha rằng trong nhiều năm ròng họ sống không có sự chần dặt của cha xứ, rằng họ tự mình giải quyết một cách trực tiếp với Thượng đế những vương mắc của linh hồn và họ đã hoàn toàn bỏ thói xấu gây tội ác. Mệt mỏi vì phải thuyết giảng ở vùng hoang mạc, cha Nicanor quyết định

sẽ xây dựng một nhà thờ lớn nhất thế giới, có những bức tượng to bằng người thực, trên tường khảm những tấm kính nhiều màu. Một nhà thờ lớn như thế sẽ làm cho dân bốn đạo ở tận thành Roma cũng phải đến để thờ khiến Chúa được hiển vinh ngay tại trung tâm của xứ vô đạo này. Cha đi khắp làng với chiếc đĩa đồng trên tay để quyên góp. Dân chúng cho rất nhiều nhưng cha lại muốn nhiều hơn, bởi vì nhà thờ cần có một quả chuông mà tiếng vang của nó có thể khiến cho xác những người chết đuối phải nổi lên trên mặt nước. Cha cầu xin quá sức đến nỗi khản cả tiếng. Xương hóc cha mỗi dữ như có kiến bò bên trong. Một ngày thứ bảy nọ, vì không xin được gì, ngay cả hoa quả hoặc thức ăn để sẵn ở cửa, cha đâm sợ hãi vì thất vọng. Cha làm vội một bàn thờ Chúa ở ngay giữa quảng trường và ngày chủ nhật, tay rung

chuông như trong thời kỳ bệnh mất ngủ hoành hành, cha đi khắp làng để cổ động mọi người tới dự buổi lễ mixa quê mùa. Rất nhiều người vì tò mò đã đến. Một số người khác vì nhớ nhung. Số khác đến dự lễ mixa để khỏi bị Thượng đế coi cái lập trường trung gian của mình như một sự chống đối cá nhân. Vậy là vào lúc tám giờ sáng, có đến một nửa làng đã tụ tập ở quảng trường xem cha xứ Nicanor với giọng khản vì cầu xin, đang tụng kinh Phúc âm. Đến cuối buổi lễ, khi những người dự lễ bắt đầu tản mác ra về, cha giương cao hai tay lên ra hiệu để mọi người chú ý nghe:

Hãy khoan? Hãy khoan? – cha nói. – Giờ đây chúng ta sẽ xem một bằng chứng không thể tranh cãi được về sức mạnh vô biên của Thượng đế.

Chú bé ban nãy giúp cha cử hành

lễ mixa, lúc này mang đến hấu cha một tách sô-cô-la đặc nghi ngút khói và cha đã uống liền một hơi không nghỉ. Sau đó cha rút chiếc mùi soa dắt trong ống tay áo thụng ra lau mồm, dang rộng hai cánh tay, nhắm nghiền mắt lại. Vậy là cha xứ Nicanor liền tự nâng bổng mình lên cách mặt đất mười hai xăngtimét. Đó là một thủ đoạn dễ chấp nhận.

Trong vài ngày cha đi khắp mọi nhà để nhắc lại thử nghiệm việc tự nâng bổng mình khỏi mặt đất nhờ sức kích thích thần kinh của sô-cô-la. Trong lúc ấy, chú bé hấu lễ đã quỵên được rất nhiều tiền đựng trong túi tải đến mức không đầy một tháng đã tiến hành khởi công việc xây dựng nhà thờ. Không một ai nghi ngờ cội gốc linh thiêng của sự chứng minh ấy, ngoại trừ José Arcadio Buendía, người không hề cử động đã quan sát

đám đông lộn xộn vây quanh gốc cây dẻ vào một buổi sáng để một lần nữa xem cha tự nâng mình khỏi mặt đất. Hầu như ông chỉ hơi duỗi chân trên ghế và nhún vai khi cha xứ Nicanor bắt đầu tự nâng mình khỏi mặt đất cùng với chiếc ghế cha ngồi.

Hoc est simplicisimum – José Arcadio Buendía nói – hom iste statum quantum materiae invenit¹⁸.

Cha xứ Nicanor giơ tay lên và lập tức bốn chân ghế cùng hạ xuống đứng trên mặt đất.

Nego – ông nói. – Facilum hoc existentiam Dei probat sine dubio¹⁹.

Do đó người ta biết rằng thứ ngôn

18 Tiếng Latinh, nghĩa là: Điều đó thật là đơn giản. Con người là con vật bốn chân tạo ra vật chất.

19 Tiếng Latinh, nghĩa là: Tôi phản đối. Sự hiện tồn của Thượng đế có hay không còn phải được chứng minh đã.

ngữ quỉ ám khó hiểu ấy của José Arcadio Buendía là tiếng Latinh. Cha xứ Nicanor liền tranh thủ dịp may mình là người duy nhất có thể giao dịch được với José Arcadio Buendía để nhồi nhét đức tin Kitô giáo vào bộ não đã loạn trí của ông. Buổi chiều nào cũng vậy, cha xứ ngồi bên cây dẻ mà lái nhải thuyết giáo bằng tiếng Latinh nhưng José Arcadio Buendía khoái chí không thừa nhận những con đường mòn cũ rích cũng như sự thay màu của sô-cô-la và đòi xem một bức ảnh Thượng đế, coi đó như là một bằng chứng cuối cùng. Thế là cha xứ Nicanor mang đến cho ông những huy hiệu và những bức ảnh và ngay cả tấm phục chế một tấm dạ thêu ảnh thánh Veronica, nhưng José Arcadio không thừa nhận mà coi chúng là đồ thủ công mỹ nghệ không có cơ sở khoa học. Ông rất ương bướng, tới mức cha xứ Nicanor buộc phải từ bỏ ý định

biến ông thành một tín đồ đạo Thiên Chúa. Nhưng về phương diện tình cảm giữa người với nhau cha vẫn thường xuyên tới thăm ông. Song lúc ấy, José Arcadio Buendía lại là người nắm thế chủ động tấn công và định bẻ gãy niềm tin của cha cổ bằng những suy tính của người duy lí. Có lúc cha xứ Nicanor mang tới gốc cây dẻ một bàn cờ có đủ số quân để mời ông chơi cờ đam²⁰. José Arcadio Buendía không chơi, bởi chưa bao giờ ông có thể hiểu được ý nghĩa của một cuộc thi đấu trong đó hai đối thủ đã thỏa thuận với nhau về những nguyên tắc. Cha xứ Nicanor, người chưa từng thấy ai chơi cờ theo lối ấy, cũng không trở lại đánh cờ đam. Càng ngày cha xứ càng thán phục trí thông minh của José Arcadio Buendía. Cha đã hỏi ông làm sao ông lại có thể bị trói chặt vào gốc cây thế.

20 Cờ vua.

Hoc est simplicisimum, – ông trả lời – là vì tôi bị điên rồi mà.

Từ đó trở đi, chăm lo cho đức tin của mình, cha xứ không đến thăm ông nữa, quyết chí khởi công ngay việc xây dựng nhà thờ. Rebeca cảm thấy hy vọng của mình đang sống lại. Tương lai của cô phụ thuộc vào việc hoàn thành công việc này. Cô nghĩ như vậy là vì kể từ ngày chủ nhật nọ cha xứ Nicanor ăn cơm trưa ở nhà này và cả nhà quây quần ngồi quanh bàn ăn nói chuyện về những nghi lễ trang nghiêm và huy hoàng trong các hoạt động tôn giáo khi nhà thờ được xây xong. “Người gặp may nhất ở đây là chị Rebeca”, Amaranta nói. Và vì thấy Rebeca không hiểu mình muốn nói gì, cô giải thích với một nụ cười ngây thơ:

A, chả là vì lễ thành hôn của chị sẽ trùng với ngày khánh thành nhà thờ mà lị.

Rebeca vội vã chặn trước bất kỳ lời bình phẩm nào về chuyện này. Theo tiến độ xây dựng thì nhà thờ sẽ không thể hoàn thành trước mười năm. Cha Nicanor không đồng ý vì cha cho rằng với sự hảo tâm mới nảy sinh hiện nay của những con chiên trung thành cho phép cha sẽ làm những con tinh lạc quan hơn. Trước thái độ hờn dỗi thâm lặng của Rebeca, người đã phải bỏ dở bữa ăn, Úrsula tán thành ý nghĩ của Amaranta, và bà đã góp một phần của cải đáng kể để đẩy nhanh hơn tiến độ xây dựng công trình. Cha Nicanor cho rằng với một sự đóng góp nữa như sự đóng góp này, ngôi nhà sẽ được xây xong trước ba năm. Từ lúc đó trở đi, Rebeca không thềm nói chuyện

với Amaranta mà lòng tự nhủ rằng thái độ khiêu khích của Amaranta không phải là quá ngây thơ như cô tưởng. “Đó là điều ít nghiêm trọng hơn có thể xảy ra”, Amaranta cãi lại Rebeca trong cuộc đấu khẩu ác liệt đã xảy ra đêm ấy. “Như vậy, trong ba năm tới đây, tôi chưa cần phải giết chị”. Rebeca chấp nhận lời thách thức ấy.

Khi Pietro Crespi biết được lễ thành hôn của mình lại bị hoãn, anh lâm vào tình trạng thất vọng. Trái lại Rebeca đã chứng tỏ lòng chung thủy của mình. “Chúng mình sẽ trốn đi khi nào anh quyết định xong”, cô nói. Tuy nhiên, Pietro Crespi không phải là người thích mạo hiểm. Anh đã thiếu tính cách sôi nổi của người yêu, lại còn quá câu nệ coi lời hứa như là một kho báu không thể nào phung phí được. Vậy là Rebeca vận

dụng những thủ đoạn mạnh bạo hơn. Một ngọn gió kỳ lạ thổi tắt phụt ngọn đèn trong phòng khách và Úrsula bắt gặp quả tang hai người đang hôn nhau trong bóng tối. Pietro Crespi vụng về giải thích cho bà về sự kém phẩm chất của những cây nến hiện đại thấp nhựa đường và giúp bà đặt ở phòng khách một hệ thống đèn thấp sáng chắc chắn hơn. Nhưng lần khác, đèn lại bị đổ nhằm dầu hoặc bị tụt bắc. Úrsula lại bắt quả tang Rebeca ngồi trên đùi người yêu. Thế là bà không thềm nghe bất cứ một lời thanh minh nào nữa. Bà giao cho cô gái Anh-điêng trông coi cửa hàng bánh kẹo và chính bà ngồi ở ghế xích đu giám sát các buổi chuyện trò của đôi tình nhân, quyết không chịu thua những thủ đoạn cũ rích mà bà vốn quen hồi còn xuân trẻ.

“Khốn thân mẹ quá!”, Rebeca nói

với tất cả sự hờn giận có pha chút hài hước lúc nhìn Úrsula đang ngáp dài trong không khí căng thẳng của buổi đến chơi. “Khi mẹ chết có lẽ mẹ sẽ ra đi trên chiếc ghế xích đu này mất”. Sau ba tháng sống trong tình yêu bị theo dõi khắt khe, nản lòng trước sự chậm trễ trong công việc xây dựng mà ngày nào anh cũng đến thăm, Pietro Crespi bằng lòng góp cho cha Nicanor số tiền cha cần để hoàn thành việc xây cất nhà thờ. Amaranta vẫn không thối chí. Trong lúc ngồi nói chuyện với đám chị em vẫn thường đến nhà vào các buổi chiều để thêu hoặc đan ở ngoài hành lang, cô cố tìm những mưu mẹo mới. Một thiếu sót đã làm hỏng mất mưu mẹo mà cô cho là có hiệu lực hơn cả. Ấy là việc sẽ lấy trộm những viên băng phiến mà Rebeca để ở bộ quần áo cô dâu trước khi cất nó vào rương trong phòng ngủ. Amaranta sẽ

làm khi nào chỉ còn không đầy hai tháng việc xây cất nhà thờ kết thúc. Nhưng Rebecca rất nôn nóng trước việc ngày cưới của mình ngày một đến gần cho nên cô muốn chuẩn bị quần áo cô dâu sớm hơn cả dự định của Amaranta. Vào lúc mở chiếc rương, rồi mở tờ giấy gói, sau cùng mở tấm lụa bọc ngoài, cô gặp bộ quần áo cưới sa tanh, một đầu khăn voan, chiếc mũ miện gài hoa cam, tất cả đều bị gián nhấm thành bụi. Mặc dù cô chắc chắn rằng mình đã để vào gói quần áo hai gói băng phiến bọc trong mùi soa, nhưng vì nổi bất hạnh xem ra hoàn toàn ngẫu nhiên nên cô không dám đổ lỗi cho Amaranta. Chưa đầy một tháng sẽ đến ngày cưới nhưng không sao, vì cô có Amparo Moscote nhận may quần áo cô dâu chỉ trong vòng một tuần là xong. Một buổi trưa trời mưa, Amparo khoác áo tơi bước vào nhà để thử lần cuối bộ quần áo cô

dâu cho Rebeca, Amaranta cảm thấy tức tối đến muốn chết được. Cô lạc cả giọng, và một dòng mồ hôi lạnh buốt chảy dọc theo sống lưng cô. Đã nhiều tháng nay cô sống trong pháp phông mong đợi cái giờ ấy. Bởi vì nếu không mưu tính thành công một trở ngại quyết định ngõ hầu cản trở đám cưới của Rebeca, thì chắc chắn rằng, trong phút cuối cùng khi mà tất cả mọi thủ đoạn nghĩ ra được đều thất bại, cô sẽ có đủ dũng cảm để đầu độc Rebeca. Buổi chiều ấy trong lúc Rebeca chết ngất vì nóng do phải mặc chiếc áo sa tanh may thử mà Amparo đang bình tĩnh dùng kim ghim lại cho vừa với cơ thể người mặc, thì Amaranta đã vài lần nhâm lẫn những mũi móc và đâm cả kim vào ngón tay mình. Nhưng với nỗi lạnh lùng đáng sợ cô đã quyết định ngày đầu độc Rebeca sẽ là ngày thứ sáu gần kề ngày cưới và cách thức đầu độc sẽ là một

giọt nha phiến hòa trong cà phê.

Một trở ngại lớn nhất, rất tàn bạo và cũng rất bất ngờ đã ập đến buộc đám cưới phải hoãn một lần nữa và không biết hoãn đến bao giờ. Chỉ còn một tuần nữa thì đến ngày cưới bỗng nhiên vào lúc nửa đêm Remedios thức dậy miệng nôn trôn tháo, người ướt sũng những thứ từ trong bụng thải ra còn nóng hôi hổi, và sau ba ngày thì chết vì nhiễm độc bởi chính thứ máu mình và trong bụng mang cái bào thai sinh đôi. Amaranta tự mình dần vặt lương tâm. Cô đã quá nhiệt tâm cầu xin Thượng đế một cái gì khủng khiếp sẽ xảy ra để mình khỏi phải đầu độc Rebeca và do đó cô cảm thấy mình có tội trước cái chết của Remedios. Đó không phải là cái trở ngại mà cô cầu mong. Remedios đã mang về nhà này một luồng gió mới đầy vui vẻ. Cô cùng chồng chuyển ra ở trong

phòng ngay cạnh xưởng kim hoàn và cô đã lấy tất cả búp bê và đồ chơi tuổi ấu thơ trang trí phòng ở và sức sống tươi trẻ của cô tràn ra ngoài bốn bức tường để như một luồng gió mát thổi qua hành lang bày những chậu thu hải đường. Ngay từ lúc thức dậy cô đã hát. Cô là người duy nhất trong nhà đã dám can ngăn những cuộc đấu khẩu giữa Rebeca và Amaranta. Cô đã gánh vác nhiệm vụ săn sóc cụ José Arcadio Buendía. Cô mang cơm cho ông bố chồng, tận tình có mặt hầu hạ lúc cụ ỉa đái tắm rửa cho cụ bằng xà phòng và bã cọ, giữ sạch bộ râu, mái tóc khỏi sự hành hạ của chấy rận, bảo vệ tất tưởi lều lá cọ và tu bổ nó vào thời kỳ mưa bão. Ở những tháng cuối cùng của đời mình, cô đã giao tiếp được với cụ qua những câu Latinh đơn giản. Khi đứa con trai của Aureliano với Pilar Ternera ra đời, được mang về nhà và được làm lễ

đặt tên là Aureliano José, thì Remedios quyết định công nhận chú nhóc là đứa con đầu lòng của mình. Tình cảm người mẹ của cô khiến Úrsula rất đổi ngạc nhiên. Về phần mình, Aureliano gặp ở cô lời biện minh tối cần thiết cho cuộc đời mình. Anh làm việc cả ngày trong xưởng và Remedios mang đến cho anh một tách cà phê không pha đường vào giữa buổi sáng. Đêm nào cũng vậy, bọn họ đến thăm vợ chồng Moscote. Aureliano mê mải đánh domino với bố vợ trong lúc đó Remedios nói chuyện vui với các bà chị và đàm đạo với mẹ về những vấn đề của người lớn. Mỗi quan hệ chặt chẽ với gia đình Buendía đã củng cố thêm quyền lực của Don Apolinar Moscote ở trong làng. Trong những chuyến lên tỉnh thường xuyên, ngài đã xin được chính phủ cho mở một trường học do Arcadio, người kế thừa được nhiệt tình sự phạm

của ông nội, chăm nom. Bằng biện pháp thuyết phục, ngài đã vận động được phần lớn các ngôi nhà trong làng quét vôi màu xanh để đón mừng lễ kỉ niệm ngày Quốc khánh. Để đáp lại những đề nghị của cha Nicanor, ngài đã quyết định chuyển tiệm ăn của bác Catarino sang một con đường biệt lập và cho đóng cửa một số tụ điểm rộn rã đã mọc lên ở ngay trung tâm làng. Một lần lên tỉnh về ngài đã dắt theo sáu lính cảnh sát có súng ống. Đó là những người ngài trao cho nhiệm vụ giữ gìn trật tự. Thế nhưng, không một ai nhắc ngài nhớ lại lời ngài đã hứa với José Arcadio Buendía là sẽ không sử dụng cảnh sát vũ trang ở trong làng.

Aureliano rất thích thú ông bố vợ tháo vát của mình. “Cậu rồi lại béo phục béo phịch như ông ta thôi”, các bạn anh bảo anh vậy Nhưng sự an nhàn từng làm

phính đôi má anh và tập trung ánh sáng trong con mắt anh vẫn không tăng thêm trọng lượng thân xác và cũng chẳng làm đảo lộn tính kiêu hãnh của anh mà trái lại nó chỉ tô đậm thêm cái đường hằn trên làn môi anh, dấu hiệu của sự suy nghĩ lao lung và của quyết tâm không gì lay chuyển nổi. Tình cảm vợ chồng anh thật là sâu sắc đã đánh thức tình cảm của gia đình hai bên, đến mức khi Remedios báo tin mình sẽ có con thì ngay đến cả Rebeca và Amaranta cũng phải làm lành với nhau để cùng dệt một tấm lanh xanh nếu như sinh con trai và một tấm lanh hồng nếu như sinh con gái. Cô là người cuối cùng được Arcadio nghĩ tới ít năm sau này khi đứng trước hòng súng của đội hành hình.

Úrsula quyết định để tang cô trong một năm. Bà ra lệnh đóng hết các cửa, nội

bất xuất ngoại bất nhập trừ trường hợp không thể dùng được, cấm nói to và tự tay bà treo bức ảnh Remedios ở nơi quán thi hài cô và đặt một ngọn đèn dầu sáng mãi không tắt trước tấm ảnh đó. Những thế hệ con cháu sau này, không bao giờ để cho ngọn đèn dầu bị tàn, đã lúng túng trước tấm ảnh cô bé mặc váy phồng, đi ủng trắng, trên đầu gài một chiếc nơ soa, mà không thể nào đồng nhất được bức ảnh ấy với sự tưởng tượng vốn có của họ về một bà cô. Amaranta nhận nuôi Aureliano José. Cô nuôi dạy nó như một đứa con trai. Nó sẽ là người chia sẻ nỗi cô đơn và an ủi cô khỏi nỗi dằn vặt về những lời cầu khẩn cuồng nhiệt của mình đã khiến cho chất nha phiến vô tình rơi vào cà phê của Remedios. Tối đến, Pietro Crespi đội chiếc mũ mang vành khăn tang rón rén bước vào nhà để lặng lẽ thăm Rebeca, một Rebeca dường

như đang chảy hết máu ngay trong bộ quần áo đen với tay áo trùm kín mu bàn tay. Nguyên việc nghĩ chọn lại ngày cưới đã có thể là trái đạo lắm rồi, vì thế quan hệ yêu đương của hai người trở thành một quan hệ vĩnh hằng, một tình yêu mỗi một không một ai muốn lại chăm sóc nó, như thể những người yêu nhau, từng tắt đèn để hôn nhau trong bóng tối đã xa rời nhau theo ý nguyện của thần chết. Mất phương hướng hoàn toàn, mất luôn cả lý trí, Rebeca ăn đất trở lại.

Việc để tang tiến hành đã được khá nhiều thời gian đến mức gia đình buộc phải tổ chức lại các buổi cầu kinh tại gia. Vào lúc hai giờ chiều một ngày yên tĩnh, oi bức khủng khiếp, bỗng có một người đẩy cánh cửa ăn thông với đường cái và thế là các cánh cửa rền rĩ lên với sức mạnh làm rung chuyển cả nền ngôi

nhà trong đó Amaranta cùng các bạn gái đang ngồi thêu ở hành lang, Rebeca đang mút ngón tay trong phòng ngủ, Úrsula đang bận bịu trong nhà bếp, Aureliano đang cặm cụi làm việc trong xưởng kim hoàn và José Arcadio Buendía đang cô đơn ngồi dưới gốc cây dẻ, tất cả mọi người đều cảm thấy rừng mình như có động đất. Một người đàn ông lực lưỡng đến nhà. Tấm lưng vuông vức của anh ta dường như không lọt được qua cửa. Trên cổ anh ta đeo một sợi dây chuyền có treo hình Thánh bà Đồng trinh Remedios. Ngực và hai cánh tay anh ta sẫm kín hình ảnh các nghĩa trang. Trên cổ tay anh ta đeo bức tượng đồng Chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút. Anh ta có nước da đen sạm bởi phong sương dãi nắng, mái tóc ngắn và bờm xờm như bờm lửa, hàm răng bệnh ra cứng kều, đôi mắt âu sầu. Thắt lưng của anh ta to gấp hai lần dây cương

ngựa. Đôi ủng ngắn có cựa thúc ngựa và đóng cá sắt. Và sự có mặt của anh ta đem đến cho tất cả mọi người cái cảm giác rùng mình trước trận động đất. Anh ta bước qua phòng khách, rồi phòng đợi, tay mang những chiếc túi xách đã cũ. Rồi như một tiếng sấm, anh ta xuất hiện ở hành lang đặt những chậu thu hải đường, nơi Amaranta và các bạn gái đang ngồi khâu sừng sốt cứ giương cao bàn tay cầm kim lên. “Xin chào”, anh ta nói với các cô gái bằng giọng mệt mỏi, rồi ném những túi xách lên bàn làm việc. Sau đó, anh ta rào cẳng bước vào nhà trong. “Xin chào”, anh ta nói với Rebeca đang hoảng loạn nhìn mình đi ngang qua cửa sổ phòng ngủ. “Xin chào”, anh ta nói với Aureliano ở trong xưởng kim hoàn, đang giồng cả năm giác quan lên nghe ngóng. Anh ta đi thẳng vào nhà bếp và ở đây lần đầu tiên anh ta đã dừng lại ở điểm kết thúc

một chuyến đi vòng quanh thế giới. “Xin chào”, anh ta nói. Úrsula đứng lặng đi một giây, miệng há hốc, đã nhìn thẳng vào mắt anh ta. Bà ném ra một tiếng kêu rồi nhảy lên ôm lấy cổ anh ta mà gào mà khóc đầy sung sướng. Đó là José Arcadio.

Anh trở về vẫn nghèo túng như lúc ra đi đến nỗi Úrsula phải cho anh hai đồng peso để trả tiền thuê ngựa. Anh nói tiếng Tây Ban Nha có pha những từ lóng của dân thủy thủ. Người ta hỏi anh ở đâu thì anh trả lời: “Ở đằng ấy”. Anh mắc võng ở trong phòng dành cho mình rồi ngủ ba ngày liền. Khi thức dậy, sau lúc ăn liên mười sáu quả trứng luộc, anh đi thẳng ra tiệm ăn của bác Catarino. Tại đây, cơ thể đồ sộ của anh đã gây cho đám phụ nữ phải sôi nổi bàn tán đầy vẻ tò mò. Anh tổ chức một cú khao nhạc và

rượu mạnh cho tất cả mọi người. Anh thách năm người đàn ông cùng một lúc vật tay với mình. “Chịu thôi”, họ nói vào lúc đều nhận thấy mình không thể lay chuyển được cánh tay của anh, “Vì anh có tượng Chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút phù trợ”... Bác Catarino, mà lúc ấy vẫn chưa tin vào nghệ thuật sử dụng sức mạnh của anh, đã thách anh mười hai đồng peso nếu nhắc nổi quầy hàng của mình. José Arcadio nhắc bổng cái quầy hàng, đội nó trên đầu rồi mang ra để ở giữa đường cái. Bác phải cần tới mười một người đàn ông lực lưỡng mới khiêng được nó vào vị trí cũ. Trong không khí sôi nổi vui như hội, José Arcadio đứng trên quầy hàng trưng cho mọi người xem cơ thể cường tráng của mình không chỗ nào không xăm hình nhăng nhít với những dòng chữ viết màu xanh và màu đỏ thuộc vài ngôn ngữ khác nhau.

Hướng về những người đàn bà đang vây lấy mình, với lòng tham không đáy, anh hỏi họ xem ai trả thêm nữa. Người đàn bà giàu hơn cả đã cho anh vài chục đồng. Thế là anh tổ chức một cuộc bắt thăm với giá mười peso một phiếu. Đó là một cái giá cắt cổ bởi vì người đàn bà đông khách nhất cũng chỉ kiếm được tám đồng peso một đêm. Nhưng tất cả các cô đều chấp nhận giá ấy. Người ta viết tên mình trên mười bốn tờ phiếu rồi trộn lẫn, để tất cả chúng vào một chiếc mũ, sau đó mỗi cô nhập một phiếu. Khi chỉ còn lại hai tờ nữa, anh ta tiến lại gần những người đến lượt nhập phiếu.

– Hãy trả thêm mỗi phiếu năm đồng nữa, – José Arcadio thúc giục, – rồi tôi sẽ chia cho hai cô mà.

Anh sống bằng cách ấy. Đã sáu mươi năm lần anh đi vòng quanh trái đất,

sống chung với những người thủy thủ vong quốc. Những người đàn bà đêm ấy ngủ với anh trong tiệm bác Catarino đã đưa anh trần như nhộng ra tận phòng nhảy để tất cả mọi người xem cái cơ thể không có lấy một milimét không săm: săm đằng trước, săm đằng sau, săm từ cổ cho đến tận ngón chân. Anh ta không hòa nhập được vào cuộc sống gia đình.

Cả ngày thì ngủ, tối đến anh ta thức trắng đêm kiếm ăn bằng trò may rủi, thi thố sức lực ở cái xóm thợ nghèo khổ. Trong những dịp hiếm có, Úrsula mời được anh ngồi vào bàn ăn. Anh tỏ ra là một người dễ mến, nhất là khi kể về những chuyện mạo hiểm của mình ở những đất nước xa xôi. Anh từng bị đắm tàu và đã trôi giạt hàng vài tuần trên biển cả ở Nhật Bản và sống bằng cách ăn xác một người bạn chết vì bệnh cảm nắng

mà thịt của anh ta được ướp muối rồi lại được ướp muối, được nấu chín dưới ánh mặt trời đã trở thành một thứ mắm ngấu có vị giòn ngọt. Một buổi trưa chói chang nắng ở vịnh Bengal, con tàu của anh đã chiến thắng một chú rồng biển mà trong ruột nó người ta thấy nào mũ sắt, khóa thắt lưng và cả vũ khí của một người thám hiểm đại dương. Ở biển Ca-ri-bê anh từng nhìn thấy bóng ma chiếc tàu của tên cướp biển Victor Hugues với một cánh buồm bị gió thổi rách tả tơi, mũi thuyền bị dấn biển nhăm thúng lỗ chỗ, mãi mãi nó bị lạc hướng trên đường tới đảo Guadeloupe. Ngồi bên bàn, Úrsula thẫn thốc khóc như thể bà đang đọc những bức thư không bao giờ được gửi cho mình, trong đó José Arcadio kể cho bà nghe những chiến công cũng như những thất bại của anh. “Ở đây, nhà cửa rộng rãi đến như thế, con ta ạ”, bà nức

nở nói: “Và cơm thì thừa bữa phải đổ cho lợn ăn. Mà nào con có ở nhà cho mẹ nhờ...”. Nhưng trong thâm tâm bà không thể nhận rằng cái thằng bé được những người digan mang đi theo giờ đây lại chính là kẻ phàm phu ăn hết một nửa con lợn sữa trong bữa ăn trưa và hơi thở của y nóng hổi làm héo úa hoa lá. Những người khác trong gia đình cũng nghĩ về anh tương tự như thế. Amaranta không thể giấu nổi sự kinh tởm mỗi bận anh ợ hơi ngay trong lúc ngồi ăn. Arcadio, người không bao giờ được biết mối quan hệ cha con giữa mình với José Arcadio, hầu như không trả lời những câu hỏi anh gợi ra với mục đích giành lấy tình yêu mến của con trai. Aureliano định làm sống lại những năm tháng trước đây họ cùng ngủ một phòng, định gọi lại những trò ranh ma của tuổi thơ giữa hai người, nhưng José Arcadio đã quên hết cả, bởi

vì cuộc đời trôi giạt của thủy thủ với biết bao sự việc cần nhớ đã làm bão hòa trí nhớ của anh. Chỉ riêng một mình Rebeca thần phục anh ngay từ lần đầu. Buổi chiều nhìn thấy anh đi ngang qua cửa sổ phòng mình, cô đã nghĩ rằng Pietro Crespi chẳng qua cũng chỉ là một gã béo phúng phính đứng bên cạnh người đàn ông cực kỳ lực lưỡng mà hơi thở nóng như núi lửa của anh tràn ra khắp nhà chỗ nào cũng cảm thấy. Cô kiểm soát để tiện gần anh. Có những lúc José Arcadio đã trơ tráo nhìn tấm thân cô gái và bảo: “Em rất đàn bà, em thân yêu ạ”. Rebeca không thể tự chủ được nữa. Cô ăn lại đất và vôi tường nhà với sự thèm khát trước đây và lại thèm thuồng mút ngón tay đến mức ngón cái phải lên chai. Cô nôn ra một thứ nước xanh lẫn những cục máu tím bầm. Cả đêm cô thao thức, người run lên vì cơn sốt hầm hập để vật lộn với

cơn bồi hồi nhớ nhung, để chờ đợi cho đến khi trời sáng; cả ngôi nhà rung lên trong bước đi của José Arcadio trở về.

Một chiều nọ, khi cả nhà đang ngủ trưa, cô không thể nán chịu được nữa đã mò đến phòng ngủ của José Arcadio. Cô thấy anh thức, mặc quần đùi, nằm dài trên chiếc võng được mắc vào những chiếc vòng sắt to với những sợi chảo buộc tàu. Cái cơ thể để trần lực lưỡng của anh khiến cô cảm động lắm đến mức cô tự nhiên dừng lại định quay ra. “Xin lỗi”... cô chống chế, “em không biết có anh ở đây”. Nhưng cô hạ giọng ngay để khỏi đánh thức người khác. “Vào đây nào”, anh nói. Rebeca ngoan ngoãn nghe lời. Cô đứng ngay cạnh chiếc võng, mà toát mồ hôi lạnh, mà cảm thấy trong bụng mình cứ nổi cục lên, trong lúc José Arcadio với năm ngón tay mơn trớn cổ

tay cô, rồi bện, rồi mông và miệng thì thầm: “Ôi, em nhỏ bé. Ôi, em nhỏ bé”. Cô gái phải lấy hết sức bình sinh để khỏi chết khi một sức mạnh cuồng nhiệt như dòng bão nhưng lại rất nhẹ nhàng đã cầm lấy thắt lưng bế cô lên, rồi cởi hết áo váy cô và dẫn ngựa cô ra như dẫn ngựa một con chim bé bỏng. Cô chỉ còn kịp cảm ơn Thượng đế đã sinh ra mình, trước khi lương tri bị chìm ngấm trong mềm khoái lạc mê ám cả cái đau đớn để giã giụa ở trong lòng chiếc võng bốc hơi nghi ngút. Cái võng như một tờ giấy thấm đã hút ráo ngay máu trinh của cô chảy ra.

Sau đó ba ngày, họ làm lễ cưới trong buổi lễ mixa lúc năm giờ chiều. Trước đó một hôm, Arcadio đã đến cửa hiệu Pietro Crespi. Anh gặp Pietro Crespi đang dạy đàn lục huyền cho học trò và

anh không ý tứ gọi anh ta ra chỗ khác để nói. “Tôi lấy Rebeca đấy”, anh nói. Pietro Crespi tái xanh mặt, đưa cây đàn lục huyền cho một học trò, rồi cho họ nghỉ học giữa buổi. Khi chỉ còn lại hai người với nhau trong phòng bày đầy nhạc cụ và đồ chơi dây cót, Pietro Crespi nói:

- Rebeca là em gái anh mà!
- Với tôi điều ấy không quan trọng,
- José Arcadio đáp lại.

Pietro Crespi rút chiếc mùi xoa thơm mùi oải hương lau mồ hôi trán.

- Lấy như vậy là trái với lẽ tạo hóa, anh ta giải thích, – ngoài ra luật pháp cấm ngặt lối hôn nhân ấy.

- Ôi dào, tôi ngồi xổm lên cái lẽ tạo hóa của nhà anh, – José Arcadio nói. – Tôi đến đây để bảo cho anh biết và để

anh khỏi rầy rà Rebeca mà hỏi này hỏi nọ.

Song cách cư xử thô bạo của anh cũng phải mất đi khi anh nhìn thấy Pietro Crespi nước mắt vòng quanh.

– Bây giờ thế này nhé, – anh đổi giọng nói, – nếu cậu còn quyến luyến gia đình tôi thì còn Amaranta sẽ phân cậu đấy.

Trong bài thuyết giảng ngày chủ nhật, cha Nicanor đã chứng minh rằng José Arcadio và Rebeca không phải là anh em ruột. Úrsula không bao giờ tha thứ cho cái điều bà cho là vô lễ quá mức và khi họ từ nhà thờ trở về bà đã cấm cửa đôi tân hôn. Đối với bà, giờ đây họ như là những người đã chết. Thế là họ tậu một cái nhà nhỏ ở trước nghĩa địa và họ dọn về nhà mới không mang theo

giường tử gù ngoài chiếc võng của José Arcadio.

Đêm tân hôn, Rebeca bị một con bọ cạp chui vào giày păng-túp từ lúc nào cắn vào chân. Cô bị cứng lưỡi nhưng không vì thế mà tuần trăng mật của họ kém phần vui vẻ đi. Hàng xóm giạt mình trước những tiếng la hét khiến cả xóm phải thức dậy một đêm tới tám lần, một buổi trưa tới ba lần và họ cầu khẩn cho cơn cuồng say quá trớn ấy không làm kinh động những người chết đang yên nghỉ trong cõi thanh tịnh ở ngoài nghĩa địa.

Aureliano là người duy nhất lo lắng cho họ. Anh sắm một số đồ dùng và trợ cấp tiền cho họ tới khi José Arcadio nhìn cuộc đời thực tế hơn và bắt tay khai phá đất đai vô chủ liền kề với sân nhà. Trái lại, Amaranta không bao giờ

ngươi thù đối với Rebeca, mặc dù cuộc đời đã mang đến cho cô niềm vui chưa từng mong đợi. Đó là việc Pietro Crespi, vệ binh thân, đầy cao thượng che giấu nỗi đau thất tình, vẫn đến ăn cơm trưa với gia đình vào ngày thứ ba hàng tuần theo gợi ý của Úrsula, người vẫn chưa biết làm thế nào để chữa thẹn. Vẫn giữ nguyên dải băng đen trên vành mũ như để biểu hiện sự thân tín đối với gia đình anh thích thú bày tỏ lòng mến phục của mình đối với Úrsula bằng cách mang đến biếu bà những tặng phẩm kỳ lạ: cá sặc-đin Bồ Đào Nha, mút hồng Thổ Nhĩ Kỳ, và trong dịp cần thiết, cả một tấm khăn choàng vai Manila quý giá. Amaranta, với tình cảm âu yếm, chiều chuộng anh. Cô mò đoán cái sở thích của anh, tỉ mỉ nhặt từng sợi chỉ tuột ở ống tay áo cho anh và để mừng ngày sinh nhật của anh, cô viên và thêu lồng chữ tên hai người

trên cả một tá khăn mùi xoa. Những ngày thứ ba, sau bữa cơm trưa, trong lúc Amaranta ngồi ở hành lang, anh luôn ở bên cạnh tán chuyện vui. Có một buổi chiều thứ ba, khi không một ai nghi ngờ chuyện sẽ xảy ra thì đã xảy ra: Pietro Crespi ngỏ lời muốn được cưới cô làm vợ. Cô gái vẫn điềm nhiên thêu. Đợi cho hết nóng tai, với giọng người lớn, cô bảo anh:

– Tùy thôi, Crespi ạ, nhưng hãy để khi nào chúng mình thật hiểu nhau đã. Vội vã thì chẳng tốt đâu.

Úrsula đâm ra bối rối. Mặc dù rất nể vì Pietro Crespi bà vẫn chưa khăng định được rằng nếu từ góc độ đạo đức mà xét, thì sự quyết định của mình là tốt hay xấu, nhất là việc này xảy ra ngay sau quan hệ tình yêu của Pietro Crespi với Rebeca kéo dài và ồn ĩ. Song, bà đã chấp nhận

tình yêu ấy, coi như một sự kiện không cần phải hỏi han ý kiến người khác vì lúc ấy không một ai cùng chia sẻ những lo âu của mình. Aureliano, lúc này đã là người đàn ông có thẩm quyền trong gia đình, đã làm cho bà càng hoang mang hơn với ý kiến khẳng định và khó hiểu của anh:

– Bây giờ không phải là lúc bàn đến chuyện hôn nhân.

Mấy tháng sau này, Úrsula mới hiểu được ý kiến đó là câu trả lời duy nhất chân thành mà Aureliano đã có thể nói ra trong thời điểm ấy. Nó không chỉ là lời giải đáp đối với việc hôn nhân mà còn đối với bất kỳ vấn đề nào không liên quan đến chiến tranh. Khi đứng trước hòng súng của đội hành hình, ngay chính anh cũng không hiểu thật rõ lắm vì sao hàng loạt những chuyện ngẫu nhiên trở trêu dồn mình đến tình trạng ấy. Cái chết của Re-

medios không dẫn anh tới sự kích động đáng sợ. Đúng ra, nó chẳng qua cũng chỉ là một cảm giác giận dữ thâm lạnh dần dần thấm vào nỗi chán chường cô đơn và lạnh lẽ, giống như sự chán chường trong những ngày anh quyết chí ở vậy.

Anh lại dẫn thân vào công việc nhưng vẫn giữ nếp đến thăm bố vợ để chơi domino: “Aureliano, hãy lấy vợ đi”, ông bố vợ bảo anh. “Ta có sáu đứa con gái để cho anh kén đấy”. Có một lần, có lẽ sự việc xảy ra trước ngày bầu cử, Don Apolinar Moscote từ trên tỉnh về làng đây lo âu trước tình hình chính trị của đất nước. Những người thuộc phái Tự do đã sẵn sàng lao mình vào cuộc chiến. Vì lúc ấy, Aureliano còn có những nhận xét hồ đồ về sự khác biệt giữa những người Bảo hoàng với những người Tự do, ông bố vợ liền giảng giải cho anh những nét đại

cương. Những người Tự do, ông ta nói, là những người Tam điểm, đám người xấu xa, ủng hộ việc treo cổ các cha cố, chủ trương hôn nhân bình quyền và ly hôn, công nhận quyền bình đẳng giữa con hoang và con trong giá thú, tán thành việc phân chia đất nước thành từng bang và các bang này liên kết trong thể chế liên bang nhằm tước bỏ các quyền lực địa phương để tập trung trong chính phủ tối cao. Trái lại những người thuộc phái Bảo hoàng, vốn đã nhận quyền lực trực tiếp của Thượng đế, bảo vệ trật tự công cộng đã được thiết lập và đạo đức gia đình, là những người bảo vệ Chúa Ki-tô, bảo vệ cơ sở của quyền lực và không cho phép chia đất nước thành các bang tự do. Do những tình cảm nhân đạo, Aureliano có thiện cảm đối với thái độ tự do công nhận các quyền lợi của con hoang, nhưng dẫu sao đi nữa, anh không hiểu nổi vì

sao người ta phải đi tới một cuộc chiến tranh vì những sự việc không thể sờ mó được. Anh cảm thấy ông bố vợ mình là người quá khích khi ông ta yêu cầu cấp trên phái sáu người lính dưới sự chỉ huy của một thầy quản về Macondo, một làng không hề có những đam mê chính trị, để bảo vệ cuộc bầu cử. Bọn lính không chỉ về làng, chúng còn đi các nhà, từng nhà một, tịch thu khí giới săn thú, dao rựa và cả dao làm bếp, trước khi phân phát cho những người đàn ông từ hai mươi một tuổi trở lên một lá phiếu xanh ghi tên các ứng cử viên thuộc phái Bảo hoàng và một lá phiếu hồng ghi tên các ứng cử viên thuộc phái Tự do. Trước ngày bầu cử, chính Don Apolinar Moscote đã đọc một sắc lệnh cấm bán rượu mạnh và các cuộc tụ tập từ ba người trở lên nếu không phải là người cùng nhà trong bốn mươi tám giờ đồng hồ kể từ nửa đêm ngày

thứ bảy. Cuộc bầu cử được tiến hành êm thấm. Ngay từ lúc tám giờ sáng ngày chủ nhật, một thùng gỗ có sáu người linh canh giữ nghiêm ngặt đã được đặt ở quảng trường. Người ta tự do bỏ phiếu đúng như chính Aureliano đã có thể thấy tận mắt khi – anh cùng với bố vợ đứng cả ngày canh chừng không để cho bất kỳ một ai có thể bỏ phiếu hơn một lần. Đến bốn giờ chiều, một hồi trống vang lên trên quảng trường báo hiệu ngày bầu cử đã kết thúc, và Don Apolinar Moscote cầm chiếc băng chữ thập có mang chữ ký của ngài dán hòm phiếu lại. Đêm ấy, trong lúc chơi domino với Aureliano, ngài ra lệnh cho thầy quản mở hòm ra đếm phiếu. Số phiếu hồng và số phiếu xanh xấp xỉ bằng nhau, nhưng thầy quản chỉ để lại mười phiếu hồng và thay phiếu xanh khác vào cho đủ số. Sau đó thầy quản lại niêm phong hòm phiếu lại dưới

nhân mới và sáng ngày hôm sau người ta vội vàng mang nó lên tỉnh. “Phái Tự do sẽ nổi dậy làm nội chiến”, Aureliano nói. Don Apolinar vẫn không rời mắt khỏi các quân domino của mình. “Nếu anh nói vì việc thay đổi lá phiếu, thì họ sẽ không nổi dậy đâu”, ngài nói, “một số lá phiếu hồng vẫn được để lại để họ khỏi kêu ca”. Aureliano hiểu được những điều bất lợi của phe đối phương. “Nếu tôi thuộc phái Tự do”, – anh nói, “tôi sẽ nổi dậy chính vì việc thay đổi lá phiếu này”. Bố vợ anh ngược mắt qua gọng kính nhìn anh: – Ôi Aureliano, – ngài nói, – nếu anh là người thuộc phái Tự do, dù anh có là con rể ta, anh không thể nào được nhìn thấy việc thay đổi lá phiếu ở đây đâu.

Trên thực tế, điều gây nên nổi bất bình trong dân chúng không phải là kết quả cuộc bầu cử mà là việc bọn lính

không trả lại vũ khí. Một nhóm phụ nữ nói chuyện với Aureliano để anh xin với bố vợ trả lại những con dao làm bếp. Don Apolinar Moscote, bằng những lời lẽ hết sức thận trọng đã giải thích cho anh rằng bọn lính đã mang theo những vũ khí tịch thu được để làm bằng chứng về việc những người thuộc phái Tự do đang chuẩn bị chiến tranh. Sự trơ trẽn trong lời giải đáp ấy khiến anh kinh người. Anh không bình luận một lời, nhưng vào một đêm nọ, khi Gerineldo Márquez và Magnífico Visbal nói chuyện với một số bạn bè xung quanh chuyện rắc rối về những con dao, họ đã hỏi anh thuộc về phái nào: Tự do hay Bảo hoàng, thì không do dự, anh trả lời: – Nếu phải lựa chọn giữa hai phái, tôi sẽ đứng về phái Tự do, – anh nói, – bởi vì những người Bảo hoàng là những kẻ bịp bợm.

Ngày ngày hôm sau, thể theo yêu cầu của các bạn mình, anh đã đến thăm bác sĩ Alirio Noguera để ông ta khám bệnh đau gan cho mình. Anh cũng không biết làm như vậy để làm gì. Bác sĩ Alirio Noguera đã đến làng Macondo được mấy năm nay mang theo một tủ thuốc viên không mùi vị và một tấm biển quảng cáo thuốc không thuyết phục được một ai: Dĩ độc trị độc. Thực ra đó là một trò cười. Đằng sau cái vẻ ngoài hiền lành của một thầy thuốc loại xoàng, là bộ mặt của một tên khủng bố đi giày ống đến nửa bẹn để che đi những vết sẹo trên cổ chân, dấu ấn của năm năm ngồi tù. Ngay từ cú mạo hiểm đầu tiên của những người có tư tưởng liên bang y đã bị bắt, y đã trốn đến Curaçao cải trang trong bộ quần áo y vốn thù ghét nhất trần đời: một chiếc áo thụng của cha cố. Sau một thời gian lưu vong dài đằng đẳng, lòng

đầy náo nức trước các tin tức do những người lưu vong thuộc khắp vùng Ca- ri- bê mang đến Curaçao, y lại lên lên một chiếc thuyền buôn lậu và sau đó có mặt ở Riohacha mang theo một tủ thuốc viên, thực ra chỉ là những viên đường đã được tinh lọc, và một bằng bác sĩ của trường đại học Leipzig giả mạo do chính y làm ra: Y khóc lóc thảm thiết. Cái nhiệt tình cách mạng của phái liên bang, được chính những người lưu vong định nghĩa là một thứ thuốc nổ sắp bùng nổ, đã nguội tắt dần dần trong ảo tưởng tuyến cử viễn vông. Cay đắng trước thất bại ấy, thèm khát một địa điểm an toàn để di dưỡng tuổi già viên bác sĩ dĩ bệnh liệu bệnh đã chạy trốn đến làng Macondo. Trong căn phòng chật hẹp xếp đầy chai không, những chiếc chai được thuê ở bên kia quảng trường, y đã sống vài năm trong căn bệnh không phương chữa chạy

từng xác nhận rằng mình có thể tự an ủi với những viên đường. Cái tâm trạng nổi loạn của y đã lắng đọng lại trong lúc Don Apolinar Moscote ngày một trở thành một nhà chức trách bù nhìn hơn. Thời gian cứ trôi đi và y cứ sống trong hồi tưởng và lo điều trị bệnh hen xuyên. Cuộc tuyển cử sắp đến là đầu mối để y lại tìm được biện pháp hành động nổi loạn. Y đã có quan hệ mật thiết với đám thanh niên trong làng vốn là đám người rất kém cỏi về ý thức chính trị, và lặn xả vào việc bí mật vận động nổi loạn. Sổ đông phiếu hồng xuất hiện trong hòm phiếu là của đám thanh niên nhiệt tình Đó là một phần trong kế hoạch của y: buộc đồ đệ của mình bỏ phiếu để chứng tỏ cho họ thấy rằng tuyển cử là một trò hề. “Cái điều duy nhất có hiệu lực”, y nói, “là bạo lực”. Phần lớn cái bạn của Aureliano lòng dạ phơi phới với ý nghĩ quét sạch cái thế

chế của bọn Bảo hoàng, nhưng không một ai dám cho anh tham gia kế hoạch, không chỉ vì những mối quan hệ của anh với bố vợ mà còn vì tính cách cô đơn và phớt đời của anh. Ngoài ra họ còn được biết anh đã bỏ phiếu xanh theo sự chỉ dẫn của bố vợ. Vậy nó chỉ là một ngẫu nhiên đơn thuần bộc lộ những suy tư chính trị của anh, và nó là một sự thúc đẩy hoàn toàn có tính cách tò mò đưa anh tới ý nghĩ viễn vông đi thăm viên bác sĩ để ông ta điều trị cho mình cái bệnh vốn không đau. Trong căn phòng chật chội nồng nặc mùi long não rẻ tiền, có một người giống y hệt một con kỳ đà mốc meo đang khò khè thở. Chưa kịp hỏi anh điều gì, viên bác sĩ kéo anh ra cửa sổ vạch mi mắt dưới quan sát. “Không phải ở đấy đâu”, Aureliano nói theo lời chỉ dẫn của các bạn mình. Lấy ngón tay ấn vào bụng ở chỗ buồng gan, anh nói:

“Đây là nơi tôi đau không thể ngủ được”. Thế là viên bác sĩ Noguera đóng kín cửa sổ lại với cơ chổi nắng quá và bằng từ ngữ mộc mạc ông ta giải thích cho anh vì sao việc tiêu diệt bọn Bảo hoàng là nghĩa vụ của người yêu nước. Trong vài ngày liền, Aureliano mang trong túi áo sơmi một tuýp thuốc. Cứ hai giờ một lần, anh lại móc tuýp thuốc ra, dốc ba viên thuốc ra lòng bàn tay rồi vỗ tất cả vào mồm để chúng tan dần dần trên lưỡi. Don Apolinar Moscote chế giễu lòng tin của anh ở phương pháp dĩ bệnh liệu bệnh, nhưng những ai đang âm mưu nổi loạn thì đều nhận ra anh là người của họ. Hầu như gần hết con trai của các bậc sáng nghiệp Macondo đều ở trong tổ chức bí mật nhưng không một ai biết tường tận hành động do chính họ đang chuẩn bị sẽ xảy ra như thế nào. Tuy nhiên, trong ngày viên bác sĩ tiết lộ bí mật cho Aureliano biết, anh

đã tình nguyện tham gia cuộc nổi dậy. Mặc dù lúc ấy anh tán thành phải nhanh chóng tiêu diệt chế độ Bảo hoàng song kế hoạch hành động của ông ta lại khiến anh kinh tởm. Bác sĩ Noguera là một kẻ rất thích khùng bố cá nhân. Cái cơ chế hành động của ông ta được thu lại trong việc phối hợp hàng loạt hành động cá nhân để rồi trong một vụ bạo động lớn có tầm toàn quốc sẽ tiêu diệt các quan chức của chế độ Bảo hoàng cùng với toàn bộ gia quyến họ, nhất là các con cái, nhằm triệt tận gốc cái nòi Bảo hoàng. Dĩ nhiên Don Apolinar Moscote, bà vợ, các cô con gái đều ở trong danh sách khùng bố.

Ngài chẳng phải là nhà Tự do cũng chẳng phải là cái đích gì – Aureliano thân nhiên nói, – ngài là một tên sát nhân, không hơn không kém.

– Vậy thì, trong trường hợp này, – viên bác sĩ cũng thản nhiên nói, – anh hãy trả lại tôi cái tuýp thuốc. Anh không cần đến nó nữa.

Sáu tháng sau, Aureliano mới biết rằng viên bác sĩ không tin anh là một người hành động, không hy vọng gì ở anh, một con người tình cảm chủ nghĩa, quá ư hiền lành và cô đơn. Họ tìm cách giám sát anh vì sợ anh tiết lộ kế hoạch nổi loạn. Để họ yên lòng, Aureliano hứa sẽ không mở miệng. Nhưng cái đêm bọn họ tới để hạ sát gia đình Moscote, đã gặp anh đứng bảo vệ ngay ở cửa vào. Anh thể hiện thái độ dứt khoát đến mức kế hoạch hạ sát phải hoãn không biết đến bao giờ. Chính trong những ngày này, Úrsula đã hỏi ý kiến anh về hôn nhân của Pietro Crespi và Amaranta và anh đã trả lời bây giờ không phải là lúc nghĩ đến việc đó.

Từ hơn một tuần nay, lúc nào anh cũng giấu khẩu súng lục cổ lỗ dưới áo sơmi, lúc nào cũng cảnh giác đối với các bạn mình. Buổi chiều anh đến uống cà phê với José Arcadio và Rebeca, lúc này vợ chồng họ bắt đầu trang hoàng nhà cửa, rồi từ lúc bảy giờ tối anh ngồi chơi domino với bố vợ.

Vào giờ ăn trưa, anh nói chuyện với Arcadio, lúc này đã là một thanh niên cường tráng, và nhận thấy chàng trai ngày một bộc lộ rõ nhiệt tình háo hức chờ đón cuộc nội chiến sắp xảy ra đến nơi. Arcadio đã nhen nhóm lòng nhiệt tình hâm mộ tư tưởng tự do trong trường học, là nơi anh đã tập trung không chỉ những học trò lớn tuổi mà còn cả trẻ nhỏ hầu như chưa biết nói. Chàng trẻ tuổi nói về việc bắn chết cha Nicanor, về việc biến nhà thờ thành trường học, về việc công

nhận tự do luyện ái.

Aureliano lo lắng trước những tư tưởng bạo lực của cháu trai. Anh khuyến cáo cần phải thận trọng và kín đáo. Làm ngơ trước những lý lẽ chín chắn của anh, trước ý nghĩ thực tế của anh, Arcadio công khai phê phán tính nhu nhược của ông chú mình. Aureliano chờ đợi chờ đợi. Cuối cùng, vào đầu tháng Chạp, Úrsula bỗng hoảng hốt bước vào xưởng kim hoàn: – Nội chiến đã bùng nổ!

Quả nhiên nội chiến đã nổ ra được ba tháng. Luật giới nghiêm được thi hành trong toàn quốc. Don Apolinar Moscote là người duy nhất kịp thời biết tin chiến sự đã nổ ra nhưng ngài không để lộ ngay cả với vợ mình, trong khi đó một trung đội lính đã ập tới chiếm làng đóng đồn. Bọn lính lạng lẽ tiến vào làng trước lúc trời rạng sáng, mang theo hai cỗ pháo

hạng nhẹ do lừa kéo, và lập đồn ngay tại trường học. Ngay từ sáu giờ chiều chúng đã thổi kèn giới nghiêm. Lần này chúng lục soát nhà từng nhà một khủng khiếp hơn lần trước, tịch thu cả từ cái liềm trở đi. Chúng lôi bác sĩ Noguera đi, trói vào một gốc cây rồi bắn không cần xét xử. Cha Nicanor muốn làm cho các nhà cầm quyền quân sự phải rùng rợn trước phép thần bí tự nâng mình lên khỏi mặt đất, nhưng một tên lính đã lấy báng súng nện bóp một cái làm chảy máu đầu cha. Niềm phấn khích của những người Tự do bị dập tắt trong mối lo âu thâm lặng. Aureliano, da tái đi lầm lỳ khó hiểu vẫn tiếp tục chơi domino với bố vợ. Anh hiểu rằng mặc dù mang danh là nhà lãnh đạo các vấn đề dân sự và quân sự trong làng, một lần nữa Don Apolinar Moscote vẫn chỉ là một quan chức bù nhìn. Mọi vấn đề trong làng đều do một đại úy quân đội

quyết định. Các buổi sáng, viên đại úy này vẫn đích thân thu thuế ngoại ngạch để chi tiêu cho công việc giữ gìn an ninh chung. Bốn tên lính dưới sự chỉ huy của hắn ta đã cướp phá gia đình một người đàn bà bị chó dại cắn, và đã dùng báng súng đánh chết bà ta ngay giữa đường cái. Sau khi bốn lính chiếm đóng làng được hai tuần, một chủ nhật nọ, Aureliano bước vào nhà Gerineldo Márquez, với vẻ đồ dẫn thường có, anh xin một tách cà phê không pha đường. Khi chỉ còn lại hai người với nhau, khác hẳn với mọi ngày thường, Aureliano lên giọng quyền thế nói: “Hãy chuẩn bị các chàng trai đi chúng ta sẽ ra quân”. Gerineldo Márquez vẫn chưa tin, hỏi: – Lấy đâu ra vũ khí? – Lấy của chúng, – Aureliano trả lời.

Vào lúc nửa đêm ngày thứ ba, trong

một trận đánh trộn trấu, hăm mốt người đàn ông chưa đầy ba mươi tuổi dưới sự chỉ huy của Aureliano, tất cả đều được vũ trang bằng dao ăn và các thanh sắt mũi nhọn, đã bất thành lĩnh đánh úp bọn lính gác, chiếm vũ khí và bắn chết ngay ở ngoài sân viên đại úy cùng bốn tên lính đã giết người đàn bà vô tội nọ. Đêm ấy, trong lúc vang lên lệnh tước vũ khí của đội hành hình, Arcadio được phong làm quan thống lĩnh các vấn đề quân sự và dân sự của làng. Những nghĩa quân có vợ hầu như không kịp chào từ biệt vợ mình đã ra đi để mặc các bà tự xoay xở lấy.

Họ ra đi vào lúc rạng sáng được cả làng, đã thoát khỏi nỗi kinh hoàng, reo hò tiễn biệt để gia nhập các lực lượng vũ trang của tướng Victorio Medina, một nhà cách mạng. Theo những tin tức mới

nhận được, ông đang hoạt động ở phía Manaure. Trước lúc ra đi, Aureliano đã thả Don Apolinar Moscote ra khỏi cũi sắt. “Xin bố cứ ở yên cho”, anh nói với bố vợ, “chính quyền mới, với lời nói danh dự, sẽ bảo đảm an toàn tính mạng cho bố và toàn gia đình”. Don Apolinar Moscote khó khăn lắm mới nhận mặt được nhà khởi nghĩa đi ủng cao cổ, đeo súng ngang hông là người vẫn chơi domino với ông tới chín giờ đêm.

– Đây là một trò đùa phải không Aureliano? – ngài reo lên hỏi.

Không đùa đâu, – Aureliano nói, – đó là chiến tranh thật sự. Xin bố đừng gọi Aureliano cộc lốc nữa, vì tôi đã là đại tá Aureliano Buendía rồi.

CHƯƠNG 6

Đại tá Aureliano Buendía đã phát động ba mươi hai cuộc vũ trang nổi dậy và thất bại hoàn toàn. Chung đụng với mười bảy cô gái ở những làng khác nhau, ngài sinh được mười bảy người con trai và tất cả bọn họ đều lần lượt bị giết hại chỉ trong một đêm trước khi người con cả vừa đúng ba mươi lăm tuổi. Ngài đã thoát nạn trước mười bốn vụ mưu sát, bảy mươi ba vụ phục kích và một đội hành hình. Ngài sống sót qua

vụ đầu độc bằng bột mã tiền hòa trong cà phê với lượng đủ giết chết một con ngựa. Ngài từ chối Huân chương Công Huân do Tổng thống nước Cộng hòa tặng. Ngài trở thành Tổng Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng có uy quyền từ nước này sang nước khác và là người buộc chính phủ phải gồm, nhưng không bao giờ ngài cho phép người ta chụp ảnh mình. Ngài khước từ lương hưu trí dành cho mình sau chiến tranh và sống cho đến tuổi già nhờ những chú cá vàng được sản xuất trong xưởng kim hoàn của mình ở làng Macondo. Mặc dù lúc nào cũng dẫn đầu quân đội của mình trong trận mạc nhưng vết thương duy nhất trên người lại do chính tay ngài gây nên sau khi ký hiệp định đình chiến Neerlandia, kết thúc hai mươi năm nội chiến. Ngài tự bắn một phát súng lục vào ngực mình và – viên đạn chui ra ở phía

lưng không hề gây tổn hại cho lực phủ ngũ tạng. Cái duy nhất còn lại trong hai mươi năm nội chiến là con đường ở Macondo mang tên ngài. Tuy nhiên, theo lời tuyên bố của ngài mấy năm trước khi chết vì già lão, ngay điều đó cũng không hề là điều ngài mong đợi trong buổi sáng ngài cùng với hai mươi một chàng trai khỏe mạnh lên đường gia nhập các lực lượng vũ trang của tướng Victorio Medina.

Chúng ta để lại Macondo cho cháu đấy, – đó là tất cả những gì chàng nói với Arcadio trước lúc lên đường. – chúng ta hài lòng để nó cho cháu. Vậy cháu hãy cố gắng lo cho nó để khi trở về chúng ta thấy nó tốt đẹp hơn.

Arcadio đã đáp lại lời khuyên nhủ ấy theo cách riêng của mình. Cậu may một bộ quân phục với lon và tua ngũ

cấp nguyên soái, mô phỏng theo hình vẽ trong cuốn sách của Melquíades và đeo vào thắt lưng mình thanh gươm có bao khảm vàng của viên đại úy bị hành hình. Đặt hai cỗ pháo ngay ở cổng làng, cho học trò cũ của mình – những kẻ điên khùng bởi những lời tuyên bố nẩy lửa của cậu – mặc đồng phục và cho chúng ngông nghênh mang vũ khí đi đi lại lại trên khắp nẻo đường làng để gây cho những người lạ mặt có cảm nghĩ đây là một vị trí quân sự bất khả xâm phạm. Đó là một trò chơi giống như con dao hai lưỡi bởi vì nhờ nó chính phủ không dám cho quân tấn công quảng trường liền trong mười tháng trời, nhưng cũng vì nó mà khi chính phủ ra lệnh tấn công quảng trường thì quân đội đã dùng một lực lượng lớn được vũ trang cực mạnh đến mức đã tiêu diệt lực lượng để kháng chỉ trong vòng nửa giờ đồng hồ.

Ngay từ ngày đầu tiên thực thi quyền lực của mình, Arcadio đã lộ mặt là một kẻ hống hách. Hàng ngày, cậu ta đọc lệnh cho tới bốn giờ chiều để ra lệnh và sắp đặt mọi việc theo ý muốn của mình. Cậu ta thi hành lệnh cưỡng bức quân sự đối với những người từ mười tám tuổi trở lên, tuyên bố trưng dụng những súc vật nào còn lang thang ngoài đường sau sáu giờ chiều và bắt buộc những người đàn ông lớn tuổi phải đeo băng đỏ ở cánh tay. Giam lỏng cha Nicanor trong tu viện với lời đe dọa sẽ đem bắn và cấm cha làm lễ mixa và kéo chuông nếu không phải là để mừng thắng lợi của phái Tự do. Để không còn một ai nghi ngờ tính chất nghiêm túc ở những chủ trương của mình, cậu ta ra lệnh cho một đội hành hình tập bắn thẳng bù nhìn ở ngoài quảng trường ngay trước mắt thiên hạ. Lúc đầu chẳng một ai coi trọng điều đó. Chẳng qua là

các cậu học trò chơi trò người lớn thôi. Nhưng có một đêm, khi Arcadio bước vào tiệm ăn của bác Catarino, nghệ sĩ thổi kèn trôm-pét đã chào cậu bằng một hồi kèn bông lơn khiến cho đám đông cười rộ lên, thế là cậu ra lệnh bắn chết anh ta vì tội không tôn trọng nhà chức trách. Đối với những ai dám phản đối mình, cậu ra lệnh còng tay nhất vào trại giam vốn là một phòng học và cho họ ăn bánh nhạt với nước lã. “Mày là đứa giết người”, Úrsula mắng cậu mỗi khi bà biết được một hành động bạo ngược mới của cháu mình. “Nếu Aureliano mà biết thì nó sẽ giết mày và tao sẽ là người đầu tiên trong cái làng này hả lòng hả dạ”. Song những lời la mắng ấy của bà đều vô ích. Arcadio vẫn điên khùng xiết chặt các ốc vít của bộ máy kim kẹp cho đến khi cậu ta trở thành tên khát máu nhất chưa từng có trong số những nhà chức trách ở làng

Macondo. “Giờ đây mới khổ sở với sự tranh giành”, Don Apolinar Moscote nói ra miệng trong một số dịp: “Đó là Thiên đường của những kẻ Tự do mà”. Arcadio biết. Cầm đầu toán quân lùng sục, cậu đột nhập ngôi nhà ở, đập phá bàn ghế giường tủ, đánh đập các cô con gái và lôi xềnh xệch Don Apolinar Moscote đi theo. Ngay lúc Arcadio sắp sửa đích thân ra lệnh cho đội hành hình nổ súng vào Don Apolinar Moscote thì Úrsula, sau khi đã sượng sùng la hét và giận dữ huơ huơ chiếc roi da sơn hắc ín để rẽ đám đông, làm ồn cả sân trại lính: “Thằng đểu, mày hỗn vừa vừa chú! ” Trước khi Arcadio kịp phản ứng, bà đã quất cho cậu một roi da, “Thằng giết người. Mày hỗn láo quá thế”, bà hét. “Mày giết cả tao nữa, đồ mất dạy. Như thế tao đỡ phải khóc vì nhục nhã đã nuôi nấng một tên phản phúc”. Bà cứ thế quất lia lịa không

thương tiếc, đuổi theo cậu ta đến tận cuối sân mà đánh, làm cho cậu ta phải lăn lộn như một con ốc sên. Don Apolinar Moscote đứng chết khiếp đi, bị trói ghì vào chiếc cột trước đây những thằng hình nộm tan xác pháo do đạn súng của đội hành hình tập. Các chàng trai của đội hành hình tản mát hết vì sợ Úrsula sẽ đánh chết họ. Nhưng bà không thèm nhìn họ. Để mặc Arcadio với bộ quân phục lôi thôi, lệch thếch, rên rỉ vì đau đớn và giận dữ, bà đi cởi trói cho Don Apolinar Moscote rồi dẫn ngài về nhà. Trước khi đi khỏi trại lính, bà còn thả nốt các chính trị phạm.

Kể từ dạo ấy, bà là người cai quản làng Macondo. Bà khôi phục lễ mixa ngày chủ nhật, bãi bỏ việc đeo băng đỏ, bãi bỏ các đội tuần tra hung bạo. Nhưng vào lúc nghỉ ngơi bà vẫn khóc than cho

số phận hẩm hiu của mình. Bà cảm thấy quá ư cô quạnh đến mức bà phải tìm đến người chồng bị lãng quên dưới bóng cây dẻ. “Mình ơi, mình hãy nhìn cảnh ngộ của chúng ta, có thảm không chứ”, bà nói với ông trong lúc những trận mưa rào tháng bảy đe dọa quật đổ túp lều lá cọ. “Mình hãy nhìn ngôi nhà hoang vắng, con cái chúng ta ly tán khắp thế gian, và một lần nữa chỉ có hai chúng ta với nhau như cái thuở ban đầu”.

José Arcadio Buendía triền miên trong bể thảm vô thức, cứ trơ như đá trước những lời thở than của bà. Vào lúc mới điên rồ, ông thường dùng những câu Latinh khó hiểu để thông báo cho mọi người biết những nhu cầu tối cần thiết hàng ngày của mình. Trong những lúc tỉnh táo ngắn ngủi, khi Amaranta mang cơm cho ông, ông đã báo cho cô

biết những phiền toái nhất của mình, và ông ngoan ngoãn uống thuốc cao hạt cải và để cho cô giác máu. Nhưng ở thời kỳ Úrsula thở than bên ông thì ông hoàn toàn mất khả năng tiếp xúc với đời thực. Ông ngồi trên ghế để bà tắm từng bộ phận một cho mình. Trong lúc tắm bà kể cho ông nghe chuyện nhà chuyện cửa. “Đã bốn tháng nay, Aureliano đi trận, và chúng ta vẫn chưa nhận được tin tức gì về hắn”, bà nói trong lúc kỳ cọ xà phòng cho ông. “José Arcadio đã trở về, đó là một người đàn ông thực thụ, cao hơn cả ông ấy, và sẫm khắp người. Hắn trở về chỉ để mang nỗi nhục cho gia đình mình”. Tuy nhiên, bà quan sát thấy hình như chồng mình buồn trước những tin dữ ấy. Thế là bà đổi giọng khuyến sang nói dối ông “Mình đừng tin những điều tôi vừa nói nhé”, bà nói, trong lúc rắc tro xuống những bãi phân của ông để lấy

mo hét đi. “Thượng đế muốn José Arcadio và Rebeca lấy nhau và giờ đây chúng nó sống rất hạnh phúc”. Rồi bà trở nên quá thành tâm trong khi nói dối đến nỗi ngay bản thân bà cũng cảm thấy được an ủi bằng chính những lời mình phỉnh phờ. “Arcadio đã trở thành một chàng trai đúng đắn – bà nói – rất dũng cảm và rất bảnh bao diện bộ đồng phục và đeo kiếm bên hông”. Tất cả những lời ấy được nói ra như thể nói với người chết, bởi José Arcadio Buendía thanh thản, rất thanh thản ở ngoài mọi băn khoăn lo lắng. Những bà vẫn không thôi.

Bà thấy ông hiền lành quá giống với mọi người quá, đến mức bà cười trói cho ông. Ông vẫn nằm trên chiếc ghế, như thể những chiếc chạc không còn cần thiết nữa, bởi vì dường như đã có một sức mạnh còn mạnh hơn cả những nút

trời buộc mà mắt thịt có thể nhìn thấy đã trói ghì ông vào gốc cây dẻ. Vào khoảng tháng tám, khi mùa đông bắt đầu dài lê thê, Úrsula đã có thể báo cho ông biết một tin:

Này ông, vận may vẫn đến với chúng ta đấy, – bà bảo ông, – Amaranta và anh người Ý chữa cây đàn dương cầm tự động ấy sẽ cưới nhau đấy.

Quả thật, Amaranta và Pietro Crespi đã có một tình bạn sâu sắc. Cả hai đều được Úrsula đùm bọc yêu thương. Lần này bà thấy không cần thiết phải ngồi canh chừng đôi trai gái chuyện trò. Đó là một mối tình trong buổi hoàng hôn. Anh người Ý với bông hoa dành dành trắng ngà nổi bật trên ve áo đến nhà vào buổi chiều, và dịch ra tiếng Tây Ban Nha cho Amaranta nghe những bài thơ

sô-nê của Petrarca²¹. Hai người ngồi ở hành lang nồng nặc mùi hoa hồng và hoa thu hải đường. Chàng đọc thơ, nàng dẹt những tấm đăng ten, không hề biết những sự kiện kinh người và những tin dữ ngoài mặt trận, cho tới khi muỗi đốt dữ dội họ mới chạy vào phòng khách. Tình cảm dịu dàng của Amaranta với những lời âu yếm đầy ý nhị giống như một tấn mạng nhện vô hình ngày một bọc chặt lấy người yêu đến mức vào lúc tám giờ tối buộc anh phải lấy những ngón tay mai mái xanh đeo nhẫn gỡ nó ra để về nhà mình. Hai người đã làm một cuốn album tuyệt vời với những tấm bưu thiếp từ Ý gửi đến cho Pietro Crespi. Đó là những bức ảnh chụp những người yêu nhau trong những vườn hoa vắng vẻ, với hình vẽ trang trí trái tim bị

21 Francisco Petrarca (1304-1374) nhà thơ Ý, một trong những nhà nhân văn vĩ đại.

mũi tên xuyên ngang và những dải vàng vương cánh những đôi bồ câu. “Anh biết công viên này ở Florence”, anh nói, trong lúc lần giở các tấm bưu thiếp. “người ta vừa chìa bàn tay ra, lập tức chim đã sà xuống để ăn”. Đôi lúc, trước một nhà cây cảnh, nổi nhớ nhung đã biến mùi bùn và mùi cá thối trong các kênh mương thành phố Venice thành một mùi hoa thơm dịu dịu. Amaranta thở dài, cười, mơ mộng đến một tổ quốc thứ hai gồm những chàng trai và những cô gái đẹp lộng lẫy nói thứ tiếng nói của trẻ thơ, trên những thành phố cổ kính mà thời huy hoàng oanh liệt xưa của chúng giờ chỉ còn lại những chú mèo lẫn quất bên những đồng gạch vữa đổ nát. Sau khi vượt qua trùng dương mênh mông trong sự tìm kiếm của mình, sau khi đã nhầm lẫn nó với nỗi đam mê trong những lúc âu yếm mãnh liệt của Rebeca, giờ đây Pi-

etro Crespi đã gặp được tình yêu. Niềm vui mang theo cả sự giàu có, lúc này của hàng của anh chiếm gần hết một ô phố. Đó là một tủ kính khổng lồ kỳ ảo nhận phục chế những chiếc đồng hồ báo thức xứ Florence mà mỗi bận điểm giờ chúng làm vang lên một bản hợp xướng những tiếng chuông, bày bán những hộp phấn Tàu khiến năm ngón tay thích thú khi mở nắp, và đủ loại nhạc cụ có thể tưởng tượng ra, đủ loại đồ chơi dây cót có thể mơ ước thấy.

Bruno Crespi, em út của anh, ngồi trông coi cửa hàng, bởi vì cậu chưa đủ khả năng đảm đương lớp học nhạc. Nhờ có Pietro Crespi đường Thổ Nhĩ Kỳ vội sự trưng bày lộng lẫy các thứ hàng quý giá đã trở thành một nơi yên tĩnh du dương để quên đi những hành động tàn bạo của Arcadio và không khí ám đạm

muôn thuở của chiến tranh. Khi Úrsula quyết định phục hồi các buổi lễ mixa ngày chủ nhật, Pietro Crespi đã hiến nhà thờ một cây đàn thiếu nhi, chuẩn bị một bài hát sẽ làm cho buổi lễ mixa trầm buồn của cha xứ Nicanor vui hẳn lên. Không một ai còn nghi ngờ Amaranta sẽ là một người vợ hạnh phúc. Cứ để cho tình cảm lứa đôi mặc nhiên nảy nở từ trái tim của hai người, không cần phải thôi thúc, bọn họ đã đi đến đỉnh điểm của tình yêu chỉ còn thiếu việc định ngày làm lễ cưới. Bọn họ không gặp một trở ngại nào. Úrsula thầm trách mình với việc trì hoãn không thời hạn ngày cưới đã làm thay đổi số phận của Rebeca. Cho đến bây giờ bà vẫn chưa nguôi nỗi tủi hổ. Việc để tang Remedios thật nghiêm túc đã phải lui xuống hàng thứ, bởi sự chết chóc do chiến tranh gây nên, bởi sự vắng mặt của Aureliano, bởi hành động tàn bạo của

Arcadio, bởi việc tổng khú José Arcadio và Rebeca ra khỏi nhà. Trước đám cưới sắp đến, chính Pietro Crespi đã khẩn khoản xin được coi Aureliano José vốn được anh quý như con đẻ, là đứa con đầu lòng của mình. Tất cả đều khiến cho mọi người nghĩ rằng Amaranta đang đi tới một hạnh phúc dễ dàng. Nhưng, khác hẳn với Rebeca, cô không hề để lộ sự thèm khát của lòng mình. Với chính cái tình cảm khi ngồi dệt những tấm khăn trải bàn, những diềm đăng ten kết những con công dính trên cây thánh giá chờ đợi cho Pietro Crespi không thể ghìm được những đòi hỏi khẩn cấp của trái tim anh. Giờ tận số của anh đã đến vào những ngày mưa bất hạnh trong tháng mười. Pietro Crespi gỡ tay cô khỏi khung thêu và hai tay anh cầm thật lâu bàn tay cô. “Anh không thể đợi hơn được nữa”, anh nói với cô. “Chúng ta sẽ cưới nhau vào

tháng tới nhé”. Amaranta không run rẩy khi tay cô chạm phải bàn tay lạnh buốt của anh. Cô từ từ rút tay mình ra khỏi hai tay anh. Giống như một con vật lẩn tránh, cô lại tiếp tục công việc.

Thôi đi đừng có mà ngây ngô quá thế đi Crespi, – cô cười. – Dù có chết tôi cũng không lấy anh đâu.

Pietro Crespi không tự chủ được bản thân. Anh khóc nức nở không còn biết xấu hổ, gần như bóp nát các ngón tay vì thất vọng. Nhưng anh vẫn không lay chuyển được cô. “Đừng chân chừ mất thời gian nữa”, đó là tất cả những gì mà Amaranta có thể nói. “Nếu quả tình anh yêu tôi tha thiết thì xin đừng bước tới nhà này nữa”. Úrsula tưởng như mình phát điên lên vì xấu hổ. Pietro Crespi trở hết tài van xin, tự hạ mình tới mức không thể tưởng tượng được. Suốt một

đêm anh khóc như một đứa bé trên ngực Úrsula, người có lẽ phải bán cả linh hồn để an ủi anh.

Trong những đêm mưa người ta bắt gặp anh đội chiếc ô lụa lảng vảng quanh nhà cổ lòng bắt gặp ánh sáng trong phòng Amaranta. Chưa bao giờ anh mặc diện như lúc ấy. Mái đầu đẹp lộng lẫy như của một vị hoàng đế qua cơn sóng lòng đã mang vẻ lả lẫm hẳn đi. Anh đón đường các bạn gái của Amaranta, những cô gái vẫn thường đến thêu ở hành lang, để nhờ họ khuyên giải Amaranta. Anh không còn lòng dạ nào chăm lo tiệm buôn. Suốt ngày anh ở nhà trong viết những bức thư nhảm chán để gửi đến Amaranta cùng với những cánh hoa và những con bướm ướp khô. Nhưng cô vẫn để nguyên gửi trả anh. Đóng cửa phòng, anh ngồi lì ngày nọ qua ngày kia để chơi đàn lục huyền.

Có một đêm anh hát. Macondo thức dậy trong nỗi thảng thốt đặc biệt mà tự cảm thấy mình được thần thánh lựa bởi tiếng đàn lục huyền vang lên rền rĩ không phải từ thế gian này mà bởi một giọng hát nỉ non chan chứa tình yêu thương dường như không thể có trên mặt đất này. Thế là lúc đó Pietro Crespi nhìn thấy ánh sáng ló ra từ cửa sổ khắp các nhà trong làng chỉ trừ cửa sổ phòng Amaranta. Ngày mồng hai tháng mười một, ngày lễ của tất cả các vong linh, em trai anh mở cửa hàng và bắt gặp tất cả các ngọn đèn đều thấp sáng, tất cả các hộp nhạc đều mở, tất cả đồng hồ đều dừng lại ở một giờ vô tận, và trong quang cảnh ngổn ngang ấy cậu thấy Pietro Crespi ngồi bên bàn viết ở nhà trong với bàn tay các ngón đều bị dao cắt ngâm trong chậu cánh kiến.

Úrsula quyết định sẽ quàn thi hài

anh trong nhà mình để làm lễ viếng. cha Nicanor khước từ làm lễ rửa tội cho anh và mai táng anh ở đất thánh. Bà Úrsula đương mặt với cha. “Cả cha cả con, chúng ta không thể hiểu được rằng con người ấy là một vị thánh”, bà nói. “Trái với ý nguyện của cha, con sẽ chôn anh ta ở ngay cạnh ngôi mộ của Melquíades”. Bà làm đúng những điều mình nói. Được cả làng ủng hộ, bà tổ chức lễ tang thật trọng thể cho anh. Amaranta không bước ra ngoài phòng mình. Nằm trên giường cô nghe rõ tiếng khóc của Úrsula, tiếng chân đi lại và lời than thở sụt sùi của đám đông và tiếng rú rùng rợn của những người đàn bà khóc muốn vọng vào nhà và sau đó là khung cảnh yên tĩnh trầm mặc vương mùi hoa bị chà đạp. Úrsula từ bỏ cô. Ngay cái buổi chiều Amaranta vào bếp thọc tay vào bếp than đỏ rực để nguyên cho tới khi cô không

còn biết đau đớn mà chỉ cảm thấy mùi khét lẹt của chính da thịt mình đang xèo xèo cháy, bà cũng chẳng thềm ngược mắt nhìn để thương xót con gái. Đó là rách chữa hiệu nghiệm những nỗi ăn năn dần vật. Trong vài ngày liền, với bàn tay bông ngâm trong một bát lòng trắng trứng gà, cô đi đi lại lại trong nhà và khi chữa khỏi những vết cháy bỏng thì dường như lòng trắng trứng gà cũng chữa lành những vết cháy bỏng trong trái tim cô. Dấu vết bên ngoài duy nhất còn lại của tấn bi kịch là tấm băng đen băng trên bàn tay bị bỏng và cô đã phải mang nó cho đến khi chết.

Qua việc ra lệnh chính thức để tang Pietro Crespi, Arcadio đặc biệt tỏ ra là người cao thượng. Úrsula giải thích hiện tượng đó như là sự trở về của một con chiên lầm đường. Song bà nhầm to. Bà đã để mất Arcadio không chỉ từ khi cậu

ta mặc bộ quân phục mà đã từ lâu rồi. Bà những tưởng mình nuôi dưỡng nó như nuôi dưỡng một đứa con trai, như nuôi dưỡng Rebeca, không quá chiều chuộng cũng không quá tệ bạc. Tuy vậy, Arcadio vốn là một đứa trẻ đơn độc và hoảng sợ trong suốt thời kỳ dịch mất ngủ hoành hành, trong hoàn cảnh Úrsula mãi mê làm giàu, José Arcadio Buendía điên rồ, Aureliano lầm lỳ ít nói, Amaranta và Rebeca thù nhau. Aureliano dạy nó học đọc và học viết, mà tâm tưởng anh cứ để ở tận đâu đâu ấy, cứ như thể anh biến nó thành một kẻ lạ lẫm. Anh cho nó quần áo sấp rách để Visitación chữa lại cho vừa. Arcadio khổ sở với những đôi giày quá rộng, với những chiếc quần chữa lại, với bộ móng đàn bà của mình. Chẳng bao giờ nó giải bày tâm sự với ai ngoại trừ với Visitación và Cataure qua ngôn ngữ của họ. Trên thực tế Melquíades là

người duy nhất bận tâm tới nó. Cụ ngâm cho nó nghe những bài nhã ca khó hiểu cũng như giảng giải cho nó về nghề ảnh. Không ai biết nó đã khóc thầm trước cái chết của cụ như thế nào và nó đã cố lòng làm sống lại cụ qua việc nghiền ngẫm những trang viết của cụ mà không kết quả. Trường học, nơi cậu ta dốc lòng dốc sức làm việc và được mọi người kính trọng, sau đó là chức quyền được giao với những mệnh lệnh dứt khoát và bộ quân phục vinh quang, những thứ đó đã giải thoát cậu ta khỏi nỗi đắng cay trước đây. Có một đêm nọ, ngay trong tiệm bác Catarino, một ai đó đã dám nói thẳng với cậu ta: “Anh không xứng với tên họ của mình!”. Trái với điều mọi người mong đợi Arcadio đã không ra lệnh bắn người đó:

Rất hân hạnh, – cậu ta nói. – May

quá, tôi lại không phải là một Buendía.

Những ai biết gốc gác của cậu ta qua cuộc đấu khẩu này thấy đều nghĩ rằng cậu ta đã hiểu. Thực ra cậu ta vẫn không hay biết gì về gốc gác của mình. Pilar Ternera, bà mẹ cậu ta, người từng làm cho cậu ta nổi máu dê ở trong phòng làm ảnh, là một sự thèm khát không thể cưỡng lại nổi đối với cậu ta, cũng như thuở ban đầu đối với José Arcadio và sau đó đối với Aureliano. Mặc dù thị đã để mất đi vẻ duyên dáng và tiếng cười phấn khích trước đây, cậu ta vẫn tìm kiếm thị và đã gặp thị trong mùi khói khen khét phả ra từ thân xác thị. Nhưng trước ngày nổ ra chiến sự, có một buổi trưa thị đến trường muộn hơn cả để tìm thằng con út của mình thì Arcadio đang đợi thị tại phòng nghỉ và sau này là phòng giam. Trong lúc đứa trẻ đang nô đùa ở ngoài

sân, cậu ta nằm trên vũng chờ đợi thị mà người cứ run bắn lên vì thêm khát và biết rằng thị sẽ qua đây. Thị đến thật. Arcadio cầm lấy cổ tay thị định lôi lên vũng với mình.

“Chịu thôi! Chịu thôi!”, Pilar Ternera run rẩy sợ hãi nói. “Cậu không biết rằng tôi cũng muốn chiều cậu lắm chứ. Nhưng có Thượng đế làm chứng cho: tôi không thể thỏa mãn cậu được”.

Với sức mạnh cha truyền, Arcadio đã quàng tay ôm lấy thắt lưng thị và cảm thấy trời đất ngả nghiêng khi chạm phải da thịt thị. “Thôi đi, đừng có mà làm bộ ta đây...”, cậu ta nói. “Cuối cùng cả bàn dân thiên hạ ai cũng biết tổng mình làm điểm rồi”.

Pilar Ternera cố quất nổi nhục nhã mà số phận bi thảm đã dành cho mình.

– Bọn trẻ con sẽ biết mất, – thị nói. – Tốt hơn hết là đêm nay cậu hãy để ngủ cửa.

Đêm ấy, nằm trên võng người cứ nóng ran như có lửa trầm, Arcadio đợi thị. Cậu ta không ngủ để chờ đợi mà dõi theo tiếng trong đêm khuya và tiếng vạc ăn đêm. Càng đợi cậu ta càng vô vọng và nghĩ rằng mình đã bị “một quả lừa”. Đương lúc sự thèm khát ngày một nguội dần và lúc cơn giận dữ ngày một bốc lửa, thì bỗng nhiên cửa mở. Sau đó mấy tháng, đứng trước họng súng của đội hành hình, Arcadio đã làm sống lại trong ký ức mình những bước chân chênh choạng đi trong phòng học, những cú va chạm ghế băng, rồi cuối cùng một bóng hình nổi đậm trong phòng mờ tối và tiếng đập thành thành của một con tim vốn không phải là của mình. Cậu ta chìa tay ra và bắt gặp một bàn tay khác đeo hai chiếc nhẫn

trên cùng một ngón tay của một người sắp chết chìm trong bóng tối. Cậu ta cảm thấy máu mình chảy giần giật trên các huyết quản, nỗi bất hạnh của mình đang đập rối loạn và cảm thấy bàn tay mình, với đường đời bị thần chết chém ngang trên gò ngón tay cái, sẫm sấp ướt mồ hôi. Vậy là cậu ta hiểu ngay rằng người đàn bà ấy không phải là người mình đợi chờ, bởi vì người đàn bà ấy không phả ra mùi khen khét mà phả ra mùi bri-giăng-tin, bởi vì người đàn bà ấy có bộ vú chũm cau, có cái mông đốc cứng và tròn như hạt bồ đào và thân thể người ấy run run vẻ hoảng loạn của người chưa từng trải mùi đời. Người ấy là một cô gái trinh và có cái tên đến là khó tin: Santa Sofía de la Piedad²².

Pilar Ternera trả cho cô năm mươi

22 Nghĩa là: bà Thánh Sofía của lòng hiếu thảo.

đồng peso, một nửa số tiền thị đã ki cóp trong cả cuộc đời, để cô làm cái việc đang làm. Arcadio từng nhìn thấy cô nhiều lần trong lúc trông nom cửa hiệu thực phẩm của cha mẹ, và chưa bao giờ cậu để mắt tới cô bởi vì cô chưa thực sự ở tuổi thanh xuân. Song kể từ ngày đó trở đi, cậu ta như một con mèo cứ rúc vào nách cô gái. Cô đến trường vào giờ nghỉ trưa trong sự đồng lõa của cha mẹ mình vốn là những người đã được Pilar Ternera cho nốt số tiền ki cóp được. Về sau này, khi quân chính phủ tổng khú bọn họ ra khỏi trường học, thì hai người làm tình với nhau giữa những thùng bơ và những tải ngô trong kho hàng. Trong thời kỳ Arcadio được phong làm Quan Tổng trấn coi các vấn đề quân sự và dân sự ở làng Macondo, họ đã có chung một đứa con gái.

Những người thân duy nhất biết chuyện là José Arcadio và Rebeca. Họ là những người mà Arcadio lúc đó giữ được các quan hệ mật thiết không chỉ dựa trên tình ruột thịt mà cả trên sự đồng lõa. Cái ách vợ chồng buộc José Arcadio hoàn toàn phải quy phục. Tính cách cứng rắn của Rebeca, cái bụng háo ăn của cô sự tham lam vô độ của cô, đã hút cạn sức lực cường tráng của người chồng, buộc anh vốn là kẻ lười nhác và trai lơ phải trở thành một con vật khổng lồ chịu thương chịu khó làm lụng.

Anh có một ngôi nhà sạch sẽ và gọn gàng ngăn nắp. Cứ mỗi bận sáng dậy, Rebeca mở toang cửa và gió từ nghĩa địa qua các cửa sổ ùa vào rồi lại cuốn ra ngoài theo cửa canh để lại hơi diêm sinh của người chết làm cho những bức tường bệch bạc ra và khiến cho những

bàn, tủ, giường xám đen lại. Cơn đói đất, tiếng kêu lộc cộc, lộc cộc, lộc cộc của hai bộ hài cốt của cha mẹ cô, sự nồn nóng của cô trước thái độ quá ư điềm tĩnh của Pietro Crespi đã lùi vào dĩ vãng. Cả ngày cô ngồi thêu bên cửa sổ, xa lạ trước mọi dư âm của chiến tranh. Cho tới khi các nồi sào bắt đầu rung lên trong chạn, cô mới đứng dậy đi hâm lại thức ăn. Cô làm việc ấy trước lúc xuất hiện những con chó bê bết lấm bùn hay khịt mũi đánh hơi và người đàn ông vạm vạp đi ủng có đinh thúc ngựa, khoác khẩu súng hỏa mai hai nòng: Người này có lúc vai vác một chú nai, còn hầu như lúc nào cũng mang về một xâu thỏ hoặc vịt trời... Có một buổi chiều nọ, đứng vào dịp năm quyền, Arcadio bỗng dừng đến thăm họ. Tất khi ra khỏi nhà, bọn họ không nhìn thấy cậu nhưng cậu đã biểu lộ một tình cảm nồng nhiệt và thân thiết đến mức vợ

chồng họ đã mời cậu ở lại cùng nếm món thịt thú rừng vừa được xào nấu. Chỉ đến khi uống cà phê Arcadio mới nói rõ mục đích mình đến chơi: cậu đã nhận được một lá đơn tố cáo José Arcadio. Lá đơn nói rằng José Arcadio cày sân mình và cày lấn sang đất đai lân cận, phá đổ rào và lừa bò của mình vào chuồng người khác, dùng sức mạnh chiếm đoạt những trang trại trù mật nhất ở xung quanh. Đối với những người nông dân không bị tước đoạt vì ruộng đất của họ xấu, y buộc họ phải đóng thuế. Vào thứ bảy hàng tuần y dùng chó săn và khẩu súng hỏa mai hai nòng để thu thuế. Y không phản đối những lời ấy. Y khẳng định quyền lợi của mình trên những đất đai chiếm đoạt được từng bị José Arcadio Buendía phân chia từ thời lập làng và tin tưởng có thể chứng minh rằng cha mình đã điền rõ từ thời ấy, bởi vì cụ đã đem phân phát của

cải trên thực tế thuộc về gia đình mình. Đó là một lý lẽ không cần thiết bởi vì Arcadio đến đây không phải để phân xử đúng sai mà chỉ đơn thuần mặc cả thôi.

Về phần mình, cậu lập ra một văn phòng luật sư trông coi của cải tư hữu sẽ cấp cho José Arcadio các văn tự để y hợp pháp hóa những đất đai chiếm đoạt được và ngược lại y phải để cho chính quyền địa phương được quyền thu thuế. Hai người thỏa thuận với nhau. Những năm sau này khi đại tá Aureliano Buendía kiểm tra các văn tự ruộng đất, chàng đã thấy rằng tất cả đất đai kể từ sân nhà José Arcadio cho tới tận chân trời kể cả nghĩa địa của làng đều thuộc quyền sở hữu của ông anh mình; và rằng trong mười một tháng năm quyền bính, Arcadio đã thu không chỉ tiền thuế mà còn cả tiền của nhân dân muốn được chôn cất người

thân của mình trên điền sản của José Arcadio.

Vài tháng sau Úrsula mới biết cái việc đã trở thành quyền lực công khai, bởi vì dân chúng giấu không cho bà biết để khỏi khiến bà đau khổ thêm. Bà bắt đầu nghi ngờ cậu ta. “Arcadio đang xây một ngôi nhà”, bà tự hào khẳng định với chồng mình trong lúc cố nhét vào miệng ông một thìa canh bí. Tuy nhiên, bất giác bà lại thở dài: “Không hiểu vì sao tôi cảm thấy không yên lòng đối với tất cả những việc như thế”. Và sau này khi bà biết rằng Arcadio không những đã xây xong nhà mà còn mua sắm giường tủ bàn ghế sản xuất ở Viên thì bà càng khẳng định cậu ta đang biến thủ công quỹ, điều trước đây bà đã hồ nghi.

“Mày là nỗi nhục của dòng họ nhà tao”, bà chửi cậu ta như thế vào lúc kết

thức lễ mixa một ngày chủ nhật, khi bà thấy cậu đang chơi bài trong ngôi nhà mới. Arcadio không đếm xỉa tới lời bà. Chỉ đến lúc ấy Úrsula mới biết cậu ta đã có một đứa con gái sáu tháng và rằng Santa Sofía de la Piedad, người cậu ta cùng chung sống không làm lễ cưới, lại một lần nữa đang có thai.

Úrsula định bụng viết thư cho đại tá Aureliano Buendía, dù chàng ở đâu đi nữa, để chàng tỏ tường mọi chuyện trong nhà ngoài ngõ. Nhưng các sự kiện ồn ào lúc đó không chỉ cản trở mọi ý định của bà mà còn khiến cho bà ân hận vì đã lợm lặt được chúng. Chiến tranh, cho đến lúc ấy vẫn chỉ là một từ để chỉ một hoàn cảnh trống trải và trì đọng, đã được cụ thể hóa trong một thực tại bi thương. Vào cuối tháng hai có một bà già tóc bạc cưỡi trên lưng một chú ngựa thồ chổi đã

đến làng Macondo. Nom bà quá ư hiền lành đến mức các đội tuần tra đã để bà vào làng mà không xét hỏi, như đã từng không xét hỏi những người bán hàng rong thường vẫn qua lại các làng quanh vùng đồng lầy. Bà đi thẳng đến trại lính, Arcadio tiếp bà ngay ở nơi trước đây là lớp học và hiện nay là lán nghỉ của quân lính trong đó những chiếc võng được cuộn lại và treo trên những chiếc móc, những ba lô chồng chất lên nhau ở các xó, và súng trường, súng cacbin, súng săn ngổn ngang khắp sàn nhà. Bà già giờ tay chào theo kiểu nhà binh trước khi tự giới thiệu mình: – Tôi là đại tá Gregorio Stevenson.

Ngài mang tới các tin dữ. Những ổ đề kháng cuối cùng của phe Tự do, theo như lời ngài nói, đang bị tiêu diệt. Đại tá Aureliano Buendía người đang bị quân

đội Bảo hoàng truy kích ở ngoại vi thành phố Riohacha, đã giao cho ngài sứ mạng đến nói chuyện với Arcadio, khuyên cậu cần phải nộp lại quảng trường cho quân chính phủ bằng cách đặt điều kiện họ phải hứa danh dự đảm bảo tính mạng và tài sản cho những người Tự do.

Arcadio với đôi mắt nghi ngờ dò xét vị sứ giả kỳ dị ấy, người có thể nhầm lẫn với một bà già hoảng sợ đang chạy trốn.

Vậy xin hỏi chẳng hay ngài có mang theo giấy tờ không? – cậu hỏi.

Rất tiếc, – vị sứ giả trả lời, – tôi không mang theo. Dễ hiểu rằng trong điều kiện hiện nay thật khó mang theo trong người bất kỳ một thứ gì khiến người ta khả nghi. Trong khi nói, ngài rút trong yếm ngực ra một con cá vàng và đặt nó lên bàn. “Tôi tin rằng với thứ này đã đủ

lắm rồi”, ngài nói. Arcadio xác nhận rằng đó là một trong những con cá vàng được đại tá Aureliano Buendía làm ra. Nhưng một người nào đó đã mua nó trước lúc nổ ra chiến tranh hoặc đã ăn cắp được và thế là nó không còn giá trị của tờ giấy thông thành. Lúc này, vị sứ giả buộc lòng phải vi phạm bí mật quân sự để lộ chân tướng của mình. Ngài kể rằng mình có nhiệm vụ đi về Curaçao để chiêu mộ tất cả những người bị lưu đày của toàn bộ vùng Ca-ri-bê, tìm mua cho đủ vũ khí và quân trang quân dụng để mưu tính một cuộc đổ bộ vào cuối năm nay. Mặc dù tin tưởng kế hoạch ấy nhưng đại tá Aureliano Buendía không đồng ý cho rằng trong thời điểm ấy nên tiến hành những hoạt động xả thân vô ích. Nhưng Arcadio là kẻ nhẫn tâm. Cậu đã bỏ tù vị sứ giả để tiến hành công việc xác nhận gốc gác của ngài và quyết định sẽ bảo vệ

quảng trường đến hơi thở cuối cùng.

Không cần phải đợi chờ lâu. Những tin tức về sự thất bại của phái Tự do ngày một xác thực hơn. Trong một buổi nửa đêm về sáng vào cuối tháng ba trời đổ những trận mưa sớm, không khí yên tĩnh nặng nề của những tuần trước đây bỗng nhiên tan biến cùng với tiếng kèn cor-net rùng rợn và tiếng nổ dữ dội của một quả pháo đã làm sập đổ tháp chuông nhà thờ. Trên thực tế, ý nguyện kháng cự của Arcadio là một ý nghĩ điên rồ. Cậu chỉ có trong tay không quá năm mươi người vũ trang kém cỏi với cơ số đạn không quá hai mươi viên mỗi cây súng. Nhưng trong số những người kháng chiến, những học trò cũ của cậu từng náo nức trước những lời tuyên bố hoa mỹ đang quyết chí chiến đấu đến phút cuối cùng vì một sự nghiệp đã phá sản. Trong khung cảnh

những tiếng ủng chạy nháo nhác, những mệnh lệnh mâu thuẫn trái ngược nhau, những tiếng đại bác làm rung chuyển mặt đất, những tiếng súng nổ loạn xạ, và những hồi kèn cornet không có ý nghĩa, ngài đại tá bị giam Stevenson xin được nói chuyện với Arcadio. “Hãy tránh cho ta nỗi nhục phải chết trong nhà tù mặc nguyên quần áo đàn bà đi”, ngài nói với cậu. “Nếu ta phải chết thì ta sẽ chết trong chiến đấu”. Arcadio ra lệnh phát cho ngài một cây súng với hai mươi viên đạn, và để cho ngài cùng năm người nữa bảo vệ trại lính, trong khi đó, cùng với bộ chỉ huy của mình cậu ta đi lên tuyến đầu của trận để kháng. Những chướng ngại vật bị phá vỡ và những người chiến đấu bảo vệ làng phải chiến đấu trong một cuộc đổ súng không cân sức trên các đường phố. Đầu tiên họ dùng súng trường chiến đấu cho tới khi hết đạn, sau đó dùng súng

lục chống lại súng trường và cuối cùng đánh giáp lá cà. Trước sự thất bại sắp xảy ra, một số chị em phụ nữ, người cầm gậy kẻ cầm dao thái thịt, cùng đổ ra đường. Trong khung cảnh hỗn độn ấy, Arcadio bắt gặp Amaranta mặc áo ngủ, tay cầm hai khẩu súng lục cũ kỹ của José Arcadio Buendía, đang hoảng hốt tìm cậu. Arcadio liền đưa khẩu súng của mình cho một viên sĩ quan vừa bị mất súng trong trận chiến đấu, rồi cùng với Amaranta lẫn vào một con đường cạnh đó để đưa cô về nhà. Úrsula đứng ở cửa ra vào, đang đợi chờ, bất chấp những tiếng súng nổ đi đùng và một viên đạn lạc khoét một cái lỗ trên bức tường mặt tiền của ngôi nhà ngay cạnh. Mưa tạnh hẳn nhưng đường cái ngầu bùn như bột xà phòng và người ta phải dò tìm khoảng cách trong bóng tối Arcadio để Amaranta ở lại với Úrsula, và định bụng chiến đấu mặt đối mặt

với hai lính chính phủ từ một góc phố đang đi vào lòng sục. Những khẩu súng lục để quá lâu trong ngăn kéo khô dầu không nổ đạn được. Lấy thân mình che cho Arcadio, Úrsula định kéo cậu về tận nhà mình.

Về ngay! Vì Thượng đế hãy về nhà ngay – bà hét cậu ta. – Hãy bỏ thói điên khùng đi nào. Bọn lính nhả đạn về phía họ.

Bà già hãy buông người kia ra, – một tên lính hét, – nếu không chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm trước cái chết của bà.

Arcadio đẩy Úrsula về phía nhà, còn mình giơ tay đầu hàng. Sau đó ít lâu, tiếng súng ngừng bật và chuông nhà thờ bắt đầu đổ hồi. Cuộc đề kháng đã bị đè bẹp trong không đầy nửa giờ.

Không một người nào của Arcadio sống sót sau trận tấn công, nhưng trước khi chết bọn họ đều bị dẫn điếu qua trước mặt ba trăm lính chính phủ. Pháo đài bị tiêu diệt sau cùng là trại lính. Trước khi nó bị tấn công, đại tá bị giam Gregorio Stevenson, đã thả hết các tù nhân, ra lệnh cho những người dưới quyền ra ngoài đường chiến đấu. Sự thay đổi vị trí chiến đấu đến là linh hoạt của ngài, cũng như đường đạn chính xác của hai mươi viên đạn được ngài bắn đi từ các cửa sổ khác nhau đã đem lại cái cảm giác trại lính được phòng thủ rất tốt, và những kẻ tấn công đã phải dùng đại bác để câu vào phá sập nó. Viên đại úy chỉ huy cuộc chiến đấu phải ngạc nhiên trước quang cảnh những mảng tường nhà rơi đổ ngổn ngang, chỉ có một người đàn ông mặc độc một chiếc quần đùi đã chết và một khẩu súng hết đạn được một

cánh tay bị chặt lìa khỏi thân xác ôm lấy. Người ấy có bộ tóc dày cộm uốn sùng ôm lấy vai và trên cổ đeo một sợi dây mang con cá vàng. Vào lúc lấy mũi ủng lật ngửa để nhìn cho rõ mặt người ấy, viên đại úy giật mình hoảng sợ: “Đồ cút đáí”, ông ta thốt lên. Một số sĩ quan khác cũng ào tới.

Các vị hãy nhìn xem, cái con người này đến từ đâu vậy? – viên đại úy nói với họ. – Đó là Gregorio Stevenson.

Vào lúc rạng sáng, Arcadio bị bắn ở trước bức tường nghĩa địa sau khi hội đồng quân sự họp khẩn cấp. Trong hai giờ cuối cùng của đời mình, cậu vẫn chưa hiểu nổi vì sao cái nỗi sợ chết từng dần vặt mình ngay từ thuở thơ ấu đã biến mất. Với vẻ bình thản lạnh lùng, không hề bận tâm tới việc chứng tỏ lòng dũng cảm mới nảy sinh, cậu nghe những lời luận tội dài dòng. Cậu nghĩ tới Úrsula

mà giờ này có lẽ bà đang cùng uống cà phê với José Arcadio Buendía dưới bóng cây dẻ. Cậu nghĩ tới đứa con gái tám tháng vẫn chưa được đặt tên và tới đứa trẻ sẽ ra đời vào tháng tám tới. cậu nghĩ tới Santa Sofía de la Piedad đêm qua đã ướp thịt một con hươu cho bữa cơm trưa ngày thứ bảy, nhớ mái tóc dài buông xõa xuống hai vai cô, nhớ những hàng mi dài của cô giống như những bờ mi được làm giả. Cậu nghĩ tới những người của mình không mảy may thương tiếc. Trong lễ công bằng cần phải trang trải với cuộc đời, cậu bắt đầu hiểu được trên thực tế cậu yêu biết nhường nào những người cậu từng căm ghét. Ngài chủ tịch hội đồng quân sự bắt đầu bài phát biểu cuối cùng của mình trước lúc Arcadio chợt nhớ rằng đã qua đi hai giờ đồng hồ rồi. “Mặc dù các chức vụ được giao cho y không có gì đáng kể, – ngài chủ tịch

nói, – nhưng với thái độ hung hăng vô trách nhiệm và độc ác y đã đẩy những người dưới quyền của mình tới những cái chết vô ích thì điều đó cũng đủ để khép y vào tội tử hình”... Tại trường học rạn nứt vốn là nơi lần đầu tiên cảm nhận sự chắc chắn của quyền lực, cách mấy mét thì tới phòng học mà lần đầu tiên biết đến thứ tình yêu ngõ ngàng, Arcadio bắt gặp hình thức nực cười của thần chết. Trên thực tế, đối với cậu lúc này, cái có tầm quan trọng không phải là cái chết mà là sự sống và bởi thế, cái cảm giác mà cậu cảm nhận khi người ta tuyên án tử hình mình không phải là cái cảm giác sợ hãi mà là cái cảm giác nhớ nhung. Cậu vẫn im lặng cho tới khi được hỏi nguyện vọng cuối cùng của mình là gì.

Hãy nói với vợ tôi, – cậu trả lời với giọng nói sang sảng, – rằng đặt tên cho

con gái tôi là Úrsula,

cậu nghĩ rồi khẳng định: đúng là Úrsula tên của bà nội. Và hãy nói với vợ tôi rằng nếu đứa trẻ sắp ra đời là con trai thì đặt tên là José Arcadio nhưng không phải lấy tên của ông bác mà là tên của ông nội nó.

Trước lúc người ta mang cậu tới bức tường ở nghĩa địa, cha xứ Nicanor định rửa tội cho cậu. “Tôi không có gì phải ân hận cả”, Arcadio nói, và làm theo lệnh của đội hành hình sau khi uống hết tách cà phê đen. Người chỉ huy đội hành hình, một người chuyên thi hành các bản án tử hình, có tên rất đúng với nghề của mình: đại úy Roque Carnicero [Nghĩa là Roque - Tên đồ tể.]. Trên con đường đi tới nghĩa địa, dưới trời mưa lất phất, Arcadio nhận thấy rằng một ngày thứ tư rạng sáng đang loé lên ở chân trời. Nỗi nhớ

nhưng hòa tan trong sương mờ và để lại một sự tò mò khủng khiếp. Chỉ đến khi người ta ra lệnh cho cậu dựa lưng vào tường, Arcadio mới nhìn thấy Rebeca với mái tóc ướt, mặc bộ váy áo hoa màu hồng đang mở toang cửa nhà. Cậu cố lòng thầm khấn để Rebeca nhận ra mình. Quả nhiên, vừa lúc ấy Rebeca nhìn ra bức tường nghĩa địa và bỗng đứng đắn ra vẻ hoảng hốt. Hầu như cô mới chỉ kịp ra hiệu để chào từ biệt Arcadio. Arcadio đã đáp lại cũng bằng điệu bộ tương tự. Giữa lúc ấy những họng súng bốc khói nhả đạn vào Arcadio và cậu nghe rõ ràng từng lời từng lời một bản nhĩ ca được cụ Melquíades ngâm và cảm thấy những bước chân chệnh choạng của Santa Sofía de la Piedad, cô thiếu nữ trinh tiết, vang trong phòng học và cảm thấy trên mũi mình có cái lạnh cứng của nước đá, cái mà cậu đã chú ý tới khi thấy nó trong hốc

mũi của tử thi Remedios. “À, mẹ kiếp – cậu vừa kịp nghĩ ra, – ta quên mất không nói rằng nếu sinh con gái hãy đặt tên là Remedios”. Vậy là lúc ấy, cậu đã cảm thấy nỗi sợ hãi từng tra tấn mình suốt cả cuộc đời. Viên đại úy ra lệnh nổ súng. Hầu như Arcadio vừa kịp ưỡn ngực và ngẩng đầu lên mà không hiểu từ đâu chảy ra một dòng nước đàng đặc nóng bỏng đang thiêu đốt các cơ bắp mình:

– Đồ dê cù, – cậu hét – Đảng Tự do muôn năm!

CHƯƠNG 7

Chiến tranh kết thúc vào tháng năm. Hai tuần trước khi chính phủ ra thông cáo chính thức và trong một lời tuyên bố huênh hoang, họ đã hứa, sẽ trừng trị không thương tiếc đối với những người cầm đầu cuộc khởi nghĩa. Chính lúc ấy đại tá Aureliano Buendía bị bắt làm tù binh ngay trong lúc chàng đóng giả thầy mo Anh-điêng sắp vượt qua được biên giới phía tây đất nước. Trong số hai mươi một người theo

chàng trong chiến tranh có mười bốn người chết trận, sáu người bị thương và chỉ còn lại độc một người ở bên chàng trong thất bại cuối cùng. Người đó là đại tá Gerineldo Márquez. Qua một sắc lệnh đặc biệt, tin chàng bị bắt được công bố ở làng Macondo.

“Nó còn sống... – Úrsula báo tin cho chồng mình. “Chúng ta cầu mong rằng kẻ thù của nó có lòng độ lượng”. Sau ba ngày khóc lóc một buổi chiều nọ đang khuấy nồi kẹo sữa trên bếp lửa, bà nghe rõ mồn một tiếng con trai mình ngay ở bên tai. “Đó là thằng Aureliano”, bà gào toáng lên trong lúc chạy ra gốc cây dẻ để báo tin cho chồng: “Tôi không biết điếm báo như thế nào nhưng nó sống và chúng ta được thấy nó ngay thôi mà”. Bà cho điếm báo ấy là sự thật. Bà sai lau sàn nhà và xếp đặt lại giường tủ bàn ghế.

Một tuần sau, một nguồn tin không xuất xứ, không dựa vào sắc lệnh, đã đau lòng khẳng định diêm báo ấy. Đại tá Aureliano Buendía bị kết án tử hình, và bản án sẽ được thi hành ở làng Macondo để uy hiếp dân chúng. Vào lúc bảy giờ hai mươi phút sáng một ngày thứ hai nọ, Amaranta đang mặc quần áo cho Aureliano José thì nghe từ xa vẳng đến tiếng ồn ào và một hồi kèn cornet lạnh lạnh rợn người, và sau đó một phút Úrsula đẩy cửa phòng bước vào. “Người ta giải nó về” bà bảo thế. Quân lính cứ phải vất vả dùng báng súng nện vào đám đông lộn xộn. Úrsula và Amaranta chạy tới đầu phố, rẽ đám đông và thế là nhìn thấy Aureliano Buendía. Chàng giống như một gã ăn mày: quần áo rách tả tơi, râu tóc rối bù, đi chân đất, hai tay bị trói giắt cánh khuỷu với chiếc thùng cột vào đầu yên con ngựa do viên sĩ quan đang cưỡi.

Cùng với chàng, bọn lính còn giải theo đại tá Gerineldo Márquez, cũng lồi thoi rách rưới và thảm hại như chàng. Hai người không hề buồn. Nom họ dường như đang hồi hộp trước công chúng gào thét chửi bới đám lính đồi bại nhất hạng.

Ồi con ơi! – trong khung cảnh ồn ào tiếng gào thét, Úrsula gọi con mình và bà tát vào mặt tên lính định ngăn mình lại.

Con ngựa của viên sĩ quan nhảy cẫng lên. Lúc này, đại tá Aureliano Buendía mới dừng chân, run rẩy và tránh hai cánh tay mẹ đang ra định ôm mình và dỗi vào mắt bà một cái nhìn nghiêm khắc:

Xin mẹ hãy về nhà đi, – chàng nói. – Mẹ hãy xin phép nhà chức trách mà đến thăm con ở trại giam.

Chàng nhìn Amaranta đang đứng cách chàng hai bước chân ở sau lưng Úrsula, mỉm cười với cô, hỏi: “Tay em làm sao thế kia”. Amaranta giơ bàn tay cuốn băng đen lên. “Bị bỏng”, cô trả lời và kéo Úrsula về phía sau để khỏi bị ngựa giẫm phải. Bọn lính bắn súng chỉ thiên. Đội quân canh gác đặc nhiệm vây lấy hai tù nhân và phi ngựa kéo họ về trại lính.

Buổi chiều ngày hôm ấy, Úrsula đến trại giam thăm đại tá Aureliano Buendía. Bà đã định thông qua Don Apolinar Moscote để xin phép vào thăm nhưng ngài đã bị những quân nhân độc tài tước hết quyền lực. Cha xứ Nicanor đang bị cơn sốt đau gan đánh gục. Cha mẹ của đại tá Gerineldo Márquez, người không bị kết án tử hình, cố tình đến thăm con trai nhưng họ đã bị bọn lính lấy băng súng nện cho rồi đuổi đi. Trước nỗi vô

vọng tìm kiếm những người trung gian giúp mình, hơn nữa lại tự nhủ lòng rằng chẳng nào con trai mình cũng sẽ bị bắn vào sáng sớm hôm sau, cho nên Úrsula gói một gói đồ dùng định mang cho chàng, rồi một mình bà đi thẳng đến trại lính.

Tôi là mẹ của đại tá Aureliano Buendía, – bà tự giới thiệu.

Bọn lính gác chặn bà lại. “Muốn thế nào thì thế, tôi cứ vào”, Úrsula bảo bọn chúng.

“Nếu như các người được lệnh bắn, hãy bắt đầu cùng một thể đi”. Bà ấy một tên lính sang bên, bước vào lớp học cũ nơi một tốp lính để trần đang hí hục lau súng. Một viên sĩ quan mặc quân phục đã chiến, da hồng hào đeo một đôi kính mắt dày như đít chai, cử chỉ khoan thai,

đã ra lệnh cho bọn lính gác rút đi.

Tôi là mẹ của đại tá Aureliano Buendía, – Úrsula nhắc lại.

Bà muốn nói rằng, – viên sĩ quan, với nụ cười đáng yêu sửa lại bà, – bà là bà mẹ đẻ ra ngài Aureliano Buendía.

Trong cách nói nhỏ nhẹ của viên sĩ quan, Úrsula nhận ra ngữ điệu mềm mại của dân vùng cao nguyên, những người đom đóm.

Thưa ngài, đúng như ngài nói. – Bà thành thực thú nhận. – Ngài sẵn lòng cho tôi vào thăm nó chứ.

Đã có lệnh cấp trên không cho phép bất kỳ một ai đến thăm các tù nhân bị án tử hình. Nhưng viên sĩ quan này đã dám chịu trách nhiệm về việc cho bà vào thăm con trai trong vòng mười lăm

phút. Úrsula giở cho viên sĩ quan xem các thứ bà đựng trong gói: một bộ quần áo sạch để thay, đôi ủng con trai bà đi trong ngày làm lễ cưới, và kẹo sữa được để dành ngay từ cái hôm bà nhận diêm báo. Bà gặp đại tá Aureliano Buendía trong phòng giam, nằm dài trên chiếc giường một, dang rộng hai cánh tay vì nách chàng sưng vù lên. Người ta đã cho phép chàng cạo râu. Bộ ria rậm vĩnh viễn xoắn lại càng thô đậm hơn đôi gò má cao của chàng. Dường như Úrsula thấy rằng con trai mình da xanh hơn lúc ra đi, cao hơn và cô đơn hơn bao giờ hết. Chàng đã biết tường tận mọi chuyện xảy ra ở nhà mình: Pietro Crespi tự tử, Arcadio hống hách và bị hành hình, José Arcadio Buendía ngày một yếu đi dưới bóng cây dẻ. Chàng biết rằng Amaranta đã quyết định suốt đời ở vậy để nuôi dạy Aureliano José và biết rằng đứa bé này rất ngo-

an, hơn nữa lại thông minh, học đọc và viết vào ngay lúc nó học nói. Kể từ lúc bước vào phòng giam, Úrsula cảm thấy mình bị khống chế bởi sự trưởng thành của con trai, bởi vẻ làm chủ của nó, bởi ánh hào quang quyền thế tỏa sáng trên làn da nó. Bà ngạc nhiên thấy chàng rõ mọi chuyện. “Mẹ đã biết rồi đấy, con đoán rất tài mà”, chàng nói đùa. Rồi với vẻ nghiêm trang chàng nói thêm: “Sáng nay, khi họ giải con đi, con có cảm giác tất cả mọi chuyện này đã xảy ra”. Quả có thể, trong lúc dân chúng gào thét giận dữ bên mình, chàng đã tập trung suy nghĩ và ngạc nhiên trước vẻ già cỗi của làng trong vòng một năm qua. Những cây hạnh đào xòe những tàu lá rách mướp. Các ngôi nhà, đã quét vôi xanh, rồi quét vôi đỏ sau đó lại quét vôi xanh, bắt đầu mang một màu sắc khó gọi được tên.

– Con đang đợi gì nào? – Úrsula thở dài. – Thời gian đang trôi đi.

– Đúng thế, – Aureliano thừa nhận, – nhưng không nhiều đâu mẹ ạ.

Dưới hình thức này, chuyến thăm viếng từng chờ đợi khá lâu, từng được cả hai chuẩn bị những câu hỏi và dự kiến cả những câu trả lời, lại một lần nữa trở thành cuộc nói chuyện thường ngày. Khi người lính gác báo buổi nói chuyện đã hết giờ được phép, Aureliano lật chiếu lấy ra một cuốn giấy nhòn mồ hôi. Đó là những vần thơ của chàng. Một số là những bài thơ chàng viết lúc yêu Remedios và đã mang theo khi ra đi và một số là những bài thơ chàng viết trong những lúc nghỉ ngơi sau trận đánh lòng đầy hoang mang.

– Mẹ hãy hứa với con là không để

cho ai đọc chúng đi, chàng nói, ngay đêm nay mẹ hãy đốt chúng trong lò nướng bánh nhé.

Úrsula hứa với chàng, rồi bà sửa soạn hôn tạm biệt chàng.

– Mẹ mang cho con một khẩu súng lục đấy, – bà nói thêm.

Đại tá Aureliano Buendía ngó quanh thấy tên lính gác không ở đấy.

– Chẳng ích gì cho con đâu mẹ ạ, chàng nói khẽ. Thôi được, mẹ cứ để lại đấy, kéo chúng lại khám mẹ lúc đi ra.

Úrsula rút từ trong yếm ngực ra một khẩu súng lục và chàng giấu nó dưới chiếu.

– Bây giờ thì không cần phải tiễn biệt, chàng bình thản nói. Mẹ chẳng cần

phải van xin ai và cũng chẳng cần phải hạ mình trước ai. Mẹ cứ coi như là chúng đã bắn chết con từ lâu rồi.

Úrsula bậm môi lại để khỏi bật ra tiếng khóc.

Con hãy chườm gạch nóng vào những vết tấy sưng trong nách đi, – bà nói.

Bà quay nửa vòng rồi ra khỏi xà lim. Đại tá Aureliano Buendía đứng yên về suy tư cho đến khi cửa đóng lại. Sau đó chàng nằm xuống giường dang rộng hai cánh tay: Ngay từ lúc bước vào tuổi thiếu niên, khi bắt đầu nhận thức được những điểm báo của mình, chàng đã nghĩ rằng cái chết phải được báo trước trong một dấu hiệu dứt khoát, không thể nhầm lẫn, và cũng không thể thay đổi được nhưng chẳng còn mấy giờ nữa chàng sẽ phải

chết mà chưa có một dấu hiệu nào đến với mình.

Một lần nọ có một người đàn bà đẹp lộng lẫy bước vào doanh trại Tucurínca, xin phép những người lính gác cho phép mình vào thăm chàng. Bọn họ để cho cô gái đi vào bởi họ đã quen thói cuồng tín của một số bà mẹ vẫn thường cho con gái mình đến phòng ngủ của các chiến binh nổi tiếng nhất, theo đúng như lời những người này nói ra, để cải tạo nòi giống. Đêm ấy đại tá Aureliano Buendía vừa làm xong bài thơ nói về người đàn ông lạc lối trong mưa thì cũng là lúc cô gái bước vào phòng. Chàng quay lưng lại phía cô ta để đặt tờ giấy ấy vào ngăn kéo có khóa, là nơi chàng vẫn cất giữ các bài thơ của mình. Thế là chàng cảm thấy thần chết. Chàng vớ lấy khẩu súng trong ngăn kéo mà không hề quay mặt lại.

– Làm ơn, chó có mà bắn! – Chàng nói.

Khi chàng quay lại, với bàn tay lăm lăm khẩu súng sắp nhả đạn, thì cô gái đã hạ súng xuống, luống cuống không biết làm gì. Bằng cách này chàng đã thoát được bốn trong số mười một trận phục kích. Trái lại có một kẻ không bao giờ lòng bất được đã đột nhập vào doanh trại quân cách mạng đâm chết đại tá Magnífico Visbal, người bạn chí cốt của chàng, lúc đó đang nằm run trên giường đợi ra mồ hôi hạ cơn sốt. Chỉ cách mấy mét thôi, trong lúc ngủ trên chiếc võng mắc cùng phòng, chàng không hay biết gì. Những cố gắng của chàng nhằm hệ thống hóa lại các điểm báo đều trở nên vô ích. Bỗng nhiên, những điểm báo cùng hiển hiện một lúc trong ánh chớp rực sáng tri thông minh siêu việt, nhưng không thể

nắm bắt được vì chúng giống như một niềm tin tuyệt đối nhưng thoáng qua. Có những lúc chúng rất hiển nhiên đến mức khi chúng đã ứng nghiệm rồi chàng mới coi là những điềm báo. Một vài lần khác chúng hiện ra rõ ràng nhưng lại không được ứng nghiệm. Thường thì chúng chỉ là những cú đâm bất chợt, thô thiển của sự mê tín. Nhưng khi người ta tuyên án tử hình và khi người ta yêu cầu chàng bày tỏ những nguyện vọng cuối cùng của mình thì chàng không gặp một trở ngại nhỏ nào để khẳng định điềm báo mà chàng nhận ra trong câu trả lời của mình:

– Tôi yêu cầu bản án được thi hành ở Macondo, – chàng nói. Viên chánh án khó chịu.

– Buendía, anh chớ mong thoát chết,
– ngài nói với chàng, – đó chẳng qua là

một thủ đoạn kéo dài thời gian thôi.

– Hình như các ngài không muốn thi hành bản án này ở Macondo, – ngài đại tá nói – nhưng đó là nguyện vọng cuối cùng của tôi.

Kể từ đó chàng không nhận được diêm báo nữa. Hôm Úrsula đến thăm chàng trong nhà tù, sau khi suy nghĩ lao lung, chàng đã đi đến kết luận: có thể lần này cái chết sẽ không được báo trước vì nó không phụ thuộc vào số phận mà phụ thuộc vào ý nguyện của những tên đao phủ. Đêm ấy chàng thức trắng vật vã với hai nách tấy mủ đau nhức nhối. Nhưng trước lúc trời rạng sáng, chàng nghe rõ những bước chân ngoài hành lang. “Chúng đến”, chàng nói với chính mình và bỗng nhiên chàng nghĩ tới José Arcadio Buendía, người lúc đó trong buổi sáng sớm buồn thảm ngồi dưới gốc cây

dẻ cũng đang nghĩ tới chàng. Không cảm thấy sợ, cũng không thấy nhớ nhung, chàng chỉ cảm thấy điên ruột rằng cái chết nhân tạo này đã không để cho mình tận mắt nhìn thấy kết quả cuối cùng của biết bao công việc còn bỏ dở. Cánh cửa mở, một tên lính gác bước vào phòng mang cho chàng một tách cà phê. Ngày hôm sau vào đúng giờ này, chàng vẫn sống trong cảm giác ấy, cái tiết vì hai nách đau, và mọi chuyện lại xảy ra đúng như thế. Ngày thứ năm, chàng cũng chia sẻ niềm vui ăn kẹo sữa với những tên lính gác, chàng mặc bộ quần áo sạch hơi chật so với người chàng, và đi đôi ủng màu vécni. Ngày thứ sáu bọn họ vẫn chưa bắt chàng.

Thực ra bọn họ không dám thi hành bản án. Lòng bất phục tùng của dân chúng đã buộc các nhà chức trách quân sự phải

nghĩ rằng việc bắn đại tá Aureliano Buendía sẽ gây ra những hậu quả chính trị nghiêm trọng không chỉ ở Macondo mà còn ở toàn vùng đầm lầy, do đó bọn họ phải xin ý kiến các nhà chức trách trên tỉnh. Đêm thứ bảy, đại úy Roque Carnicero cùng một số sĩ quan đến quán bác Catarino. Chỉ có một người đàn bà, hầu như bị bắt buộc, đã dám đón ngài về phòng mình. “Các chị em không ai dám ngủ với người đàn ông mà họ biết là sẽ chết”, cô gái thú nhận với ngài. “Không ai biết sự thể sẽ như thế nào nhưng cả dân làng đi đến đâu cũng nói rằng viên sĩ quan bắn đại tá Aureliano Buendía cũng như tất cả binh lính trong đội hành hình ấy sớm hay muộn từng người từng người một đều sẽ bị giết chết, dù cho họ trốn chạy tới tận cùng trời cuối đất”. Đại úy Roque Carnicero đem chuyện đó nói với một số sĩ quan, và những người này

lại thừa lên cấp trên.

Ngày chủ nhật, mặc dù không một ai đã chứng minh được thực rõ ràng, mặc dù không một hành động quân sự nào có thể làm đảo lộn không khí trầm mặc đến nặng nề trong những ngày ấy, cả làng đều biết rõ rằng các sĩ quan tìm mọi cách để thoái thác nhiệm vụ thi hành bản án. Ngày thứ hai trong một bức điện tín ghi rõ lệnh chính thức: “Vụ hành hình cần phải được thi hành trong hai mươi bốn giờ kể từ khi nhận điện”. Đêm ấy các sĩ quan nhét bảy lá phiếu ghi tên mình vào một chiếc mũ kê pi, và số phận hẩm hiu của đại úy Roque Carnicero đã run rủi ngài bốc trúng lá phiếu của người phải thi hành bản án: “Đã là vận rủi thì không tránh được”, với nỗi cay đắng chết lặng trong lòng ngài nói. “Đã sinh ra đời làm con một con đĩm thì ta sẽ chết như con

một con điếm...”. Vào lúc năm giờ sáng, bằng hình thức bốc thăm ngài thành lập đội hành hình, rồi tập hợp bọn họ lại ở trong sân trại, và đánh thức kẻ tù tù dậy bằng câu nói có tính cách tiền định:

– Đi thôi, Buendía, – ngài giục chàng,
– giờ của chúng ta đã điểm.

– À, ra là thế đấy, – ngài đại tá nói, – ta đang mơ thấy mình bị những vết tấy làm nổ tung ra.

Rebeca Buendía, kể từ khi biết tin Aureliano sẽ bị bắn, thường xuyên thức dậy từ lúc ba giờ sáng. Bà ngồi im trong phòng tối mà dõi nhìn bức tường nghĩa địa qua cửa sổ hé mở, trong lúc đó cái giường bà ngồi cứ rung lên theo nhịp tiếng ngáy của José Arcadio. Cả tuần bà kiên nhẫn ngồi đợi như trước đây đợi thư Pietro Crespi.

– Chúng sẽ không bắn chú ấy ở đây đâu, José Arcadio nói với bà.

– Chúng sẽ bắn chú ấy ở ngay trong trại giam vào lúc nửa đêm để không ai biết ai là kẻ chỉ huy đội hành hình và rồi chúng sẽ chôn chú ấy ở ngay đấy.

Tuy vậy, Rebeca vẫn tiếp tục chờ đợi.

– Bọn chúng ngu muội đến mức nhất định chúng sẽ bắn chú ấy ở đây, bà nói. Bà quá tin mình đến mức bà đã chuẩn bị sẵn cách mở cửa và cách giơ tay chào vĩnh biệt chàng.

– Chúng sẽ không dẫn chú ấy đi theo đường cái đâu, – ông vẫn một mực khuyến, – bởi vì chúng chỉ có sáu tên lính yếu bóng vía trong khi thừa biết rằng dân chúng đã sẵn sàng làm bất cứ điều gì.

Không nghe cái lôgich của chồng

mình, bà vẫn ngồi bên cửa sổ nhìn ra bức tường nghĩa địa.

– Rồi mình sẽ thấy chúng là những kẻ ngu đại như thế đấy, – bà nói.

Vào lúc năm giờ sáng ngày thứ ba, José Arcadio đã uống xong cà phê và thả đàn chó săn ra thì cũng là lúc Rebeca đóng cửa lại và cố sức vịn thành một đầu giường để khỏi ngã.

– Chúng đã dẫn chú ấy ra đấy rồi, bà thở dài. Ôi chú ấy đẹp làm sao.

José Arcadio thò đầu qua cửa sổ, nhìn thấy chàng run rẩy trong ánh bình minh, mặc bộ quần áo vốn là quần áo của ông khi còn trẻ. Chàng đã đứng quay lưng vào tường, hai tay chống nạnh vì hai nách sưng tấy không để cho chàng buông thõng tay xuống. “Rõ thật là nực

cười”, đại tá Aureliano Buendía lẩm bầm. “Rõ thật là nực cười đến mức phải dùng tới sáu thằng đàn ông bệnh hoạn để giết một người tay không vũ khí”. Chàng cứ nhắc đi nhắc lại mãi với biết bao nỗi giận dữ đến mức dường như chàng đang sôi tiết, và đại úy Roque Carnicero cũng thấy mùi lòng vì ngài nghĩ rằng đại tá đang cầu Chúa. Khi đội hành hình chĩa súng vào chàng thì nỗi giận dữ của chàng đã vật chất hóa thành một chất nhầy có vị đắng đọng lại ở lưỡi ru chàng ngủ và buộc chàng nhắm mắt lại. Thế là lúc ấy ánh sáng huy hoàng của buổi bình minh biến mất, và chàng lại nhìn thấy chính mình còn rất nhóc con mặc quần cũn cỡn với chiếc nơ thắt nơi cổ, và chàng nhìn thấy tha mình trong một buổi chiều rực rỡ dẫn mình vào trong rạp và chàng nhìn tảng nước đá. Khi nghe thấy tiếng thét, chàng nghĩ ngay rằng đó là mệnh lệnh

cuối cùng cho đội hành hình. Chàng mở choàng mắt. Với sự tò mò lạnh gáy, chàng đợi những viên đạn cắm phập vào mình nhưng chỉ thấy đại úy Roque Carnicero đang giơ hai tay lên, và thấy José Arcadio đang vượt qua đường cái lăm lăm khẩu súng sẵn sẵn sàng nhả đạn.

– Xin đừng bắn, – viên đại úy nói với José Arcadio – ngài đã tới theo lệnh phán truyền của đấng Toàn năng.

Từ đó, bắt đầu một cuộc chiến tranh mới. Viên đại úy Roque Carnicero cùng với sáu người dưới quyền mình đã theo đại tá Aureliano Buendía đi giải thoát cho các nhà cách mạng, tướng Victorio Medina, hiện đã bị kết án tử hình ở Ri-ohacha. Họ nghĩ phải cướp lấy thời gian bằng cách nhanh chóng vượt qua dãy núi men theo con đường José Arcadio Buendía đã đi để lập ra làng Macondo

nhưng chưa đầy một tuần họ thống nhất nhận định rằng đó là con đường không thể đi theo được. Thế là họ phải thực hiện một lộ trình đầy nguy hiểm men theo sườn các dãy núi với số đạn được quá ít ỏi của những người lính trong đội hành hình. Bọn họ nghỉ lại ở ngoài bìa các làng. Một người trong bọn họ cải trang cầm con cá vàng, giữa ban ngày vào làng để tìm gặp những người thuộc phái Tự do hiện đang nằm chờ.

Sáng hôm sau những người này đi săn và sẽ chẳng bao giờ thấy họ trở về. Khi từ một khuỷu núi bọn họ nhìn thấy thành phố Riohacha thì tướng Victorio Medina đã bị hành hình. Những người dưới quyền đại tá Aureliano Buendía liền suy tôn chàng là Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng miền duyên hải Carri-bê với quân hàm cấp tướng. Chàng

nhận chức nhưng từ chối quân hàm và tự đặt cho mình một điều kiện là chưa nhận quân hàm chừng nào quân đội của mình chưa đánh đổ được chế độ Bảo hoàng. Đúng ba tháng sau chàng đã tập hợp được hơn một nghìn quân nhưng lại bị quân chính phủ đánh cho tan tác.

Những người sống sót tháo chạy về biên giới phía đông đất nước. Một lần khác người ta được biết rằng bọn họ đã đổ bộ lên Cabo de la Vela từ phía quần đảo Antidat (?) thế mà một thông cáo của chính phủ được truyền đi qua đường bưu điện và được in lại dưới hình thức những tờ thông báo vui mắt tung đi khắp đất nước loan tin về cái chết của đại tá Aureliano Buendía. Nhưng sau đó hai ngày một bức điện rắc rối khác gần như cùng một lúc với bức điện trước, đã báo tin một cuộc khởi nghĩa mới ở vùng

đồng bằng phía Nam. Huyền thoại về tài xuất quỷ nhập thần của đại tá Aureliano Buendía bắt đầu như thế đấy. Những tin tức giống nhau và khác nhau loan tin chàng thắng lợi ở Villanueva, tin chàng thất bại ở Guacamayal, chàng đã bị những người Anh-điêng ở Colombia và Venezuela làm thịt, chàng chết ở một làng nào đó thuộc vùng đầm lầy, và một lần nữa chàng lại nổi dậy ở Urumita. Những nhà lãnh đạo của đảng Tự do trong lúc ấy đang thương lượng để có sự tham gia của mình trong quốc hội, đã coi chàng như một kẻ phiêu lưu mạo hiểm không đại diện cho đảng. Chính phủ quốc gia liệt chàng vào hạng tướng cướp, và trao giải năm ngàn peso cho ai bắt được chàng. Sau mười sáu cuộc vũ trang nổi dậy thất bại, đại tá Aureliano Buendía với hai nghìn quân vốn là người Anh-điêng được vũ trang tắt từ vùng Goahira, đã xuất

quân và đội cấm vệ Bảo hoàng bị đánh bất ngờ trong lúc ngủ, phải bỏ thành phố Riohacha tháo chạy. Tại đây chàng thiết lập sở Tổng chỉ huy của mình và tuyên bố cuộc chiến đấu toàn diện chống chế độ. Phản ứng đầu tiên của chính phủ mà chàng nhận được là sự đe dọa sẽ bắn đại tá Gerineldo Márquez trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ nếu chàng không rút hết lực lượng vũ trang của mình về biên giới phía đông. Đại tá Roque Carnicero, lúc này đã làm tham mưu trưởng của chàng, trình trọng đưa cho chàng bức điện. Nhưng chàng đã để lộ niềm vui khi đọc bức điện. – Tốt lắm, – chàng reo lên, – Macondo đã có trạm điện tín rồi.

Sự trả lời của chàng là dứt khoát. Trong ba tháng chàng đợi thành lập sở Tổng chỉ huy của mình ở Macondo. Nếu

lúc đó chàng không được thấy đại tá Gerineldo Márquez còn sống thì chàng sẽ bắn không cần xét hỏi toàn bộ số sĩ quan đã bị bắt làm tù binh, bắt đầu từ các sĩ quan cấp tướng và đồng thời chàng sẽ ra lệnh cho những người dưới quyền để họ cũng theo chính cái cách thức ấy tiến hành bắn giết sĩ quan Bảo hoàng cho đến khi kết thúc chiến tranh. Ba tháng sau, khi chàng chiến thắng tiến quân vào Macondo thì cú ôm hôn đầu tiên mà chàng nhận được trên con đường từ đầm lầy vào làng là cú ôm hôn của đại tá Gerineldo Márquez.

Ngôi nhà đông đúc trẻ nhỏ. Úrsula đã đón Santa Sofía de la Piedad cùng với đứa con gái đầu lòng và hai đứa trẻ sinh đôi chào đời năm tháng sau vụ hành hình Arcadio về nhà mình. Trái với nguyện vọng cuối cùng của người bị tử hình, cụ

đã đặt cho đứa con gái đầu lòng của anh cái tên Remedios. “Ta tin rằng đó là điều Arcadio muốn nói”, cụ bảo. “Chúng ta sẽ không gọi nó là Úrsula bởi vì với cái tên này nó sẽ khổ cả một đời”. Còn hai đứa trẻ sinh đôi, cụ đặt một đứa tên là Arcadio Segundo và đứa kia là Aureliano Segundo. Amaranta nhận trách nhiệm trông nom cả bọn trẻ này. Cô kê những chiếc ghế nhỏ ở trong phòng khách rồi nhận thêm một số trẻ hàng xóm thành lập một lớp võ lòng. Khi đại tá Aureliano Buendía trở về làng, giữa tiếng pháo rền vang nổ và tiếng chuông nhà thờ gióng giả đổ hồi, có đội đồng ca trẻ nhỏ đến hát đón chào chàng ngay tại nhà mình. Aureliano José, cao kều như ông nội, mặc bộ đồng phục sĩ quan cách mạng, đã giờ tay theo nghi thức quân sự chào chàng.

Trong lúc hàn huyên, chuyện vui xen

lẫn chuyện buồn. Một năm sau khi đại tá Aureliano trốn thoát, José Arcadio và Rebeca dọn về ở trong ngôi nhà do Arcadio xây dựng. Không một ai biết chuyện ông đã phá đám vụ hành hình. Vợ chồng họ xây dựng một tổ ấm gia đình mến khách trong ngôi nhà mới nằm ở một góc đẹp nhất của quảng trường lớn, nép dưới bóng một cây hạnh đào cổ thụ có ba tổ chim cổ đỏ. Ngôi nhà có một cửa chính đón khách và bốn cửa sổ đón ánh sáng. Những bạn gái của Rebeca trong đó có bốn chị em nhà Moscote hiện vẫn ở vậy đã nối lại các buổi họp mặt để thăm thù mà những năm trước đây không bao giờ bị đứt quãng ở hành lang bấy những chậu thu hải đường. José Arcadio tiếp tục hưởng quyền lợi trên những đất đai chiếm đoạt với những văn tự đã được chính phủ Bảo hoàng thừa nhận. Buổi chiều nào người ta cũng thấy ông vai

mang khẩu súng săn hai nòng cưỡi ngựa trở về, theo sau là những con chó săn dữ tợn, trên yên ngựa lủng lẳng một xâu thỏ rừng. Một buổi chiều tháng chín trước trận cuồng phong đe dọa đổ xuống, ông trở về nhà sớm hơn thường lệ. Ông chào Rebeca đang ở trong phòng ăn, buộc đàn chó ở ngoài sân, treo xâu thỏ vào nhà bếp để sau đó mổ và ướp thịt, rồi trước vào phòng nghỉ thay quần áo. Sau này Rebeca trình bày rằng khi chồng bà bước vào phòng ngủ thì bà đã ở trong nhà tắm và không hay biết gì hết. Đó là một lời giải thích khó tin được nhưng không có lời giải thích nào sáng tỏ hơn và không một ai có thể nghĩ tới một nguyên do nào khác để mà Rebeca đi giết người đàn ông đã mang lại hạnh phúc cho mình. Việc ấy có thể là một chuyện bí hiểm duy nhất không bao giờ được làm sáng tỏ ở làng Macondo.

José Arcadio vừa đóng cửa buồng lại thì lập tức một phát súng lục nổ vang làm rung chuyển cả căn nhà. Một dòng máu chảy ra từ dưới cánh cửa, bò qua phòng khách, đi ra đường, tiếp tục chảy dọc theo những con đường gập ghềnh, trèo lên những bậc đá và những vật cản, bò một mạch theo đường Thổ Nhĩ Kỳ, rẽ ngoặt sang trái vào một phố rồi lại ngoặt phải sang phố khác trước khi nó quay một góc vuông thước thợ ngay trước nhà Buendía rồi chui dưới cửa đóng kín vào nhà, cứ bám lấy tường mà vượt qua phòng khách để khỏi vấy bẩn những tấm thảm trải nhà, tiếp tục bò qua một phòng khác, lượn một vòng rõ rộng để tránh bàn ăn, bò theo dọc hành lang những chậu thu hồi đường và chui qua chiếc ghế Amaranta ngồi dạy toán cho Aureliano José mà không bị nhìn thấy, rồi biến mất khi chui vào kho ngô, rồi xuất hiện

ở nhà bếp nơi Úrsula đang đập ba mươi sáu quả trứng để làm bánh.

Lạy đức mẹ Đồng trinh Maria, – Úrsula gào toáng lên.

Dòng máu chảy ngược lại, và để đi tìm nguồn của nó, bà chui qua kho ngô, đi theo dọc hành lang những chậu thu hải đường nơi cậu bé Aureliano José đang đọc to ba với ba là sáu với ba là chín, vượt qua các phòng ăn và hai phòng khách, rồi bà đi một mạch ra đường cái, rồi rẽ trái ngoặt phải để đổ vào đường Thổ Nhĩ Kỳ, mà không nhớ rằng mình vẫn mang theo chiếc tạp dề mặc khi làm bếp và hai chiếc dép lê đi trong nhà, rồi bà đi ra quảng trường chui qua cửa vào một ngôi nhà chưa bao giờ bà ở, rồi bà đẩy cánh cửa phòng ngủ và hầu như bà ngợp trong mìn thuốc súng, và bà gặp José Arcadio nằm sắp mặt xuống sàn nhà người

đề lên đôi ủng vừa được tháo ra, và thấy dòng máu vừa rỉ ra từ lỗ tai phải của ông. Người ta không thấy một vết thương nào trên thân thể ông cũng như không thể tìm được khẩu súng đã bắn. Cũng không tài nào tẩy rửa được mùi khói súng khét lẹt trên thi thể. Đầu tiên người ta lấy xà phòng và bã cọ để tắm rửa, sau đó ngâm nó trong nước giấm và muối, sau nữa dùng tro và nước chanh, sau cùng người ta đặt nó vào trong một thùng nước tẩy quần áo ngâm suốt sáu giờ liền. Người ta kỳ cọ quá nhiều cho ông đến mức những hình xăm bắt đầu phai mờ. Khi người ta dùng tới biện pháp ướp xác ông với muối tiêu, rau thì là, lá nguyệt quế và ninh tử thi trên bếp lửa âm ỉ trong một ngày ròn, thì tử thi bắt đầu bung ra và buộc mọi người phải mai táng ngay tức khắc. Người ta liệm tử thi vào một cỗ áo quan ngoại cỡ dài hai mét rưỡi và rộng một

mét mất, bên trong dát sắt lá và được vít chặt lại bằng những chiếc ốc thép. Mặc dù được tắm rửa và khâm liệm kỹ như vậy, tử thi vẫn phả ra mùi khét lẹt dọc đường khi đám tang đi qua.

Cha Nicanor, với cái bụng đau gan tròn vo như cái trống, đứng trên giường rẫy nước thánh cho ông. Mặc dù mấy tháng sau này người ta xây mộ với những tấm bê tông đặt ở trên và rắc tro, mùn cưa và vôi bột, nghĩa địa vẫn tiếp tục nồng nặc mùi khét thuốc súng, đến nỗi những năm sau này, những kỹ sư thuộc Công ty chuối đã phải đổ một chiếc áo bê tông để úp lên ngôi mộ. Ngay sau khi người ta lôi cỗ quan tài đi, lập tức Rebeca đóng cửa lại và bà đã tự chôn sống mình trong ngôi nhà, mặc một bộ quần áo vải thô nhàu nát mà không một ý muốn thể tục nào có thể làm rách nó. Trong thời

kỳ xuất hiện quỷ dữ Judío Errante, ở Macondo xảy ra đợt oi nóng khủng khiếp khiến chim chóc cứ lao đầu qua lưới sắt để rúc vào phòng ngủ mà chết, bà có đi ra đường một lần, đã già lắm rồi, đi đôi ủng màu trắng bạc cũ kỹ và đội một chiếc mũ có gài những bông hoa nhỏ li ti. Lần cuối cùng có người đã nhìn thấy bà còn sống là dịp bà đã bắn chết tươg gã kẻ trộm định phá cửa nhà mình. Kể từ đó, không một ai ngoài Arhêmda (?), người ở và người bạn tâm phúc của bà, tiếp xúc trực tiếp với bà. Có thời kỳ người ta được biết rằng bà đã viết thư cho đức Giám mục, người bà gọi là anh họ mình, nhưng người ta cũng đồn rằng bà không bao giờ nhận được thư trả lời. Dân làng đã quên bà.

Mặc dầu thắng lợi trở về, đại tá Aureliano Buendía vẫn không vui lòng với

những kết quả trông thấy. Quân chính phủ rút khỏi các thị trấn không hề kháng cự và điều đó đã gieo trong đám dân chúng vừa được giải phóng một ảo tưởng về thắng lợi không thể đảo ngược được. Nhưng những người cách mạng, nhất là đại tá Aureliano Buendía đã hiểu đúng sự thật hơn. Mặc dù trong lúc ấy chàng duy trì được năm ngàn người dưới quyền mình, và giữ vững hai tỉnh thuộc miền duyên hải nhưng chàng ý thức rõ ràng rằng lực lượng của mình đang bị ép về phía biển và đang ở trong hoàn cảnh chính trị quá rắc rối đến mức khi chàng ra lệnh dựng lại tháp chuông nhà thờ bị đạn pháo phá đổ thì cha Nicanor nằm trên giường bệnh phải thốt lên: “Đây là một trò cười: những người bảo vệ đức tin Kitô giáo đã nã pháo phá nhà thờ còn những kẻ Tam điểm lại ra lệnh xây dựng nó”. Hàng giờ và hàng

giờ chàng ở lì trong phòng điện tín nói chuyện với tư lệnh các thị trấn khác, để tìm một lối thoát. Nhưng mỗi bận ra khỏi phòng, chàng càng khẳng định cảm nghĩ cuộc chiến đang kết thúc. Khi những tin chiến thắng mới của những người Tự do được chuyển đến và được loan báo ầm ĩ thì chàng suy tính những kết quả đã giành được trên các bản đồ và chàng hiểu rằng quân đội của mình đang ngày một rút sâu vào rừng để chống chọi với ho lao và muỗi rừng, đang rút ngày một xa thành phố “Chúng ta đang để mất thời gian”, chàng than thở trước các sĩ quan. “Chúng ta sẽ còn mất thời gian nữa trong lúc những tên chó má trong đảng Tự do đang xin xỏ một chỗ ngồi trên nghị trường”. Trong những đêm mất ngủ nằm ngửa trên chiếc võng mắc trong chính căn phòng từng là xà lim tử tù, chàng nhớ lại hình ảnh những vị luật

sử mặc đồ đen cổ áo khoác dựng lên che kín tai và ống tay áo buông chùng che kín bàn tay từ trong dinh Tổng thống bước ra vào lúc giá buốt của buổi đêm về sáng, mà rét run cầm cập, mà lẩn nhanh vào những vườn cà phê ảo não lúc hùng đông để dẫn đo cân nhắc điều ngài Tổng thống muốn nói khi ngài bảo rằng được, hoặc giả điều ngài muốn nói khi ngài bảo rằng không và để dò tìm điều ngài Tổng thống đang suy nghĩ khi ngài nói một chuyện hoàn toàn khác hẳn. Trong khi đó chàng đuổi muỗi, cố chịu đựng không khí oi nóng tới ba mươi năm độ, và cảm thấy ngày càng xích gần cái buổi mai đáng sợ khi chàng buộc phải ra lệnh cho quân sĩ của mình nhảy ào xuống biển.

Một đêm nồn nao nọ, Pilar Ternera hát cùng với đám lính ở trong sân.

Chàng nhờ thị đoán tương lai cho mình qua những quân bài.

“Hãy giữ mồm giữ miệng”, đó là tất cả những gì Pilar Ternera thấy rõ sau khi sắp xếp các quân bài và thu chúng lại.

“Tôi không biết điều đó có nghĩa gì, nhưng điểm báo hiện rất rõ: hãy giữ mồm giữ miệng”...

Hai ngày sau, có một ai đó thay chàng ra lệnh cho một người cần vụ chuẩn bị một tách cà phê không pha đường, rồi người cần vụ này chuyển lệnh cho người khác, người này lại chuyển cho người khác cho tới khi tách cà phê không pha đường qua tay nhiều người được mang đến chỗ ở của đại tá Aureliano Buendía. Không hề gọi cà phê nhưng vì đã có sẵn ở đấy rồi nên đại tá uống luôn. Tách cà phê ấy có một lượng bột mã tiền đủ giết một

con ngựa đực. Khi người ta mang chàng về nhà, chàng đã cứng đờ, co rúm, lưỡi thè ra giữa hai hàm răng. Úrsula chiến đấu với tử thần để cứu chàng. Sau khi làm cho chàng nôn ọe hết để rửa ruột, bà dùng khăn trải giường hơi nóng đắp kín cho chàng và cho chàng uống lòng trắng trứng gà trong hai ngày liền, cho tới khi cái cơ thể yếu ớt lấy lại được nhiệt độ bình thường. Đến ngày thứ tư chàng thoát khỏi nguy hiểm. Trái với ý nguyện của mình, do bị Úrsula và các sĩ quan của mình ngăn cản, chàng nằm yên trên giường thêm một tuần nữa. Chỉ đến lúc này chàng mới biết các bài thơ của mình vẫn chưa được đốt. “Đêm ấy mẹ không muốn vội vàng”, Úrsula thanh minh với chàng. “Đêm ấy, khi đi nhóm bếp, mẹ nghĩ tốt hơn hết là hãy đợi cho tới khi tử thi con được mang về nhà”.

Sống giữa những con búp bê của Remedios vây quanh, trong điều kiện sức khỏe dần dần bình phục, đại tá Aureliano Buendía, qua các bài thơ của mình, đã hồi tưởng lại những thời kỳ sôi nổi nhất của đời mình. Chàng lại làm thơ. Trong nhiều giờ liền, bên lề những sự kiện nổi bật của một cuộc chiến tranh không tương lai, chàng khẳng định những kinh nghiệm của mình ngay bên bờ vực của cái chết. Vậy là trí não của chàng ngày một sáng tỏ hơn đến mức có thể lật trái lật phải để xem xét nó. Có một đêm nọ, chàng hỏi đại tá Gerineldo Márquez:

Hãy nói với tôi đi, vì sao anh bạn chiến đấu?

Vì sao anh lại hỏi tôi thế nhỉ, – đại tá Gerineldo Márquez trả lời. – Vì đảng Tự do vĩ đại.

Anh thật hạnh phúc vì đã biết mục tiêu chiến đấu của mình, – chàng trả lời. – Còn về phần mình, cho đến bây giờ hầu như tôi mới biết rằng mình chiến đấu vì lòng kiêu hãnh.

Thế thì tồi quá, – đại tá Gerineldo Márquez trả lời.

Sự cảnh cáo của Gerineldo Márquez khiến đại tá Aureliano Buendía vui thích.

“Dĩ nhiên rồi”, chàng nói. “Nhưng trong mọi trường hợp, tốt hơn hết là chẳng nên biết vì sao mình chiến đấu” Chàng nhìn vào mắt bạn mỉm cười và nói rõ hơn: – Hoặc là như anh đã chiến đấu vì một cái gì đó chẳng có nghĩa gì với ai cả.

Chính niềm kiêu hãnh ấy đã ngăn cản chàng liên hệ với các nhóm vũ trang

trong vùng nội địa, trong khi đó các nhà lãnh đạo của đảng Tự do lại không công khai đưa ra những tuyên bố nhằm đánh tan luận điệu cho chàng là một tên tướng cướp. Tuy nhiên, chàng biết rằng nếu gạt bỏ những trở ngại ấy thì ngay lập tức sẽ phá tan vòng vây chiến tranh nguy hiểm. Sức khỏe bình phục đã cho phép chàng suy nghĩ. Vậy là chàng xin được của Úrsula không chỉ số vàng còn lại mà cả số vốn liếng nhiều vô kể do bà tích lũy được, chàng phong cho đại tá Gerineldo Márquez làm Quan tổng trấn trông coi các vấn đề quân sự và dân sự ở Macondo, rồi chàng lên đường để thiết lập quan hệ với các nhóm khởi nghĩa ở vùng nội địa.

Đại tá Gerineldo Márquez không chỉ là người thân tín nhất của đại tá Aureliano Buendía mà còn là người được Úrsula coi

là người trong nhà. Dù là người thanh lịch, e lệ, ngoan nết chàng vẫn là người được rèn luyện để thích hợp với trận mạc hơn là với công việc lãnh đạo. Những cố vấn chính trị của chàng dễ dàng lái chàng vào những mê cung lý thuyết. Nhưng chàng cũng đã ổn định được một không khí thanh bình kiểu thôn dã ở Macondo vốn là điều đại tá Aureliano Buendía mơ ước cho tuổi già chuyên sống bằng cách sản xuất những con cá vàng. Tuy sống chung với cha mẹ mình, nhưng chàng ăn cơm trưa ở nhà Úrsula một tuần tới hai hoặc ba bữa. Chàng dạy Aureliano José học sử dụng vũ khí, dạy bảo những kiến thức quân sự cơ bản và với sự đồng tình của Úrsula chàng mang nó đến sống trong doanh trại để rèn cặp nó thành người. Nhiều năm về trước dù hãy còn trẻ con, đã có lần Gerineldo Márquez ngỏ tình với Amaranta. Lúc ấy

Amaranta còn đang đắm yêu trộm nhớ Pietro Crespi do đó đã giấu cột chàng. Gerineldo Márquez vẫn chờ đợi. Có lần từ trong nhà tù chàng gửi cho Amaranta một bức thư nhờ cô thêu chữ cái mở đầu tên và họ của cha mình lên một tá khăn mùi soa. Chàng còn gửi tiền cho cô nữa. Trong vòng một tuần lễ Amaranta mang đến nhà tù cho chàng một tá khăn mùi soa đã thêu cùng với số tiền ấy, và cô đã ở lại vài giờ liền để nói chuyện về quá khứ. “Khi ra khỏi nơi đây, anh sẽ cưới em làm vợ”, Gerineldo Márquez nói khi tạm biệt cô. Amaranta cười nhưng vẫn nghĩ về chàng trong lúc “dạy đám trẻ nhỏ học đọc và muốn làm sống trở lại trong trái tim mình tình yêu bỗng bột thời trẻ vốn là nỗi đam mê đối với Pietro Crespi; để hiến dâng cho chàng. Những ngày thứ bảy, ngày vào thăm tù, cô qua nhà bố mẹ Gerineldo Márquez rồi cùng họ

đến nhà tù. Có một ngày thứ bảy, Úrsula ngạc nhiên bắt gặp cô đứng ở nhà bếp đang đợi bánh quy ra lò để chọn những chiếc ngon nhất nhét vào một cái túi đã thêu sẵn chờ dịp này.

Con hãy lấy nó đi con ạ! – bà nói với cô. – Hãn hữu lắm mới có một người đàn ông như nó đấy. Amaranta làm ra vẻ khó chịu:

Con chẳng cần phải moi chài ai cả – cô cãi lại mẹ. – Con mang cho Gerineldo những chiếc bánh quy này chẳng qua là vì thương anh ấy sớm muộn cũng sẽ bị người ta bắn chết.

Không hề dẫn đo cô buột miệng nói ra. Nhưng lúc ấy chính phủ công khai đe dọa sẽ bắn đại tá Gerineldo Márquez nếu như các lực lượng khởi nghĩa không nộp Riohacha. Các buổi đến thăm người tù bị

đình chỉ. Amaranta đóng cửa, một mình ở trong nhà khóc lóc tự khổ sở vì ý nghĩ cho mình là kẻ có tội giống như ý nghĩ đã day dứt cô khi Remedios chết, cũng như một lần khác những lời nói thiếu cân nhắc của cô đã là trách nhiệm đối với một cái chết khác, cái chết của Pietro Crespi. Úrsula an ủi cô. Bà đảm bảo với cô rằng đại tá Aureliano Buendía sẽ có hành động thực tế mạnh mẽ để ngăn cản vụ hành hình, bà hứa rằng chính bà sẽ đón Gerineldo Márquez về nhà khi nào chiến tranh kết thúc. Bà đã thực hiện lời hứa trước thời hạn dự định. Khi Gerineldo Márquez tới nhà với chức trách Quan tổng trấn trông coi các vấn đề quân sự và dân sự thì bà đón tiếp chàng như một người con, vuốt ve chiều chuộng chàng để chàng ở lại, và tự đáy lòng mình bà cầu khẩn chàng hãy nhớ lại ý định lấy Amaranta làm vợ. Những lời cầu khẩn

của bà dường như được linh nghiệm. Những ngày tới nhà để ăn cơm trưa, đại tá Gerineldo Márquez lưu lại cả một buổi chiều để chơi cờ đam với Amaranta ở ngoài hành lang bày những chậu thu hải đường. Úrsula mang đến cho đôi trai gái nào cà phê sữa, nào bánh quy, trông nom đám trẻ nhỏ để chúng khỏi quấy rầy hai người. Trên thực tế, Amaranta cố nhóm lại tình yêu say mê thời trẻ của mình mà lúc này nó như một đám tro nguội lạnh bị lãng quên trong trái tim mình. Với niềm khát khao đã đạt tới độ không thể thay đổi được, cô chờ đón những ngày chàng sẽ đến nhà mình ăn trưa, chờ đón những buổi chiều chơi cờ đam và chờ cho thời gian đi trong lúc mình ngồi bên cạnh một chiến binh có tên gọi bao niềm lưu luyến mà những ngón tay của người ấy cứ run lên khi đi quân cờ. Nhưng trong ngày đại tá Gerineldo Márquez nhắc lại

nguyện vọng tha thiết của mình được cưới Amaranta thì cô đã từ chối:

Em sẽ chẳng lấy ai, – cô nói, – lại cũng không lấy anh đâu. Anh yêu Aureliano quá tới mức anh sẽ lấy em vì anh không thể lấy anh ấy mà.

Đại tá Gerineldo Márquez là người điềm tĩnh. “Anh sẽ kiên trì chờ đợi”, chàng nói. “Sớm muộn gì anh cũng sẽ cưới em”.

Chàng tiếp tục đến chơi nhà. Tự giam mình ở trong phòng ngủ để khóc vụng, Amaranta lấy hai đầu ngón tay bịt kín lỗ tai để khỏi nghe thấy tiếng người theo đuổi mình đang kể cho Úrsula nghe những tin tức chiến sự mới nhất, và mặc dù thèm nhìn chàng đến chết được nhưng cô vẫn đủ nghị lực để không ra tiếp chàng. Lúc ấy, đại tá Au-

reliano Buendía đã sắp xếp thời gian để cử hai tuần một lần gửi một thông báo tỉ mỉ về Macondo. Nhưng chỉ có độc một lần, sau gần tám tháng ra đi, chàng mới viết thư riêng cho Úrsula. Một sứ giả đặc nhiệm đã mang đến nhà một phong thư được viết với lối chữ rất đẹp của đại tá: “Hãy trông nom cha thật cẩn thận vì cha sẽ mất”. Úrsula thắng thốt. “Nếu Aureliano nói thì Aureliano đã biết”, Úrsula nói, và nhờ người khiêng José Arcadio Buendía vào phòng ngủ. Cụ không chỉ nặng như trước đây vốn đã nặng mà còn nặng thêm lên rất nhiều trong suốt thời kỳ nằm dưới bóng cây dẻ đến mức bảy người đàn ông lực lưỡng không khiêng nổi, buộc họ phải kéo lê cụ vào nhà. Mùi rêu non lẫn mùi mộc nhĩ, thứ mùi của không khí ẩm lâu năm và đậm đặc, làm sục nức cả căn phòng khi cụ già lực lưỡng dầm mưa dãi nắng đã lâu ngày bắt đầu

thở. Ngày hôm sau, cụ không thức dậy ở trên giường đặt trong phòng. Sau khi đi khắp các phòng tìm kiếm, Úrsula lại một lần nữa thấy cụ nằm dưới bóng cây dẻ. Thế là họ trói cụ vào giường. Dẫu khỏe mạnh nhưng José Arcadio Buendía đã bị loại ra ngoài vòng chiến đấu... Cụ bằng lòng với tất cả, không phân biệt được nữa. Nếu cụ trở lại nằm dưới bóng cây dẻ không phải vì sở nguyện mà vì thói quen của cơ thể. Úrsula chăm nom cụ, cho cụ ăn và kể cho cụ nghe những tin tức về Aureliano. Nhưng thực ra, người duy nhất mà cụ tiếp xúc từ đã lâu là Prudencio Aguilar.

Với dáng vẻ tiêu tụy vì tuổi già trong cõi âm phủ, Prudencio Aguilar cứ một ngày hai lần đến nhà nói chuyện với cụ. Hai người nói chuyện về gà chọi. Hai người hứa hẹn với nhau sẽ xây dựng một

chuồng nuôi những chú gà chọi tuyệt vời, không chỉ để vui vẻ trước một số trận thắng mà còn để giải khuây trong những ngày chủ nhật man mát buồn ở cõi âm phủ. Prudencio Aguilar là người tắm rửa cho cụ, cho cụ ăn, kể cho cụ nghe những thắng lợi hiển hách của một người hoàn toàn xa lạ được gọi là Aureliano và người này là đại tá trong chiến đấu. Khi ở một mình, José Arcadio Buendía khuây khỏa đôi phần với giấc mơ trong căn buồng vô cùng tận. Cụ mơ thấy mình đứng dậy khỏi giường, mở cửa chính mà đi sang phòng bên có cái giường với đầu giường làm bằng thép tôi, một chiếc ghế xích đu bằng gỗ liễu giở với chính một bức chân dung Thánh bà Đồng trinh Remedios treo trên bức tường cuối phòng. Từ phòng này cụ đi sang phòng khác giống y hệt, mà cửa của nó mở ra dẫn sang phòng khác giống y hệt, rồi sau đó sang phòng

khác cũng giống y hệt, cứ như thế cho đến vô cùng tận. Cụ thích đi từ phòng này sang phòng khác, như đi trong một hành lang hai bên tường đều gắn gương, cho tới khi Prudencio Aguilar vỗ vai cụ. Thế là cụ trở về lần lượt đi qua các phòng, trong lúc quay lại mà tỉnh giấc dần, cụ chạy trên con đường ngược lại, để rồi lại gặp Prudencio Aguilar trong cái phòng của đời thực. Nhưng rồi có một đêm nọ, sau hai tuần Úrsula đưa cụ vào nhà, Prudencio Aguilar vỗ vai cụ ngay ở phòng trung gian giữa cõi thực và cõi mộng và cụ mãi mãi dừng lại ở đấy, mà cứ tưởng rằng đó là phòng của đời thực. Sáng ngày hôm sau, khi mang bữa điểm tâm cho cụ, Úrsula bắt gặp một người từ ngoài hành lang đi lại phía mình. Người ấy béo lùn, mặc bộ quần áo đen, đội một chiếc mũ đen rộng vành chụp gần hết đôi mắt buồn rầu của ông ta. “Trời ơi”, – Úr-

sula nghĩ bụng. “Ai như là Melquíades... Người đó là Cataure, em trai Visitación, người tự bỏ nhà ra để tránh dịch mất ngủ và từ đó đến nay không có tin tức gì. Visitación hỏi em mình trở lại để làm gì thì ông ta dùng tiếng thổ dân trả lời:

– Em đến dự đám tang của hoàng đế.

Thế là mọi người đổ xô vào phòng José Arcadio Buendía dùng hết sức lay cụ, gào to lên để gọi cụ, lấy gương soi chiếu vào lỗ mũi cụ để gọi, nhưng không làm sao gọi cụ tỉnh được. Sau đó ít lâu, khi người thợ mộc đo cụ để đóng áo quan, qua cửa sổ, người ta thấy trời đổ xuống trận mưa hoa li ti màu vàng. Cả đêm ấy, những bông hoa nhỏ li ti màu vàng rơi xuống một cái làng đang trong nỗi âm thầm đau khổ. Hoa phủ kín các nóc nhà và hoa lấp kín các lối ra vào. Bầu trời sục nức mùi hoa khiến cho những

con vật ngủ ngoài trời phải ngột thở. Hoa trời rơi xuống không biết cơ man nào mà kể, đến mức khi trời sáng các con đường phủ đầy hoa phẳng lì như một tấm chăn. Người ta buộc phải dùng gậy, sào mà hất hoa đi để lấy lối cho đám tang đi qua.

CHƯƠNG 8

Ngồi trên chiếc ghế xích đu làm bằng gỗ liễu giòn, với đồ thêu thùa để trong lòng, Amaranta ngắm Aureliano José lần đầu tiên trong đời cạo râu. Cậu đang lia lưỡi dao cạo trên cái cằm đầy bọt xà phòng. Lưỡi dao cạo làm chảy máu những mụn nhọt, làm đứt môi trên do cậu cố ý tĩa bộ ria mép màu hung hung, nhưng dù cậu cố sức nó vẫn cứ y nguyên như trước. Cái công việc cạo râu quá tỉ mỉ của cậu khiến Amaranta có

cảm giác trong lúc ấy cậu đã bắt đầu già.

Nom cháu giống Aureliano như đúc khi anh ấy vào tuổi cháu – cô nói. – Cháu đã là người lớn rồi đấy.

Cậu đã là người lớn từ lâu rồi, từ cái ngày Amaranta tưởng rằng cậu hãy còn ranh con nên vẫn cứ khóa thân trong nhà tắm ngay trước mặt cậu như lâu nay cô vẫn thường làm kể từ ngày Pilar Ternera đem cậu trả cho gia đình, rũ bỏ trách nhiệm nuôi nấng của thị. Lần đầu nhìn thấy cô tắm, cậu bé chỉ chú ý đến cái rãnh sâu giữa hai núm vú trên ngực cô mình. Lúc ấy cậu còn ngây thơ lắm đến mức phải hỏi cô bị làm sao ở ngực thế thì Amaranta giả vờ lấy ngón tay gãi ngực rồi trả lời cháu mình: “Cô bị người ta róc, róc thịt đấy”. Sau đó, khi đã bình phục sau trận ốm vì Pietro Crespi tự tử, cô lại cùng tắm chung với Aureliano José trong nhà

tắm. Cậu không để ý đến cái rãnh sâu mà trái lại run bắn người vì thích thú lạ lùng trước hai bầu vú hồng hồng căng mọng. Cậu vẫn dõi nhìn cô và nhờ vậy hiểu kỹ hơn cái kỳ lạ của tình thân mật giữa hai cô cháu, và cậu vẫn cảm thấy da mình nổi gai trong lúc ngắm nhìn cô, giống như da cô mình cũng nổi gai khi dội nước. Ngay từ lúc còn rất nhỏ tuổi, cậu đã có thói quen bỏ chiếc võng trống cả đêm để bình tĩnh dậy trên giường Amaranta, chả là vì nằm bên cạnh cô, cậu đỡ sợ bóng tối hơn. Nhưng kể từ hôm có ý thức thích thú tắm thân ngà ngọc của cô mình, thì động lực thúc đẩy cậu bỏ võng để chui vào mùng của cô không phải là nỗi sợ bóng tối mà là sự thèm khát được cảm nhận hơi thở nồng ấm của Amaranta vào lúc trời hửng sáng. Trong thời kỳ cô cự tuyệt đại tá Gerineldo Márquez, có một buổi đêm về sáng nọ, với cảm giác

nguyệt thổ Aureliano José thức dậy. Cậu cảm thấy những ngón tay của Amaran-ta, giống như những con tằm, nóng ran và khao khát, đang lần tìm bụng mình. Giả vờ đang còn ngủ, cậu cựa mình đổi tư thế để chúng khỏi gặp trở ngại trên con đường mò tìm, và lúc ấy cậu nhận ra năm ngón tay thuộc bàn tay không băng dải băng đen, như những con sên mù, đang lần mò giữa hai bẹn mình. Dù hai người giả vờ không biết điều cả hai cùng biết và điều mỗi người biết rõ rằng người kia đã biết, kể từ đêm đó họ gắn bó với nhau trong một sự ăn ý tuyệt vời. Aureliano José không thể ngủ được khi cậu chưa nghe thấy tiếng nhạc valse phát ra từ chiếc đồng hồ nơi phòng khách, và cô gái đứng tuổi, mà làn da cô bắt đầu cảm thấy tê tái buồn, sẽ không một phút yên lòng nếu cô chưa cảm thấy kẻ mộng du trườn mình trong mùng. Đó là người cô

đã nuôi nấng mà không nghĩ rằng người ấy sẽ là một nơi bám víu tạm thời cho nỗi cô đơn của mình. Vậy là bọn họ không chỉ ngủ chung một giường, cùng khóa thân, cùng thêm khát mê nhau mà còn lẳng nhặng theo nhau khắp các xó xỉnh trong nhà, cùng ở trong buồng đóng kín cửa vào bất kỳ giờ nào, lúc nào cũng hào hứng không biết chán. Có lần bọn họ suýt bị Úrsula bắt quả tang. Vào một buổi chiều nọ, cụ vào kho bột ngô, khi hai người sắp hôn nhau. “Cháu yêu cô lắm phải không?”, cụ hỏi Aureliano José vẻ hết sức ngây thơ. Cậu vâng để trả lời bà mình. “Cháu ngoan lắm”, Úrsula kết thúc, đóng bột mì để làm bánh rồi trở về nhà bếp. Sự kiện này đã lôi Amaranta ra khỏi cơn cuồng si. Cô hiểu rằng mình đã vượt quá xa giới hạn, rằng mình không còn hôn hít nó như hôn hít một đứa trẻ nhỏ chơi đùa, trái lại cô đang bị bõm lợi

trong một cơn đam mê bệnh hoạn vừa nguy hiểm vừa không có lối thoát, rồi cô kiên quyết dập tắt cơn đam mê này. Cũng lúc ấy, Aureliano José vừa kết thúc việc học quân sự, nhận ra sự thực và bỏ nhà để vào doanh trại ngủ. Mỗi thứ bảy đến, cậu đều cùng với đám lính đến tiệm bác Catarino. Cậu giải buồn với những người đàn bà son phấn mà cứ da diết tưởng tượng họ là Amaranta.

Sau đó ít lâu, những tin tức chiến sự trái ngược nhau bắt đầu được tung ra. Trong khi chính phủ thừa nhận những bước tiến mới của quân khởi nghĩa thì các sĩ quan ở Macondo nhận được những thông báo tin cậy về một cuộc đình chiến do hai bên thương lượng tất yếu sẽ xảy ra. Vào đầu tháng tư, có một sứ giả tin cậy đến ra mắt đại tá Gerineldo Márquez. Vị này khẳng định với đại tá

rằng các lãnh tụ đảng đã bắt liên lạc với các tư lệnh quân khởi nghĩa ở nội địa, và đã sẵn sàng ký một hiệp định đình chiến với điều kiện chính phủ che phái Tự do ba ghế bộ trưởng, một số đại biểu tối thiểu trong nghị viện, và sẽ khoan hồng chung cho những nghĩa quân đã hạ súng. Vị sứ giả mang theo một mệnh lệnh hết sức bí mật của đại tá Aureliano Buendía, người không tán thành các điều khoản của hiệp định. Đại tá Gerineldo Márquez cần phải chọn năm người tốt nhất và chuẩn bị để trốn ra nước ngoài. Mệnh lệnh này đã được thực hiện trong thời hạn ngắn nhất. Một tuần trước khi bản thỏa ước được loan báo, và trong lòng khí hỗn độn những tin đồn khác nhau, đại tá Aureliano Buendía và mười sĩ quan tin cậy nhất của chàng, trong đó có đại tá Roque Carnicero, lặng lẽ trở về Macondo vào lúc quá nửa đêm, giải tán

quân đội, chôn giấu vũ khí, vất bỏ các tài liệu. Vào lúc trời hửng sáng, cùng với đại tá Gerineldo Márquez và năm người dưới quyền chàng, bọn họ đã rời khỏi làng. Đó là một chiến dịch được thực hiện rất nhanh chóng và bí mật đến mức Úrsula không hay biết gì cho đến giờ chót khi có người gõ nhẹ lên cửa sổ phòng ngủ của cụ và thăm thì nói: “Nếu cụ muốn nhìn thấy đại tá Aureliano Buendía thì xin mời cụ ra ngay cửa ạ”. Úrsula vùng dậy, mặc nguyên quần áo ngủ, bước ra cửa, và hầu như cụ mới chỉ kịp nhận ra tiếng vó ngựa của đoàn người đang lặng lẽ phi ra khỏi làng cuốn theo đám bụi mù mịt. Chỉ đến ngày hôm sau cụ mới được biết Aureliano José đã đi cùng cha mình.

Mười ngày sau kể từ khi một thông cáo chung giữa chính phủ và phái đối lập được công bố báo tin đình chiến, đã có

những tin tức về cuộc vũ trang nổi dậy đầu tiên của đại tá Aureliano Buendía ở biên giới phía đông. Các lực lượng của chàng, không những ít quân lại còn trang bị kém, đã bị đánh tan tác chỉ trong thời gian không đầy một tuần. Nhưng trong suốt cả năm ấy, trong lúc phái Tự do và phái Bảo hoàng cố gắng làm cho đất nước sống trong sự hòa giải thì chàng mưu tính bảy cuộc nổi dậy. Một đêm nọ, từ một chiếc tàu chàng nã pháo vào thành phố Riohacha, và đội tuần tra đã phải dậy giữa đêm, bắn trả thù mười bốn nhà Tự do nổi tiếng bị giam giữ ở thành phố này. Chàng chiếm một sở hải quan ở biên giới trong hơn mười lăm ngày và từ đây chàng gửi đến quốc dân đồng bào lời hiệu triệu tổng khởi nghĩa. Một trong số những đạo quân của chàng đã lạc trong rừng liền ba tháng, vì đơn vị này có nhiệm vụ vượt qua hơn một nghìn

năm trăm kilômét đường rừng để nhen nhóm các cuộc chiến đấu xung quanh thủ đô. Đôi lúc chàng chỉ ở cách Macondo chừng vài chục cây số nhưng chàng đã bị các đội quân tuần tra của chính phủ buộc phải đi sâu vào núi cách không xa địa điểm thú vị nơi nhiều năm trước đây cha chàng đã gặp được xác một chiếc tàu Tây Ban Nha.

Cũng trong thời gian này Visitación qua đời. Sau khi từ bỏ ngai vàng vì sợ dịch mất ngủ, bà muốn được chết già và nguyện vọng cuối cùng của bà là người ta sẽ đào số lương tích cóp trong vài chục năm chôn ở dưới gầm giường rồi gửi nó cho đại tá Aureliano Buendía để chàng tiếp tục chiến đấu. Nhưng Úrsula không cho đào số tiền, bởi vì ngày ấy người ta đồn rằng đại tá Aureliano Buendía đã chết trong một vụ đổ bộ vào vùng ven

tỉnh lỵ. Thông cáo chính thức, cái thông cáo thứ tư trong không đầy hai năm đã cho thấy điều đó là hiển nhiên vì gần như sáu tháng nay người ta không được biết gì về chàng. Bỗng nhiên, khi Úrsula và Amaranta đang để tang mới cho các vị tiên bối, thì có một tin lạ được chuyển đến. Đại tá Aureliano vẫn còn sống, nhưng rõ ràng chàng không theo chính phủ nước mình, do đó đã gia nhập các lực lượng liên bang đang thắng thế ở một số nước khác thuộc Ca-ri-bê. Chàng đến với những đất nước có những tên khác nhau ngày một xa lạ với tên quê hương mình. Sau đó người ta được biết rằng tư tưởng lúc ấy cổ vũ chàng là tư tưởng về sự thống nhất các lực lượng liên bang vùng Trung Mỹ để quét sạch các chế độ Bảo hoàng từ Alaska đến Patagonia.

Sau vài năm chàng ra đi, bức thư

đầu tiên mà Úrsula nhận từ chàng là một bức thư đã nhàu nát lại nhòe nhoẹt được chuyển tay từ thành phố Santiago de Cuba.

Chúng ta đã vĩnh viễn mất nó rồi, – Úrsula thốt lên khi đọc lá thư bởi vì Lễ Noel trong ngày tận thế sẽ xuất hiện trên con đường ấy²³.

Người được cụ nói điều đó, người đầu tiên cụ chìa cho xem bức thư là tướng José Raquel Moncada, một người thuộc phái Bảo hoàng.

“Rất tiếc là – tướng Moncada bình luận – Aureliano này lại không phải là một người Bảo hoàng”.

Ngài thật bụng khâm phục chàng.

23 Ở đây tác giả chơi chữ. Nếu ghép Camino (con đường) với Santiago thì có nghĩa là giải ngân hà. Lễ Noel trong ngày tận thế sẽ xuất hiện ở giải ngân hà (theo Kinh Thánh).

Cũng như rất nhiều quan chức dân sự Bảo hoàng, José Raquel Moncada đã tiến hành cuộc chiến để bảo vệ đảng mình và trong chiến đấu đã leo lên quân hàm cấp tướng, mặc dù ngài không có tài thao lược. Trái lại, cũng như rất nhiều người trong đảng mình, ngài là người phản đối chế độ quân phiệt. Ngài coi giới võ biên là đám người lười biếng không có kỷ cương, thích mạo hiểm và tham lam, có kinh nghiệm chống đối các quan chức dân sự để làm giàu trong tình cảnh hỗn độn. Là người thông minh, nhã nhặn, da dẻ hồng hào, người thích ăn ngon và ham các cuộc chơi gà, thế mà đã có lúc ngài là kẻ thù đáng gờm nhất của đại tá Aureliano Buendía. Ngài đã thiết lập được quyền chỉ huy của mình với các nhà quân sự nhà nghề trong cả vùng duyên hải rộng lớn này. Có lần, theo những thỏa thuận chiến lược, ngài buộc phải rút quân khỏi

một thị trấn để trao lại cho lực lượng của đại tá Aureliano Buendía, ngài đã để lại hai bức thư cho chàng. Trong một bức thư dài gửi cho đại tá, ngài mời chàng tham gia chiến dịch chung nhằm làm cho cuộc chiến đỡ khốc liệt hơn. Bức thư khác ngài nhờ đại tá chuyển đến cho vợ mình sống trong vùng kiểm soát của các lực lượng vũ trang thuộc phái Tự do. Từ đạo ấy, kể cả trong những lúc chiến sự xảy ra ác liệt nhất, hai vị tư lệnh này đã thỏa thuận ngừng bắn để trao đổi tù binh. Đó là những lúc hưu chiến với không khí vui vẻ đến mức tướng Moncada đã lợi dụng thời gian ấy để dạy đại tá Aureliano Buendía chơi cờ đam. Đã có những lúc cả hai người nghĩ đến khả năng phối hợp những yếu tố nhân dân có trong cả hai đảng để loại trừ ảnh hưởng của các nhà quân sự và các nhà chính trị nhà nghề, và thiết lập một thể chế nhân

đạo nhờ khai thác triệt để những mặt ưu việt của từng học thuyết. Khi chiến tranh kết thúc, trong lúc đại tá Aureliano Buendía thường xuyên thất bại, phải chạy trốn theo những hẻm núi thì tướng Moncada được phong làm Quan thanh tra ở làng Macondo. Ngài ăn mặc dân sự, dùng cảnh sát không vũ trang thay cho đám dân lệ, ngài buộc mọi người phải tôn trọng mọi quy định của luật ân xá và giúp đỡ một số gia đình là thân nhân của những người Tự do tử trận. Ngài tìm mọi cách để Macondo được chọn là thị trấn huyện và do đó ngài được bổ nhiệm là thị trưởng và đã vun trồng được một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong dân chúng khiến cho họ nghĩ về chiến tranh như nghĩ về một nỗi cực khổ vô nghĩa lý của thời quá khứ. Cha Nicanor, bị những cơn sốt đau gan hành hạ đã gày nhom và do đó đã bị cha Coronel – từng được

mệnh danh là El Cachorro, một cựu chiến binh trong cuộc chiến tranh của những người thuộc phái liên bang tiến hành đến thay thế. Bruno Crespi đã kết hôn với Amparo Moscote. Nhờ cửa hàng đồ chơi và nhạc cụ của anh không ngừng phát tài, anh đã xây dựng một nhà hát từng được các gánh hát Tây Ban Nha liệt vào các lịch trình biểu diễn lưu động của họ. Đó là một phòng xa lông rộng ở ngoài trời với những chiếc ghế gỗ dài, một tấm phong nỉ có gắn các mặt nạ Hy Lạp và ba phòng bán vé hình đầu sư tử mà qua cái miệng há ra của nó người ta bán vé vào cửa cho khách. Cũng trong thời kỳ này nhà trường được xây dựng. Don Melchor Escalona, một thầy giáo già được phái từ miền đầm lầy tới trông coi trường học. Được sự đồng ý của các phụ huynh, ngài bắt các cậu học trò ương bướng phải quỳ gối đi trên nền sân lổm chổm đá sỏi và

bắt những đứa trẻ lắm mồm phải ăn ớt cay. Aureliano Segundo và José Arcadio Segundo, những đứa con sinh đôi của Santa Sofía de la Piedad, là những học trò đầu tiên ngồi trong phòng học với bảng đen, phấn viết, ca nhôm có khắc tên mình. Remedios thừa kế được sắc đẹp đích thực của bà mẹ và bắt đầu được làm quen với cái tên Remedios – Người đẹp. Mặc dù tuổi cao, mặc dù phải chịu nhiều tang tóc và những hoạn nạn chồng chất, Úrsula vẫn trẻ khỏe như thường. Được Santa Sofía de la Piedad giúp đỡ, cụ lại kinh doanh nghề kẹo bánh và trong thời gian ngắn, cụ đã không chỉ thu lại tài sản bị con trai tiêu nhẵn trong chiến tranh, mà còn nhồi vàng ròng vào đầy các quả bí khô đem chôn trong phòng ngủ.

– Thượng đế còn cho ta sống, – cụ thường nói, – thì trong ngôi nhà những

kẻ điên khùng này sẽ không bao giờ thiếu tiền bạc.

Mọi chuyện đang diễn ra êm đẹp như thế, bỗng thành linh Aureliano José rời bỏ hàng ngũ quân đội liên bang Nicaragua, trốn lên một chiếc tàu Đức, rồi xuất hiện ngay tại bếp ăn nhà mình. Cậu trở về người khỏe mạnh như một con ngựa, da sạm nắng và tóc rậm như người Anh-điêng với ý nghĩ thầm kín định cưới Amaranta làm vợ. Khi Amaranta nhìn thấy cậu bước vào, dù cậu chưa hề nói gì cả cô biết ngay vì sao cậu trở về. Cùng ngồi một bàn mà hai người không dám nhìn vào mặt nhau. Nhưng sau hai tuần trở về, dù Úrsula có mặt, cậu vẫn cứ nhìn thẳng vào mắt cô và nói: “Lúc nào cháu cũng nghĩ tới cô thân yêu”. Amaranta chạy trốn cậu. Cô dò đoán để tránh phải gặp cậu ở những nơi, những lúc bất

thình lình. Cô cứ bám lấy Remedios – Người đẹp, không rời nửa bước. Cô xấu hổ đỏ bừng hai má trong cái ngày thẳng cháu hỏi mình còn mang dải băng đen trên tay đến bao giờ, bởi vì cô hiểu câu hỏi đó như là một lời ám chỉ sự trinh tiết của mình. Khi cậu trở về nhà, cô liền cài chặt cửa buồng mình ngủ. Nhưng trong nhiều đêm nghe rõ tiếng ngáy đều đều hiền hậu của cậu ở phòng bên, cô yên lòng đến mức không đề phòng nữa. Sau gần hai tháng Aureliano José trở về, có một buổi đêm về sáng, cô cảm thấy cậu vào phòng mình ngủ. Thế là, đáng lẽ phải chạy trốn, phải gào toáng lên như cô đã dự định trước, thì cô lại buông thả mình trong cảm giác nhẹ nhàng được nghỉ ngơi, được thỏa mãn. Cô cảm thấy cậu đang trườn trong mùng, như đã trườn từ lúc còn nhỏ, như xưa nay nó vẫn trườn thế, rồi cô không tài nào ghìm được mồ

hôi lạnh túa ra và hàm răng run lập cập khi nhận thấy cậu đã hoàn toàn khóa thân. “Cút đi!”, cô thì thầm đuổi mà cảm thấy như mình đang chết ngạt vì tính tò mò. “Cút đi không tao sẽ kêu lên bây giờ”. Nhưng Aureliano José lúc ấy biết rõ điều mình cần phải làm, bởi vì cậu đâu còn là thằng nhóc sợ bóng đêm mà trái lại đã là một thằng lính chiến. Kể từ đêm ấy, bọn họ lại tiếp tục các cuộc vật lộn thầm lặng với nhau cho đến lúc trời hừng sáng. “Ta là cô mày”, Amaranta thì thảo nói về mặt mồi. “Ta gần như là mẹ mày, không chỉ vì tuổi tác mà còn vì ta đã nuôi dạy mày đủ điều chỉ còn thiếu cho mày bú thôi”. Vào lúc trời hừng đông, Aureliano lĩnh đi và đến buổi đêm về sáng ngày hôm sau lại trở lại phòng ngủ cô mình, ngày một thích chí hơn bởi thấy rằng cửa phòng cô mình vẫn không cài then. Không lúc nào cậu không yêu da diết cô mình. Cậu

thường gặp hình ảnh cô mình trong những phòng tối nơi các làng bị chiếm đóng, nhất là những phòng tối tàn nhất, và nhận ra nàng một cách vật chất qua mùi máu khô đọng trên những dải băng của người bị thương, trong nỗi sợ hãi chột đến trước tử thần. Ở đâu và lúc nào cậu cũng thấy cô mình. Cậu đã chạy trốn cô mình bằng cách cố tình xóa nhòa ký ức của mình không chỉ nhờ ở sự xa cách muôn trùng mà nhờ ở cả những trận đánh đẫm máu rừng rợn từng được các bạn đồng ngũ liệt vào hạng đáng sợ nhất, nhưng trong lúc cậu càng cố xóa nhòa hình ảnh cô mình ở nơi khủng khiếp của chiến tranh thì chiến tranh lại càng giống Amaranta hơn. Vì thế mà cậu đau lòng phải sống lưu vong, cố tìm cách giết cô mình bằng chính cái chết của mình cho đến khi cậu nghe một người lính kể câu chuyện cổ tích về một người đàn ông

lấy người cô ruột đồng thời lại là cháu gái mình và người con trai của ông ta lại chính là ông trẻ của nó.

Người ta không thể lấy cô ruột mình sao? – cậu hỏi vẻ hoảng hốt.

Không những có thể lấy được, – một người lính trả lời cậu, – mà còn hơn thế nữa. Chúng ta làm cuộc chiến tranh chống lại các thầy tu này cốt để người ta có thể lấy ngay chính mẹ đẻ của mình.

Mười lăm ngày sau, cậu đào ngũ. Cậu thấy Amaranta của đời thực mặn mà hơn Amaranta trong ký ức, thấy cô buồn và thanh tao hơn nhiều và mặc dù trên thực tế cô đã ở vào thời kỳ sắc đẹp tàn phai nhưng hơn bao giờ hết cô lại nồng nàn trong bóng tối nơi phòng ngủ, hơn bao giờ hết cô buông thả mình trong sự điên cuồng cự tuyệt.

“Cháu là một thằng dê tiện”, Amaranta bảo cậu khi bị cháu truy đuổi. “Cái việc cháu đang làm với người cô đáng thương của mình này là không đúng đắn đâu dù cho đức Giáo hoàng có đặc ân tha thứ đi nữa”. Aureliano José hứa sẽ đi đến thành Roma, hứa quỳ gối lê khắp châu Âu hôn dép đức Giáo hoàng chỉ để xin cô mình “tha cầu thành” cho mình vào.

Không chỉ vì thế đâu, – Amaranta cố chống cự, – mà còn vì sẽ đẻ ra những đứa con có đuôi lợn. Aureliano José cố tình làm ngơ trước mọi lý lẽ.

Dù có đẻ ra những con tê tê đi nữa cũng cam lòng, – cậu van xin.

Một buổi đêm về sáng nọ, cậu đến tiệm bác Catarino sau khi không chịu nổi cơn đau vì nhục dục bị ức chế quá mức. Ở đây cậu bắt tình với một người

đàn bà có bộ vú chảy, niêm nở dễ tính, là người đã làm nhuần cái bụng cậu trong một lúc. Cậu định sẽ đối xử tệ mạt với Amaranta. Cậu thấy cô ngồi ở hành lang, đang đập máy khâu, – một nghề cô học rất nhanh, – và cậu không chào hỏi cô mình. Amaranta cảm thấy mình trút bỏ được gánh nặng và chính cô cũng không hiểu nổi vì sao lúc này mình lại nghĩ đến đại tá Gerineldo Márquez, vì sao mình lại da diết nhớ những buổi chiều chơi cờ đam, vì sao mình lại muốn chàng làm chồng mình. Aureliano José vẫn chưa biết mình đã mất chỗ đứng trong trái tim cô mình, cho nên một đêm nọ do không thể tự kiểm chế nổi dục vọng, cậu lại mò vào phòng ngủ của Amaranta. Lần này cô đã cự tuyệt một cách dứt khoát và kiên quyết. Từ đó đêm nào cô cũng cài chặt cửa phòng mình lại.

Ít tháng sau ngày Aureliano José trở về, một người đàn bà vẻ cởi mở, vương mùi hoa nhài, bồng đứa bé năm tuổi đến nhà. Chị ta nói rằng đứa bé là con của đại tá Aureliano Buendía và rằng chị ta mang nó đến để Úrsula đặt tên. Không một ai nghi ngờ gốc gác của đứa bé chưa có tên ấy: nó giống đại tá như đúc thời chàng được cha dẫn đi xem nước đá. Người đàn bà kể rằng cậu bé chào đời với đôi mắt mở thao láo nhìn những người xung quanh với vẻ dò xét của một người lớn, và rằng chính chị ta phải giật mình trước cái nhìn chăm chú không chớp mắt của nó.

“Đích thị rồi”, Úrsula nói. “Chỉ thiếu điều nó không làm cho ghế phải tự xoay quanh khi nó nhìn”. Cụ đặt tên cho nó với tên của Aureliano và họ của mẹ nó, bởi vì luật pháp không cho phép đứa trẻ

mang họ cha một khi người cha chưa thừa nhận. Tướng Moncada nhận làm cha đỡ đầu. Mặc dù Amaranta yêu cầu bên nhà gái để cậu bé ở lại nhà nhưng người mẹ không đồng ý.

Lúc ấy Úrsula vẫn chưa biết tập quán của các bậc cha mẹ cho các cô trinh nữ vào phòng ngủ của các chiến binh như thể họ vẫn thường thả gà mái vào chuồng những con gà trống đẹp mã. Nhưng qua một năm ròng cụ đã biết: chín đứa con trai nữa của đại tá Aureliano Buendía được mang đến nhà để xin cụ đặt tên. Đứa lớn nhất, da nâu với đôi mắt xanh hoàn toàn không giống với bên nội, đã lên mười tuổi. Họ mang đến nhà những đứa trẻ ở mọi tuổi, với đủ màu da, nhưng tất cả đều là con trai, và tất cả đều có vẻ cô đơn – đặc điểm buộc người ta phải thừa nhận nguồn gốc của chúng. Có một

đứa lớn trước tuổi rất nhiều đã đập vỡ vài bình hoa và một số cốc tách, vì hình như tay nó hậu đậu đụng đến cái gì là làm vỡ cái đó. Đứa khác tóc hung, có đôi mắt ốc nhồi, y hệt mắt mẹ nó, để tóc dài búi lại thành từng mớ giống y hệt tóc phụ nữ. Cậu bé này rất tự nhiên bước vào nhà cứ như thể cậu từng được nuôi nấng ở đấy, rồi cậu đi thẳng đến chiếc tủ cũ kê trong phòng Úrsula mà đòi: “Cho cháu cô vũ nữ có dây cốt đi”. Úrsula giật mình. Cụ mở tủ. Sau khi bắt gặp cô vũ nữ ấy được cuộn trong đôi tất. Đó là tặng vật của Pietro Crespi và không một ai nhớ đến nó. Trong không đầy mười hai năm, mười bảy đứa trẻ vốn là con của đại tá gieo rắc trên khắp các miền chàng đi qua trong chiến tranh đã được đặt tên Aureliano kèm với họ mẹ chúng. Lúc đầu, Úrsula nhét đầy tiền vào túi chúng và Amaranta muốn giữ chúng lại để nuôi dạy. Nhưng

cả hai đều đi đến kết luận là chỉ nên tặng cho mỗi đứa trẻ một gói quà kỉ niệm và nhận làm mẹ đỡ đầu của chúng. “Chúng ta đặt tên cho chúng thôi”, Úrsula nói trong lúc cụ ghi lại tên và địa chỉ của các bà mẹ, nơi và ngày sinh của bọn trẻ vào một cuốn vở. “Chắc là Aureliano đã trù liệu, vậy thì hẳn sẽ là người quyết định tất cả khi nào trở về”. Trong lúc ăn trưa, qua việc bình luận với tướng Moncada về cái “sự sinh sôi nảy nở ấy”, cụ bày tỏ ý muốn đại tá Aureliano Buendía sẽ có dịp trở về để sum họp với các con ở ngay nhà mình.

Xin cụ đừng lo, – tướng Moncada nói vẻ bí hiểm, – đại tá sẽ trở về nhanh hơn cụ tưởng đấy.

Điều tướng Moncada biết rõ và không muốn để lộ trong bữa cơm trưa là đại tá Aureliano Buendía đang chuẩn

bị đi tới một cuộc khởi nghĩa trường kỳ, triệt để, đẫm máu nhất so với những cuộc khởi nghĩa từng được chàng mưu tính cho đến lúc này.

Không khí chính trị lại trở nên căng thẳng y hệt không khí chính trị của mấy tháng trước khi nổ ra cuộc chiến tranh đầu tiên. Các cuộc chọi gà từng được ngài thị trưởng khích lệ đã bị bãi bỏ. Đại úy Aquiles Ricardo chỉ huy trưởng đội quân đóng ở Macondo lên nắm quyền, điều hành mọi việc ở thị trấn. Những người thuộc phái Tự do tố cáo y là kẻ khiêu khích. “Sẽ xảy ra sự kiện khủng khiếp đấy”, Úrsula nói với Aureliano José. “Cháu chớ có ra đường sau sáu giờ chiều đấy, nghe chưa”. Những lời dặn dò ấy của cụ đều trở nên vô ích. Aureliano José, giống hệt như Arcadio trong thời kỳ trước, không chịu nghe lời bà mình.

Hình như điều đó là kết quả của sự trở về nhà của cậu, là kết quả của lối sống thờ ơ trước những công việc thôi thúc hàng ngày. Chính những thứ này đã đánh thức trong cậu cái tài chơi gái và lười biếng của ông bác José Arcadio. Cơn sóng lòng đối với Amaranta của cậu đã tắt lịm không để lại một vết thương tổn nào. Cậu chơi bởi có phần phóng đãng, lúc chơi bia, lúc giải phiền với những người đàn bà ngẫu nhiên bắt gặp, lúc biến lặn tiền bạc của Úrsula bỏ quên trong ngăn kéo bàn. Cậu chỉ trở về nhà để thay quần áo, “Con cái nhà đến lạ, tất cả đều giống nhau như hệt”, Úrsula thở than. “Lúc đầu, được nuôi dưỡng rất chu đáo, do đó tất cả đều ngoan ngoãn, nết na, hiền lành dường như đến con ruồi cũng không đủ can đảm để giết. Ấy thế mà râu vừa lún phún đã lại hư thân mất nết rồi”. Trái với Arcadio, người không

bao giờ biết gốc gác của mình, cậu được biết riêng mình là con của Pilar Ternera, người đã mắc võng cho cậu để ngủ trưa ngay tại nhà thị. Trong nỗi cô đơn, bọn họ đã đi xa hơn quan hệ mẹ con để tư thông với nhau. Pilar Ternera đã hoàn toàn tuyệt vọng. Tiếng cười của thị ồm ồm như giọng cây đàn cóc. Đôi vú thị đã sệ trĩ xuống, bụng và vết thị đã mềm nhũn vì từng là nạn nhân của số phận người đàn bà chung chạ không thể thay đổi của thị. Nhưng trái tim thị cam chịu già đi không một chút đắng cay. Thị là người béo phì, lẩm lờn. Với sự trống rỗng của mẹ Tú bà bất hạnh, thị đã từ bỏ ảo tưởng vô vọng mà những con bài đem lại cho mình, và thị đã tìm thấy niềm an ủi trong ái tình của người khác. Trong ngôi nhà Aureliano José ngủ trưa, các cô gái láng giềng tiếp những người tình ngẫu nhiên bắt gặp.

“Bác Pilar, cho cháu mượn phòng nhé”, họ dễ dàng nói với thị như vậy khi họ đã ở trong nhà rồi. “Tuỳ”, Pilar trả lời. Rồi nếu có ai đứng ở đấy, thị giải bày:

Tôi lấy làm hạnh phúc nếu được biết người khác đang mê trên giường.

Không bao giờ thị lấy tiền thuê phòng. Không bao giờ thị từ chối làm ơn cho người khác cũng như không bao giờ từ chối biết bao người đàn ông từng tìm đến thị ngay cả khi thị đã xế bóng về già. Thị chiều họ không vì tiền cũng không vì tình mà chỉ hi hữu đôi lần vì thích thú khoái lạc, thế thôi. Năm người con gái của thị, vốn thừa kế được hạt giống yêu nồng nàn của thị, đã phiêu bạt theo những con đường mòn gai góc của cuộc đời ngay từ tuổi dậy thì. Trong số hai đứa con trai thị nuôi thành người, một đứa tham gia quân đội của đại tá Aureliano

Buendía và đã chết trong chiến đấu, còn đứa khác bị đánh thành thương tật và bị bắt bỏ tù vào lúc mười bốn tuổi khi nó định ăn cắp một chuồng gà mái ở một làng thuộc vùng đầm lầy. Xét về mặt hình thức, Aureliano José là người cao to, có nước da nâu hồng hào, là người trong nửa thế kỷ nay “quân bài” ông cự đã báo cho thị biết, và rằng cũng như tất cả những người đàn ông được các quân bài báo trước cho thị thì Aureliano José đã đến với thị khi cậu đã bị tử thần đánh dấu. Thị nhìn thấy điều đó trong những quân bài.

Đêm nay con chó ra đường, – thị nói, – con hãy ở lại đây mà ngủ kéo Carmelita Montiel cứ nằng nặc đòi ta đưa cô ả vào phòng con đấy.

Aureliano José không nhận bắt được ý nghĩa sâu xa ẩn trong lời mời như van

xin ấy.

Hãy bảo cô ấy đợi con đến nửa đêm nhé! – cậu nói.

Cậu đi đến rạp hát. Ở đấy một gánh hát Tây Ban Nha quảng cáo diễn vở Mũi dao găm của con cáo mà thực ra là kịch bản của Zorzilla nhưng nó đã phải thay tên theo lệnh đại úy Aquiles Ricardo, bởi vì những người Tự do đã gọi những người Bảo hoàng là “bọn mạnh”[\[28\]](#). Chỉ đến khi trình vé ở cửa vào, Aureliano José mới biết rằng đại úy Aquiles Ricardo, cùng với hai người lính mang súng dài, đang kiểm soát đám đông.

“Hãy liệu thần hồn, đại úy ạ”, Aureliano báo cho y biết. “Kẻ buộc ta phải giờ tay lên vẫn chưa xuất hiện đâu”.

Viên đại úy định dùng sức mạnh

kiểm soát cậu, nhưng Aureliano José, vì lúc này không mang theo vũ khí, đã ù té chạy. Viên đại úy ra lệnh bắn nhưng bọn lính không tuân lệnh. “Đó là một Buendía đấy”, một trong số họ nói với đại úy. Quá giận dữ, viên đại úy giằng lấy súng, chạy ra giữa đường rồi nổ súng.

Đồ dê cụ! – đại úy vẫn kịp thét. – Cầu Chúa hẩn là đại tá Aureliano Buendía.

Carmelita Montiel; một cô gái tân tuổi đôi mươi, vừa tắm nước lá cam xong và đang lót lá hương thảo xuống giường Pilar Ternera, thì nghe thấy tiếng súng nổ. Aureliano José đã sẵn sàng cùng với Carmelita Montiel hưởng niềm hạnh phúc mà Amaranta từ chối cậu, sẵn sàng cùng với cô có bảy đứa con và chung thủy với cô cho đến khi chết trên đôi cánh tay cô, nhưng viên đạn đã xuyên qua lưng phá toang lồng ngực cậu. Đó là viên đạn

được hướng đạo bởi một sự giải thích sai của những quân bài. Đại úy Aquiles Ricardo, vốn là kẻ phải chết vào đêm ấy quả nhiên đã chết trước Aureliano José bốn giờ. Hầu như vừa mới vang lên tiếng súng của mình bắn thì y đã bị hai viên đạn cùng một lúc quật ngã, và không bao giờ có thể phát hiện được nguồn gốc những viên đạn ấy. Tiếp theo đó là một tiếng hô râm ran làm rung chuyển cả trời đêm:

Đảng Tự do muôn năm? Đại tá Aureliano Buendía muôn năm!

Vào lúc mười hai giờ đêm, khi Aureliano José tắt thở vì kiệt máu, và Carmelita Montiel nhận thấy tương lai mờ mịt của mình trên những lá bài, thì hơn bốn trăm người đàn ông đã diễu qua trước cửa rạp hát và đã bắn đạn súng lục vào tử thi bị bỏ rơi của đại úy Aquiles Ricardo.

Phải cần tới một đội tuần tra mới khiêng nổi cái thầy ma bị ghim đầy đầu đạn và nhào ra như bánh ngâm trong súp của viên đại úy để đưa lên xe cút kít, mang đi.

Trái với những việc làm sai trái của quân chính phủ, tướng José Raquel Moncada sử dụng đến các ảnh hưởng chính trị của mình, trở lại mặc quân phục và nắm toàn quyền ở Macondo. Tuy nhiên ngài không hy vọng rằng thái độ hòa giải của mình lại có thể tránh được điều tất phải xảy ra. Tin tức tháng chín có nhiều mâu thuẫn. Trong học chính phủ tuyên bố mình đã kiểm soát được toàn bộ đất nước thì những người Tự do nhận được thông báo bí mật về các cuộc vũ trang nổi dậy ở vùng nội địa. Chế độ hiện hành không thừa nhận đất nước đang ở trong tình trạng có chiến tranh, do đó

trong một công báo không dám tuyên bố rằng tòa án quân sự vẫn tiếp tục xử vắng mặt đại tá Aureliano Buendía và đã tuyên án tử hình vắng mặt chàng. Họ đã ra lệnh thực hiện bản án cho đơn vị quân đội nào đầu tiên bắt được chàng. “Điều này muốn nói rằng nó vẫn còn sống”, Úrsula tuyên bố trước mặt tướng Moncada. Nhưng chính ngài vẫn chưa biết. Thực tế cho thấy đại tá Aureliano Buendía đã có mặt ở trong nước được hơn một tháng rồi. Lúng túng trước những nguồn tin mâu thuẫn nhau, đồng thời bị lừa phỉnh bởi những hành động xuất quỷ nhập thần của đại tá Aureliano Buendía ở những miền xa xôi hẻo lánh của đất nước, tướng Moncada vẫn chưa tin đại tá đã trở về nước cho đến khi ngài được chính thức báo cho biết rằng đại tá đã làm chủ hai tỉnh duyên hải.

“Thưa cụ tôi thành tâm chúc mừng cụ”, ngài nói với Úrsula trong khi chìa cho cụ xem bức điện tín. “Con trai cụ sẽ có mặt ở đây nhanh thôi”.

Lần đầu tiên trong đời, Úrsula đâm lo. “Thế còn ngài sẽ làm gì?”, cụ hỏi. Tướng Moncada cũng đã nhiều lần tự hỏi mình câu hỏi ấy.

Tôi sẽ làm thính cái việc mà con trai cụ đã làm, cụ ạ! – ngài trả lời, – đó là thực hành phận sự của mình.

Vào lúc rạng sáng ngày mồng một tháng mười, đại tá Aureliano Buendía với một nghìn quân lính vũ trang cực mạnh tấn công Macondo và quân đội được lệnh kháng chiến đến cùng. Đến trưa, khi tướng Moncada cùng ngồi ăn với Úrsula thì phát đại bác của quân cách mạng làm rung chuyển cả thị trấn và phá

tan bức tường mặt tiền kho bạc thị trấn.

“Bọn họ được vũ trang mạnh như chúng tôi, – tướng Moncada thở dài nói, – nhưng họ chiến đấu ngoan cường hơn chúng tôi”.

Đến hai giờ chiều, trong lúc trời rung đất chuyển dưới những làn đại bác rền vang của cả hai bên chiến tuyến, ngài từ biệt Úrsula với cảm nghĩ mình đang bị đánh bại.

“Cầu Thượng đế rằng đêm nay cụ chưa đón Aureliano tại nhà này, – ngài nói, – nếu không như thế, xin cụ hãy ôm hôn ông ta thay cháu, bởi vì cháu không mong sẽ gặp mặt ông ta nữa”.

Đêm ấy ngài bị bắt khi định chạy khỏi Macondo sau lúc đã viết cho đại tá Aureliano Buendía một bức thư dài nhắc

chàng nhớ lại những dự định chung của hai người nhằm làm cho cuộc chiến đỡ khốc liệt hơn và chúc chàng giành thắng lợi quyết định nhằm chống lại các quan nhân đôi bại và các chính khách tham lam của cả hai đảng. Ngày hôm sau đại tá Aureliano Buendía cùng ăn trưa với ngài tại nhà Úrsula, là nơi ngài đang bị giam giữ cho tới khi tòa án quân sự cách mạng quyết định số phận ngài. Đó là cuộc họp mặt gia đình. Nhưng trong lúc hai địch thủ quên cuộc chiến để cùng nhau nhớ lại những kỷ niệm cũ thì Úrsula có cảm giác u buồn rằng con trai cụ là một kẻ khác hẳn. Cụ có cảm giác ấy ngay từ lúc chàng bước vào nhà được cả một đội cảnh vệ ôn ã bảo vệ. Đội cảnh vệ này đã lục lọi khắp các phòng cho đến khi thấy rằng không có gì nguy hiểm. Đại tá Aureliano Buendía không những chỉ thừa nhận hành động càn quấy thô bạo ấy mà còn

ra lệnh một cách dứt khoát và không cho phép bất kỳ ai, kể cả Úrsula được đến gần mình chưa tới ba mét trong lúc đội bảo vệ chưa bố trí xong lính gác quanh nhà.

Chàng mặc bộ quân phục vải sợi thô thông dụng, không mang quân hàm quân hiệu gì hết, đi ủng cao cổ với cựa thúc ngựa bê bết bùn và máu khô. Trên thắt lưng, chàng đeo một khẩu súng lục đựng trong bao da sờn, bàn tay luôn luôn tì vào báng súng, cử chỉ này hoàn toàn phù hợp với sự cảnh giác cao độ và kiên quyết trong đôi mắt chàng. Đầu chàng, giờ đây tóc xoắn tít lại dường như được sấy khô. Mặt chàng vốn sạm nắng gió biển Ca-ri-bê đã mang vẻ mặt sắt lạnh lùng. Bằng vẻ lạnh lùng thâm kín chàng đã sẵn sàng đối mặt với tuổi già không thể cưỡng lại nổi. So với lúc chàng ra đi, chàng cao hơn, xanh và gầy hơn, và đã

để lộ những triệu chứng đầu tiên của bệnh buồn nhớ không nguôi. “Trời ơi”, Úrsula tự nói với mình vẻ hoảng hốt. “Giờ đây nó là kẻ đủ khả năng làm bất kỳ điều gì”. Đúng vậy, chàng là người như vậy. Không chỉ bằng lòng với việc ra lệnh chôn các xác chết trần trong cùng một hố chung mà chàng còn giao cho đại tá Roque Carnicero nhiệm vụ khẩn trương mở các phiên tòa quân sự, còn mình đích thân gánh lấy nhiệm vụ nặng nề: tiến hành các cuộc cải cách ruộng đất thật triệt để nhằm xóa bỏ tận gốc chế độ Bảo hoàng. “Chúng ta phải vượt lên một bước trước các chính khách của đảng”, chàng nói với các cố vấn của mình. “Khi mở mắt nhìn vào thực tại thì bọn họ đứng trước những việc đã rồi”. Đó là lúc chàng quyết định xét lại các văn tự ruộng đất, kể cả những cái đã được làm từ một trăm năm về trước, và do đó đã

phát hiện ra những văn tự giả mạo được hợp pháp hóa của ông anh José Arcadio. Bằng nét gạch chéo vào các văn tự ấy, chàng vô hiệu hóa chúng. Trong điệu bộ lịch sự cuối cùng, chàng nghĩ ngợi một giờ và đi thăm Rebeca để báo cho bà biết quyết định của mình.

Trong ngôi nhà tranh tối tranh sáng, chỉ có bà quả phụ cô đơn đã một thời là người bạn để chàng giải bày những tình cảm thâm yêu trộm nhớ của mình và là người ngồi ở nhà mình kiên trì theo dõi khi nào bọn lính đem bắn chàng, đã cứu chàng thoát chết. Giờ đây bà chỉ còn là bóng dáng của thời qua. Bà lẩn mình trong bộ đồ tang đen phủ kín đến ngón tay, ngón chân, và với trái tim nguội lạnh, bà hầu như không biết gì về chiến tranh. Đại tá Aureliano Buendía có cảm giác rằng chất diêm sinh từ xương cất hiện ra

ngoài làn da bà, và rằng bà thấp thoáng hiện hình sau ngọn lửa ma trời trong cái không khí tù đọng hầu như vẫn còn sức nức mùi thuốc súng. Chàng bắt đầu khuyên bà hãy bớt thương nhớ chồng và hãy mở cửa sổ cho nhà thoáng đảng, rằng bà hãy tha thứ cho thiên hạ trước cái chết của José Arcadio. Nhưng Rebeca đã ở ngoài mọi cảm dỗ phù hoa. Sau khi đã tìm kiếm chúng một cách vô ích trong dư vị của đất, trong những bức thư tẩm hương của Pietro Crespi, trên cái giường rung lên trước sức nặng cuồng say của chồng mình, bà đã gặp được cái không khí thanh thản trong ngôi nhà ấy, nơi sự hồi tưởng khôn nguôi đã làm hiện hình những ký ức xưa và như người thực chúng lượn lơ đi lại trong các phòng đóng kín. Nằm dài trên chiếc ghế xích đu gỗ liễu giòn, nhìn đại tá Aureliano Buendía như thể chàng là một bóng hình

của thời xưa, Rebeca không hề tỏ ra bối rối khi bà được biết rằng các đất đai do José Arcadio lần chiếm trái phép nay sẽ được trả lại cho những người chủ chân chính của chúng.

Aureliano ạ, hãy để cho người ta làm điều chú đã quyết định. Lúc nào chị cũng nghĩ, và giờ đây chị càng khẳng định ý nghĩ của mình, rằng chú là một thằng đê hèn.

Việc kiểm tra văn tự ruộng đất được kết thúc đồng thời với các phiên tòa khẩn cấp do đại tá Gerineldo Márquez điều khiển và các phiên tòa này đều kết thúc với việc xử bắn toàn bộ số sĩ quan của quân đội chính phủ bị phía cách mạng bắt giữ làm tù binh. Phiên tòa quân sự cuối cùng là phiên tòa xét xử tướng José Raquel Moncada. Úrsula can thiệp.

“Đó là một nhà chức trách tốt nhất trong số các nhà chức trách ở Macondo”, cụ nói với đại tá Aureliano Buendía: “Mẹ cũng không cần thiết phải nói gì về tấm lòng nhân hậu của ông ta và về thái độ cư xử kính nể mà ông ta đã dành cho chúng ta, bởi vì hơn ai hết con hiểu rõ ông ta mà”.

Đại tá Aureliano Buendía dỗi vào mắt cụ một cái nhìn dò xét:

Con không thể vi phạm thể lệ xét xử của tòa án, – chàng cãi lại mẹ – Nếu mẹ thấy cần phải nói điều gì thì xin mẹ cứ ra trước tòa án quân sự mà nói”.

Úrsula không những chỉ một mình mình nói mà còn đi vận động tất cả các bà mẹ sĩ quan quân cách mạng hiện đang sống ở Macondo. Các cụ già vốn là những người sáng lập ra làng Macondo,

trong số đó có các cụ bà từng tham gia cuộc mạo hiểm đi xuyên rừng để tìm nơi cư trú, đã lần lượt thay nhau ca tụng công đức của tướng Moncada. Úrsula là người cuối cùng trong số này. Danh dự của cụ, uy tín của cụ, tư chất đồng dục đầy thuyết phục trong lời tuyên bố của cụ, tất cả những thứ đó trong một lúc nào đó đã làm cho các quan tòa phải lúng túng.

“Các ngài đã chơi cái trò kinh người này rất nghiêm chỉnh và các ngài đã làm đúng vì các ngài đang thực hiện phận sự của mình”, cụ nói với các quan tòa. “Nhưng xin các ngài nhớ cho là trong lúc Thượng đế còn để chúng ta sống, chúng ta vẫn là mẹ đẻ ra các ngài và cho dù các ngài có là những người rất cách mạng đi nữa, chúng ta vẫn có quyền lột quần áo các ngài nện cho mấy roi nếu các ngài

không nghe lời”.

Khi những lời ấy còn vang vọng trong cái trường học bị biến thành trại lính, thì tòa lui vào để nghị án. Đến nửa đêm, tướng José Raquel Moncada bị kết án tử hình. Bất chấp những lời biện hộ mãnh liệt của Úrsula, đại tá Aureliano Buendía vẫn không chịu giảm mức án cho ngài. Trước lúc trời sáng một ít, chàng đến thăm kẻ tử tù trong xà lim.

Anh hãy nhớ cho, – chàng nói với ngài, – là tôi không bắn anh. Cách mạng bắn anh đấy. Tướng Moncada khi nhìn thấy chàng bước vào xà lim cũng không thèm ngồi dậy.

Cút đi anh bạn ạ, – ngài nói.

Kể từ khi trở về cho đến lúc ấy, đại tá Aureliano Buendía vẫn chưa tìm được cơ

hội thăm lại tướng Moncada với cả con tim mình. Chàng ngạc nhiên bao nhiêu khi thấy ngài đã già đi nhiều quá, khi thấy tay ngài run lẩy bẩy, khi thấy ngài an phận chịu chết và do đó lúc này chàng cảm thấy tự khinh bỉ mình đến mức có thể nhầm nó với lòng thương hại:

Anh hẳn biết hơn tôi, – chàng nói, – rằng tất cả tòa án quân sự là một trò cười, vì rằng trên thực tế anh phải đền tội cho những kẻ khác, bởi vì lần này bằng mọi cách chúng tôi sẽ giành được chiến thắng. Nếu anh ở vào địa vị tôi lúc này, lẽ nào anh lại không làm như vậy?

Tướng Moncada ngồi dậy lấy vạt áo lau cặp kính gọng đôi môi. “Cũng có thể”, ngài nói, “nhưng điều tôi phải bận tâm không phải là việc anh bắn tôi, bởi vì dù thế nào đi nữa đối với loại người chúng ta thì cái chết này là hiển nhiên”. Ngài đặt

cặp kính lên giường rồi cởi chiếc đồng hồ quả quít. “Điều tôi bận tâm”, ngài nói tiếp, “là từ một người căm thù đám tướng lĩnh nhà nghề, từng đấu tranh không mệt mỏi với chúng, từng trần trở suy nghĩ về chúng thế mà nay anh lại chẳng khác gì chúng. Trong cuộc đời không có mẫu người nào đại diện cho sự thấp hèn của con người như anh”. Ngài cởi chiếc nhẫn cưới, và chiếc huân chương Thánh bà Đồng trinh Remedios rồi đặt chúng xuống bên chiếc đồng hồ và cặp kính.

Đến cái nước này, – ngài kết thúc, – anh không chỉ là một tên độc tài khát máu điển hình nhất của lịch sử nước ta, mà rồi anh còn sẽ bán cả cụ Úrsula để lương tâm mình được yên ổn.

Đại tá Aureliano Buendía cứ đứng thần ra như một bức tượng. Tướng Moncada đưa cho chàng kính, huân

chương, đồng hồ, nhẫn cưới rồi đổi giọng nói:

Nhưng thôi, tôi không muốn anh đến để mà xỉ vả anh, – ngài nói. – Tôi muốn nhờ vả anh chuyển những thứ này đến tay vợ tôi.

Đại tá Aureliano Buendía nhận các thứ rồi đút vào túi. – Bà ấy vẫn sống ở Manaure chứ?

Vẫn ở Manaure? – tướng Moncada xác nhận, – vẫn cái ngôi nhà ở phía sau nhà thờ nơi anh đã đến gửi bức thư ấy.

Tôi sẵn lòng làm. José Raquel ạ? – đại tá Aureliano Buendía nói.

Khi chàng bước ra ngoài trong ngọn gió xanh ẩm hơi sương, mặt chàng ướt nhòe như trong buổi bình minh trước đây, và chỉ lúc ấy chàng mới hiểu vì sao

mình đã quyết định bản án phải được thi hành ngay trong sân nhà tù chứ không thể ở bên cạnh bức tường nghĩa địa được. Đội hành hình xếp hàng ngay trước cửa, bỗng súng chào chàng, vị tư lệnh của họ.

Các anh đã có thể lôi hẩn đi được rồi, – đại tá ra lệnh.

CHƯƠNG 9

Đại tá Gerineldo Márquez là người đầu tiên nhận thấy cái hư vô của chiến tranh. Với tư cách người chỉ huy toàn quyền ở Macondo chàng duy trì đều đặn một tuần hai buổi nói chuyện điện tín với đại tá Aureliano Buendía. Lúc đầu những buổi trao đổi này đã khẳng định được dòng chảy của cuộc chiến đẫm máu mà ở bất kỳ thời điểm nào các đường viền của nó cũng cho phép xác lập điểm đích sẽ đi tới

và dự kiến những đường hướng trong tương lai. Dù không bao giờ tự để mình bị sa lầy trong lĩnh vực tình cảm thân tín, ngay cả đối với những người bạn chiến đấu gần gũi nhất, lúc này đại tá Aureliano Buendía đã giữ được cái cách nói quen thuộc cho phép người ở bên kia đầu dây nhận ra mình. Nhiều lần chàng kéo dài các buổi nói chuyện điện tín quá thời gian quy định và để chúng dây dưa sang các câu chuyện phiếm. Tuy nhiên, trong điều kiện cuộc chiến ngày càng mở rộng và căng thẳng hơn, hình ảnh của chàng dần dần lu mờ đi trong thế giới mộng lung không có thực. Những nốt tạch và nốt tè theo cách ẩn cần manip của chàng ngày một xa xưa và mơ hồ hơn, và chúng hợp lại thành những từ ngữ dần dần cũng mất hết ý nghĩa. Lúc này, đại tá Gerineldo Márquez chỉ nghe thôi và chàng cảm thấy khó chịu bởi cảm giác

mình đang tiếp xúc qua điện tín với một người xa lạ thuộc thế giới khác.

Mình đã hiểu, Aureliano ạ! – Chàng ấn cần manip để kết thúc – Đảng Tự do muôn năm!

Đại tá Gerineldo Márquez đã hoàn toàn bị mất liên hệ với chiến tranh. Cái mà trước đây vốn là một hành động thực tế, một đam mê không thể kiềm chế được của tuổi trẻ, giờ đây đối với chàng đã trở thành một câu chuyện xưa, một nỗi trống trải hư vô. Nơi duy nhất để chàng chạy trốn nỗi cô đơn ấy là phòng máy may của Amaranta. Chiều nào chàng cũng đến thăm cô. Chàng thích ngắm đôi bàn tay cô trong lúc gấp nếp vải trên bàn máy do Remedios – Người đẹp quay maniven. Hàng giờ, hàng giờ bọn họ ở bên nhau, không nói lấy một lời. Trong lúc Amaranta tự thỏa mãn với việc duy trì ngọn

lửa yêu đương mãnh liệt của chàng, thì chàng hoàn toàn không thể hiểu nổi mục đích ấy của trái tim kia. Khi được biết tin chàng sẽ trở về, Amaranta cảm thấy sung sướng đến ngạt thở. Nhưng khi thấy chàng lẫn trong đội bảo vệ ồn ã của đại tá Aureliano Buendía bước vào nhà, thấy chàng tiêu tụy vì phải lăn lộn nơi hải ngoại, thấy chàng già đi vì tuổi tác và sự lãng quên, thấy chàng nhớp nháp thứ mồ hôi quện bụi đường, hôi mùi hôi súc vật, thấy chàng xấu trai với cánh tay bị băng bất động ở trước nghe, lúc ấy cô thất vọng quá muốn chết luôn. “Trời ơi, – cô nói – người này không phải là người mình hằng mong đợi”. Tuy nhiên, vào ngày hôm sau, chàng đến nhà trong tư thế bảnh bao hơn: đã cạo râu và tắm rửa, bộ ria mép thơm mùi oải hương, và cánh tay không đeo băng nữa. Chàng mang cho cô một cuốn kinh cầu nguyện

bọc bìu cứng khảm xà cừ.

Ôi, đàn ông mới lạ làm sao, – cô nói bởi không biết nói gì hơn. – Cả đời đấu tranh chống lại các thầy tu, thế nhưng họ lại đi tặng sách kinh đấy.

Kể từ ngày đó, ngay dù trong những ngày chiến sự ác liệt nhất chiều nào chàng cũng đến thăm cô. Rất nhiều lần chàng quay bánh xe quay của chiếc máy khâu khi không có mặt Remedios – Người đẹp. Amaranta cảm thấy lúng túng trước tấm lòng thủy chung son sắt, trước tinh thần tận tụy của người đàn ông được ông anh mình tin cậy ủy thác cho nhiều quyền thế ấy mà khi bước vào phòng máy may vẫn cứ cởi vũ khí để ở ngoài phòng khách. Nhưng, trong bốn năm rông chàng đã thổ lộ tình yêu của mình với cô và cô đã tìm được cách thoái thác mà không làm chàng đau khổ,

bởi vì cô không yêu chàng, nhưng cũng thấy mình không thể sống thiếu chàng. Remedios – Người đẹp, người dường như đứng vững với mọi sự trên đời, bị coi là người kém phát triển trí tuệ, lại tỏ ra không thờ ơ lắm và đã ra vẻ miễn dãi tá Gerineldo Márquez. Amaranta ngay lập tức phát hiện ra rằng cái cô bé do cô nuôi ấy tuy chưa ở tuổi dậy thì đã là cô gái đẹp nhất ở Macondo rồi. Trong trái tim mình cô cảm thấy đang sống lại mối hận thù cô từng đối xử với Rebeca trước đây, và cầu khẩn Thượng đế hãy đừng để mình phải mong cô bé chết, cô đã tổng khứ nó khỏi phòng máy may của mình. Đó là thời kỳ đại tá Gerineldo Márquez bắt đầu cảm thấy chán ghét chiến tranh. Chàng sử dụng đến sự thận trọng của mình, đến tính nết dịu dàng của mình, sẵn sàng từ bỏ vinh quang từng đổi bằng những năm tháng đẹp nhất của đời mình

để chiếm lấy trái tim Amaranta. Nhưng chàng đã không thuyết phục nổi cô.

Vào một chiều tháng tám, đau khổ trước thái độ kiên trì của chàng, Amaranta ở lì trong phòng ngủ để khóc cho nỗi cô đơn của số phận mình, sau khi đã dứt khoát từ chối tấm lòng kiên trinh của chàng:

Chúng ta hãy mãi mãi quên nhau đi,
– cô nói với chàng, – bởi vì chúng ta đã
nhờ thì rồi.

Buổi chiều ấy đại tá Gerineldo Márquez vội chạy đến đáp lời cú điện tín của đại tá Aureliano Buendía. Đó là một buổi nói chuyện thường lệ không hề làm xoay chuyển cuộc chiến tranh tri trệ. Vào lúc kết thúc, đại tá Gerineldo Márquez ngẩng nhìn những con đường hiu quạnh, những giọt nước long lanh như pha lê

trên tán những cây hạnh đào, rồi chàng lạc lối trong nỗi cô đơn.

Aureliano này, – chàng buồn rầu nói qua cần manip – đang mưa ở Macondo đấy!

Im lặng hồi lâu trên đường dây. Bỗng nhiên máy móc vang lên những tiếng tạch tè bức bối của đại tá Aureliano Buendía.

Đừng có mà lẫn thần thế, Gerineldo ạ, – những tín hiệu nói. – Dĩ nhiên tháng tám thì trời mưa.

Đã lâu lắm hai người không được nhìn mặt nhau, đến mức đại tá Gerineldo Márquez phải ngạc nhiên trước thái độ phản ứng đầy vẻ khiêu khích ấy. Tuy nhiên, sau đó hai tháng, khi đại tá Aureliano Buendía trở về Macondo thì sự

ngạc nhiên ấy trở thành một niềm vui đến tận tận cả người. Ngay đến cả Úrsula cũng phải ngạc nhiên khi thấy chàng thay đổi nhiều quá. Lần mình trong chiếc áo khoác ngoài mặc dù đang lúc oi bức, chàng lặng lẽ trở về không hề có lính hộ vệ, mang theo ba ả nhân tình. Chàng để họ cùng ở với mình trong một nhà, còn mình thì nằm dài trên võng gần như hết ngày. Hầu như chàng không đọc những bức điện thông báo tình hình chiến sự hàng ngày. Có lần, đại tá Gerineldo Márquez xin chàng cho những lời chỉ dẫn để giải quyết một vấn đề đang có chiều hướng gây nhiều phiền phức trong quan hệ quốc tế ở một địa điểm trên biên giới và được chàng trả lời:

Đừng làm phiền ta vì những chuyện còn con này, – chàng ra lệnh cho đại tá.
– Hãy đi hỏi đấng Toàn năng ấy.

Có lẽ đó là giai đoạn căng thẳng nhất của cuộc chiến. Các tay địa chủ thuộc phái Tự do, những người ngay từ lúc đầu ủng hộ cách mạng, đã ngấm liên minh với các tay địa chủ thuộc phái Bảo hoàng để chặn đứng cuộc cải cách ruộng đất. Các chính khách từng tài trợ cho cuộc chiến tranh, ngay từ ở hải ngoại họ đã công khai phản đối những quyết định táo bạo của chàng. Nhưng chàng phớt lờ hết, ngay cả đối với sự phế truất quyền lực này. Chàng không đọc lại những bài thơ của mình giờ đây đã dày tới năm tập và thường xuyên bị bỏ quên dưới đáy rương. Về ban đêm hoặc vào giờ ngủ trưa, như thường lệ, chàng gọi một nhân tình lên vờng hú hí với ả rồi sau đó lăn ra ngủ say như trâu chết, chẳng còn biết đến trời đất là gì nữa. Lúc ấy, chỉ có chàng mới hiểu rằng trái tim sôi nổi của mình đã vĩnh viễn bị đày vào cõi

hồn mang. Lúc đầu, say sưa trước thắng lợi trở về trước những thắng lợi quá hiển nhiên, chàng đã bước lên tột đỉnh vinh quang. Chàng hài lòng bám chặt lấy công tước Marlborough, người thầy vĩ đại trong nghệ thuật quân sự của mình, người mặc chiếc áo khoác làm bằng da hổ vẫn giữ nguyên vuốt sắc khiến người lớn phải kính nể và trẻ con phải sợ hãi. Đó là lúc chàng quyết định không một ai, kể cả Úrsula, được đến gần chàng ba mét. Với những mệnh lệnh ngắn gọn và kiên quyết, chàng quyết định vận mệnh thế giới ngay từ trung tâm cái vòng tròn do những kẻ tùy tùng lấy phấn trắng vẽ ở bất kỳ nơi nào chàng đến và chỉ một mình chàng bước vào. Lần đầu tiên có mặt ở Manaure, sau khi hành hình tướng Moncada, chàng vội vã thực hiện nguyện vọng cuối cùng của nạn nhân mình. Bà quả phụ nhận lấy kính, huân chương,

đồng hồ, nhẵn cười nhưng không cho phép chàng bước chân qua cửa.

Đại tá không nên vào nhà, – bà nói.
– Ngài điều hành ngoài mặt trận, còn tôi, tôi điều hành trong nhà mình.

Tuy đại tá Aureliano Buendía không để lộ ra mặt nổi cảm tức nhưng tâm trí chàng chỉ hết day dứt khi biết đám tùy tùng đã cướp phá và thiêu thành tro ngôi nhà bà quả phụ.

“Xin anh hãy lo giữ gìn trái tim mình, Aureliano ạ”, lúc ấy đại tá Gerineldo Márquez nói với chàng. “Anh đang mục ruỗng trong lúc còn đang sống”.

Lúc này, chàng tổ chức hội nghị lần thứ hai các tướng lĩnh khởi nghĩa chủ chết. Chàng gặp mặt tất cả: các nhà ảo tưởng có, những kẻ nhiều tham vọng có,

những tay mạo hiểm có, những kẻ nặng
hiềm thù cá nhân có, và ngay cả đến
những tên đầu trộm đuôi cướp cũng có.
Cũng còn có một quan chức Bảo hoàng
đã chạy trốn tòa án vì tội biến thủ công
quỹ. Rất nhiều người không biết gì, kể
cả vì sao mình chiến đấu họ cũng không
biết nốt. Trong khung cảnh lộn xộn của
đám đông mà sự khác biệt nhau về chính
kiến suýt nữa gây ra vụ bùng nổ trong
nội bộ, nổi bật lên một thế lực đáng sợ:
đó là tướng Teófilo Vargas. Ngài là một
người Anh-điêng thuần gốc, thô bạo,
mù chữ, nhưng lại có đức ranh mãnh
ngâm và có tài dùng ma thuật vùng Tiểu
Á để trói buộc quân lính mình trong một
thứ cuồng tín điên rồ. Đại tá Aureliano
Buendía triệu tập Hội nghị với mục đích
thâu tóm quyền chỉ huy quân khởi nghĩa
vào tay mình để chống lại các thủ đoạn
của đám chính khách. Tướng Teófilo

Vargas đã đi trước những dự định của chàng: Trong ít giờ đồng hồ ngài phá vỡ được sự thống nhất của một số viên tư lệnh nổi tiếng nhất và nhảy lên nắm quyền chỉ huy chung.

“Đó là một con mãnh thú cần phải dè chừng”, chàng nói với các sĩ quan thuộc quyền mình. “Đối với chúng ta, con người ấy còn nguy hiểm hơn cả viên Bộ trưởng Bộ quốc phòng đấy”.

Giữa lúc ấy có một viên đại úy trẻ, vốn thường trội hơn người đời bởi tính ủy mị của mình, đã thận trọng giơ tay:

Thưa đại tá, thật quá dễ dàng, – viên đại úy trẻ nói để thăm dò. – Giết quách hắn đi là xong thôi mà!

Đại tá Aureliano Buendía không ngạc nhiên trước tính chất giá lạnh của

lời đề nghị được đưa ra mà trái lại chàng ngạc nhiên trước cái cách thức trong đó một phần tử thứ yếu đã đi trước chính sự suy nghĩ của mình.

Các ngài đừng đợi ta ra cái lệnh ấy nhé, – chàng nói.

Quả nhiên, chàng không ra lệnh. Nhưng mười lăm ngày sau đó tướng Teófilo Vargas đã bị dao bằm vằm trong một vụ phức kích bất ngờ và đại tá Aureliano Buendía bước lên nắm quyền chỉ huy chung. Chính trong cái đêm chức vụ mới của chàng được tất cả các viên tư lệnh quân khởi nghĩa thừa nhận, chàng bỗng hoảng hốt bật thức dậy, gào toáng đòi người ta mang đến cho mình một chiếc áo khoác ngoài. Một cơn lạnh bên trong biết thấu tận xương, làm chàng nhức nhối, ngay lúc mặt trời đứng bóng cũng không để cho chàng yên. Tình

trạng ấy kéo dài vài tháng cho đến khi chàng bị mất ngủ kinh niên. Con mơ quyền lực bắt đầu đổ vỡ từng mảng. Để tìm cách giải cơn rét bên trong chàng ra lệnh bắn viên sĩ quan trẻ nêu đề nghị giết tướng Teófilo Vargas. Các mệnh lệnh của chàng được thi hành trước lúc được ban bố, nhiều khi ngay cả trước khi chàng dự định và thường thường vượt quá mức chàng dám mong muốn. Lạc lối trong nỗi cô đơn của quyền lực vô biên, chàng bắt đầu mất phương hướng. Chàng khó chịu trước đám dân chúng ở những làng bị chiếm đóng tung hô mình và chàng cảm thấy họ chính là đám dân chúng từng tung hô kẻ thù của mình. Trên khắp các nẻo đường, chàng đều gặp những trang thiếu niên nhìn mình với chính đôi mắt mình, nói chính giọng nói của mình, chào chàng bằng chính sự nghi ngờ mà chàng đã chào chúng và

đều nhận chúng là con của chàng. Chàng cảm thấy mình bị phân tán, bị lặp lại, và cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Chàng nhận ra chính đám sĩ quan của mình đã lừa phỉnh mình. Chàng đánh lộn với công tước Marlborough. “Người bạn tốt nhất, – chàng vẫn thường nhủ mình, – là người vừa chết xong”.

Chàng mệt mỏi trước hoàn cảnh mơ hồ, trước vòng luẩn quẩn của cuộc chiến dằng dai ấy mà chàng luôn luôn bắt gặp mình ngay tại một địa điểm, chỉ có điều là chàng ngày một già thêm, ngày một yếu hơn mà không hề biết vì sao, như thế nào và đến bao giờ. Lúc nào cũng có kẻ đứng ở ngoài vòng phẫn trảng. Đó là kẻ đòi tiền chàng, là kẻ có đứa con đang bị ho gà, hoặc là kẻ muốn đi ngủ mãi mãi vì không thể ngậm mãi trong miệng mình cái mùi vị cứt đá của chiến tranh, và là

kẻ tuy nhiên vẫn cố gắng gượng đứng nghiêm để báo cáo: “Thưa đại tá, tất cả đều bình thường ạ”. Và chính sự bình thường ấy, vốn có nghĩa là không có gì xảy ra, lại là cái đáng sợ hơn cả của cuộc chiến tàn bạo. Vì bị điểm báo bỏ rơi và để chạy trốn cơn rét bên trong cơ thể sẽ theo riết chàng cho tới khi chết, chàng tìm đến nơi ẩn nấp duy nhất ở làng Macondo, trong hơi ấm của những kỷ niệm xa xưa ấy. Sự lười biếng của chàng thật là quá đáng đến mức khi người ta báo tin có phái đoàn của đảng đến để thảo luận về việc đình chiến thì chàng chỉ cựa mình trên võng, không hề thức dậy.

Dẫn bọn nó đến nhà thổ nhé, – chàng nói.

Đó là sáu luật sư mặc áo đuôi tôm đội mũ phớt đang cố chịu đựng cái nóng ngột ngạt của tháng mười một gay gắt

năng. Úrsula để họ trú chân ngay trong nhà mình. Phần lớn buổi ban ngày bọn họ đóng kín cửa ở lì trong phòng ngủ để lén lút bàn luận. Khi tối đến họ đòi cho một đội lính bảo vệ và một nhóm nhạc công đàn phong cầm rồi tự ý đến tiệm bác Catarino. “Đừng làm phiền họ nhé”, đại tá Aureliano Buendía căn dặn. “Ta đã biết tổng bọn chúng muốn gì rồi”. Vào đầu tháng chạp, cuộc thảo luận từng chờ đợi lâu nay, được mọi người dự đoán là một cuộc thảo luận không thể kết thúc đã diễn ra trong không đầy một giờ. Trong phòng khách nực nựa, bên cạnh cây đàn dương cầm tự động được một tấm vải trắng phủ kín, lần này đại tá Aureliano Buendía không ngồi vào chính giữa vòng phấn trắng do đám tùy tùng của mình vạch ra. Chàng ngồi trên một chiếc ghế giữa những cổ vấn chính trị của mình. Cuộn mình trong chiếc áo

khoác nỉ, chàng lặng lẽ nghe những đề nghị ngắn gọn của các sứ giả đặc nhiệm. Đầu tiên họ đề nghị bỏ việc kiểm tra văn tự ruộng đất để lấy lại sự ủng hộ của cánh địa chủ Tự do. Sau đó họ đề nghị từ bỏ cuộc đấu tranh chống ảnh hưởng của giáo hội để tranh thủ sự đồng tình của giáo dân. Cuối cùng họ đề nghị từ bỏ lý tưởng bình đẳng về quyền lợi giữa con hoang và con đích để bảo vệ tôn ty trật tự trong gia đình.

Nghĩa là, – đại tá Aureliano Buendía mỉm cười khi các sứ giả ngừng đọc, – chúng ta đang chiến đấu chỉ để giành chính quyền thôi.

Đó chỉ là những cải cách tạm thời, – một đại biểu cãi lại. – Lúc này hơn lúc nào hết, điều căn bản là mở rộng cơ sở quần chúng của cuộc chiến. Sau đó chúng ta sẽ xem lại.

Một cố vấn chính trị của đại tá Aureliano Buendía vội vã tham gia tranh luận.

Thật là nhảm nhí, – ông ta nói, – nếu những cải cách này là đúng đắn thì điều đó muốn nói rằng: chế độ Bảo hoàng là tốt đẹp. Nếu bằng những cải cách này chúng ta mở rộng được cơ sở quần chúng của cuộc chiến thì điều đó muốn nói rằng chế độ Bảo hoàng đang có cơ sở quần chúng rộng lớn. Và nhìn chung, điều đó muốn nói rằng trong gần hai mươi năm nay chúng tôi đã chiến đấu chống lại lương tri dân tộc mình.

Ông ta còn định tiếp tục nói nhưng đại tá Aureliano Buendía ra hiệu cho ông dừng lại. “Xin tiến sĩ đừng làm mất thời giờ”, chàng nói. “Điều có ý nghĩa quan trọng là kể từ bây giờ trở đi chúng ta chiến đấu với mục đích duy nhất là

giành lấy chính quyền”. Chàng vẫn mỉm cười, cầm lấy những tờ giấy do các sứ giả đưa cho và sẵn sàng định ký.

Gặp thời thế thế thời phải thế, – chàng kết thúc, – chúng tôi hoàn toàn chấp nhận mà. Những người thuộc phe chàng thẳng thốt đưa mắt nhìn nhau.

Xin đại tá thứ lỗi cho, – đại tá Gerineldo Márquez nhỏ nhẹ nói – Đó là một sự phản bội ạ?

Đại tá Aureliano Buendía dùng ngọn bút đã chấm mực ở trên không và trút lên đầu đại tá Gerineldo Márquez tất cả sức nặng quyền uy của mình:

Nộp vũ khí cho ta, – chàng ra lệnh.

Đại tá Gerineldo Márquez đứng dậy, đặt vũ khí lên bàn.

Hãy trình diện ở trại lính, – đại tá Aureliano Buendía ra lệnh cho chàng. – Anh sẽ phải chịu sự định đoạt của tòa án cách mạng.

Sau đó chàng ký bản tuyên bố, trao giấy má cho các sứ giả và nói với họ:

Hỡi các ngài, các ngài đã có giấy tờ của mình ở đây cả rồi. Mong các ngài hãy tận hưởng chúng nhé.

Hai ngày sau đó, đại tá Gerineldo Márquez bị tố cáo là kẻ phản bội, đã bị kết án tử hình. Nằm trên vồng mình, đại tá Aureliano Buendía cứ trơ lì trước mọi lời van xin khoan hồng cho đại tá Gerineldo Márquez. Đêm trước ngày hành hình, bất chấp lệnh không được làm phiền chàng, Úrsula đã vào thăm chàng ngay trong phòng ngủ. Mặc bộ đồ đen tuyền phủ từ đầu đến phân, vẻ trịnh

trọng khác thường, cụ đứng suốt ba phút trong lúc nói với chàng.

“Ta biết mày sẽ bắn thẳng Gerineldo, – cụ đồng dục nói, – và ta không thể làm gì để ngăn chặn vụ hành hình này. Nhưng ta nói cho mày biết ngay sau khi thấy tử thi nó ta sẽ thể trước hài cốt của cha mẹ ta, trước vong linh của José Arcadio Buendía, ta sẽ thể trước Thượng đế rằng dù mày trốn đi bất kỳ đâu ta cũng lôi mày ra và ta sẽ tự tay giết mày”.

Trước khi ra khỏi phòng, không đợi nghe con mình cãi lại, cụ kết thúc:

Cũng như ta sẽ giết mày nếu mày sinh ra với cái đuôi con lợn.

Trong cái đêm dài đằng đẵng ấy, khi đại tá Gerineldo Márquez nhớ lại những buổi chiều êm đẹp trong phòng máy

may của Amaranta thì đại tá Aureliano Buendía bức bối dần vặt, cổ cẩu xé cho vỡ nát cái đêm dài dằng dặc, cái vỏ dai bọc quanh nỗi cô đơn của chàng. Quãng đời hạnh phúc duy nhất của chàng, kể từ buổi chiều xa xưa ấy khi cha chàng dẫn chàng đi xem nước đá, đã diễn ra trong xưởng kim hoàn, nơi thời gian cứ trôi đi trong lúc chàng miệt mài đúc những con cá vàng. Chàng đã phải khơi dậy ba mươi hai cuộc nội chiến, đã nhiều lần thoát chết, và đã phải tìm kiếm vinh quang như con lợn dũi đồng rác tìm kiếm thức ăn, để gần bốn mươi năm sau mới phát hiện ra ý nghĩa của câu phương ngôn “ngu si hưởng thái bình”, một đức tính vốn có của sự nhẹ dạ cả tin.

Vào lúc trời rạng sáng, người phò phạc mệt mỏi bởi đêm mất ngủ hành hạ, chàng xuất hiện trong xà lim tử tù trước

lúc hành hình một giờ.

“Trò hề đã hết rồi, anh bạn ạ”, chàng nói với đại tá Gerineldo Márquez. “Chúng mình sẽ ra khỏi nơi đây trước khi muộn kịp hành hình anh”. Đại tá Gerineldo Márquez không thể kìm được sự khinh bỉ của mình trước thái độ ngạo mạn kia.

Không đi đâu hết, Aureliano ạ, – chàng phản đối. – Tôi thà chết còn hơn phải nhìn thấy anh trở thành con dao đâm máu.

Anh sẽ không thấy tôi nữa mà, – đại tá Aureliano Buendía nói. – Anh hãy đi giày vào và hãy giúp tôi kết thúc cuộc chiến bẩn thỉu này.

Ngay trong lúc nói chàng vẫn chưa hình dung nổi rằng khởi sự một cuộc

chiến bao giờ cũng dễ dàng hơn nhiều so với việc kết thúc nó. Chàng cần tới một năm chiến đấu đẫm máu để buộc chính phủ phải đưa ra những đề nghị hòa bình có lợi cho quân khởi nghĩa và một năm nữa để thuyết phục phe cánh mình nhất trí chấp nhận những điều kiện đó. Chàng đã bước tới những thái cực không muốn của tội ác để dim tắt các cuộc khởi nghĩa của chính các sĩ quan dưới quyền mình, những người vẫn ngoan cường chiến đấu chống lại sự bán rẻ thắng Lợi của cuộc khởi nghĩa, để rồi kết thúc bằng việc chính chàng giúp đỡ cho các lực lượng thù địch hoàn toàn thống trị họ. Chưa bao giờ chàng là một chiến binh dũng mãnh như lúc ấy. Sự nhận thức sáng rõ rằng cuối cùng mình chiến đấu vì chính sự giải phóng mình chứ không phải vì những tư tưởng trừu tượng, vì những khẩu hiệu do các

chính khách có thể phất phải hoặc phất trái tùy theo từng hoàn cảnh cụ thể, đã truyền cho chàng một nhiệt tình phấn khích mới. Đại tá Gerineldo Márquez, người chiến đấu cho sự thất bại với tất cả lòng hăng say và trung thành như trước đây từng chiến đấu vì thắng lợi, đã phản đối sự sợ hãi vô tích sự của chàng. “Anh đừng lo”, chàng nói. “Chết đâu có phải là quá dễ dàng như người ta tưởng”. Trong trường hợp của chàng đó là sự thật. Niềm tin vững chắc rằng ngày chết của mình sẽ được báo trước đã phú cho chàng tính bất khả xâm phạm kỳ lạ, một sự bất tử, chắc chắn đến mức khiến chàng không thể bị thương trong những lúc xông trận nguy hiểm và cuối cùng đã cho phép chàng giành được một sự thất bại còn khó khăn hơn nhiều, còn đầm máu và phải trả giá đắt hơn nhiều so với việc giành lấy một thắng lợi.

Trong gần hai mươi năm chiến tranh, đại tá Aureliano Buendía đã nhiều lần có mặt ở nhà, nhưng trạng thái vội vã mỗi lần chàng trở về, cái bộ máy quân sự ồn ã theo chàng đi khắp các miền đất nước cũng như vầng hào quang huyền thoại ôm tỏa hình ảnh chàng và ngay đối với hình ảnh của chàng trong ánh hào quang huyền thoại ấy không ai cảm thấy gần gũi kể cả chính Úrsula, tất cả những cái đó đã biến chàng thành một kẻ lạ lẫm. Lần cuối cùng chàng có mặt ở Macondo và đã sử dụng một ngôi nhà cho ba nhân tình của mình ở, ngoài ra chỉ thấy chàng ở nhà mình hai hoặc ba lần, khi chàng có thời gian để trở về nhà ăn cơm theo lời mời của gia đình. Remedios – Người đẹp và hai cậu bé sinh đôi, những kẻ sinh ra ở giữa thời buổi loạn lạc, hầu như không quen biết chàng. Amaranta không tìm ra mối tương đồng giữa hình

ảnh ông anh đã để cả tuổi trẻ của mình trôi đi trong xưởng kim hoàn đúc những con cá vàng với hình ảnh một chiến binh huyền thoại từng cách ly mình với phần còn lại của nhân loại bởi một khoảng cách dài ba mét. Nhưng khi cô biết sắp có đình chiến và nghĩ rằng một lần nữa chàng trở về làm người bình thường, và cuối cùng chàng được tự do trở lại với trái tim của những người thân, thì tình cảm gia đình, bị ngủ quên đã khá lâu, nay sống lại mạnh mẽ hơn bao.

Cuối cùng, – Úrsula nói, – một lần nữa chúng ta lại có người đàn ông trong nhà.

Amaranta là người đầu tiên hồ nghi rằng người ta đã làm cho chàng thất bại vĩnh viễn. Một tuần trước khi đình chiến, khi chàng bước vào nhà không có lính hộ vệ, theo sau là hai lính đồng

đi chân đất, những người này đặt xuống hành lang tất cả các đồ thô do la chở, và một hòm đựng thơ, vật còn lại duy nhất trong số tư trang đẹp đẽ của chàng, thì cô thấy chàng đi qua trước phòng máy may và gọi chàng. Đại tá Aureliano Buendía dường như khó nhận ra cô.

Em là Amaranta đây! – cô nói đùa, vui vẻ vì anh mình trở về và chìa cho chàng xem tấm băng đen. – Hãy nhìn này, anh.

Đại tá Aureliano Buendía nhoẻn một nụ cười y hệt nụ cười chàng nhìn thấy cô băng tay lần đầu tiên, cái lần chàng trở về Macondo bị kết án tử hình.

Ôi, thật khủng khiếp, – chàng nói, – thời gian trôi đi sao mà nhanh thế!

Quân đội thường trực có nhiệm vụ

bảo vệ ngôi nhà. Chàng trở về trong tư thế bị áp giải, bị phỉ nhổ, bị buộc tội đã làm cho chiến tranh tái phát với mục đích bán nó đắt hơn. Chàng run lấy bầy vì sốt và vì rét và một lần nữa hai nách chàng lại sưng. tấy lên. Sáu tháng trước khi nghe tin sẽ có đình chiến, Úrsula đã mở cửa và quét dọn phòng của vợ chồng chàng rồi xông trầm hương khắp các xó xỉnh mà nghĩ rằng chàng sẽ trở về tỉnh dưỡng tuổi già bên cạnh những con búp bê lâu ngày không dùng đến của Remedios. Nhưng thực ra, trong hai năm cuối cùng chàng đã trả cho cuộc đời những gì mình được hưởng kể cả phần mình hưởng trong tuổi già. Vào lúc đi qua xưởng kim hoàn từng được Úrsula chuẩn bị khéo léo, chàng không nhận ra ngay cả đến chùm chìa khóa đã cài sẵn ở ổ khóa. Chàng không cảm nhận gì hết ngay cả những hư hỏng dù lớn dù nhỏ do thời

gian trôi đi đã để lại trong ngôi nhà và rằng sau một thời gian vắng nhà rất lâu ấy nếu một người vẫn giữ sống nguyên những kỉ niệm của mình hẳn phải thấy đó là một tai họa. Chàng không mấy may đau khổ trước những vết vôi lở trên tường, trước những mạng nhện giăng khắp các xó xỉnh, trước bụi bặm phủ trên các cây thu hải đường, trước những vết một lỗ chỗ mắt sàng trên xà nhà, trước rêu bám trên bậc cửa. Chàng ngồi ở ngoài hiên, vẫn đi ủng và cuộn mình trong chiếc áo khoác, như thể đang đợi trời tạnh mưa, và cứ ngồi nguyên như thế suốt buổi chiều ngấm mưa rơi trên những cây thu hải đường. Lúc ấy Úrsula hiểu rằng đã lâu lắm cụ không có chàng ở nhà này. “Nếu không phải là chiến tranh; – cụ nghĩ, – thì chỉ có thể là thần chết”. Đó là một dự đoán hết sức sáng rõ, có sức thuyết phục đến mức cụ đồng

nhất nó với một điềm báo. Đêm ấy trong lúc ăn tối, cậu bé mạo danh Aureliano Segundo cầm bánh bằng tay trái và múc súp bằng tay phải. Người anh em sinh đôi với cậu, mạo danh José Arcadio Segundo, cầm bánh bằng tay phải và múc súp bằng tay trái. Bọn chúng cử động thật là nhịp nhàng đến mức không thể nghĩ là hai người ngồi đối diện nhau mà đó dường như là một người ngồi nhìn vào gương. Cảnh tượng hai đứa trẻ sinh đôi đồng cảm với nhau kể từ khi chúng có ý thức rằng chúng giống nhau như đúc được lặp lại để chào đón người mới trở về. Nhưng đại tá Aureliano Buendía cũng không nhận ra nó. Dường như chàng xa lạ với tất cả, ngay đến việc Remedios – Người đẹp khóa thân đi qua để vào phòng ngủ cũng không khiến chàng để ý. Úrsula là người duy nhất đã dám

làm khuấy đảo cơn trầm tư mặc tưởng của chàng:

Nếu con cần phải ra đi nữa, – cụ nói với chàng vào lúc giữa bữa ăn, – thì ít ra con cũng phải làm cái gì để chúng ta còn nhớ đêm nay chúng ta đã sống như thế nào nữa chứ!

Vậy là không một chút ngạc nhiên, đại tá Aureliano Buendía nhận ra rằng Úrsula là người duy nhất đã đoán biết được nỗi đau của lòng mình, và lần đầu tiên trong rất nhiều năm chàng dám nhìn thẳng vào mắt cụ. Da cụ nhăn nheo, răng cụ khấp khiểng, tóc cụ khô héo và cái nhìn trên mắt cụ đầy vẻ thẳng thốt. Chàng so sánh cụ với hình ảnh xa xưa của cụ mà chàng vẫn giữ được, hình ảnh cụ trong buổi chiều chàng đã nói ra điểm báo nói rằng cái nổi canh vừa sôi

sẽ đổ khỏi bàn và quả nhiên nó đã đổ xuống đất vỡ tan từng mảnh. Ngay lập tức chàng nhận ra những vết nhăn nheo, những vết sần sùi, những vết chai, những vết sẹo đã để lại trên làn da cụ trong hơn một nửa thế kỷ làm lưng vất vả và chàng nhận thấy rằng những dấu vết ấy không mấy may làm lay động lòng mình. Ngay lập tức chàng cố vội tìm trong trái tim mình cái nơi có những tình cảm đã bị mục ruỗng và chàng đã không thể tìm ra. Chỉ ít ra, trong lúc khác, chàng cảm thấy xấu hổ khi bỗng nhiên chàng bắt gặp hơi hám của Úrsula trên làn da mình và nhiều lần chàng cảm thấy những suy tư của cụ đã giao thoa vào những suy tư của mình. Song tất cả những cái đó đều bị chiến tranh choán hết chỗ. Ngay trong thời điểm ấy, chính Remedios, vợ chàng, cũng là hình ảnh mờ nhạt của một người nào đó có thể là con gái chàng. Những cô

gái chàng quen biết trong nỗi hiu quạnh của tình yêu và là những người để chàng gieo rắc nỗi giống mình trên khắp miền duyên hải, không một ai để lại dấu ấn trong tình cảm của chàng. Phần lớn các cô ấy đã bước vào phòng chàng ngủ lúc trời tối và đã ra đi trước khi trời sáng, và ngày hôm sau họ chỉ còn là một chút hoài nhớ băng khuâng trong ký ức chàng. Tình cảm duy nhất vẫn trụ lại trước sức tàn phá của thời gian và chiến tranh là tình cảm chàng nhớ thương người anh trai José Arcadio khi cả hai người còn là trẻ thơ, chưa hề biết đến yêu đương mà chỉ cùng nghịch ngợm thôi.

Xin mẹ thứ lỗi cho, – chàng nói để đáp lại yêu cầu của Úrsula. – Chỉ vì cuộc chiến tranh này đã hủy hoại hết cả.

Những ngày sau đó, chàng loay hoay lo xóa sạch dấu ấn của mình từng hiện

hữu trong cõi đời này. Chàng dọn quang quẻ xưởng kim hoàn, chỉ để lại những đồ dùng nào không gợi nhớ mình, phân phát quần áo của mình cho những người lính gác, rồi với chính ý nghĩ hối hận mà cha chàng đã có khi chôn ngọn giáo đâm chết Prudencio Aguilar, chàng chôn vũ khí của mình ở ngoài sân. Chàng chỉ giữ lại một khẩu súng lục với độc một viên đạn. Úrsula không dám can dự vào công việc của chàng. Chỉ có một lần duy nhất cụ khuyên giải chàng, ấy là lúc chàng sắp xé bức ảnh Remedios được giữ gìn cẩn thận ở trong phòng và được một ngọn đèn lúc nào cũng thấp tỏa sáng chiếu vào. “Bức chân dung này đã từ lâu không thuộc về con nữa”, cụ nói với chàng. “Đó là một bảo vật của gia đình”. Đêm trước ngày ký hiệp định đình chiến, khi trong nhà không còn lấy một vật gợi người khác nhớ tới mình, chàng cấp chiếc hòm

đựng năm tập thơ mang đến lò nướng bánh trong lúc Santa Sofía de la Piedad đang chuẩn bị nhóm lò.

Lấy cái này mà nhóm lò, – chàng nói rồi đưa cho cô cuộn giấy đã ố vàng. – Lò sẽ mau bốc lửa hơn bởi vì toàn là của đã lâu ngày rồi.

Santa Sofía de la Piedad, người phụ nữ trầm lặng, người phụ nữ dịu dàng, người không bao giờ cãi lại ai ngay cả với các con mình, nhận ngay ra đó là một hành động đã bị cấm.

Đó là những giấy tờ quan trọng đấy, – cô nói.

Chả có gì quan trọng đâu, – đại tá nói. – Đó là những trang giấy hoàn toàn riêng tư chỉ để cho ai viết người ấy đọc.

Vậy thì, xin ông trẻ hãy đốt hộ, – cô nói.

Không những chàng đốt giấy mà còn lấy rìu chẻ thùng ra từng mảnh rồi đưa tất cả vào lò. Trước đó mấy giờ, Pilar Ternera đã đến thăm chàng. Sau nhiều năm không nhìn thấy bà, đại tá Aureliano Buendía vô cùng ngạc nhiên thấy bà đã già đi và béo đầy ra quá nhiều, thấy bà đã đánh mất tiếng cười vang khanh khách, nhưng chàng cũng ngạc nhiên khôn xiết trước tài bói bài chính xác của bà. “Hãy giữ miệng”, bà đã bảo chàng, và chàng tự hỏi, nếu như lần khác trong tội đỉnh vinh quang mà bà bảo chàng điều đó, thì liệu nó có phải là một cái nhìn đã bất ngờ ảnh hưởng tới số phận chàng không. Sau đó ít lâu, khi viên bác sĩ bảo vệ sức khỏe đã lau xong mắt ở hai nách, không một chút hứng thú đặc biệt, chàng

chỉ hỏi ông ta tìm nằm chính xác ở đâu. Viên bác sĩ đã chỉ vào chỗ tim nằm rồi lấy bông bần thấm thuốc đỏ vẽ lên ngực chàng một vòng tròn.

Ngày thứ tư, cái ngày ký hiệp định đình chiến bùng sáng trong quang cảnh trời mưa và thời tiết ẩm áp dễ chịu. Đại tá Aureliano Buendía xuất hiện ở nhà bếp trước lúc năm giờ và như thường lệ uống cà phê không đường. “Con đã chào đời vào đúng cái ngày như thế này”, Úrsula bảo chàng. “Tất cả mọi người ai cũng phải ngạc nhiên trước đôi mắt mở thao láo của con”. Chàng không chú ý nghe cụ nói, bởi vì đang lắng nghe quân lính chuẩn bị, lắng nghe những hồi kèn đồng báo thức vang lên lanh lảnh và những tiếng hô ra lệnh đang làm xốn xang buổi bình minh. Dù sau nhiều năm chiến tranh, những tiếng động ấy dường

như đã thân quen với chàng nhưng lần này chúng lại khiến chàng có cảm giác rùng rờ ở nơi đầu gối, có cảm giác rờn rợn nơi làn da từng cảm thấy trong tuổi thanh xuân khi đứng trước một người đàn bà khóa thân. Chàng nghĩ một cách hỗn độn, vào lúc đã bị nhốt trong cạm bẫy của nỗi cô đơn, rằng nếu mình lấy cô gái ấy hẳn mình đã là một người đàn ông không lẫn lộn trong chiến tranh và không mang quang vinh, đã là một thợ thủ công bình thường không tên tuổi, một con đực hạnh phúc. Chính cảm giác buồn muộn màng ấy, vốn không nổi bật lên trong các dự kiến của chàng, khiến chàng ăn sáng mà thấy đắng miệng. Vào lúc bảy giờ sáng, khi đại tá Gerineldo Márquez đến tìm chàng để cùng đi trong nhóm sĩ quan cách mạng, đã bắt gặp chàng lăm lỳ, suy tư, cô đơn hơn bao giờ hết. Úrsula định khoác lên vai chàng

chiếc áo khoác mới. “Chính phủ sẽ nghĩ như thế nào”, cụ nói với chàng, “Họ sẽ nghĩ rằng con đầu hàng chẳng qua là vì con đã khánh kiệt tới mức không mua nổi một chiếc áo khoác”. Nhưng chàng vẫn không chịu nhận chiếc áo khoác. Khi đã ra tới cửa, vì nhìn thấy trời vẫn mưa nên chàng đã để cụ đội cho mình chiếc mũ nỉ cũ của José Arcadio Buendía.

Aureliano con ạ, – lúc ấy cụ kịp nói với chàng, – hãy hứa với mẹ rằng nếu ở đây con gặp điều rủi ro thì con hãy nghĩ tới mẹ mình. Hứa đi con!

Với cụ chàng mỉm một nụ cười lơ đãng, giơ bàn tay xò rộng năm ngón, rồi không nói lấy một lời chàng ra khỏi nhà mình để chường mặt trước những tiếng gào thét, những lời chửi bới và nguyên rủa theo chàng cho đến tận cổng làng. Úrsula cài thật chặt then cửa với ý định

sẽ không mở trong suốt quãng đời còn lại của cụ. “Chúng ta sẽ chết mục trong nhà”, cụ nghĩ. “Chúng ta thà để tro phủ kín người ở trong ngôi nhà không có đàn ông này, chứ nhất định không để cho dân làng khốn nạn này thích thú nhìn chúng ta khóc”... Cả buổi sáng ấy cụ lực khắp các xó kín để tìm một kỉ niệm của con mình nhưng không sao tìm nổi.

Buổi lễ kỷ kết được tổ chức ở một địa điểm cách Macondo chừng vài chục kilômét, ngay dưới bóng một cây gạo khổng lồ mà sau này thị trấn Neerlandia được thành lập. Đại biểu của chính phủ, của các đảng phái, của đội quân nộp súng đầu hàng được một nhóm ồn ã các cô nữ tu sĩ mặc áo trắng phục vụ, nom các cô giống như đàn bồ câu đang hoảng hốt trước trời mưa. Đại tá Aureliano Buendía cười trên lưng một con lừa lấm bê

bết bùn đến địa điểm. Chàng không cạo râu, chàng đau đớn bởi cơn nhức nhối do nách sưng tấy hơn là do sự thất bại khủng khiếp của các mơ ước của chàng, bởi lẽ chàng đã đạt tới điểm tận cùng của mọi niềm tin, nó hơn cả vinh quang và hơn cả nỗi luyến tiếc vinh quang. Theo đúng như điều chàng đề nghị, buổi lễ không có âm nhạc, không có pháo nổ, không có chuông ngân reo vui, không có lời tung hô, không làm theo bất kỳ một kiểu phô trương hình thức nào để có thể làng đảo lộn tính chất tang tóc của lễ kỷ hiệp định đình chiến. Một bác phó nháy lưu động, vì chụp được ảnh chàng – tấm chân dung này có thể được lưu giữ – đã bị buộc phải hủy ngay toàn bộ số phim mà không cần phải kiểm tra từng cái một.

Buổi lễ hầu như diễn ra trong thời

gian vừa đủ để cho chữ ký ráo mực. Các sĩ quan, còn trung thành đến phút chót với đại tá Aureliano Buendía ngồi xung quanh một chiếc bàn mộc thô đặt ở chính giữa rạp xiếc cũ, nơi có các đại biểu ngồi. Trước khi ký văn bản, vị đại diện cho Tổng thống nước cộng hòa định đọc to văn bản đầu hàng, nhưng đại tá Aureliano Buendía đã kịp phản đối. “Không nên mất thời giờ trong các nghi thức”, chàng nói rồi định ký mà không cần đọc lại các văn bản. Một trong số các sĩ quan của chàng lúc đó phá vỡ cái không khí lạnh lẽo đến mức nặng nề trong rạp xiếc.

Thưa đại tá, – người ấy nói, – xin đại tá làm ơn đừng để chúng ta là những người ký trước ạ?

Đại tá Aureliano Buendía dừng lại. Văn kiện đã đi một vòng quanh bàn trong không khí yên tĩnh tuyệt đối đến mức có

thể đọc được các chú ký nhờ ngọn bút vẽ nguệch ngoạc trên giấy.

Chỗ ký đầu tiên vẫn còn để trống. Đại tá Aureliano Buendía sẵn sàng đặt bút ký vào.

Thưa đại tá, – lúc đó một viên sĩ quan khác của chàng nói, – ngài vẫn còn đủ thời gian để ký ạ.

Không hề mất bình tĩnh, đại tá Aureliano Buendía ký bản sao thứ nhất. Chàng vẫn chưa ký bản sao cuối cùng thì ở ngoài cửa rạp xuất hiện một đại tá quân khởi nghĩa trẻ măng đang nắm cương một con lừa cái thồ hai chiếc hòm. Mặc dù đang lúc còn trẻ măng, người ấy để lộ vẻ điềm tĩnh đầy chua chát. Đó là người giữ công quỹ của lực lượng cách mạng ở

quanh vùng Macondo. Chàng trẻ tuổi đó phải trải qua sáu ngày đường cực nhọc, lôi chú lừa lả đi vì đói để đến kịp giờ ký kết hiệp định đình chiến. Với điệu bộ thư thả của người đang thất vọng, chàng trẻ tuổi dỡ hai chiếc hòm, mở tung chúng ra, rồi đặt lên bàn bảy mươi hai viên gạch vàng từng viên từng viên một. Không một ai nhớ số của cái ketch sù ấy vẫn còn. Trong năm chiến tranh cuối cùng đầy biến động khi bộ chỉ huy trung ương bị vỡ từng mảng và cuộc cách mạng biến chất thành một cuộc đánh lộn đẫm máu giữa các viên tư lệnh, thật khó mà xác định được bất kỳ một trách nhiệm nào thuộc về ai. Số vàng của quân khởi nghĩa, vốn bị nung chảy thành từng cục và sau đó được phủ một lớp bùn nung, trên thực tế không được một ai kiểm soát. Đại tá Aureliano Buendía bảo liệt ghi bảy mươi hai viên gạch vàng ấy vào danh sách của

cải do phía quân cách mạng đầu hàng giao cho chính phủ rồi kết thúc lễ ký kết mà không cho phép ai đọc diễn văn. Anh thanh niên gầy còm xanh tái ấy vẫn đứng trước mặt chàng với đôi mắt màu hổ phách nhìn thẳng vào mắt chàng.

Còn gì nữa chàng trẻ tuổi? – đại tá Aureliano Buendía hỏi. Đại tá trẻ tuổi nghiêng hai hàm răng lại:

Chứng từ! – chàng trẻ tuổi nói.

Đại tá Aureliano Buendía chìa cho anh chứng từ do chính tay chàng viết. Sau đó, chàng uống một cốc nước chanh và một chiếc bánh biscô do các cô nữ tu sĩ phân phát; rồi chàng đi về một trong những gian lều người ta chuẩn bị sẵn nếu chàng muốn nghỉ ngơi. Tại đây, chàng cởi áo sơ mi, ngồi lên mép chiếc giường một. Vào lúc ba giờ mười lăm chiều,

chàng chĩa mũi súng lục vào ngay vòng tròn do viên bác sĩ bảo vệ sức khỏe lấy thuốc đỏ vẽ lên ngực mình rồi bóp cò. Ở Macondo vào đúng cái giờ ấy Úrsula mở vung nồi sữa nấu trên bếp lửa, ngạc nhiên thấy rằng sao nó lâu sôi thế và cụ thấy giò bọ đầy trong nồi sữa.

Người ta đã giết Aureliano rồi, – cụ thảng thốt kêu lên.

Cụ nhìn ra sân, ngoan ngoãn vâng theo thói quen cô đơn của mình, rồi lập tức cụ nhìn thấy José Arcadio Buendía, người đầm đìa nước mưa vẻ buồn bã vì trời mưa và già đi rất nhiều so với lúc cụ mất. “Người ta đã giết nó vì tội phản bội, – Úrsula bình giá, – và chẳng một ai làm ơn vuốt mắt cho nó”. Đêm xuống, qua làn nước mắt cụ nhìn thấy những cái đĩa tròn vàng óng ánh màu da cam vù vù bay trên trời giống như những tia

chớp và cụ nghĩ đó là dấu hiệu của thần chết. Cụ vẫn ngồi dưới bóng cây dẻ, gục đầu trên đầu gối chồng mình mà sụt sùi khóc, trong lúc người ta khiêng đến cho cụ đại tá Aureliano Buendía, với đôi mắt mở trừng trừng đầy giận dữ cuộn mình trong chiếc áo khoác bê bết máu khô.

Chàng không bị nguy hại đến tính mạng. Viên đạn xuyên một đường thẳng tắp qua ngực chàng đến mức viên bác sĩ lấy một sợi dây đã dầm thuốc đỏ luồn từ ngực ra sau lưng. “Đây là tác phẩm tuyệt vời của tôi”, ông ta nói với chàng vẻ sung sướng. Đó là điểm duy nhất mà một viên đạn xuyên qua không hề gây thương tổn cho bất kì bộ máy bên trong nào”. Đại tá Aureliano Buendía thấy xúm quanh mình là các cô nữ tu sĩ khốn khổ đang tụng những bài nhã ca buồn thương cầu cho vong linh chàng được thanh thoi

nơi yên nghỉ vĩnh hằng và lập tức chàng hối hận đã không bắn ngay vào hàm ếch miệng mình như chàng đã dự tính và chàng đã không bắn như vậy chỉ là để chế giễu lời phỏng đoán của Pilar Ternera.

Nếu ta vẫn còn quyền lực, – chàng nói với viên bác sĩ – ta sẽ bắn chết anh mà không cần phải xét hỏi. Không phải vì anh đã cứu sống ta mà vì anh đã biến ta thành trò cười cho thiên hạ.

Việc tự vẫn không thành đã trả lại cho chàng uy danh từng mai một. Chính những người mọc chuyện cho là chàng bán rẻ chiến tranh để lấy ngôi nhà với bốn bức tường xây toàn gạch bằng vàng đã khẳng định sự tự vẫn ấy là một hành động cao thượng và do đó đã tuyên bố chàng là một người tuấn tiết. Sau đó, khi chàng từ chối Huân chương Công Huân do ngài Tổng thống nước Cộng hòa tặng

thì ngay đến cả những kẻ tử thù cũng đã phải lần lượt đến điều hành qua phòng ngủ của chàng để yêu cầu chàng không công nhận các điểm trong bản hiệp định đình chiến và khơi dậy một cuộc chiến tranh mới. Vì cảm động trước sự ủng hộ rộng lớn của các bạn chiến đấu cũ, đại tá Aureliano Buendía không từ chối khả năng thỏa mãn ý nguyện của họ. Trái lại, đã có lúc dường như chàng quá phấn chấn trước ý nghĩ về một cuộc chiến tranh mới mà đại tá Gerineldo Márquez nghĩ rằng chỉ chờ một cái cơ nào đó nó sẽ được tuyên bố ngay. Quả nhiên, nguyên cơ đã xuất hiện khi ngài Tổng thống nước Cộng hòa từ chối việc trợ cấp khoản lương hưu chiến tranh cho các cựu chiến binh kể cả phe Tự do cũng như phe Bảo hoàng một khi mỗi hồ sơ cá nhân chưa được xem xét và luật trợ cấp lương hưu chiến tranh chưa được Quốc

hội thông qua. “Đó là một sự lạm dụng”, đại tá Aureliano Buendía nổi cáu, “Rồi người ta sẽ chết già hết trong lúc chờ đợi thư từ phúc đáp”. Lần đầu tiên chàng bỏ trống chiếc ghế xích đu do Úrsula mua để chàng tĩnh dưỡng, đi đi lại lại trong phòng đọc một bức điện dứt khoát gửi ngài Tổng thống nước Cộng hòa. Trong bức điện này chàng tố cáo những vi phạm đầu tiên của phía chính phủ đối với hiệp định đình chiến Neerlandia và đe dọa sẽ tuyên bố chiến tranh nếu như lương hưu không được giải quyết trong vòng mười lăm ngày. Thái độ của chàng rất đúng đắn đến mức nó cho phép chờ đợi sự ủng hộ của tất cả, ngay cả sự đồng tình của các cựu chiến binh thuộc phái Bảo hoàng. Nhưng lời phúc đáp duy nhất của chính phủ là sự tăng cường lính gác trước cửa nhà với lí do để bảo vệ ngôi nhà và cấm ngặt tất cả các cuộc lui tới thăm

viếng. Những biện pháp tương tự cũng đã được áp dụng trong toàn quốc đối với các tướng lĩnh bị quản thúc. Đó là một chiến dịch rất đúng lúc, rất thô bạo và cũng rất hiệu nghiệm đến mức hai tháng sau hiệp định đình chiến, khi đại tá Aureliano Buendía bình phục hoàn toàn, những người bạn chiến đấu gần gũi nhất của chàng đều đã chết hoặc đã bị trục xuất hoặc đã hoàn toàn quy phục trước ách quản thúc công khai.

Vào tháng chạp, đại tá Aureliano Buendía bước ra khỏi phòng ngủ và chỉ cần liếc mắt nhìn hành lang là đủ để chàng không còn nghĩ đến chiến tranh nữa. Với sức sống dường như không thể có ở tuổi mình, Úrsula đã làm tất cả để thanh xuân hóa ngôi nhà. “Giờ thì họ sẽ biết ta là ai”, cụ nói khi biết chắc con mình sẽ sống. “Trong thị trấn này sẽ không có ngôi nhà

nào sang trọng hơn, mở rộng cửa đón gió bốn phương hơn là ngôi nhà những người điên này”. Cụ sai lau chùi nhà, quét vôi nhà, thay mới bàn ghế giường tủ, sửa lại vườn hoa và trồng thêm hoa mới rồi mở toang mọi cửa: cửa ra vào và cửa sổ, để ánh sáng mùa hè rực rỡ tràn vào tận phòng ngủ. Cụ quyết định thôi để tang những người thân chết kế tiếp nhau, và hình cụ cũng mặc lại những bộ váy áo đậm màu xuân trẻ thay cho những bộ váy áo cũ quá xuềnh xoàng. Âm nhạc lại vang lên từ cây đàn dương cầm tự động khiến cho không khí trong nhà thêm vui tươi hơn. Vào lúc nghe âm nhạc ấy, Amaranta lại da diết nhớ Pietro Crespi, nhớ bông hoa dành dành ngà vàng cài trên ve áo, nhớ mùi oải hương lan tỏa từ người chàng. Và tự trong trái tim héo hắt của cô đã bùng nổ một tình cảm trong sáng, được thanh sạch nhờ thời gian.

Một buổi chiều dọn dẹp cho gọn gàng phòng khách, Úrsula đã nhờ các chú lính gác ngôi nhà giúp cho một tay. Người chỉ huy trẻ tuổi của đội gác cho phép cụ. Dần dà, Úrsula nhờ họ làm hộ cả những việc khác. Cụ mời họ ăn cơm, cho họ quần áo và giày tất, dạy họ học đọc học viết. Khi chính phủ bỏ việc canh gác, một trong số những người lính ấy đã ở lại nhà hầu hạ cụ trong nhiều năm.

Ngày tết Năm mới bùng sáng với việc người chỉ huy trẻ tuổi của đội gác, cuồng điên trước những hành vi vô ý vô tứ của Remedios – Người đẹp, đã chết vì tình ngay bên cạnh cửa sổ phòng cô gái.

CHƯƠNG 10

Những năm sau này, hấp hối trên giường bệnh, Aureliano Segundo đã nhớ lại buổi chiều mưa tháng sáu cái buổi chiều anh bước vào phòng ngủ để nhận mặt đứa con trai đầu lòng của mình. Mặc dù đứa trẻ yếu ớt và hay khóc, không hề giống một người nào trong nhà Buendía, anh chẳng phải suy nghĩ lao lung mới đặt nổi tên cho nó.

Sẽ gọi nó là José Arcadio, – anh nói.

Fernanda del Carpio, cô vợ kiều diễm anh mới cưới năm ngoái, đã đồng ý gọi tên đứa bé như vậy. Về phần mình, Úrsula đã không thể giấu nổi cảm giác đau đớn băng khuâng Trong lịch sử lâu dài của gia đình, việc gọi tên trùng nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác cho phép cụ rút ra những kết luận hầu như đã được khẳng định. Trong khi những người mang tên Aureliano là những người âu sầu lại rất thông minh thì những người mang tên José Arcadio là những người nông nổi và táo bạo; nhưng tất cả đều bị số phận bi thảm in dấu. Những trường hợp duy nhất khó phân biệt là trường hợp của José Arcadio Segundo và Aureliano Segundo. Lúc còn ở tuổi ấu thơ cả hai đều quá giống nhau và lại hay nghịch ngợm đến ngay cả Santa Sofía de la Piedad cũng chịu không phân biệt nổi hai anh em sinh đôi này. Trong ngày lễ đặt

tên, Amaranta đeo cho mỗi người một tượng thánh có khắc tên và mặc cho họ bộ quần áo khác màu đánh dấu bằng chữ đầu viết tắt tên mỗi người; nhưng khi vào lớp, hai người đã đổi tên, đổi quần áo, đổi tượng thánh cho nhau. Thày giáo Melchor Escalona, do đã quen nhận mặt José Arcadio Segundo nhờ chiếc áo sơ mi xanh, bỗng nhầm lẫn khi phát hiện ra cậu này đeo tượng thánh mang tên Aureliano Segundo và rằng mặc dù cậu kia tự xưng tên là Aureliano Segundo nhưng lại mặc áo sơ mi trắng và đeo tượng thánh khắc tên José Arcadio Segundo. Bắt đầu từ đấy không còn biết đích xác ai là ai. Ngay cả khi họ đã trưởng thành và cuộc sống đã làm cho họ khác nhau, Úrsula vẫn tiếp tục tự hỏi lòng mình nếu ở một thời điểm nào đó họ không phạm một khuyết điểm trong trò chơi gây nhiều nhầm lẫn phiền phức của

mình thì chắc hẳn họ đã thay đổi nhiều. Ngay cả khi bước vào tuổi thanh niên, họ vẫn là hai cỗ máy đồng thời. Họ dậy cùng một lúc, thấy cần phải vào cầu tiêu cùng một giờ, cùng chịu cơn trái nắng trở trời và họ mơ thấy những giấc mơ giống hệt nhau. Ở nhà, ai cũng tin rằng bọn họ thống nhất hành động là do cố ý muốn gây nhầm lẫn cho mọi người chứ không một ai hiểu nổi bản chất của họ; cho đến một hôm Santa Sofía de la Piedad đưa cho người này cốc nước chanh, rồi sau đó bà thấy người kia nói chưa có đường. Thực thế, bà quên không cho đường vào nước chanh. Santa Sofía de la Piedad đem chuyện này kể lại cho Úrsula nghe. “Con cái nhà này đều thế cả”, cụ nói về không hề ngạc nhiên. “Chúng điên rồ ngay từ bé”. Thời gian trôi đi cũng kết thúc luôn sự đảo lộn các sự vật. Cậu bé trong các trò chơi nhầm lẫn vẫn được

gọi tên là Aureliano Segundo đã có thân hình vạm vỡ của ông nội và cậu kia vẫn được gọi là José Arcadio Segundo đã có thân hình mảnh khảnh của ngài đại tá, và điểm duy nhất hai người giống nhau chính là vẻ cô đơn của dòng họ. Có lẽ sự hoán vị hình hài, tên tuổi và đặc tính ấy chính là điều khiến Úrsula phải nghi ngờ rằng: ngay từ tuổi thiếu nhi, họ đã bị xáo trộn như người ta chương quân bài. Sự khác nhau rõ rệt giữa hai người được thể hiện rõ trong thời chiến tranh ác liệt nhất khi José Arcadio Segundo xin đại tá Gerineldo Márquez cho mình cùng đi xem các vụ hành hình.

Ngược với suy nghĩ của Úrsula, nguyện vọng của cậu đã được thỏa mãn. Trái lại, Aureliano Segundo cảm thấy buồn rầu cả người khi nghĩ tới việc mình có mặt trong buổi hành hình. Cậu bé chỉ

thích ở nhà. Vào lúc lên mười hai tuổi, cậu hỏi Úrsula có gì trong phòng đóng kín cửa kia. “Giấy má thôi”, cụ trả lời cậu, “đó là sách của Melquíades và những điều quái dị cụ viết trong những năm cuối đời”. Cậu trả lời đáng lẽ sẽ làm cho cậu yên lòng thì lại càng kích thích tính tò mò của cậu. Cậu khẩn khoản đòi vào xem, tha thiết hứa với cụ sẽ không làm hư hại các thứ trong đó, đến mức Úrsula không đành lòng được, buộc phải đưa chìa khóa cho cậu. Không ai bước vào căn buồng nữa kể từ khi người ta khiêng từ thi Melquíades đi; và lắp vào cửa một chiếc khóa sắt lâu ngày han gỉ đã làm liệt các bộ phận của nó. Song, khi Aureliano Segundo mở toang các cửa sổ, thấy một luồng ánh sáng thân thuộc dường như vẫn thường chiếu sáng căn buồng vào tất cả mọi ngày; căn buồng không có bụi bặm phủ, không có mạng nhện giăng,

mà trái lại tất cả đều sạch sẽ, có lẽ còn được quét dọn và lau chùi kỹ lưỡng hơn cả ngày đưa đám tang cụ, mực trong lọ vẫn không khô, gỉ sắt vẫn không làm các dụng cụ kim loại mất đi vẻ bóng nhoáng; cả than lửa trong bếp nơi José Arcadio Buendía đun thủy ngân vẫn không tắt. Trên các giá là những cuốn sách được đóng bìa cứng bằng các tông màu nâu nhạt giống như da người thuộc và cả những trang viết tay còn tươi màu mực. Mặc dù phòng bị đóng kín cửa trong nhiều năm, không khí nơi đây dường như vẫn trong sạch hơn các nơi khác trong ngôi nhà. Tất cả đều rất mới đến mức vài tuần sau đó khi Úrsula mang một xô nước và một cái chổi vào phòng để lau quét sàn thì cụ chẳng phải làm gì cả. Aureliano Segundo đang say đắm đọc một cuốn sách. Mặc dù cuốn sách này mất bìa và không có nhan đề, cậu bé thưởng thức câu chuyện

một người phụ nữ ngồi bên bàn lấy đũa gắp từng hạt cơm ăn; câu chuyện về một ngư dân mượn anh hàng xóm một cục chì để gài vào lưới đánh cá và con cá sau này bác trả cho anh hàng xóm mang trong bụng nó một hạt ngọc; chuyện cây đèn thần thỏa mãn mọi ước nguyện và những chiếc thảm bay. Về đây cao hứng, cậu bé hỏi Úrsula rằng có phải những chuyện này đều có thật không, và cụ đã trả lời cậu rằng phải đấy, rằng trước đây lâu lắm rồi, những người digan mang đến làng Macondo những cây đèn thần và cả những tấm thảm bay.– Có điều là, – cụ thở dài, – thế giới ngày một khánh kiệt và do đó không thấy có các vật ấy nữa.

Khi đọc xong cuốn sách có nhiều truyện bỏ dở vì mất trang, Aureliano Segundo chuyển sang dịch các bản viết tay.

Đó là công việc không thể làm được. Các con chữ giống như quần áo móc trên dây thép, và nhìn chung nó giống bản nhạc ghi trên giấy hơn là một áng văn chương. Có một buổi trưa nực nứa nọ, trong lúc dò đoán các bản chép tay, cậu bé cảm thấy không chỉ có mình mình ở trong phòng. Melquíades ngồi ở đấy, quay lưng lại phía cửa sổ, hai tay đặt trên gối. Cụ vẫn mặc chiếc áo khoác ngoài cổ quái và đội chiếc mũ vành cánh quạ cụp, mồ hôi bết tóc chảy thành giọt qua hai thái dương, y hệt hình ảnh cụ từng được Aureliano và José Arcadio nhìn thấy từ khi họ còn nhỏ tuổi. Ngay lập tức Aureliano Segundo nhận rõ cụ, bởi vì ký ức di truyền ấy được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, và nó đến với cậu từ trí nhớ của ông nội cậu.

Chào cụ, – Aureliano Segundo nói.

Chào anh bạn trẻ, – Melquíades trả lời.

Kể từ dạo ấy, trong vài năm, hầu như chiều nào họ cũng gặp nhau. Melquíades nói với cậu bé về thế giới, cổ truyền lại cho cậu tri thức cổ xưa của mình, nhưng cụ từ chối dịch những trang viết tay.

“Chẳng một ai nên biết ý nghĩa trong khi chúng chưa được trăm năm”, cụ giải thích. Aureliano Segundo mãi mãi giữ kín các cuộc hội ngộ này. Cũng có lúc cậu bé cảm thấy thế giới riêng của mình bị đánh đổ, bởi vì Úrsula đã vào phòng đúng lúc Melquíades đang có mặt. Nhưng cụ đã không nhìn thấy.

Cháu nói chuyện với ai thế? – cụ hỏi.

Chả nói với ai cả, cố ạ? – Aureliano Segundo trả lời.

Cố nội mày cũng thế đấy, – Úrsula nói, – Ông ấy cứ nói chuyện một mình thôi.

Trong khi đó, José Arcadio Segundo lại mãi nguyện khi được xem một buổi hành hình. Cả đời mình, cậu sẽ nhớ mãi ánh lửa chớp sáng của sáu viên đạn cùng bắn một lúc và tiếng súng nổ vọng lại từ các ngọn núi xung quanh, rồi nhớ đến nụ cười buồn bã và đôi mắt thẳng thốt của kẻ bị bắn, người vẫn hiên ngang đứng trong lúc máu chảy ra thấm đầm áo sơ mi, người vẫn mỉm cười ngay cả lúc người ta cởi trói cho mình khỏi cọc xử bắn và nhét mình vào chiếc quan tài đầy vôi bột. “Vẫn còn sống”, cậu nghĩ. “Người ta sẽ chôn sống anh ta”. Cậu sợ lắm, sợ đến mức từ dạo đó cậu nguyện rửa nghề lính và chiến tranh, không chỉ vì các vụ xử bắn mà chủ yếu vì thói quen

kinh tởm chôn sống những người bị hành hình. Vậy là không một ai biết từ lúc nào cậu bắt đầu kéo chuông nhà thờ, bắt đầu

giúp cha Antonio Isabel, người được mệnh danh là El Cachorro[29] đến thay cha xử, bắt đầu chăm sóc các chú gà chọi được nuôi trong sân tu viện. Khi đại tá Gerineldo Márquez biết chuyện, chàng đã mắng mỏ cậu bé một hồi vì tội học những nghề nghiệp vốn bị những người Tự do lên án.

Vấn đề là, – cậu bé trả lời, – dường như cháu đã trở thành một người Bảo hoàng.

Cậu tin điều đó như thể đó là một sự khảng định của nỗi bất hạnh. Đại tá Gerineldo Márquez bức dọc, đã kể lại câu chuyện cho Úrsula nghe.

Càng tốt, – cụ tán thưởng. – Lạy Chúa, nó sẽ trở thành một nhà tu hành để cuối cùng Thượng đế đến nhà này.

Ngay lập tức mọi người biết rằng cha Antonio Isabel đang chuẩn bị làm lễ ban thánh thể đầu tiên cho cậu. Cha dạy cậu học trong lúc vật lông cổ các chú gà chọi. Cha lấy những ví dụ đơn giản để hiểu để giảng giải cho cậu trong lúc cha đặt các cô gà mái ấp vào ổ như đã từng xảy ra với Thượng đế trong ngày Sáng thế thứ hai, ngày những chú gà con được hình thành trong quả trứng. Ngay từ dạo ấy vị mục sư để lộ những triệu chứng lâm cảm đầu tiên của tuổi già mà nhiều năm sau này nó đã dẫn cha đến việc nói rằng có thể quỷ dữ đã chiến thắng cuộc khởi nghĩa trái với ý của Thượng đế, người ngồi trên ngai vàng thượng giới, không để lộ hình hài của mình trước mắt những kẻ ngu

khờ. Được tôi rèn bởi lòng dũng cảm của thầy học, ít tháng sau José Arcadio Segundo đã trở thành một người rất am hiểu những thủ thuật tôn giáo để đánh lừa ma quỷ đồng thời cũng là người giàu kinh nghiệm nuôi gà. Amaranta may cho cậu một bộ quần áo vải lanh có cổ cồn và cà vạt, mua cho cậu một đôi giày trắng và mạ chữ vàng tên cậu trên những dải lụa buộc vào cây nến. Hai đêm trước ngày lễ ban thánh thể đầu tiên cho cậu, cha xứ Antonio Isabel đóng kín kho đồ thánh để cùng với cậu làm lễ xưng tội, có sự giúp đỡ của cuốn sổ ghi tên các tội lỗi. Đó là một danh mục rất dài đến mức vị mục sư già, vốn quen đi ngủ từ lúc sáu giờ đã ngủ khì trên ghế xích đu trước khi kết thúc.

Những câu hỏi là một điều khái thị đối với José Arcadio Segundo. Cậu

không ngạc nhiên thấy cha xứ hỏi mình đã chung đụng với đàn bà chưa, và cậu đã hãnh diện trả lời rằng không, nhưng cậu lại hoang mang khi cha hỏi mình có chung đụng với súc vật không. Tháng năm, vào ngày thứ sáu đầu tiên, cậu chịu lễ ban thánh thể mà lòng quặn đau vì tính tò mò. Sau đó, cậu hỏi Petronio, tu sĩ ốm yếu giữ kho đồ thánh, sống ở trên tháp chuông, và theo như lời đồn đại gã ăn đom đóm để sống, và Petronio đã trả lời cậu: “Là bởi vì có đạo hữu dê mạt đã ngủ với lừa cái đấy”. José Arcadio Segundo vẫn cứ ngạc nhiên hơn bao giờ hết, vẫn cứ đòi phải giải thích nhiều hơn nữa đến mức Petronio mất bình tĩnh.

Tôi đi vào các tối thứ ba hàng tuần, – gã thú nhận. – Nếu cậu hứa không nói với ai thì ngày thứ ba tới tôi sẽ dẫn cậu đi.

Quả nhiên, ngày thứ ba tới, Petronio vác một chiếc ghế gỗ mà cho đến lúc này không một ai biết nó được dùng làm gì, đi xuống khỏi tháp chuông, dẫn José Arcadio Segundo ra một vườn gần đấy. Cậu bé đam mê với những đêm phiêu lưu ấy, đến mức sau đó rất lâu người ta mới thấy cậu xuất hiện ở tiệm nhảy bác Catarino. Cậu trở thành người chơi gà chọi.

“Hãy mang những con vật ấy đi nơi khác”, Úrsula bảo khi lần đầu tiên cụ nhìn thấy cậu mang những con gà chọi đẹp về nhà. “Những con gà ấy từng mang về nhà này biết bao cay đắng mà bây giờ mày còn mang thêm đau khổ cho chúng ta nữa sao”.

José Arcadio Segundo không cãi lại cố nội mình, lặng lẽ mang những chú gà chọi đi nuôi ở nhà Pilar Ternera, bà nội cậu, người sẵn sàng chiều theo ý cậu để

cậu có mặt ở nhà mình. Ngay lập tức cậu đã tỏ rõ kiến thức của cha Antonio Isabel ngay ở sới chọi gà, chuẩn bị nhiều tiền không những đủ để làm giàu thêm những con gà mình nuôi mà còn lo thỏa chí tang bồng. Ở thời điểm này, Úrsula đã so sánh cậu với người em cậu và cụ đã không thể hiểu nổi làm sao hai người sinh đôi trong thời thơ ấu giống nhau như đúc mà giờ đây khác nhau hoàn toàn. Cụ cũng chẳng phải ngăn ngừa gì lâu trong ý nghĩ ấy bởi ngay lập tức Aureliano Segundo đã bắt đầu lười nhác. Lúc ngồi trong phòng Melquíades, cậu là người trầm tư mặc tưởng y hệt đại tá Aureliano Buendía thời trẻ. Nhưng trước khi có hiệp định Neerlandia ít lâu, một cuộc gặp gỡ tình cờ đã lôi cậu ra khỏi thế giới nội tâm, buộc cậu phải đối mặt với cuộc sống thực. Đó là việc một người đàn bà trẻ, vốn làm nghề bán vé xổ số treo

giải một chiếc phong cầm, đã niềm nở chào cậu. Aureliano Segundo không hề ngạc nhiên bởi vì vẫn thường xảy ra việc người ta nhầm cậu với người anh mình. Nhưng cậu chẳng cần đính chính ngay cả khi cô ả định dùng tiếng khóc sụt sùi làm mềm nhũn trái tim mình, do đó ả đã dẫn cậu về phòng ngủ. Ngay từ cuộc gặp gỡ đầu tiên, ả quý mến cậu lắm đến mức trong khi mở xổ số ả đã gian lận để cậu giành được cây phong cầm. Sau vài tuần, Aureliano Segundo nhận ra rằng người đàn bà này đã xen kẽ ngủ với cậu và anh cậu mà cứ tưởng rằng hai người là một, và lẽ ra phải làm cho rõ nhẽ thì cậu lại lờ đi để kéo dài tình trạng hai anh em cùng chung đụng xác thịt với một người đàn bà. Cậu không trở lại phòng Melquíades. Chiều nào cậu cũng ở ngoài sân mê mải học đàn phong cầm bất chấp lời chửi bới của Úrsula, người đã cấm chơi nhạc vì

trong nhà lúc đó đang có tang, và ngoài ra còn coi khinh đàn phong cầm là đồ chơi của những kẻ giang hồ kế nghiệp cụ Francisco – Con Người. Tuy nhiên, Aureliano Segundo đã trở thành một tay chơi đàn phong cầm nổi tiếng và vẫn cứ nổi tiếng sau khi cưới vợ, có con và trở thành người được kính nể hơn cả trong thị trấn Macondo.

Trong khoảng vài tháng, cậu cùng với anh mình chia sẻ các đêm hoan lạc với người đàn bà ấy. Cậu theo dõi anh mình, làm anh mình nhớ kế hoạch, và khi chắc chắn rằng José Arcadio Segundo đêm ấy sẽ không đến với người đàn bà thì cậu sẽ mò đến ngủ. Có một buổi sáng nọ, cậu phát hiện ông anh mình bị ốm. Hai ngày sau, cậu bắt gặp ông anh mình đang bám chặt vào vì kèo trong cầu tiêu, người đầm đìa mồ hôi và nước mắt giàn giụa đang

khóc lóc, và thế là cậu hiểu. Anh cậu thú nhận rằng người đàn bà đã ruồng bỏ anh ta vì cái tội lây bệnh lậu cho ả. Anh cậu cũng kể lại chuyện Pilar Ternera đã chữa bệnh ấy như thế nào. Aureliano Segundo lén lút ra những bãi rửa nóng bỏng chất permanganato và uống nước lợi tiểu. Cả hai người lành bệnh sau ba tháng âm thầm chịu đựng đau đớn. José Arcadio Segundo không đi lại với người đàn bà nữa. Aureliano Segundo nhận được sự tha thứ của ông anh, và gắn bó với người đàn bà cho đến mãn đời.

Người đàn bà ấy tên là Petra Cotes. ả với người chồng sống bằng nghề xỏ số đến Macondo vào giữa lúc chiến tranh đang ác liệt và khi anh chồng chết ả vẫn tiếp tục hành nghề. Đó là một người phụ nữ lai đen sạch sẽ và trẻ trung, đôi mắt hình quả hạnh đào màu hung vàng kh-

iến bộ mặt ả dữ tợn như mặt báo, nhưng ả có trái tim hào hiệp và nghệ thuật môi chài ái tình rất tuyệt vời. Khi Úrsula biết được José Arcadio Segundo đã là người chơi gà chọi và Aureliano Segundo chơi phong cầm trong những đêm vui náo nhiệt ở nhà nhân tình thì cụ tức phát điên lên. Điều đó giống như thể hai người này đã tập trung trong họ tất cả những gì xấu xa, kém cỏi của gia đình và không nổi dãi được những đức tính quý báu của gia đình. Vậy là cụ quyết định sẽ không một ai được gọi bằng tên José Arcadio và tên Aureliano. Tuy nhiên, khi Aureliano Segundo có con trai đầu lòng và đặt tên cho nó là José Arcadio thì cụ đã không dám trái ý cậu.

Được thôi ta đồng ý, – Úrsula nói, – nhưng với điều kiện phải để ta nuôi dạy nó.

Dẫu rằng đã là cụ già trăm tuổi và suýt lòa vì màng đã kéo sắp kín con ngươi, nhưng cụ vẫn giữ nguyên thể trạng sức khỏe, không hề trái thối trái nết cũng không hề lẫn cẩn. Không ai giỏi bằng cụ trong việc dạy dỗ người đàn ông danh giá có thể khôi phục danh dự của gia đình, một người đàn ông không bao giờ nghe nói đến chiến tranh, đến gà chọi, đến gái điếm đến các nghề nông nổi, đó là bốn thảm họa, mà theo sự suy nghĩ của Úrsula, đã dẫn tới sự sụp đổ của dòng họ cụ. “Thằng bé này sẽ trở thành thầy tu”, cụ trang trọng hứa. “Và nếu như Thượng đế để ta sống, nó sẽ là Giáo hoàng”. Khi nghe thấy thế tất cả đều phá lên cười, không chỉ ở trong phòng và trong toàn ngôi nhà lúc này đang có mặt những người bạn vui nhộn của Aureliano Segundo. Chiến tranh, vì bị lãng quên bởi chính trí nhớ tồi, bỗng nhiên sống dậy

trong tiếng mở nút chai sâm banh.

Nào, hãy chúc mừng sức khỏe Đức giáo hoàng, – Aureliano Segundo nâng cốc nói.

Các vị khách mời đồng thanh chúc tụng. Sau đó, chủ nhà chơi phong cầm. Pháo nổ rền và trống khua rộn cả làng. Sáng sớm, những vị khách chênh choáng hơi men sâm banh mỗ liền sáu con bò cái rồi bày thịt ra đường sẵn sàng mời đám đông cùng dự cuộc vui. Không một ai ngạc nhiên. Kể từ khi Aureliano Segundo đứng lên trông nom gia đình, những cuộc vui tương tự như thế là chuyện thường tình, mặc dù chúng chưa hề có lý do chính đáng như tiệc vui lần này nhằm chúc mừng sự chào đời của một đức Giáo hoàng. Trong ít năm cậu đã tích góp được một gia sản thuộc hàng lớn nhất ở vùng đầm lầy không cần phải công phu gì lắm,

mà trái lại chỉ đơn thuần nhờ vận may, đó là sự sinh sôi cực kỳ mau mắn của các đàn gia súc. Bò cái đẻ sinh ba, gà mái một ngày hai lần đẻ trứng, còn lợn thì lớn nhanh như thổi. Không một ai có thể lý giải được sự giàu có dường như là kết quả của phép màu nhiệm. “Bây giờ phải hà tằn hà tiện”, Úrsula nói với thằng chắt ăn tiêu hoang toàng. “Vận may chẳng theo suốt đời mày đâu”. Nhưng Aureliano Segundo không nghe lời cụ. Trong lúc càng mở nút sâm banh thết bạn thì súc vật của anh càng đẻ như điên và anh càng tin rằng cái vận đỏ của mình không khởi sự ở việc làm ăn biết tính toán mà khởi sự ở ảnh hưởng của Petra Cotes, nhân tình của anh, người có tình yêu đủ sức làm mũi lòng con tạo. Anh rất yên lòng rằng đó là cội nguồn của cải của mình và do đó không bao giờ anh để cho Petra Cotes ở xa đàn gia súc, và ngay cả khi đã cưới

vợ và có con, anh vẫn sống với ả trong sự đồng lõa của Fernanda. Với thân xác rần rỏi và vâm váp như thân xác của cố nội và ông nội mình, nhưng hơn họ ở tính tình vui vẻ và hồn nhiên, Aureliano Segundo hầu như không có đủ thời gian để chăm nom đàn gia súc của mình. Chỉ cần anh mang Petra Cotes đến các chuồng trại, để ả ngồi trên ngựa dẫn ả đi chơi các trang trại là đủ cho súc vật của anh phải sinh con đẻ cái rất nhanh.

Như tất cả các sự vật tốt đẹp từng xảy ra trong cuộc đời dài của mình, số của cải bất kham ấy dường như được con tạo định trước. Ngay trong thời kỳ cuối của chiến tranh, Petra Cotes vẫn phát hành vé xổ số và đôi lúc Aureliano Segundo vẫn phải ăn cắp tiền của Úrsula để trang trải mọi tổn kém. Bọn họ thoải mái chung sống với nhau, không hề bận

tâm ngoài việc lo lắng để đêm nào cũng ngủ với nhau, ngay cả trong những ngày cần kiêng cử, để hú hí với nhau cho tới khi trời sáng. “Cái con đàn bà ấy sẽ làm cho mày phải điều đứng đấy”, Úrsula mắng mỏ thẳng thắn anh mỗi khi thấy nó bước vào nhà như một kẻ mắc chứng mộng du. “Nó đã làm cho mày ngớ ngẩn, rồi một ngày nào đó ta sẽ thấy mày quằn quại vì đau đớn với con cóc ôm trong bụng đấy”. José Arcadio Segundo, vốn phải mất rất nhiều thời gian mới phát hiện ra việc thằng em trai xỏ mũi mình, không thể hiểu được nỗi đam mê của em trai. Anh nhớ Petra Cotes như một người đàn bà dễ dãi, đúng hơn là người ươn lười trên giường và hoàn toàn nhạt nhẽo đối với tình yêu.

Làm ngơ trước những lời mắng mỏ của Úrsula, và trước những lời chế giễu

của anh mình, Aureliano Segundo chỉ nghĩ sẽ gặp được một nghề cho phép anh duy trì ngôi nhà cho Fernanda và để chết với nàng, trên nàng và dưới nàng trong một đêm xả láng cuồng nhiệt. Khi đại tá Aureliano Buendía mở lại xưởng kim hoàn, do niềm vui thanh thản của tuổi già lôi cuốn ngài, thì Aureliano Segundo nghĩ rằng nếu theo nghề chế tạo những con cá vàng cũng là một điều tốt. Anh ở trong căn phòng nhỏ nức nua nhiều giờ liền xem những tấm kim loại cứng được ngài đại tá kiên trì rèn đục đã dần trở thành những cái vẩy óng ánh.

Anh thấy công việc rất tỉ mỉ trong khi đó nỗi nhớ Petra Cotes lại hết sức thôi thúc và da diết đến mức chỉ ba tuần sau anh biến khỏi xưởng. Đó là thời kỳ Petra Cotes đang phát tài bằng việc lấy thỏ treo giải để mở xổ số. Những con

thỏ này sinh ra và lớn nhanh như thổi. Chúng nhiều vô kể. Dù có tăng vé và số lần quay số lên nhiều lần ả vẫn không dùng hết thỏ vào việc trả thưởng. Thoạt đầu, Aureliano Segundo không nhận ra những con thỏ này đã sinh sản như thế nào. Nhưng có một đêm, khi không một ai trong làng muốn bàn tán về các cuộc xổ số lấy thỏ, anh cảm thấy có tiếng sấm động ngay bên tường. “Anh đừng có mà giật mình nhé!”, Petra Cotes nói, “đó là những con thỏ đấy!”. Bọn họ không thể ngủ thêm được nữa, bần khoản trán trở vì nỗi lo cho đàn gia súc. Vào lúc trời hửng sáng, Aureliano Segundo mở cửa và nhìn thấy ở sân lúc nhúc những thỏ là thỏ, lông xanh mượt trong ánh bình minh. Petra Cotes cười ngật nghẻo, không hề kìm được ý muốn chòng ghẹo anh:

Những con thỏ này là những con

vừa sinh ra đêm quạ lấy – ả nói.

 Eo ơi, sợ quá? – anh nói – Vì sao mình không thử với bò cái xem?

 Ít ngày sau đó, dọn dẹp lại sân nhà, Petra Cotes nuôi ở sân một con bò cái thay cho đàn thỏ. Vài tháng sau, con bò cái đẻ đĩnh ba. Mọi sự đều bắt đầu từ đây. Nhanh như chớp, Aureliano Segundo đã trở thành ông chủ, nắm trong tay nhiều ruộng đất và nhiều đàn gia súc và hầu như anh không có đủ thời gian để mở rộng hơn nữa các chuồng gia súc và bãi thả gia súc. Đó là một sự giàu có ngày ngất mà ngay chính anh cũng phải buồn đời và không thể tự kiềm chế nổi thái độ quá trớn để bộc lộ nổi niềm vui sướng của mình.

 “Hỡi những con bò cái, hãy dạng háng ra kéo cuộc đời quá ư ngắn ngủi”,

anh gào lên.

Úrsula tự hỏi không biết anh đã phạm tội gì, nếu không ăn cắp thì cũng một tên ăn trộm gia súc và cứ mỗi bận nhìn thấy anh mở nút chai sâm banh chỉ để xịt bọt nó lên đầu mình một cách thích thú thì cụ chửi bới anh vì tội phá gia chi tử. Cụ không để cho anh yên thân lấy một lúc, do đó có một ngày Aureliano Segundo lúc dậy với niềm vui điểm tỉnh, cầm một sọt tiền giấy, một xô hồ và một chổi phết hồ, hát trong họng những bài hát cũ của cụ. Francisco – Con Người, rồi dán những tờ bạc một đồng peso lên tường nhà, dán từ trên xuống dưới, cả bên trong lẫn bên ngoài. Ngôi nhà cũ, vốn được quét vôi trắng từ hồi mua cây đàn dương cầm tự động, nay có vẻ mặt lạ lẫm dễ lẫm với giáo đường của đạo Hồi. Trong khung cảnh lộn xộn của gia đình,

trong lúc Úrsula bực tức, trong niềm vui của dân làng đổ ra đường để chứng kiến cảnh hợm mình của kẻ vén tay đốt nhà táng, Aureliano Segundo cũng vừa dán xong những đồng tiền giấy lên nhà, kể từ bức tường mặt tiền đến tận nhà bếp, kể cả cầu tiêu và phòng ngủ, rồi ném số tiền thừa xuống sân.

Bây giờ thì, – anh nói, – ta mong rằng không một ai trong nhà này sẽ xỉ vả ta về tiền bạc nữa.

Chuyện xảy ra là như thế. Úrsula sai bóc các tờ bạc bê bết dính các mảng vôi tường, và quét vôi trắng tường nhà.

“Hỡi Thượng đế lòng lành của con”, cụ cầu khẩn, “hãy làm cho chúng con lại nghèo như cái thuở mới thành lập làng này, để ở cuộc đời khác ngài khỏi bắt tội chúng con vì đã hoang phí tiền của”.

Những lời cầu khẩn của cụ được nghe theo nghĩa ngược lại. Quả có thể. Một người làm công lột những tờ bạc khỏi tường đã vô ý đụng phải bức tượng thánh José, một bức tượng thạch cao khổng lồ do một người nào đó đã đem đến nhà vào lúc chiến tranh sắp kết thúc, và nó vỡ tiếng ra khi chạm phải mặt đất. Bên trong nó đựng toàn tiền vàng. Không một ai còn nhớ người nào đã mang tới nhà bức tượng to bằng cỡ người thực. “Ba người đàn ông đã mang nó tới”, Amaranta nói. “Người ta nhờ tôi nói lại với nhà ta sẽ trông bức tượng này cho đến khi nào mùa mưa qua đi, và tôi đã bảo họ là hãy đặt ở đấy, ở trong xó kia, để không ai va chạm phải, và bọn họ đã cẩn thận để nó ở đấy và cũng từ dạo ấy nó vẫn nguyên ở đấy, vì chẳng bao giờ thấy họ trở lại tìm nó”. Gần đây, Úrsula đã thắp nến và quỳ lạy trước bức tượng

thánh José mà vẫn không nghi ngờ rằng: bên trong bức tượng thánh ấy lại có gần hai trăm ki lô vàng. Sự hiển linh muôn màng của lòng tin đa thần giáo trong cụ càng khoét sâu thêm nỗi lo lắng của cụ. Cụ nguyên rửa đồng tiền vàng đáng giá này, nhét chúng vào bao tải gai, rồi chôn chúng ở một địa điểm kín đáo, để chờ đợi ba người lạ mặt sẽ đến đòi nó. Mãi về sau này, trong những năm tháng vất vả của tuổi già, Úrsula vẫn thường xen vào các buổi nói chuyện của các vị khách lạ lúc ấy đến nhà để hỏi rằng trong lúc loạn lạc họ có để ở đây một bức tượng thánh José bằng thạch cao nhờ gia đình trông hộ trong thời kỳ mưa gió không? Những sự kiện ấy, vốn thường làm cho Úrsula lo lắng nhiều, lại là chuyện thường tình trong thời kỳ này.

Macondo bị chìm ngập trong sự tàn

phá màu nhiệm. Những ngôi nhà tranh vách đất của các bậc sáng nghiệp giờ đây được thay thế bằng những ngôi nhà gạch, sàn lát xi măng và có rèm chắn nắng đan bằng những phiến gỗ nhỏ. Những ngôi nhà này càng làm cho không khí vốn đã nóng càng oi nóng hơn vào lúc hai giờ chiều. Cái làng cũ của cụ José Arcadio Buendía lúc này chỉ còn lại những cây hạnh đào phủ đầy bụi sắt sàng chịu đựng những hoàn cảnh còn khó khăn hơn nhiều, và con sông nước trong như pha lê mà những tảng đá thời tiền sử của nó đã bị đập vỡ thành từng mảnh vụn dưới sức nện điên cuồng những cú búa quai xuống của José Arcadio Segundo, khi anh khởi sự công việc nạo vét lòng sông để thiết lập đường thủy trên con sông này. Đó là một giấc mơ khủng khiếp điên điên có thể so sánh với những ước mơ của các vị tiền bối mình, bởi vì

lòng sông ngổn ngang đá tảng cũng như các thác ghềnh trên nó đã ngăn cản sự đi lại bằng tàu thuyền từ Macondo ra biển. Nhưng José Arcadio Segundo, trong quyết tâm táo bạo thiếu tính toán, đã say sưa lao vào công việc. Cho đến lúc này anh vẫn chưa hề bộc lộ khả năng tính toán của mình. Ngoại trừ mối tình ngắn ngủi với Petra Cotes, chưa bao giờ anh quen biết phụ nữ. Úrsula coi anh là một điển hình cho sự kém thông minh mà gia đình mình, trong lịch sử trường tồn của nó, đã sản sinh ra. Anh hầu như không có khả năng tự làm nổi bật mình ngay cả khi anh là người sành sỏi chơi gà chọi. Khi đại tá Aureliano Buendía kể cho anh nghe về chiếc tàu Tây Ban Nha nằm cách biển mười hai kilômét, mà mạn tàu của nó bị hóa thành than đã được chính mắt ngài nhìn thấy trong lúc còn chiến tranh, thì câu chuyện này đối với những người

khác trong thời gian dài có vẻ ma quái nhưng đối với anh là một điều dễ hiểu. Anh bán hết gà chọi với giá cao nhất, tập hợp trai làng và bỏ tiền ra mua cửa đục rồi khởi sự công việc to lớn gồm việc phá đá, khoét lòng sông bạt ghềnh, vượt thác...

“Cái đó thì ta biết tổng”, Úrsula nói. “Cứ như thể thời gian chạy vòng tròn và giờ đây chúng ta trở lại từ đầu”.

Khi anh tin chắc rằng có thể cho tàu bè đi lại trên sông được, José Arcadio Segundo liền trình bày thật tỉ mỉ các kế hoạch của mình và người em đã cho anh đủ số tiền chi dùng cho công việc. Anh vắng mặt một thời gian dài. Người ta đang bàn tán rằng kế hoạch mua một chiếc tàu thủy của anh chỉ là một thủ đoạn để lấy tiền của ông em thôi, cũng là lúc một tin được lan truyền rộng rãi:

một chiến thuyền đang tiến về gần thị trấn. Dân Macondo, vốn đã quên khuấy những kỳ tích của cụ José Arcadio Buendía, ồn ào kéo nhau ra bờ sông và với con mắt nghi ngờ họ đã nhìn thấy một con tàu đầu tiên đang từ từ tiến đến. Đó là con tàu đầu tiên và cũng là con tàu cuối cùng đã cập bến ở đây. Thực ra nó chỉ là một bè gỗ được hai mươi người đàn ông đi bộ dùng dây chèo to cùng hò nhau kéo đi. Đứng ở cuối thuyền, với ánh mắt sáng đầy hào hứng, José Arcadio Segundo điều khiển chuyển đi tống kém này. Cùng về với anh còn có một tốp gái làng chơi diêm dúa đội những chiếc ô lông lấy để che ánh nắng gay gắt, trên vai quàng những tấm khăn lụa quý giá mặt trét bụi son phấn, đầu gài hoa, những con rắn vàng cuốn lấy cánh tay và hàm răng cắn hạt ngọc. Cái bè gỗ ấy là phương tiện giao thông duy nhất mà José Arcadio Se-

gundo đã có thêm đẩy ngược dòng về tới Macondo và cũng chỉ một lần ấy thôi. Nhưng sẽ không bao giờ anh chịu thừa nhận đó là sự thất bại của mình trong công việc khởi đầu, mà trái lại, lúc nào anh cũng tuyên bố đó là chiến tích của mình, là “một thắng lợi của ý nguyện”. Anh trút lên vai em mình tất cả những tổn kém của chuyến đi được tính toán chi li. Cái duy nhất còn lại trong chuyến khởi đầu bất lợi này là luồng gió mới do những gái làng chơi theo một Pháp mang đến thị trấn. Nghệ thuật chiều đàn ông tuyệt vời của họ đã làm thay đổi lối chơi gái truyền thống, và ý nghĩa phúc lợi xã hội của nó đã đánh đổ tiệm bác Catarino, biến đường phố thành một cái chợ chung với những ngọn đèn pha kiểu Nhật Bản và những chiếc máy hát phát ra những bản nhạc buồn nhớ. Họ là động lực cổ vũ ngày hội Carnaval dầm máu

từng chìm Macondo trong sợ hãi liên ba ngày và kết quả duy nhất còn lại mãi mãi của nó là việc nó tạo điều kiện cho Aureliano Segundo làm quen với Fernanda del Carpio.

Remedios – Người đẹp, được chọn làm hoa hậu. Úrsula, từng run sợ trước sắc đẹp mê hồn của cô chắt gái, không thể làm gì để ngăn cản việc tuyển chọn này. Cho đến tận lúc ấy cụ vẫn tìm mọi cách để không cho cô ra đường, nếu như không phải đi lễ mixa cùng với Amaranta, nhưng cụ buộc cô phải dùng tấm mạng đen che kín mặt. Những người đàn ông ít thành kính, những kẻ giả danh thầy tu để làm lễ mixa bất kính ở tiệm bác Catarino, đã đi nhà thờ với mục đích duy nhất để xem, dù chỉ một thoáng thôi, khuôn mặt của Remedios – Người đẹp, mà sắc đẹp huyền thoại của nàng từng được bàn

tán sôi nổi khắp vùng đầm lầy. Chuyện ấy xảy ra khá lâu trước khi họ tìm được dịp là đối với họ cái dịp này còn quan trọng hơn, bởi vì rất nhiều người trong số họ sau khi chiêm ngưỡng nhan sắc của Remedios – Người đẹp, đã không bao giờ lấy lại được giấc ngủ bình an. Con người đã có thể tạo nên dịp ấy là một kẻ lạ mặt, đã vĩnh viễn đánh mất cái thanh thân của tâm hồn mình, đã rơi vào tâm thể trầm tư mặc tưởng và đau khổ dễ bị kích động, và mấy năm sau đã bị tàu hỏa nghiền nát vì ngủ quên trên đường ray. Ngay từ lúc người ta thấy mặt chàng tại nhà thờ mặc bộ quần áo nỉ trắng xanh thì không một ai nghi ngờ rằng chàng là người lạ mặt đã từ phương xa, có thể là một thành phố cổ xưa nào đó ở tít trong nội địa, tới đây do bị cám dỗ bởi sắc đẹp của Remedios – Người đẹp. Chàng là một người rất đẹp trai, hào hoa và nhã nhặn, thân thể cân

xúng hài hòa đến mức nếu Pietro Crespi ở bên cạnh chàng thì chỉ là một kẻ ốm yếu hơn hêm. Rất nhiều phụ nữ thì thâm với nhau trong lúc mỉm cười buồn bã rằng chàng là người xứng đáng với cô gái. Chàng không đi lại với ai ở Macondo. Chàng có mặt vào lúc sáng sớm ngày chủ nhật, giống như một hoàng tử trong truyện cổ tích cưỡi trên lưng chú ngựa trắng bộ yên nỉ và bàn đạp. Đó là tư thế hiện hữu của chàng, vì với tư thế đó ngay từ hồi đầu tiên thấy chàng trong nhà thờ tất cả mọi người đều đồng ý với nhau rằng đó là một đám tang thâm lặng và nặng nề, một cú giao kèo bí mật, một nỗi thất vọng ê chề mà kết quả của nó không thể là tình yêu giữa chàng và Remedios – Người đẹp, mà phải là cõi chết. Đến lần thứ sáu có mặt ở nhà thờ vào các ngày chủ nhật chàng công tử xuất hiện tay cầm một bông hồng vàng. Chàng đứng

nghe kinh mixa, như lâu nay chàng vẫn đứng như thế, rồi khi kết thúc lễ mixa chàng tiến lên chặn bước Remedios – Người đẹp và tặng cô bông hồng đơn lẻ. Với vẻ tự nhiên cô nhận bông hoa, như thể cô đã được chuẩn bị sẵn để đón nhận sự dâng tặng ấy, rồi ngay lập tức, trong chớp mắt cô vén mạng để lộ khuôn mặt và mỉm cười cảm ơn chàng. Đó là tất cả những gì cô gái làm. Nhưng cái phút chớp nhoáng ấy là một khoảnh khắc bất tử không những đối với chàng công tử mà còn đối với tất cả những người đàn ông có vinh hạnh được sống cái khoảnh khắc nhức nhối ấy. Từ lúc đó, công tử lập ban nhạc ngay cạnh cửa sổ phòng Remedios – Người đẹp, và đôi lúc ban nhạc chơi cho đến sáng hôm sau. Aureliano Segundo là người duy nhất đồng cảm với chàng, và định làm cho chàng tỉnh mộng. “Không nên mất thời gian

thêm nữa”, anh nói với chàng vào một đêm nọ. “Con gái nhà này còn ngu hơn cả lừa đấy”. Anh kết thân với chàng, mời chàng cùng tắm trong sâm banh, cố làm cho chàng hiểu rằng con gái nhà mình có “lòng dạ sắt đá” nhưng vẫn không lay chuyển được quyết tâm của chàng. Khó chịu trước những đêm nhạc kéo dài không dứt, ngài đại tá Aureliano Buendía đã đe dọa dùng báng súng lục để chữa cho chàng cái bệnh tương tư.

Không gì có thể buộc chàng phải từ bỏ mối tình si ấy, ngoại trừ tình trạng loạn trí đáng thương của chính mình. Từ một người đàn ông hào hoa và đứng đắn, chàng trở nên xấu tính và rách rưới. Người ta đồn rằng chàng đã từ bỏ quyền lực và của cải ở quê hương xa xôi của mình, mặc dù trên thực tế không một ai biết đích xác nguồn gốc của chàng.

Chàng trở nên người hay cãi vã người chạy bàn trong cái quán giải khát, và rồi một hôm thức dậy người đầm đìa cứt đá của chính mình ngay trong tiệm bác Catarino. Điều đáng buồn nhất trong tấm thảm kịch của chàng là Remedios – Người đẹp không bao giờ để ý đến chàng ngay cả khi chàng xuất hiện trong tư thế một hoàng tử ở nhà cô. Cô thản nhiên nhận bông hồng vàng không hề có ý xấu mà đúng hơn còn thích thú trước cử chỉ quá ư hào phóng của chàng, và cô vén tấm mạng lên cốt để nhìn rõ mặt chàng chứ đâu phải để chàng nhìn thấy mặt mình.

Thực ra, Remedios – Người đẹp không phải là một người thuộc cõi thế tục này. Cho đến ngay khi cô đã quá tuổi dậy thì khá lâu rồi, Santa Sofía de la Piedad vẫn còn phải tắm và mặc quần áo

hầu cô, và ngay cả khi cô đã có ý thức về mình rồi bà vẫn cứ phải để mắt canh chừng kéo cô lấy cút mình vẽ những con vật lên tường nhà. Hai mươi tuổi đầu rồi mà cô vẫn chưa học đọc và học viết, vẫn chưa ngồi vào bàn ăn và tự dùng lấy thìa nĩa, vẫn cứ để truông thốn thẹn đi lại trong nhà, bởi vì bản thể con người cô không chịu được bất cứ hình thức lễ nghi nào. Khi người chỉ huy trẻ tuổi của đội gác thổ lộ tình yêu với cô thì cô đã đơn giản cự tuyệt anh vì những lời nói nông nổi của anh khiến cô quá đỗi ngạc nhiên.

“Bà thấy chưa, sao mà anh chàng ấy ngốc thể”, cô nói với Amaranta. “Anh chàng bảo cháu là anh chàng đang chết vì cháu, làm như thể cháu là thứ bệnh thổ tả không bằng”.

Khi thấy anh ta quả nhiên chết bên

cửa sổ phòng mình, Remedios – Người đẹp đã khẳng định lại cảm giác lúc ban đầu của mình:

– Bà thấy chưa? – cô nói về bình phẩm, – anh chàng quả là ngốc!

Dường như có một sự thông minh sắc bén nào đó đã cho phép cô gái nhìn ra bản chất các sự vật ẩn sau bất kỳ hiện tượng nào. Theo cách nhìn của đại tá Aureliano Buendía thì Remedios – Người đẹp không phải là người chậm phát triển trí tuệ như người ta vẫn tưởng, mà hoàn toàn ngược lại. “Nó cứ như người vừa trở về sau hai mươi năm lặn lội trong chiến tranh”, ngài vẫn thường nói như vậy. Về phần mình, Úrsula cảm tạ Thượng đế vì Ngài đã thưởng cho gia đình cụ một cô gái cực kỳ trong trắng, nhưng đồng thời cụ lại lo âu trước sắc đẹp của nó, bởi vì cụ cho đó như là một lực lượng siêu nhiên

đầy mâu thuẫn, một cạm bẫy của quỷ dữ nằm ngay giữa cái thiện chân. Vì thế mà cụ quyết chí tách cô ra khỏi cuộc sống, bảo vệ cô trước mọi ý muốn thế tục mà không hay rằng Remedios – Người đẹp, đã được miễn dịch trước mọi thói xấu của con người ngay từ trong bụng mẹ. Chưa bao giờ cụ nghĩ rằng người ta sẽ chọn cô chất gái của mình làm hoa hậu ngự trị nơi trung tâm vũ hội Carnival. Nhưng Aureliano Segundo, rất thích thú được trá hình con hổ, đã mời cha Antonio Isabel về nhà để thuyết phục cố nội mình rằng vũ hội Carnival không phải là một ngày hội đa thần giáo mà là ngày hội truyền thống của đạo Thiên Chúa. Cuối cùng tuy vẫn còn hậm hực cụ phải nghe theo lời cha xúi đồng ý để người ta phong hoa hậu cho cô chất gái.

Tin đồn rằng Remedios Buendía sẽ làm chủ ngày hội đã lan đi khắp vùng đồng lầy, bay tới tận những hang cùng ngõ hẻm vốn là nơi sắc đẹp lừng danh của cô vẫn chưa được biết tới và nó gây nên nỗi lo lắng cho những ai đến lúc này còn nghĩ rằng tên họ của cô là biểu tượng cho sự bại hoại. Đó là một nỗi lo không có cơ sở. Nếu có ai trong lúc đó không còn đáng lo ngại nữa thì người đó là ngài đại tá Aureliano Buendía, một cụ già buồn bã, ngày một để mất dần mối liên hệ giữa mình với thực tại đất nước. Giam mình trong xưởng kim hoàn, mối liên hệ duy nhất của ngài với bên ngoài chính là việc buôn bán những chú cá vàng. Một trong số những người lính từng canh gác ngôi nhà đại tá khi hòa bình mới lập lại, ngày ngày đi tới các làng lân cận bán cá vàng và trở về nhà khuôn theo tiền vàng và tin tức.

Có tin nói rằng chính phái Bảo hoàng được sự giúp đỡ của phái Tự do đã làm lại luật pháp để mỗi vị Tổng thống có quyền ở ngôi trong khoảng trăm năm. Có tin nói rằng một bản thỏa ước với tòa thánh Vatican đã được ký kết và nói rằng một vị Hồng y Giáo chủ đội vương miện lấp lánh kim cương, cưỡi trên một ngai bằng vàng cũng đã từ thành Roma đến và các vị bộ trưởng thuộc phái Tự do đã cho chụp ảnh buổi lễ họ quỳ gối hôn lên chiếc nhẫn của ngài. Có tin nói rằng cô đào cảnh của một gánh hát Tây Ban Nha, trong đêm nghỉ lại ở thủ đô, đã bị một toán người đeo mặt nạ bắt cóc ngay trong phòng ngủ và ngay ngày chủ nhật cô ta đã khỏa thân khiêu vũ ở nhà nghỉ mát của ngài Tổng thống nước Cộng hòa. “Chớ có nói chuyện chính trị với ta?”, ngài đại tá nói với người lính. “Vấn đề của chúng ta là bán cá vàng”. Lời đồn đại

nói rằng sở dĩ ngài đại tá không muốn hay biết gì về hoàn cảnh đất nước là vì ngài đã làm giàu nhờ xưởng kim hoàn của mình, khi đến tai Úrsula đã khiến cụ phải bật cười với cảm quan thực tế rất sắc nhạy của mình, cụ không thể hiểu được công việc kinh doanh của ngài đại tá hết đối những con cá vàng lấy những đồng tiền vàng, để rồi sau đó lại biến những đồng tiền vàng thành những con cá vàng và cứ như thế luân hồi mãi theo cách thức: càng phải lao động nhiều hơn khi bán được nhiều hơn để thỏa mãn cái vòng luẩn quẩn vô vọng.

Quả thế thực, đối với ngài đại tá điều khiến ngài thích thú không phải là kinh doanh mà là lao động. Ngài phải tập trung tâm tưởng đến cao độ để xếp các vảy, để khảm con người vàng bé tin hìn vào đôi mắt, để dát mỏng các vảy trước vảy sau,

để cắm đuôi cho con cá, mà do đó trong tâm tưởng ngài không có chỗ trống để cho nổi thất vọng vì chiến tranh lẫn vào. Cái nghề nghiệp kỳ khu tỉ mỉ đòi hỏi ngài phải dốc hết trí lực đã làm cho ngài già khom đi rất nhanh, nhanh hơn tất cả những năm tháng chinh chiến gian lao cộng lại, tư thế ngồi làm việc đã vặn cong sống lưng ngài và con người mắt ngài đã mờ đi mất hết sức nhìn, nhưng sự tập trung tư tưởng cao độ trong công việc đã trọng thưởng ngài, cho ngài một tinh thần thanh thản. Lần cuối cùng người ta thấy ngài quan tâm tới một vài vấn đề có liên quan đến chiến tranh, ấy là khi các cựu chiến binh của cả hai chính đảng đã cầu viện sự giúp đỡ của ngài để đòi chính phủ phải thông qua lương hưu chiến tranh, một thứ lương luôn luôn được hứa hẹn nhưng cũng luôn luôn ở tình trạng mới khởi sự công việc. “Các

ngài hãy quên quách nó đi”, ngài nói với họ. “Các ngài thấy đấy, ta đã từ chối nó để tránh phải đau khổ trong mỗi mòn trông đợi cho đến chết”. Lúc đầu, đại tá Gerineldo Márquez đến thăm ngài vào tất cả các buổi chiều, cả hai ngồi ở cửa nhìn ra đường để cùng nhớ lại quá khứ của mình.

Nhưng Amaranta lại đau khổ không thể ghìm được những kỷ niệm xưa được gợi lại do chính người đàn ông mệt mỏi mà cái đầu hói của ông ta đã đẩy ông ta vào vực sâu của sự già trước tuổi, và do đó bà đã làm khổ ngài bằng những cái không đâu, cho đến khi ngài chỉ đến chơi nhà vào những dịp đặc biệt rồi thì không đến nữa vì bệnh bại liệt buộc ngài phải nằm yên một chỗ. Lầm lỳ, lặng lẽ, không hề nhận ra luồng gió mới đầy sinh khí đang lộng thổi trong nhà mình, ngài đại

tá Aureliano Buendía hầu như mới chỉ hiểu được rằng cái bí mật của một tuổi già bình yên không phải là cái gì khác mà chính là sự gắn bó sâu sắc với cái cô đơn. Ngài thức dậy vào lúc năm giờ sáng sau khi ngủ giấc ngủ chập chờn, uống tách cà phê không đường vốn gắn với cả đời ngài, sau đó tự giam mình trong xưởng kim hoàn, rồi đến bốn giờ chiều, ngài kéo lê chiếc ghế đẩu đi dọc theo hành lang mà không hề nhìn vườn hồng đỏ rực hoa, không hề để ý tới vẻ kiên nhẫn đầy nghị lực của Amaranta mà mỗi buồn của bà đang đổi theo một tiếng động kêu u u được cảm nhận vào lúc chiều xuống, rồi ngài ngồi ở trước cửa nhìn ra đường cho tới khi muỗi đốt dữ dội mới thôi. Đôi lúc có người nào đó dám làm khuấy động nỗi cô đơn của ngài.

Có khỏe không, ngài đại tá? – họ hỏi ngài khi đi qua.

Vẫn thế, – ngài trả lời. – Tôi đang đợi đám tang của mình đến.

Vậy là nỗi lo ngại được gây nên bởi sự xuất hiện lại một cách công khai của họ Buendía qua việc phong hoa hậu cho Remedios – Người đẹp đã mất đi những cơ sở thực tiễn của nó. Tuy nhiên, rất nhiều người không tin như vậy. Ngay thơ trước thảm họa đe dọa mình, dân chúng đổ xô về quảng trường lớn trong niềm tin ồn ào khôn xiết. Vũ hội Carnival đã đạt tới đỉnh cao cuồng nhiệt, còn Aureliano Segundo thỏa chí với việc mình giả dạng con hổ, và anh sung sướng đi giữa đám đông tự buông thả, mà gào mà hát tới khản cả cổ họng. Ngay khi đó, trên con đường từ đầm lầy dẫn vào thị trấn xuất hiện một đoàn người giả trang đủ màu

đủ vẻ, rước cỗ kiệu thếp vàng trên đó có một cô gái đẹp lộng lẫy đến mức người ta không dám nghĩ tới. Những cư dân hiền lành của thị trấn Macondo cùng một lúc gỡ bỏ mặt nạ để có thể nhìn rõ hơn cô gái lộng lẫy trong chiếc vương miện gài ngọc bích và chiếc áo khoác bằng lông điêu thừ²⁴, dường như cô là một hoàng hậu đích thực chứ không phải là một hoa hậu trong vũ hội giả trang Carnival. Không thiếu người có lý trí sáng suốt đủ để nghi ngờ rằng đoàn người đó đang định khiêu khích. Nhưng Aureliano Segundo đã ngay lập tức vượt qua được tình trạng rắc rối phức tạp này, và anh tuyên bố rằng những kẻ mới đến là khách mời danh dự, rồi anh trịnh trọng đặt Remedios – Người đẹp và hoàng hậu đóng giả cùng ngồi trên đài cao. Đến nửa

24 Tiếng Anh: Ermine, một giống chồn sống ở Bắc Mỹ và lục địa Á Âu. Không rõ dịch giả chọn từ điêu thừ từ đâu.

đêm, những người lạ mặt giả trang người Bedouin²⁵ tham gia các trò vui ngây ngất của đêm hội và họ đã khiến trò vui thêm phong phú hơn với thuật hỏa công rực rỡ và cả các trò ảo thuật leo dây khiến mọi người nghĩ đến các trò chơi màu nhiệm của người digan. Bỗng nhiên, trong lúc đêm hội đang náo nhiệt nhất, có một người nào đó đã phá vỡ không khí hội hè đầm ấm.

Đảng Tự do muôn năm! – anh ta hô.
– Đại tá Aureliano Buendía muôn năm!

Những tràng súng nổ đã dập tắt ánh sáng rực rỡ muôn màu của pháo hoa, những tiếng kêu thất thanh đầy hoảng sợ đã bóp nghẹt âm nhạc rộn ràng, và nỗi sợ hãi đã xua tan niềm vui.

25 Người Ả-rập du cư thường sống ở nước họ hoặc sống rải rác ở Syria hoặc ở Châu Phi xích đạo.

Nhiều năm sau này dư luận vẫn tiếp tục khẳng định rằng đội lính hoàng gia bảo vệ hoàng hậu đóng giả là một trung đội lính thường trực từng giấu vũ khí thông thường bên dưới bộ áo đẹp dễ của người Bedouin. Trong một thông cáo đặc biệt chính phủ phản đối dư luận trên và hứa sẽ tiến hành điều tra dứt khoát vụ đổ máu này. Nhưng sự thật chẳng bao giờ được làm sáng tỏ, còn lời giải thích rằng đội cận vệ hoàng gia không hề có biểu hiện khiêu khích nào, đã tác chiến theo mệnh lệnh của viên chỉ huy và đã nổ súng không thương tiếc vào đám đông thì vẫn dai dẳng tồn tại mãi. Khi trật tự được lập lại, cả thị trấn này không còn bóng dáng một người Bedouin giả dạng nào, trên quảng trường còn lại những kẻ bị thương và những xác chết, trong đó

có ba thằng hề, bốn người đóng vai Columbine, mười bảy hoàng đế, một con quỷ, ba nhạc công, ba hoàng hậu Nhật Bản. Trong lúc hỗn độn đầy hoảng sợ, José Arcadio Segundo đã kịp cứu thoát Remedios – Người đẹp, và Aureliano Segundo kịp ôm lấy cô gái đóng giả hoàng hậu với quần áo xộc xệch, chiếc áo khoác lông điều thủ đấm máu để chạy trốn. Cô gái tên là Fernanda del Carpio. Người ta đã chọn cô trong số năm ngàn cô gái đẹp nhất nước và mang cô đến Macondo với lời hứa sẽ phong cô là hoàng hậu xứ Madagascar. Úrsula chăm sóc cô như chăm sóc con gái mình. Dân làng, đáng lẽ sẽ hoài nghi về ngây thơ của cô thì lại thương hại đức tính chân thực của cô gái. Sáu tháng sau vụ thảm sát, khi những người bị thương đã bình phục hẳn và

những bông hoa cuối cùng để ở mộ chung đã héo, Aureliano Segundo đã đi tìm cô ở một thành phố xa xăm, nơi cô đang sống với cha mình, rồi sau đó cưới cô ở thị trấn Macondo trong một tiệc vui ồn ã kéo suốt hai mươi ngày.

